**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 39/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

**Mục Lục**

[Tập 381 2](#_Toc420930952)

[Tập 382 23](#_Toc420930953)

[Tập 383 41](#_Toc420930954)

[Tập 384 61](#_Toc420930955)

[Tập 385 82](#_Toc420930956)

[Tập 386 100](#_Toc420930957)

[Tập 387 124](#_Toc420930958)

[Tập 388 151](#_Toc420930959)

[Tập 389 169](#_Toc420930960)

[Tập 390 195](#_Toc420930961)

# Tập 381

Chuyển ngữ: Lý Hương

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 21.04.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 469, hàng thứ hai đếm từ dưới lên.

*“Phục vô trụ trú gia that, diệc phi định ngôn vô hữu xá trạch dã. Như Phẩm thọ dụng cụ túc trước kia nói: “sở cư xá trạch cực tận nghiêm lệ hoặc tại hư không hoặc tại bình địa túc đăng phi định vô xá trạch dã”.*

Chữ nghĩa ở đây, chúng ta phải đọc cẩn trọng. Đoạn kinh văn này nói về sự thanh tịnh bình đẳng của thế giới Cực Lạc. Đoạn thứ nhất nói về bình đẳng của cảnh giới, cảnh bình đẳng.

“Phục vô” ở trước nói về hoàn cảnh lớn của thế giới Cực Lạc. Đây là thế giới quang minh sáng sủa. Thế giới này vĩnh viễn không có hiện tượng tối tăm hôn ám. Nó không cần mặt trời, mặt trăng, cũng không cần ánh lửa, cũng không có ngày đêm, chẳng có năm tháng ngày. Ở thế giới Cực Lạc không hề có tất cả những hiện tượng này. Trước ddaay chungs ta đọc chú giải của Hoàng Niệm lão, trong ddos ddax giảng rất rõ. Thế gian của chúng ta, do nguyên nhân nào mà có những hiện tượng này? Do vì trái đất, mặt trời, mặt trăng chính là thái dương hệ, hệ ngân hà. Những vận động khác biệt của chúng khiến ta sinh ngộ nhận. Thế giới Tây Phương không có những hiện tượng này. Chỉ có Tinh Cầu. Vì luồng ánh sáng Phật quá lớn, nhất là đỉnh đầu Phật phóng quang. Thực tế thì đức Phật phóng quang khắp toàn thân không chỉ ở đỉnh đầu. Đỉnh đầu chỉ là ví dụ. Luồng ánh sáng Phật chiếu rọi khắp pháp giới. Quí vị sẽ biết luồng sáng của Phật lớn cỡ nào. Ánh sáng của mặt trăng, mặt trời có phạm vi chiếu rọi chẳng lớn, những ngôi sao ta nhìn thấy ban đêm, sao trên trời đều là mặt trời, tự nó phát sáng. Nếu không tự phát sáng, quí vị sẽ chẳng thấy nó. Chúng đều tự phát sáng, và rất nhiều ngôi sao lớn hơn mặt trời cả ngàn lần, thậm chí hơn mười ngàn lần. Vì chúng ở xa ta quá nên ta chỉ thấy chút ánh sáng le lói, không thể so với luồng Phật quang. Ánh sáng Phật chiếu rọi khắp, nhưng hiện giờ nhãn căn của ta bị chướng ngại, không trông thấy thôi. Thật đấy, ta biết giữa các vũ trụ có rất nhiều ánh sáng, mắt ta chỉ thấy một phần trong số đó. Nếu sóng quang dài hơn nơi đây ta sẽ không trông thấy. Sóng quang ngắn hơn ta cũng không thấy. Sóng Phật quang không có dài ngắn, không xa gần hay bị giới hạn, nên ánh sáng mặt trăng mặt trời ở thế giới Cực Lạc y như ta nhìn ánh sáng của sao. Đây là khung cảnh lớn. Thu nhỏ lại nói cũng không có “ trụ trước”, hai từ này phải đọc liền. Trụ là trụ tướng, trước là trước tướng. Trụ trước đều cĩ nghĩa l trước tướng. Người ở đó không trước tướng vào nhà cửa. Điều này thì đúng rồi, không phải không có nhà cửa, không thể nói “phục vô trụ trước gia that”. Trụ trước đọc liền, họ không trụ trước vào gia thất. Chỗ này Niệm lão giải thích rất hay. Không phải nhất định nois người đó không có nhà cửa, người đó không có cung điện, không có lâu đài. Đoạn trước đã bảo rồi. Có, không phải chẳng có. Thế sao chỗ này lại nói là không? Không trụ trước, không có hai từ này. Nhà cửa thì có, nhưng người đó không chấp trước, cho nên người đó mới thanh tịnh, chấp trước thì sẽ không thể thanh tịnh. Quan trọng nhất ở đoạn này là nói về thanh tịnh.

Trong phẩm “thọ dụng cụ túc” phía trước nói rất rõ. Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc sống trong nhà cửa phòng ốc cực kỳ trang nghiêm tráng lệ. Nơi họ cư ngụ hết sức đẹp, cực kỳ đẹp, đẹp đến mức ta không thể nào tưởng tượng nổi. Kẻ có phước báo lớn nhất ở thế gian là vua chúa. Cung điện của đế vương, khi đến Bắc Kinh tham quan Cố cung ta sẽ được thấy. Vẻ huy hoàng của Cố cung giờ không còn. Vì sao thế? Giờ không còn hoàng đế. Vua chẳng còn ngự ở đó nên giữ gìn thế nào cũng khác xa trước kia. Hiện cung điện cũ đi nhiều. Nhiều chỗ không được tu bổ, những vẻ huy hoàng rực rỡ nay không còn được thấy.

Ở cõi Cực Lạc nhà có khi trên không, có cái trên đất bằng, không phải do ý người đó muốn thế. Nếu bảo tôi muốn sống trên không, tôi muốn sống trên mặt đất thì quí vị còn có ý, phiền não của quí vị vẫn chưa dứt bặt. Neen nhớ người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc còn tập khí phiền não nhưng không hề phiền não. Có nghĩa có tập khí phân biệt chấp trước, còn một chút, không nghiêm trọng. Trên thực tế được oai thần của bản nguyện Phật A Di Đà gia trì, đều là Bồ Tát A Duy Việt Trí. Bồ Tát A Duy Việt Trí đâu còn phân biệt chấp trước? Chỉ có tập khí vô thủy vô minh chưa dứt đoạn. Thực tế mà nói tập khí phân biệt chấp trước đã đoạn rồi, không thể nào có ý. Vậy thì sống trên không trung hay dưới mặt đất? Đấy là một tập quán, một thói quen. Thói quen là sao? Tỉ như ta sống trên mặt đất thì khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, nhà cửa của ta nhất định nằm trên đất. Tứ thiên vương, Đao Lợi thiên niệm Phật vãng sanh cũng có nhà trên mặt đất. Đó là thói quen ngụ trên mặt đất. Còn ở cõi Dạ ma thiên trở lên khi vãng sanh, thì do đã quen sống trên không, họ không ngụ dưới đất, cho nên lúc đó, cung điện của họ vẫn ở giữa hư không, thói quen này hết sức tự nhiên, không có ai sắp xếp, chẳng có ai tưởng tượng ra. Hoàn toàn là hiện tượng tự nhiên. Việc này ta không thể không biết. Ở đây nói rõ họ có hoàn cảnh cư ngụ và nơi đó hết sức tráng lệ, cực kỳ đẹp đẽ.

*“Kim ngôn vô giả”.* Đoạn kinh văn này nói không. Tôi cũng vừa nói rất rõ ý này “Vô” nghĩa là không chấp trước. Không trước tướng “bất trước gia thất chi tướng” *“Cực lạc hội chúng”.* Hội chúng chính là cư dân. Thế giới Cực Lạc là một đại hội, một pháp hội. Phật A Di Đà cùng 10 pháp giới, vô lượng vô biên vô tận chúng sanh hữu duyên trong quốc độ của chư Phật. Thế nào là chúng sanh hữu duyên? Tất cả chư Phật không ai không giảng kinh Vô Lương Thọ, không ai chẳng khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu nghe mà tin, nguyện vãng sanh về thế giới tây phương nghĩa là có duyên với đức Phật A Di Đà. Đấy gọi là chúng sanh hữu duyên. Kẻ thì sư phụ ngày ngày khuyên nhủ, đệ tử vẫn chấp tình rất nặng, không chịu vãng sanh. Tôi đã gặp pháp sư học Thiên Thai. Thầy mời tôi giảng kinh A Di Đà. Rốt cuộc thầy thế nào? Thầy ấy không chịu đến thế giới Cực Lạc. Thầy niệm Phật mỗi ngày, niệm Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Chẳng niệm A Di Đà Phật. Không muốn đến thế giới Cực Lạc. Vậy nghĩa là sao? Nghĩa là không có duyên với Phật. Nghe thì có nghe, nhưng không muốn đến. Cũng chẳng phải không tin, chỉ là không muốn vãng sanh. Đức Thích Ca Mâu Ni là ân sư của chúng ta. Thầy nguyện vĩnh viễn theo Phật Thích Ca. Quả có người như thế, tu hành lâu năm đấy, chúng ta hiểu rồi sẽ không thấy lạ nữa.

Đại chúng ở thế giới Cực Lạc, “sở văn giai thị vô ngã chi thanh”. Chúng ta đã đọc qua ở đoạn kinh trên. Nghe Đức Phật thuyết pháp, chim nói pháp, nghe nước chảy nói pháp, nghe gió thổi lá rì rào nói pháp, toàn là tiếng vô thường, vô ngã, khổ không. Đây là giảng pháp tứ đế, luôn nhắc nhở mọi người thâm nhập khổ tập diệt đạo, rõ chân tướng của tất cả pháp thế xuất thế gian.

“Văn tức tương ưng, kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt”, 12 chữ này rất quan trọng. Chúng ta nghe Phật thuyết pháp. Nghe rồi thì sao? Không tương ưng. Tâm chẳng thanh tịnh, vẫn còn phân biệt, còn chấp trước. Cũng có nghĩa là nghe mà không hiểu. Rất khó để nghe hiểu Phật pháp. Hiểu rồi quí vị sẽ chứng quả, quí vị được khai ngộ. Vì sao không hiểu? Việc này chúng tôi cũng bàn luận rất nhiều. Nghĩ đến chuyện đó chắc chắn ta sẽ nhớ lời giáo huấn của đại sư Ấn Quang, ngaif dạy rằng: “một phần thành kính được một phần lợi ích, 10 phần thành kính sẽ được 10 phần lợi ích, 1000 phần thành kính sẽ được 1000 phần lợi ích, vạn phần thành kính, được vạn phần lợi ích.” Giờ chúng ta không có tâm thành kính nên chẳng được một phần lợi ích nào. Thành kính là chân tâm, là tự tánh. Chúng ta làm cách nào để nuôi dưỡng tâm thành kính của ta? Trong xã hội hiện nay thì việc đó quá khó. Vì sao vậy? Vì không ai dạy. Chẳng những quí vị chưa từng thấy, cũng chẳng được nghe qua. Từ điểm này tự nhiên chúng ta sẽ nhớ đến lời dạy năm xưa của Đức Thế Tôn. Sau khi Phật diệt đo, những đệ tử của ngài đi khắp nơi hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh. Có những nơi sau một hai trăm năm là không còn Phật pháp. Có những nơi sau ba, bốn, sáu bảy trăm năm Phật pháp cũng chẳng còn. Chỉ ở Trung Quốc, nhánh Phật giáo truyền đến Trung Quốc đã gần 2000 năm vẫn tồn tại. Nguyên nhân vì sao? Vì người Trung Quốc có tâm thành kính. Người Trung Quốc lơ là với tâm thành kính, cũng khoảng hơn 100 năm nay, cho nên Phật pháp biến mất.

Trung Quốc xa xưa, ngàn vạn năm rồi trẻ con chưa ra đời, thì đã được mẹ dạy từ trong bào thai, gọi là thai giáo. Bà mẹ dạy gì? Dạy con thành kính. Tâm của mẹ chân thành, cung kính với tất cả người và vật, thì sự thành kính đó tác động đến thai nhi. Đến khi đứa bé ra đời, mắt hé mở nhìn thấy, tai dỏng lên nghe thấy, cha mẹ trước mặt bé bày tỏ lòng thành kính của mình. Bày tỏ những gì? Đệ tử quy, là một tập đại thành dạy đạo nhà. Từ đầu đến cuối, 1080 chữ trong Đệ tử quy toàn là dạy thành kính, chân thành cung kính. Ngạn ngữ có caau: “ba tuổi biết 80, 7 tuổi định chung than”. Ba tuổi nghĩa là bé đã học thành kính được 1000 ngày. Từ lúc sinh ra đến 3 tuổi là một 1000 ngày, cha mẹ ngày nào cũng thể hiện cho bé xem. Bé đã nắm được thì đến năm 80 cũng sẽ không thay đổi. Luôn cung kính với cha mẹ, luôn cung kính với người trên, luôn cung kính với anh chị em, luôn cung kính với tất cả mọi người. Thậm chí cung kính e dè cả với cỏ cây hoa lá, với tự nhiên. Mẹ đã dạy bé như thế. Quí vị không dạy con từ bé, đến khi bé 4, 5, 6, 7 tuổi quí vị mới dạy thì không còn kịp nữa, trễ rồi. Đã qúa kì hạn để cho cách giáo dục này mọc rễ trong lòng bé. Người Trung Quốc xưa hiểu nguyên lý này. Cho nên mấy ngàn năm qua xã hội Trung Quốc ổn định lâu dài, khác với thế giới phương tây. Phương tây luôn động loạn. Cục diện xã hội Trung Quốc thì ổn định. Mỗi khi triều đại thay nhau, ít nhất cũng được ổn định từ 100 đến 150 năm. Điều này khiến cho những người nước ngoài khi học lịch sử Trung Quốc đều hết sức kinh ngạc, hết sức khâm phục. Cho nên tôi thường nói người Trung Quốc biết giáo dục con nhất. Họ có lý thuyết giáo dục, có phương pháp giáo dục, có kinh nghiệm, có hiệu quả giáo dục. Chúng ta đã lơ là truyền thống này rồi, thường thì cũng không quá 200 năm. Chính Từ Hi Thái Hậu đã lơ là, bà ấy rõ ràng đã quên mất hai chữ thành kính. Bao đời đế vương trước mặt Tam Bảo đều xưng là đệ tử. Chỉ mỗi mình Thái Hậu xưng là Lão Phật Gia. Nói cách khác bà ta ở trên cả Phật và Bồ Tát. Việc này hiện nay xem như đại bất kính. Sao bà ta có thể làm thế? Trên làm dưới noi theo. Dần dần tâm cung kính đối với Phật, với pháp suy đi. Khi nhà Thanh chấm dứt đến thời kì Dân Quốc lên, thì không chỉ chẳng thấy thái độ cung kính này, cả danh từ cũng không còn được nghe. Hiện nay chẳng còn nghe được từ thành kính. Có ai nói đến? Cho nên xã hội loạn lạc, trái đất đầy thiên tai, vấn đề nảy sinh liên tục. Chính Từ Hi Thái Hậu đã gây ra mối họa này, chẳng còn chối vào đâu được. Nhưng chúng ta phải hiểu nếu không thể khôi phục cách thai giáo của thánh hiền ở Trung Quốc xưa, thì xã hội này liệu có còn sinh ra những bậc thánh hiền quân tử chăng? Phục hồi thai giáo được không? Được, chẳng phải không được. Những bà mẹ trẻ ai chẳng yêu con? Yêu con nhưng không biết cách dạy con. Nếu nhà nước có chính sách giáo dục người phụ nữ mang thai, dạy bà mẹ cách thai giáo, cách dạy trẻ sơ sinh, cách tạo gốc rễ thánh hiền sâu dày nơi trẻ suốt ba năm đầu tiên, thì bà mẹ có thích không? Nhất định là phải thích. Chỉ cần dạy bà mẹ như thế này 3 tháng là đủ. Chỉ cần học 3 tháng bà mẹ sẽ nắm hoàn toàn. Khởi tâm động niệm của bà mẹ sẽ thuần khiết chân chánh. Trong 10 tháng mang thai, bà mẹ không hề có ý nghĩa xấu. Ngôn ngữ hành động cử chỉ luôn đoan trang, sẽ tác động đến thai nhi. Người đời xưa hiểu điều này, dù là kẻ ở quê không biết chữ cũng hiểu. Vì tổ tiên đời đời truyền dạy như thế nên họ hiểu.

Cho nên quí vị xem trong điển tịch của Trung Quốc, bao triều đại trong Tứ Khố Toàn Thư, tuy thời thế loạn lạc nhưng luôn có thánh hiền, chánh nhân quân tử. Những vị này do được giáo dục mà ra. Phật Bồ Tát cũng do được chỉ dạy mà thành.

“Văn Tức Tương Ưng” câu này hết sức quan trọng. Tương ưng là tâm thanh tịnh thì không còn phân biệt. *Đã không còn ta thì đâu có nhà cửa của ta?* Có ta hay không? Sao ta lại không có, đương nhiên là có. Có, sao lại bảo là không ta? Do không còn chấp trước. Tôi vẫn còn thân này, đâu phải không có than, nhưng tôi không chấp trước thân này là tôi, cũng có nghĩa là tôi không còn suy nghĩ ích kỷ, tự tư tự lợi, ddấy chính là vô ngã. Khởi tâm động niệm đều nghĩ cho người khác, nghĩ cho xã hội, nghĩ cho đất nước, nghĩ cho toàn thế giới, chứ không nghĩ cho chính mình, như thế gọi là vô ngã. Không chấp trước vào thân thì sao còn có thể chấp trước vào nhà cửa nơi tấm thân này cư ngụ? Đương nhiên là sẽ không chấp trước nữa. Và không chấp trước thì những nhà cửa này từ đâu ra? Ở đy chúng ta phải thiết kế, phải thi công mới có nhà. Ở thế giới tây phương Cực Lạc thì không cần. Nếu ta như người ở tây phương, thì thật không còn chấp trước, chẳng còn phân biệt, những nhà cửa chúng ta trú ngụ sẽ cực kì xa hoa tráng lệ như trong kinh nói. Chẳng cần phải thiết kế, thi công gì cả. Cứ tự nhiên mà hiện ra. Đấy là sao? Là do tánh đức. Tánh đức từ trong tự tánh lưu xuất ra. Có thật không hề giả tạo. Phải biết thế giới Cực Lạc chẳng khác biệt với thế giới chúng ta mình và người chẳng phải hai. Nếu chúng ta có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt chấp trước thì chúng ta chẳng khác gì với Đức Phật A Di Đà. Vậy thì nơi ở của chúng ta đương nhiên chẳng khác gì thế giới Cực Lạc. Đấy là đạo lý nhất định rồi! Sao lại có thể sai biệt được? Người ở thế giới Cực Lạc nếu có phân biệt, chấp trước vậy thì sẽ y như ta. Chúng ta mà không còn phân biệt chấp trước thì sẽ giống y họ. Cho nên quí vị nghĩ xem, chấp trước tốt hay không chấp trước tốt? Phân biệt hơn hay chẳng phân biệt hơn? Quí vị để tâm tư duy quan sát, thì quí vị sẽ hiểu.

Những câu dưới này nói rất rõ. “Cố ư sở cư xá trạch”, nhà cửa cư ngu, *“vô hữu chấp trước, cố vân phục vô chấp trước gia thất dã. Phục nhân nhân giai vô ngã”,* người đó không chấp vào tướng ngã, nên tất cả đều không cần tên gọi. Chúng ta thì phải có tên. Quí vị ở đâu phải có tên đường, phải có số nhà bao nhiêu, số mấy l nh của quí vị. Vậy tất cả khoong chấp trước, ngay cả ta cũng không còn, cho nên tất cả danh hiệu đều không còn. Tất cả danh hiệu khơng cịn nữa, vậy thì lamf sao nhận ra được ông Trương, ông Lý? Có nhầm lẫn không? Không hề. Chắc chắn không nhầm lẫn. Ví dụ như các cơ quan bộ phận trên thân ta. Mắt chẳng phải tai, tai đâu phải mũi. Không chấp trước tất cả rồi thì mắt vẫn là mắt, mắt chẳng biến thành tai, tai cũng chẳng là mũi. Nên tuyệt đối không lầm được. Người ở thế giới Cực Lạc có thân và mặt mũi giống nhau hoàn toàn. Thể chất tương đồng, tướng mạo hoàn toàn tương đồng. Đều là thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Đến nơi đó, đông như thế, ai là Phật A Di Đà, ai là Quan Âm Bồ Tát. Quí vị có thể nhận ra không? Gioongs nhau cả. Nhận ra được chứ, chẳng hề có chút khác biệt nào. Não người tài giỏi hơn máy tính nhiều. Máy tính có lúc còn hư hỏng, ddeens khi ddos công năng của óc quí vị thì sẽ được phát triển hoàn toàn. Giới khoa học thường nói hiện chúng ta chỉ sử dụng 1,2% công năng của bộ óc. 90 mấy % không dùng đến. Khi quí vị đến Cực Lạc thì công năng của bộ óc sẽ được khai thác hết. Vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông thì sao mà nhầm lẫn được!

“Thượng”, ở trên thể hiện hoàn cảnh cư ngụ không hề phân biệt, và *cảnh quan kỳ diệu này từ trí tâm li thủ xả phân biệt mà ra*. Câu nói này rất hay. Tâm tịnh tắc quốc độ tịnh. Nhất là với những người tu pháp môn Tịnh đddộ. Nhất định quí vị phải biết mình đang tu gì. Quí vị đang tu tâm thanh tịnh chứ không phải thứ khác. Vậy ta dùng cách gì để tu? Hiện đại đa số dùng cách trì danh niệm Phật. Có thật trì danh niệm Phật sẽ được tâm thanh tịnh chăng? Nếu niệm nhiều năm mà tâm thanh tịnh vẫn chưa thấy, thì chúng ta phải suy nghĩ. Nếu niệm Phật mà không thấy hiệu quả, thì chắc chắn đã có vấn đề. Chẳng phải vấn đề của kinh điển, tuyệt đối không phải do cách chú giải của các bậc cao tăng. Vấn đề ở ngay chính chúng ta. Chúng ta đã làm méo mó nghĩa của kinh văn vaf chú giải của chư vị tổ sư, cho nên mới không hiệu quả. Nếu thật chánh tri chánh kiến, sao có thể không có tâm thanh tịnh? Quí vị có được tâm thanh tịnh thật sư, thì chắc chắn trí huệ của quí vị tăng trưởng, phiền não sẽ nhẹ đi, pháp hỉ sẽ sung mãn, quí vị sanh tâm hoan hỉ. Lúc đó mới biết Phật pháp rất chân thật, không hề giả tạo. Nhưng phần lớn đều không có hiệu quả rõ rệt.

Mấy bữa nay, thầy gio Hồ Tiểu Lâm ở Bắc Kinh đến đây thăm tôi. Thầy nois với tôi 4 tháng nay thầy niệm Phật. Do trước kia công phu niệm Phật của thầy không đắc lực, nên niệm hết sức vất vả. Thầy xem Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao xong, thì cảm nhận thật sự về 10 cách niệm mà Ấn Quang đại sư hướng dẫn. Thầy học hỏi và thực tập nghiêm túc 4 tháng, và hiệu quả rất tuyệt vời. Tôi mời thầy báo cáo trong học hội của chúng ta, để chia sẻ với mọi người, vì chuyện đó vô cùng quan trọng. Lời của Ấn Quang đại sư chắc chúng ta đều biết, nhưng không chịu thực hiện. Phải dùng tâm tính đếm. Câu niệm Phật phải từ trong tâm sinh ra, từ miệng niệm ra, để tai nghe được, tất cả phải hết sức rõ ràng. Tâm sinh ra rõ ràng, miệng niệm rõ ràng, tai nghe rõ. Lại cộng thêm tính số từ 1 đến 10. Lúc mới bắt đầu tốt nhất niệm chậm, chớ có nhanh, vì nhanh sẽ không nhớ kịp. Dùng chuỗi niệm thì sẽ phân tâm, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Cứ từng câu từng câu như thế. Câu nào cũng rõ rng, và nhẩm số trong đầu, câu này là câu Phật hiệu thứ mấy. Từ 1 đếm đến 10, nhưng từ 1 đến 10 không dễ, quí vị sẽ quên, mà quên thì tính lại từ đầu. Thật chẳng có cách nào, thì đddại sư dạy ta chia làm hai đoạn: từ 1 đến 5 nhớ thật ky, kế đó nhớ thật kỹ từ 6 đến 10. Dùng cách này không phải 1, 2, 3, 4, 5 rồi 1, 2, 3, 4, 5, vẫn đủ 10 câu. Trước 5 câu 1, 2, 3, 4, 5 sau 5 câu 6, 7, 8, 9, 10. Quí vị phải tính như vậy đó. Niệm xong 10 câu lại đến câu thứ 1, câu thứ 2, câu thứ 3 như thế. Rất nhiếp tâm. Vì khi niệm Phật tạp niệm quá nhiều, vọng niệm lung tung. Dùng cách này thì có thể nhiếp vọng niệm lại. Chính là “Đô nhiếp lục căn” mà Đại Thế Chí Bồ Tát nói. Phương pháp này có 3 cái rõ rệt. “A Di Đà Phật” từ này rõ. Nghe rõ thì niệm rõ. Nghe rõ thì đếm rõ. Hễ có khó khăn thì quí vị cứ dùng cách tính 3, 3, 4. Đoạn thứ nhất 3 câu 1, 2, 3. Đoạn thứ nhì 3 câu 4, 5, 6. Đoạn thứ ba 4 câu 7, 8, 9, 10. Quí vị dùng phương pháp này gọi là “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, do Đại Thế Chí Bồ Tát dạy. Quí vị cứ thử xem.

Khi Hồ Tiểu Lâm báo cáo thì Hồ Cư Sĩ đứng ở bên nắm bắt được. Cô đã thử trong mấy ngày và bảo với tôi là rất hiệu quả. Quả thực không như nhau, tâm hoan hỉ sinh ra rồi. Đương nhiên nhân tố quan trọng nhất, phương pháp chỉ là trợ duyên, nhân tố quan trọng nhất là quí vị buông xả được, buông bỏ thật sự. Đó mới là nhân chân thật, khi buông xả sẽ được tự tại, được vui vẻ y như người ở thế giới Cực Lạc vậy! Người ở đó có gì khác với chúng ta? Chính là họ đã buông xả được. Chúng ta thì chẳng chịu buông bỏ gì cả. Quả thật hễ buông xả hết thì chẳng khác biệt gì so với người ở Cực Lạc. Họ cực vui chúng ta cũng cực vui. Quan trọng là buông bỏ. Buông bỏ nhất định phải nhìn thấu, biết thế giới này đều là giả tạm, chẳng có gì là thật, thì quí vị mới buông hết được. Không buông xả được chính là do quí vị thấy là thật, đã sai lầm.

Cho nên giới khoa học hiện nay rõ là thông minh hơn chúng ta, họ biết chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ. Tuy cái biết không thuần chánh, không đến được cảnh giới của Phật và Bồ Tát, nhưng họ đã tiếp cận được. Nhất là khoảng 30 năm gần đây, các nhà vật lý học dù là vật lý không gian, hay lượng tử lực học, thế giới vi mô đều có những thành tựu hết sức khả quan. Họ đã có những báo cáo cho ta biết, trong vũ trụ căn bản chẳng tồn tại cái gọi là vật chất. Đấy là lời của Phổ Lng Khắc, nhà vật lý người Đức. Ông vốn là thầy của Einstein. Cả đời nghiên cứu về phân tử, về hạt cơ bản, cuối cùng phát hiện ra lượng tử. Ông bảo trong vũ trụ chỉ có ba thứ mà tất cả đều phải công nhận. 1 là hiện tượng vật chất, hai là hiện tượng tinh thần, ba là hiện tượng tự nhiên. Vì sao ông lại cho hiện tượng vật chất là giả? Nền tảng của vật chất là ý niệm, vì có ý nghĩ mới sinh ra hiện tượng vật chất. Nếu không có ý nghĩ thì hiện tượng vật chất cũng không còn. Vậy thì vật chất tồn tại nói cách khác là do suy nghĩ của quí vị không hề dứt đoạn. Điều này hoàn toàn tương đồng với lời Phật giảng trong kinh điển Đại Thừa. Ta đã học 2 lần Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán do Hiền Thủ quốc sư trước tác. Nếu theo văn phong hiện nay thì laf luận văn, baif luận văn này không dài, đã nêu được chân tướng của vũ trụ. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhất thể là tự tánh. Hiện nay khoa học và triết học chưa phát hiện ra tự tánh. Nếu phát hiện được tự tánh thì sẽ hoàn toàn tương đồng với Phật pháp. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng là gì? Chính là “năng sinh vạn pháp” mà Huệ Năng đại sư nói đến. Nhị dụng, thứ nhất là vũ trụ, thứ 2 là chính mình. Chính là xuất hiện chánh báo cùng y báo. Dù là chánh báo hay y báo thì đều động cả. Cho nên hiện khoa học cũng nói vũ trụ là hiện tượng dao động. Định luật dây cung là hiện tượng dao động. Nó bất động thì vũ trụ không còn, cho nên nó là tướng động. Chấn động vi tế hơn thì tốc độ của nó không thể tính được, không gì có thể so sánh với nó.

Ba hiện tượng của nó, thứ nhất là “chu biến pháp giới”, dù vật chất, dù tinh thần thì mỗi dao động cũng đều chu biến pháp giới. Hiện tượng thứ 2 “xuất sanh vô tận”. Xuất sinh là nói biến hóa. Thứ 3 “hàm dung không hữu” chính là “ tâm bao thái hư, lượng chaau sa giới” mà chúng ta hay nói -hàm dung không hữu. Đấy là lời kinh theo ngôn ngữ hiện đại, trong kinh giảng về vật lý học, giảng về khoa học. Đấy là gì? Đấy là nhận thức, nhận biết. Thực sự hiểu chân tướng sự that, thì quí vị sẽ không khởi tâm động niệm dù với hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần hay hiện tượng tự nhiên. Đương nhiên quí vị không hề phân biệt chấp trước, tiến vào cảnh giới của Phật rồi. Cảnh giới của chư Phật là như thế thôi. Khi nhận thức rõ thì sẽ buông xả được. Nhận thức rõ thì sẽ nhìn thấu suốt như lời Chương Gia đại sư nói. Nhìn thấu rồi quí vị mới có thể buông bỏ. Buông bỏ sẽ giúp quí vị nhìn thấu suốt sâu hơn 1 bậc, và quí vị lại có thể buông bỏ thêm 1 bậc. Năm xưa Chương Gia đại sư bảo tôi: Phật pháp từ sơ phát tâm đến Như Lai Địa chính là phương pháp này. Hai phương pháp này hỗ trợ nhau để thành tựu. Nhìn thấu giúp dễ buông bỏ, buông bỏ giúp nhìn thấu suốt. Từ mới phát tâm đến Như Lai địa, Phật pháp đơn giản và dễ dàng như thế. Nhưng cửa ải đầu tiên là phải nhìn thấu suốt được thân này không phải là ta. Đây là chặng khó khăn nhất. Vì không nhìn thấu suốt, quí vị chấp trước vào thân này, thì tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn đều sẽ từ đó mà ra. Quí vị có thấy uổng cho mình chưa? Chỉ vì nhìn lệch lạc tạo thành sai lầm lớn, gây ra vô lượng vô biên tội nghiệp, biến hiện ra 6 nẻo luân hồi. Luân hồi là giả tạm. Luân hồi do nguyên nhân nào sinh ra? Chính do nguyên nhân này. Nếu quí vị thật sự nhìn thấu buông bỏ thì luân hồi không còn nữa. Chẳng những không còn luân hồi mà cả mười pháp giới cũng chẳng còn. Học hỏi kinh điển đại thừa bao năm qua ta biết, chẳng những không có mười pháp giới, mà cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật cũng là giả tạm, không có thật. Nó từ đâu mà có? Từ tập khí vô thỉ vô minh mà có. Tập khi vô thỉ vô minh dứt đoạn rồi, thì cõi thật báo cũng không còn. Chỉ có một thứ là thật, cõi thường tịch quang là có thật. Coi thường tịch quang là gì? Chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể, thứ này có thật, không sinh chẳng diệt, vĩnh hằng bất biến. Nó không có hiện tượng, nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, cũng chẳng phải hiện tượng tinh thần, chẳng phải hiện tượng tự nhiên. Cho nên khoa học và triết học không thể nào biết được . Chỉ có 1 phương pháp như Phật nói là: duy chứng phương tri. Quí vị chứng đắc rồi thì sẽ rõ, sẽ hiểu. Chứng đắc cách nào? Khoong khởi tâm, không động niệm thì sẽ chứng được. Đấy là cảnh giới cao nhất, cứu cánh viên mãn mà người Ấn gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đến cảnh giới đó thì không phân biệt tâm này hay cảnh này nữa. *“Cảnh trí nhất như, tuyệt chư trần cấu”*. Trần cấu là từ chỉ phiền não. Tất cả phiền não đều chấm dứt, không khởi tâm không động niệm, “*cố vân: duy thọ thanh tịnh tối thượng khoái lạc”*. Cảm thọ này ta không tài nào tưởng tượng ra được. Vì hễ chúng ta nghĩ thì sẽ rơi vào ý thức thứ 6, rơi vào phân biệt chấp trước. Quí vị phải không phân biệt, không chấp trước quí vị mới có thể cảm nhận niềm vui này. Cho nên đọc trong kinh Phật về niềm vui nhưng chungs ta chẳng thể lý giải nổi. Vui như thế nào, không hiểu được. *“Như Xưng Tán tịnh độ Kinh viết: duy hữu vô lượng thanh tịnh hỷ lạc”*. Ý câu đó hoàn toàn tương đồng ở đây.

Ta xem đoạn thứ 2 “sanh chứng Cực Lạc”. Sanh này tức là vãng sanh. Hễ vãng sinh thì quí vị chứng được “duy thọ thanh tịnh tối thượng hỷ lạc”. Vãng sanh thì quí vị chứng được. Chúng ta xem kinh văn.

*Nhược hữu thiện nam tử, Thiện nữ nhân, Nhược dĩ sanh, nhược đương sanh, giai tất trụ ư, chánh định chi tụ, quyết định chứng ư A nậu đa la Tam miệu tam bồ đề.Hà dĩ cố? Nhược tà định tụ, cập bất định tụ, bất năng liễu tri, kiến lập bỉ nhân cố.*

Niệm Lão chú giải: “Hữu văn”. Hơn hai dòng kinh văn bên phải này. *“Nãi Di Đà đệ nhị thập cửu”*. Nguyện thứ 29 trong 48 nguyện, *trụ chánh định tụ nguyện, cùng nguyện thứ 12 thành tựu định thành chánh giác nguyện.* Hoàng Niệm Lão gợi ý với ta câu kinh này vì hết sức quan trọng. Cũng có thể nói đoạn kinh văn ở trên, nói rất rõ “Nhược hữu”, chữ “nhược” là giả thiết. Giả thiết có “thiện nam tử, thiện nữ nhân”. Đấy là điều kiện căn bản. Nói cách khác thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này, giới thiệu thế giới Cực Lạc tây phương. Ngài nói với ai? Với hàng thiện nam tử, thiện nữ nhân. Vì sao vậy? Vì họ nghe xong sẽ tương ưng ngay. Tâm sẽ được thanh tịnh, sẽ được hỷ lạc. Thiện ở đây là có thiện căn, có phước đức. Đủ nhân duyên thiện căn phước đức thì là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Cách giảng thông thường là gồm đủ 10 thiện nghiệp. Nhưng ở đây khác, lời giảng ở đây là thiện căn, phước đức, nhân duyên, 3 điều kiện đều gồm đủ. Vì sao vậy? Vì quyết định người ấy được vãng sanh. “Nhược dĩ sanh” đã vãng sanh về thế giới Cực Lạc rồi. “Nhược đương sanh”, ddương sanh chính là vẫn chưa về Cực Lạc, nhưng đã được quyết định sanh về đó. Tại sao biết người đó được quyết định vãng sanh? Vì họ đã đủ điều kiện để vãng sanh. Cho nên đấy là 2 nguyện của Đức Phật A Di Đà đặc biệt gia trì cho người đó. Người ấy trụ chánh định tụ, định thành chánh giác.

Ở đoạn sau có nói về chánh định tụ này, chẳng phải tà định tụ, không phải bất định tụ. “Chánh định tụ” là gì? Tâm dừng ở câu danh hiệu Phật. Người đó định vào trong danh hiệu Phật A Di Đà. Tôi thường nêu ví dụ về thiền sư Trung Phong. Trong “Tam Thời Hệ Niệm” thiền sư Trung Phong nói: “tâm ta tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta”. Tâm quí vị định vào Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra thì chẳng còn ý nghĩ nào khác. Đấy gọi là trụ chánh định tụ. Công đức này chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta nói câu không thể nghĩ bàn, người thật sự hiểu được chẳng nhiều. Vì sao không thể hiểu được? Vì quí vị không hiểu về cảnh giới này. Một người phàm phu tiếp nhận lời giáo huấn của Đức Phật xong, y theo giáo pháp mà tu hành, quyết định sẽ thành Phật trong đời này, có phi thường không? Thành tựu của lời nguyện thứ 29 và 12 của Phật A Di Đa, đã thể hiện ở thế giới Cực Lạc. Không phải nguyện suông mà thành tựu thật. Thật là cái bia cho tất cả bổn hoài của Phật A Di Đà. Bia là vòng tròn màu đỏ dùng để tập bắn tên, bắn trúng rồi, điểm hồng tâm đó chính là toàn bộ bổn hoài của Phật Di Đà. Hoài là gì? Là nguyện vọng của Ngài. Phật A Di Đà mong tất cả chúng sanh đến được thế giới Cực Lạc, viên mãn thành Phật. Ngài chẳng có nguyện vọng nào khác, chỉ có ước nguyện này thôi. 48 nguyện chính là ước nguyện này. *“Vô lượng diệu hạnh chi thánh quả”.* Nguyện ở trước dẫn dắt chúng ta, nguyện phải hành mới có thể làm tròn được ước nguyện. Quí vị có nguyện maf khoong hanhf, thì nguyện đó là giả, không phải thật. Ở trên chúng ta đã học: Vô lượng diệu hạnh. Phật A Di Đà ở nhân địa dùng thời gian 5 kiếp, khá là lâu. 1 kiếp là 1 lần thế giới thành trụ hoại không, ddấy là một đại kiếp, 5 đại kiếp. Ngài tu gì? Ngài tu 48 đại nguyện. Nguyện nguyện đều tu thành công, nguyện nguyện đều viên mãn. Cho nên thế giới Cực Lạc hiện nay là hiện tượng tự nhiên sinh ra. Quyết định không có khởi tâm động niệm. Dù là y báo trang nghiêm hay chánh báo trang nghiêm cũng không có khởi tâm động niệm, rất tự nhiên. Tự nhiên vì sao không giống nhau? Cung điện cư ngụ có lớn, có nhỏ, có ở trên đất, có ở giữa trời. Theo tôi thì hình dạng cũng chẳng tương đồng. Vì sao vậy? Vì tập khí trong đời quá khứ của mỗi người, họ đã nuôi dưỡng thói quen này. Trước kia có yêu thích, giờ yêu thích chẳng còn, vì khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước đã đoạn rồi. Không còn là yêu thích nhưng là thói quen. Có người thích tu hành trong hang núi. Đến thế giới Cực Lạc thì nhất định là hang núi, núi báu. Người đó sẽ tu trong sơn động. Kẻ thích ở lều tranh đến thế giới Cực Lạc sẽ thấy lều tranh, nhưng cỏ tranh nơi ấy đều là châu báu thất bảo. Tập quán thôi! Có kẻ thích ngụ trong nhà to, người thích ở căn phòng nhỏ. Nơi cư ngụ hoàn toàn tùy theo thói quen, chẳng phải do tưởng tượng. Nếu quí vị bảo người đó tưởng tượng ra thì quí vị lầm rồi. Vậy thì người đó là phàm phu rồi, không phải tưởng tượng đâu. Tự nhiên mà thành đó.

*“Trí bi phương tiện chi cực tắc”.* Trí huệ, bi tâm. Bi tâm là thương xót tất cả chúng sanh vẫn chưa giác ngộ, vẫn còn tạo nghiệp nơi đó, tạo nghiệp thì sẽ có quả báo. Cho nên Phật A Di Đà xây dựng thế giới tây phương Cực Lạc là phương tiện, dùng phương tiện để phổ độ chúng sanh. Phương tiện này đến cực tắc, đến cực xứ, viên mãn đến cực xứ, đẹp tốt đến cực xứ, hiệu quả càng không thể nghĩ bàn.

*“Độ sanh đại nguyện chi cứu cánh”.* Thật sự đã giúp quí vị được viên mãn thành tựu chỉ trong một đời, giúp quí vị quay về với tự tánh. Quí vị thấy có phi thường không? Không quay về với tự tánh có nghĩa quí vị đang lang thang ở bên ngoài, vẫn chưa về nhà. Quê nhà của quí vị ở đâu? Cõi thường tịch quang chính là chốn quê nhà. Các vị phải nhớ thường tịch quang chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Quay về với tự tánh viên minh thể chính là quay về nhà. Đấy mới gọi là công đức viên mãn.

Trong kinh văn có chánh định, tà định cùng bất định - ba tụ. Ba dạng lớn này. Tụ là loại tụ. Nói về 3 tụ, 3 tụ này thường gặp trong Tiểu Thừa cùng kinh luận đại thừa. Đây là điều Phật thường giảng. Cho nên người học Phật pháp quen thuộc với 3 tụ này. *“Đản nội dung sai dị thậm đại”.* Điều này là thật không phải giả. Phật thường dùng danh từ này, giảng với từng hạng người ý tứ sẽ cạn sâu, rộng hẹp khác nhau. Tiểu Thừa như “Câu Xá Luận” nói: “*các bậc thánh từ sơ quả và trên nữa đều là chánh định tu”*. Sơ quả trở lên là từ sơ quả đến A La Hán. Sơ quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, bốn quả vị. Bốn quả đó đều là chánh định.

Đối với Tiểu Thừa, thì phàm phu *“tạo ngũ vô gián nghiệp giả”*, đấy là tà định. Ngoài ra thì giữa chánh định và tà định gọi là bất định. Bất định, hoàn toàn trông vào nhân duyên của người đó. Người đó gần gũi thiện duyên, sẽ được chánh định. Nếu gần gũi ác duyên sẽ biến thành tà định.

Trong xã hội hiện nay thì duyên là gì? Duyên là giáo dục của xã hội. Ta có thể nói giáo dục gia đình, giáo dục trường lớp, giáo dục xã hội, giáo dục tôn giáo đều là duyên. Quí vị nhận được loại giáo dục nào, thì quí vị sẽ thành như thế. Hiện nay giáo dục bị mọi người lơ là xem nhẹ hết sức phổ biến, trong lòng mọi người chỉ có tiền, chẳng còn gì khác. Quí vị xem có quá tệ hại không? Chỉ mong phát tài, phát nổi không? Nếu chỉ mong phát tài mà phát được, thì tooi nois với các vị, Phật và Bồ Tát đều phải theo quí vị học đấy. Vì ngài cũng muốn phát tài, và thánh hiền, chánh nhân quân tử đều theo quí vị hết. Vì sao ngài không theo quí vị học? Vì ngài đã hiểu được chân tướng sự thật, thứ này không cầu mong được. Trong 8 cái khổ thì có khổ vì mong cầu mà không được. Chẳng phải hễ quí vị mong thì sẽ có đâu, cầu bất đắc mà! Vậy bạn sẽ được gì? Số phận quí vị có thì tự nhiên sẽ có, số không có cầu mấy cũng không đến. Việc này không hề giả dối. Xưa kia người đọc sách thánh hiền đều biết đạo lý này, cho nên họ chẳng mong cầu. Khổng Tử rõ đạo lý này, đời ông khá vất vả vì không hề giàu có. Thậm chí ông cũng không thuộc hạng dư ăn dư mặc. Ông sống cuộc sống của dân thường. Trong số học sinh của ông thì Nhan Hồi khó khăn nhất, thiếu đến cả cái bát để ăn, phải lấy tre bện giỏ đựng cơm, dùng quả bầu hồ lô làm ly đựng nước uống. Sống như vậy nhưng Nhan Hồi rất vui, lúc nào cũng tươi cười, chưa bao giờ tỏ thái độ buồn rầu, bực bội. Vì sao thế? Vì ông biết về luật nhân quả. Ông biết nguyên lý bên trong nên ông thuộc dạng chánh định tụ, chẳng phải tà định. Người thường thì khi khổ sở vậy sẽ không chịu nổi, sẽ nghĩ ngợi lung tung, mưu việc hại người để kiếm lợi cho mình, tìm mọi cách trộm cướp của người khác để thỏa mãn dục vọng, vậy là tạo tội nghiệp, thuộc dạng tà định tụ. Khi tạo tội nghiệp thì những gì quí vị kiếm được cũng chỉ là trong số phận đã giành cho quí vị, nếu số không có thì tạo tội cỡ nào cũng chẳng có được. Quí vị có thấy uổng cho mình không? Thế nên quí vị thấy giáo dục về nhân quả hết sức quan trọng!

Phật pháp quả là thù thắng. Phần lớn xã hội đều biết “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”. Quí vị mong phát tài, có ứng nghiệm không? Ứng. Số quí vị không giàu, quí vị cầu Phật, Phật sẽ dạy quí vị cách phát tài. Việc đó có thật, không phải giả. Số quí vị chẳng có trí huệ, không được khôn ngoan. Phật sẽ mở trí giúp quí vị. Số quí vị không thọ, Phật có thể giúp cho quí vị được trường thọ. Có cầu tức sẽ ứng. Cứ đứng trước Phật mà kêu cầu thì vô ích, sẽ không linh. Quí vị phải học kinh điển. Trong kinh có dạy quí vị cách làm ra tiền. Phương pháp như thế nào? Chính là bố thí tiền. Người kia giàu nứt đố đổ vách, do đời đời kiếp kiếp hay bố thí tiền tài, mới có của cải nhiều như thế. Chẳng cần phải lừa đảo dối gạt ai, chỉ cần vui vẻ bố thí thì sẽ được như thế. Còn nhân của việc thông minh trí huệ là bố thí pháp. Khỏe mạnh sống lâu do nhân bố thí vô úy.

Lúc tôi còn trẻ thì gia cảnh đã khó khăn từ bé. Thuở nhỏ tôi không biết và cũng chẳng ai nói. Thực ra những năm gần đây đọc gia phả mới hay gia đạo nhà tôi đã suy lúc cha tôi chào đời. Vốn là một gia tộc lớn mà suy sụp phải bán hết tài sản. Cha tôi cũng không sở hữu được gì. Những kẻ có quyền có thế đã lấy hết. Nên cuộc sống của gia đình hết sức khó khăn, cha tôi phải làm thuê kiếm sống. Chúng tôi không có đất, chẳng có nhà, cả đời đi ở trọ . Khi Đảng Cộng Sản lên cầm quyền giải phóng đất nước, thì tôi ở nước ngoài, không ngờ chúng tôi phù hợp điều lệ của Đảng là giai cấp vô sản. Được đãi ngộ đặc biệt. Chúng tôi không có đất đã được chia đất cho. Không có nhà thì đã được phân nhà. Và cậu em trai còn được nuôi ăn học, cho đến khi tốt nghiệp đại học, đại học Phúc Đán. Sau khi tốt nghiệp cậu ấy đã ở lại giảng dạy. Đảng có ơn với tôi. Ở nước ngoài quả thật tôi nghèo rỗng túi. Tôi gặp mấy vị thầy giỏi, họ đều là những người xuất sắc. Chính là nhờ tác dụng của một ít thành kính mà mẹ dạy chúng tôi khi bé. Vì tôi chẳng hề quen biết thầy, chỉ viết một lá thư tự giới thiệu, mong thầy cho phép được ngồi dự thính, chứ không tham vọng xa xôi, do tôi chẳng có tiền đóng học phí. Chỉ muốn được nghe thầy giảng. Người đầu tiên là thầy Phương Đông Mỹ đã đưa tôi đến với đạo Phật, giúp tôi hiểu trong Phật pháp có vô vàn tri thức, không hề mê tín dị đoan. Tôi như người sực tỉnh giấc mơ, sau đó thân cận đại sư Chương Gia - một vị cao nhân có đạo hạnh. Khi biết đại sư tôi 26 tuổi, còn ông đã 65. Thuộc hàng ông. Chắc đại sư nhìn ra số tôi nghèo khổ bần tiện. Bần là không có tài sản, tiện là không có địa vị. Hết mức của bần tiện sẽ là số ăn mày. Vì nguyên nhân gì? Vì quá khứ không tu bố thí tiền bạc, không tu bố thí vô úy. Nói cách khác không những số bần tiện mà còn chết yểu. Nên đại sư đã dạy tôi dù không nói rõ ra. Mãi sau này tôi mới hiểu hết. Đại sư dạy tôi tu bố thí. Tôi thưa với ngài: con không có tiền. Tiền công mỗi tháng rất ít, chỉ đủ cho sinh hoạt, còn đâu mà bố thí? Đại sư hỏi lại: thế một xu con có không? Một xu thì có. Thế còn một đồng? Một đồng thì ráng cũng được. Vậy con chỉ cần bố thí từ 1 xu 1 đồng, để nuôi thành thói quen bố thí, để cho đầu con luôn nghĩ về bố thí. Đại sư đã dạy tôi làm như thế. Và tôi đã ngoan ngoãn nghe theo. Quả nhiên sau 3 năm, cuộc đời tôi đã thay đổi, càng lúc càng tốt hơn, tôi càng bố thí nhiều hơn. Bố thí pháp thì thầy Lý đã dạy tôi. Thầy bảo tôi phát tâm đi giảng kinh, dạy giáo lý Phật. Đấy là bố thí pháp. Sau này tôi đã hiểu. Tôi đã bố thí thuốc men trong bệnh viện không hề gián đoạn suốt 60 năm qua. Đấy là gì? Đấy thuộc về bố thí vô úy. Quả báo của hành động này là khỏe mạnh sống lâu. Còn thập phương cúng dường thì tôi hoàn toàn học theo đại sư Ấn Quang, đem bố thí hết. Cả cuộc đời, tôi chẳng hề xây đạo tràng, đại sư Ấn Quang dạy chúng ta: dốc tâm dốc sức tu bố thí pháp, ấn tống kinh sách.

Lần đầu tôi giảng kinh ở Hồng Kông là vào năm 1977. Giảng kinh Lăng Nghiêm. Hồng Kông lúc đó chưa có đường hầm, chẳng có đường cao tốc. Phải đi phà từ Hồng Kông sang Cửu Long. Lúc đó ở Hồng Kông tòa nhà cao nhất có 50 tầng. Cửa sổ hình tròn, thiết kế rất phong cách, thú vị. Nhà cửa khác thì thường xây mười mấy tầng. Hơn 30 năm sau không còn như vậy nữa, Hồng Kông đã hoàn toàn thay đổi. Trong ký ức của tôi vẫn còn ấn tượng rất sâu sắc.

Tôi học Phật và đã nhận được hiệu qua, nên hết sức biết ơn thầy. Vật chất sinh hoạt không thiếu. Thông minh trí huệ thì quả mỗi năm mỗi khác. Mọi người nghe tôi giảng kinh đều rõ, những lời tôi giảng mỗi năm đều khác, cảnh giới luôn được nâng cao. Năm 45 tuổi, tôi bị ốm, hơn tháng sau thì khỏi. Khỏe rồi tôi lại tiếp tục giảng kinh. Cả đời chưa từng ốm nặng, chưa từng phải nằm bệnh viện. Bệnh viện chẳng hề có hồ sơ bệnh án của tôi. Chính Chương Gia đại sư đã dạy tôi đó. “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”. Tôi chẳng cầu kéo dài thọ mạng, cũng chẳng xin được khỏe mạnh sống lâu. Tôi chỉ cầu ít phiền não, trí huệ tăng trưởng. Chỉ cầu vậy thôi, những thứ khác chẳng cần. Rõ ràng trong cửa Phật cầu thành Phật cũng thực hiện được. Thì chuyện dư ăn dư mặc ở thế gian chỉ là chuyện vặt, làm gì có chuyện không làm được, quá dễ dàng. Chỉ cần quí vị chịu y theo Phật pháp, chắc chắn sẽ có hiệu quả. Và nhiều nhất là 3 năm, số phận của quí vị sẽ thay đổi. Đấy là phương pháp cải tạo vận mệnh.

Sau này tôi đọc được quyển Liễu Phàm Tứ Huấn, trong đó Viên Liễu Phàm tiên sinh càng là một tấm gương, một điển hình tiêu biểu. Quí vị xem ông ấy đã làm cách nào thay đổi số phận của mình. Thiền sư Vân Cốc đã dạy ông ấy, cũng ba cách bố thí này. Tuổi thọ ông ấy chỉ đến 53 tuổi, mà ông ấy sống đến 74, kéo dài tuổi thọ 21 năm. Công danh chỉ đến đậu tú tài, trong số mạng đâu có cử nhân, chẳng hề là tiến sĩ. Ông dứt ác tu thiện, sửa lỗi, tự làm mới mình. Sau đó ông đi thi thì đậu cử nhân, rồi đậu luôn tiến sĩ. Số ông chẳng có con, ông thật lòng mong con trai. Ông đã sinh được một đứa con rất tuyệt vời. Kế thừa gia đạo, học vấn, gia nghiệp của ông. Thế nên số phận là do chính mình tạo ra, mình có thể thay đổi số phận của mình. Việc ai khác cải số của quí vị là giả dối, không có thật đâu. Phải do chính quí vị chịu dứt ác tu thiện, cải tà quy chánh, thì quí vị mới được mọi điều như ý. Không những ta có thể thay đổi số phận chính ta, mà còn có thể sửa đổi vận hạn của gia đình, vận hạn của đất nước, thay đổi được số phận của cả thế giới. Trong kinh điển Đại Thừa Phật pháp có nói rất rõ.

Ý nghĩa của tam tụ trong Tiểu Thừa chúng ta đã hiểu. Còn nghĩa của tam tụ trong Đại Thừa phức tạp đa dạng. Niệm Lão đưa kinh luận ra cho ta biết:

Thứ nhất “Trí Độ Luận Tứ Thập Ngũ”, quyển thứ 45. Đại Trí Độ Luận 100 quyển. *Nhất giả chánh định tụ tất nhập niết bàn.* Đấy gọi là chánh định tụ. *“Nhị giả tà định tất nhập ác đạo”*. Ác đạo đây là chỉ địa ngục *“Tam giả bất định”*. Ý tứ hoàn toàn khác với Tiểu Thừa. Niệm Phật cầu sanh về tịnh độ là chánh định tụ. Vì sao vậy? Vì tất nhập niết bàn. Tạo tác ác nghiệp, phỉ báng thánh hiền là tà định tụ, tất vào ác đạo. Ba laf bất định, đấy chính là từ cõi người đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đều là bất định tụ. Rộng hơn phạm vi của Tiểu Thừa nhiều.

*Đệ nhị, Thích Ma Ha Diễn Luận vân: hữu kỳ tam chủng. Nhất giả, thập tín tiền, danh tà định tụ, bất tín nghiệp quả báo cố.* “Thích Ma Ha Diễn Luận” là đại thừa. Trong luận nói về Biệt giáo của đại thừa, không phải Viên giáo, không giống lời giảng trong kinh Hoa Nghiêm. Đấy là Bồ Tát của Biệt giáo. Cho nên trước thập tín là tà định tụ, người này chẳng tin có nghiệp quả báo. Nhân thiện quả thiện, nhân ác ác báo.

*Tam hiền, tứ trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập thánh, thập địa, gọi là chánh định tụ. Bất thối vị cố.*

Tam hiền vị ở Biệt giáo đều là thập tín trong Viên giáo. Trong thập tín tên bất định tụ, hoặc tiến hoặc thoais, tiến tiến lùi lùi, cho nên “vị quyết định cố”. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận có giảng cảnh giới y như cảnh giới này.

“*Nhị giả*” là dạng thứ 2. *Thập tín tiền tịnh thập tín, danh tà định. Đại giác quả, danh chánh định. Tam hiền thập thánh, danh bất định.* Đại giác quả là quả vị Phật. Vậy trước thập tín, thập tín vị đều gọi là tà định. Tất cả đều giảng về Biệt giáo, chẳng phải Viên giáo. Đại giác là thành Phật, đấy mới gọi là chánh định. Tam hiền thập thánh đều là bất định. Đây là cách giảng thứ hai.

*Tam giả, thập tín tiền, danh tà định. Thập thánh, danh chánh định. Thập tín tam hiền, danh bất định. Chư thuyết bất đồng.* Đấy đều là chư vị tổ sư đại với tam tụ trong kinh Phật đã có những giải thích khác nhau.

Tiểu Thừa cho sơ quả và những quả vị trên nữa là chánh định. Đại thừa hoặc đã tất nhập niết bàn, hoặc đã trên tam hiền, hoặc đã trên thập địa, hoặc duy đã đại giác Phật quả là chánh định.

Trong câu này ý tứ sâu cạn khác nhau. Có chỗ giảng sâu, chỗ giảng cạn. Ta xem bản kinh *“chí ư kim kinh sở vân*”. Hiện giờ ta xem trong kinh nói đến *“bỉ độ chúng sinh giai trụ chánh định tụ”*. Bỉ độ là thế giới Cực Lạc. Phàm những ai vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đều là chánh định tụ. “*Tịnh Anh vân”-* Tịnh Ảnh đại sư là người thời Tùy. Hiệu của pháp sư cũng là Huệ Viễn, đồng danh với sơ tổ, tên hoàn toàn giống nhau. Nên trong lịch sử gọi thầy là Tiểu Huệ Viễn, thầy là người đời nhà Tùy. Còn sơ tổ Huệ Viễn đại sư của chúng ta là người đời Tấn. Nhà Đông Tấn. Còn đây đời Tùy nên gọi là Tiểu Huệ Viễn. Ngôi chùa ngài ngụ tên Tịnh Ảnh Tự. Cho nên dùng tên chùa tôn xưng ngài, không gọi thẳng pháp hiệu. Đây là cách xưng hô trân trọng nhất.

*Vị phân bất thối, danh vi chánh định. Mạc vấn đại thừa Tiểu Thừa chúng sanh, sanh bỉ quốc giả giai trụ chánh định.* Cách nói này rất hay. Quí vị đừng hỏi thầy đại thừa Tiểu Thừa vẫn là chúng sinh, ddừng hỏi như thế. Đã sanh đến thế giới Cực Lạc tây phương thì đều là chánh định. Vì sao vậy? Vì không thối chuyển nữa. Quí vị xem nguyện thứ 20 trong 48 đại nguyện. Những người vãng sinh đến thế giới Cực Lạc “để làm Bồ Tát A Duy Việt Trí” A Duy Việt Trí là tiếng Phạn, dịch sang chữ hn là Bất thối chuyển. Vĩnh viễn không thối chuyển nữa, và là ba thứ bất thối chuyển: Vị bất thối, hạnh bất thối, niệm bất thối. Điều này không dễ đâu, quá hiếm có. Cho nên đều trụ chánh định. *“Vọng tây đồng chi”.* Vọng Tây pháp sư giải thích tương đồng với đây. *Tịnh vân*: *nhất thiết thiện ác phàm phu, thừa Phật nguyện lực, sanh bỉ quốc giả, xứ bất thối cố, thị danh chánh định.* Chỗ này chúng ta phải lưu ý đặc biệt. Tất cả phàm phu dù thiện hay ác là nói người trong xã hội chúng ta hiện nay, dù tâm thiện, hành thiện hoặc là tâm ác, hành ác. Kẻ ác chỉ cần biết sám hối, biết sửa lỗi, chỉ cần thật lòng tin tưởng đều được vãng sanh. Pháp môn tịnh tông quá rộng lớn. Phạm tội ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung sám hối, từ 1 niệm đến 10 niệm sẽ được vãng sanh. Đấy là nguyện thứ 18 trong bản nguyện của Phật A Di Đà. Điều này có lý không? Hợp lý. Người dù ác mấy nhưng hễ biết quay đầu lại thì trở thành người thiện. Ngạn ngữ xưa thường nói: “Lãng tử hồi đầu kim bất hoán”. Kẻ ác khi biết quay lại thì trở thành người tốt thật sự. Chỉ cần anh ta thật lòng quay lại, sửa lỗi thì anh ta có tư cách trở thành 1 vị Phật. Cho nên chúng ta không được coi thường kẻ ác, vì không chừng anh ta thành Phật trước cả chúng ta. Vì chuyện này có thể xảy ra. Ta mà khinh mạn thì có tội, thì là sai lầm. Phải nên giúp những người này quay lại, giúp họ sực tỉnh mới phải.

*Hựu cảnh hưng vân, nhược sinh tịnh thổ, bất vấn phàm thánh, định hướng niết bàn, định thú thiện hạnh, định sanh thiện đạo, định hành lục độ, định đắc giải thoát,* *cố duy hữu chánh định tu, nhi vô dư nhị dã.*

Bất định này và tà định chắc chắn không có. Lời giảng khẳng định như thế. “Bất vấn phàm thánh”. Phàm phu niệm Phật vãng sanh về tịnh ddooj, chỉ 1 đời quyết định sẽ thành Phật. Chỉ cần sanh về tịnh độ thì chẳng ai không thành Phật cả. Đó đương nhiên là chánh định tụ. Cho nên định hướng Niết Bàn, Niết Bàn chính là thành Phật. “Định thú thiện hạnh”. Khi vãng sanh về thế giới Cực Lạc ngày ngày được thân cận Phật A Di Đà, ngày nào cũng được nghe Phật giảng kinh không dứt. Sanh về thế giới tây phương, cách dạy ở thế giới Cực Lạc dùng phép nghe làm đệ nhất pháp môn. Phật A Di Đà ngày nào cũng không ngớt giảng kinh. Ta phải biết người ở Cực Lạc không có thân máu thịt. Thân máu thịt mới cần ngũ cốc, các loại lương thực nuôi dưỡng nó. Người ở Cực Lạc có pháp tánh thân, mặt đất nơi họ cự ngụ là cõi pháp tánh , nên họ chẳng cần ăn uống, ngủ nghỉ, tinh thần họ luôn sung mãn, nghe pháp không gián đoạn. Cổ nhân nói “nhất môn thâm nhập trường thời huân tu”. Tu không ngừng nghỉ thì người đó sẽ tiến bộ nhanh cỡ nào. Chuyên tu ở chỗ Phật A Di Đà, tham vấn học hỏi nơi 10 phương chư Phật, học rộng nghe nhiều, thâm nhập 1 pháp môn, cùng lúc tiến hành 2 việc đó. Nhất môn thâm nhập chỗ Phật A Di Đà, ngày nào cũng đi lạy Phật, thăm viếng 10 phương Phật, cúng dường 10 phương Phật là tu phước, nghe 10 phương chư Phật thuyết pháp là mở trí huệ, là hậu đắc trí, là quảng học đa văn. Người đó cùng lúc tiến hành 2 việc này. Đây là chuyện ta hết sức mong mỏi mà không được, nhưng ở thế giới Cực Lạc điều không thể đã biến hết thành có thể. Ta có thể không mơ đến nơi này sao? Quí vị hãy cố hiểu cho rõ. Không thể không đến đó! Tôi có thể buông bỏ mọi thứ vì tôi quyết đến Cực Lạc. Đến đó làm gì? Đến đó để thành Phật. Thành Phật để làm gì? Thành Phật mới có thể phổ độ chúng sanh. Chưa là Phật sao quí vị có thể độ được người khác? Cho nên “định thú thiện hạnh, định sanh thiện đạo”. Bất luận người ấy thị hiện ở đâu thì đều là thiện đạo. Định hành lục độ. Dùng cách gì giáo hóa chúng sanh? Dùng Ba La Mật. Lục Ba La Mật phải từ nơi mình. Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã được, thì mọi người mới tin, mới chịu nghe quí vị. “Định đắc giải thoát”. Giải thoát là tự tại lớn. Giải khi là động từ có nghĩa là cởi ra. Cởi bỏ gì? Phiền não tập khí. Thoát là gì? Thoát ly sinh tử luân hồi, không chỉ thoát ly lục đạo mà còn thoát ly cả 10 pháp giới. “Cố duy hữu chánh định tụ”. Họ đều không có tà định tụ cùng bất định tụ. Tất cả những người vãng sanh về Cực Lạc đều là chánh định tụ. Trong Hội Sơ nói cũng tương đồng ở đây.

*Lại trong Chân Giải thì ý tôn của Thiện Đạo đại sư.* Tôn là căn cứ, y cứ lời giải thích của Thiện Đạo đại sư. *Thích Ma Ha Diễn Luận gọi chánh định tụ là quả vị Phật cho đến thập địa tam hiền đều là chánh định tụ. tịnh độ chánh định tụ diệc nhiên.* Chánh định tụ trong pháp môn tịnh độ nói tương đồng với ý ở đây. *Hoặc hiện thập địa tam hiền đẳng kỳ thể tất chí diệt độ, đản thị nhất niết bàn chi thị hiện sai biệt nhĩ.* Chư Phật Bồ Tát ứng hóa rất nhiều ở thế gian, chuyện này là thật, không hề giả dối. Trong Đại Tạng Kinh có Thần Tăng Truyện, có Cư Sĩ Truyện. Những người xuất gia hay cư sĩ tại gia có thần thông này, đều là cổ Phật tái sanh, Bồ Tát, A La Hán tái sanh. Các ngài đến thế gian này, khi cần hiện thân gì để độ thì sẽ hiện thân ấy. Như những gì Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ở thế gian này là một vai trò, không phải thật. Ngài diễn rất thật. Trong Kinh Phạn Võng chính Ngài đã nói, lần này cũng là 3000 năm trước thị hiện ở Ấn với thân phận Phật. Ngài nói đấy là lần thứ 8000 Ngài thị hiện đến thế gian. Thường đến thế gian thì y như lên sân khấu biểu diễn. Lần thứ 8000. Từ kiếp lâu xa Ngài đã là Phật rồi. Chúng sanh nơi này có cảm thì Ngài đến. Cần hiện thân Phật để độ thì Ngài hiện thân Phật.

Chúng ta lại xem Huệ Năng đại sư thời Đường, ở Tân Hưng Quảng Đông rất gần nơi này. Thị hiện của Huệ Năng đại sư chẳng khác với Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca ngồi dưới gốc cây bồ đề đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Huệ Năng đại sư thì được nghe giảng Kinh Kim Cang trong phòng phương trượng mà khai ngộ, cũng là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngộ này cũng bình đẳng với Phật Thích Ca, không hề sai biệt. Ở Trung Quốc thì Lục Tổ thấy cần hiện thân Tỳ kheo độ, ngài liền hiện thân Tỳ kheo mà thuyết pháp.

Bồ Tát Quán Thế Âm có 32 ứng. Không phải theo ý Ngài để ứng thân mà theo ý chúng sanh. Dùng thân thế nào hợp với ý chúng sanh thì Ngài sẽ thị hiện thân đó. Bản địa cao sâu khó lường, ta không biết được, chúng ta chỉ nhìn thấy dấu vết của Ngài để lại.

Cho nên Bồ Tát hoặc hiện thập địa, hoặc hiện tam hiền, “kỳ thể tất chí diệt độ”. Thân của Phật Thích Ca Mâu Ni nhất định phải diệt độ. Thân của Huệ Năng đại sư cũng diệt độ rồi, Ngài còn lưu lại 1 nhục thân. Phật Thích Ca Mâu Ni thì lưu xá lợi. Lục Tổ Năng đại sư lưu nhục thân. “Đản thị nhất niết bàn giới”. Tóm lại 1 câu đều là “thị hiện sai biệt nhĩ” của Niết Bàn giới. Niết Bàn giới là minh tâm kiến tánh, bất sanh bất diệt. “Ước nhất pháp cú”. Nếu phải nói bằng 1 câu pháp, thì 1 câu trong Vãng Sanh Luận, “tắc thập địa” thập địa Bồ Tát, “tam hiền bồ tát đương tương tức thị”. Tức là gì? “Chân thực trí huệ vô vi pháp thân dã”. Pháp thân Bồ Tát đến thị hiện, thì sao không phải pháp thân? Nhục thân thị hiện của Ngài chính là pháp thân. Chúng ta không biết nhưng Ngài biết. Đây có 1 ví dụ: tỷ như người này đã có học vị tiến sĩ, là giáo sư dạy ở đại học, ông ta cũng có thể đến trường cấp 3 cấp 2 làm giáo viên đứng lớp, thậm chí có thể làm giáo viên tiểu học. Bất luận ông ta dạy ở trường nào, làm thầy ở cấp bậc nào thì học vị tiến sĩ kia cùng chức danh giáo sư đại học cũng không hề thay đổi. Đấy là chân thật trí huệ vô biên pháp thân. Nhưng Ngài hiện tướng khác nhau, hiện tướng có địa vị rất thấp, thật ra Ngài ở trên cao vòi vọi. Đấy là sai biệt của thị hiện.

*“Chân giải”* thể hiện ý kinh sâu sắc, nói rất hay! Vì đã hiển thị được nghĩa kinh thậm thâm. *“Cái vị tịnh độ chi chủ bạn giai thị đại thừa”*. Chủ là Phật A Di Đà, bạn là tất cả những người vãng sanh về Cực Lạc. Từ phàm thánh đồng cư sĩ hạ hạ phẩm đến thượng thượng phẩm của ci thật báo trang nghiêm đều là đại thừa. *“Cố giai trụ ư chánh định tụ”.* Nhất là nguyện thứ 20 nói rất rõ: mỗi kẻ vãng sanh về Cực Lạc đều lam Bồ Tát A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí là chánh định tụ, là đại thừa. Phàm phu mà được vãng sanh cũng sẽ nhập vào địa vị, cấp bậc này.

*Về thị hiện thập địa tam hiền. Kỳ thể tất nhập Niết Bàn, đương tương tức thị pháp thân, cố ư giai tất trụ ư chánh định chi tụ cú hạ, kiên tiếp quyết định chứng ư A Nậu đa la tam miệu tam bồ đề*.

Câu nối theo này là tiếng Phạn dịch sang chữ hn nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ai chứng đắc? Diệu giác Bồ Tát chứng đắc. Diệu giác là quả vị Phật, đấy là quả vị cứu cánh tột cùng. Nói cách khác dưới này tổng kết rất hay: người vãng sanh về đều nhập vào chánh định tụ, đều được quyết định thành Phật, cực hiển đại nguyện không thể nghĩ bàn của Phật Di Đà. Tổng thể câu này nói là chỉ cần quí vị vãng sanh về Cực Lạc, nhất định quí vị sẽ thành Phật. Thành Phật như thế nào? Thành Phật hoàn toàn cùng 1 đẳng cấp với Phật A Di Đà, không hề dưới Phật A Di Đà. Mà cấp bậc của Phật A Di Đà rất cao. Phật Thích Ca Mâu Ni tiêu biểu cho tất cả chư Phật trong 10 phương đã tán thán Phật A Di Đà la: “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Quí vị thành Phật thì sẽ như Phật A Di Đà, có nghĩa cũng là Phật trung chi vương. Đến đâu mà tìm những lợi lạc này? Chỉ trong kinh Vô Lượng Thọ có thôi, chỉ có ở nơi thế giới Cực Lạc, câu nào cũng là lời chân thật không hề nói láo. Đạo Phật thường nói: “thân người khó được, Pháp Phật khó được nghe”. Dù có nghe pháp Phật, cũng không dễ được nghe giảng về đại thừa. Được nghe giảng về đại thừa cũng không dễ được nghe Kinh Vô Lượng Thọ, đấy là pháp môn của tịnh tông. Quí vị thật sự gặp được pháp môn này, đời quí vị sẽ được độ, không phải độ thường, mà là được độ viên mãn, quí vị sẽ thành Phật như Vương Tử A Xaf vậy. Vương Tử A Xà nghe Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này xong thì hoan hỉ, phát nguyện sẽ thành Phật như Phật A Di Đà. Hy vọng các quí vị nghe xong cũng sẽ y như Vương Tử A Xà, quyết định 1 đời vãng sanh, 1 đời thành Phật y như Phật A Di Đà.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 381**

# Tập 382

Chuyển ngữ: Lý Hương  
Biên tập: Minh Tâm  
Thời gian:22/04/2011  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 472, hàng thứ sáu. Phẩm này hội tập ba bản dịch Ngụy Đường Tống*.“Văn viết nhược dĩ sanh nhược đương sanh.* Nhược đương sanh xem 2 bản dịch Đường Tống. *Giai tất trụ ư chánh định chi tụ.* Dĩ sanh là đã vãng sanh. Đương sanh chỉ hiện giờ, bao gồm những kẻ về sau, tu học pháp môn này cũng sẽ được vãng sanh. Đấy đều là Tụ chánh định trong tam tụ, đều thuộc về chánh định. *Thể hiện trọn vẹn sự sâu rộng của đại nguyện Di Đà, chẳng những kẻ đã vãng sanh Cực Lạc, trụ chánh định tụ, chắc chắn sẽ chứng đắc Bồ Đề, thậm chí tất cả chúng sanh hiện giờ và tương lai sanh về Cực Lạc, nhưng có thể phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm, có thể tương ứng với bổn thệ của Đức Di Đà. Tuy ở uế độ, vẫn là phàm phu bị trói buộc, nhưng cũng đã trụ ở chỗ tụ chánh định, tất nhiên chứng đắc Bồ Đề.*

Đoạn này rất quan trọng, bảo chúng ta hiện vẫn ở thế giới Ta Bà, vẫn trong cõi ngũ trược ác thế. Hiện nay mức độ trược ác hết sức nghiêm trọng. Chư P hật và Bồ Tát không đành đứng nhìn, trời đất quỷ thần cũng chẳng nỡ thấy thế. Trong hoàn cảnh này mà tu học theo Tịnh độ tông liệu có thành tựu không? Đoạn khai thị này quan trọng. Không chỉ kẻ đã sanh vào thế giới Cực lạc, trụ vào chánh định tụ, chắc chắn chứng đắc Bồ Đề. Việc này chẳng còn phải nói. Ta đều tin, đều khẳng định. Còn hạng giờ đang tu học tịnh độ, vẫn chưa vãng sanh, bao gồm tương lai những người này. Hai câu sau cực kỳ quan trọng: “phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm”. Đây là điều kiện mà ba hạng vãng sanh cần phải đầy đủ.

Tâm Bồ Đề là gì? Hơn 20 năm trước chúng tôi đã nêu ra. Để mọi người hiểu rõ, không phải nghi hoặc. Chúng tôi dùng ngay chính đề của bổn kinh, “Thanh tịnh bình đẳng giác”. Đấy chính là tâm Bồ Đề. Thể của tâm Bồ Đề là chân thành. Nhất định ta phải học tập cách sống chân thành. Mặt trái của chân thành là hư vọng. Xử sự đối nhân tiếp vật, ta quyết không sống giả dối. Điều này chúng ta chẳng thể không biết. Liệu ta có thể không giả dối sao? Rất khó. Vì sao vậy? Vọng tâm chính là giả dối. Thế nào gọi là vọng tâm? Tâm phân biệt là vọng tâm, tâm chấp trước là vọng tâm. Nó chẳng phải chân tâm. Mình không kiểm soát nổi chính mình. Cho nên nhất định phải học sống chân thành, chính là sống thật thà. Vậy bắt đầu từ đâu? Bắt đầu với chính mình. Ta mong người khác đối xử với ta ra sao, thì ta phải đối xử với họ như thế trước, phải bắt đầu từ đây. Những gì ta không thích, tin chắc là kẻ khác cũng không muốn. Cổ nhân có dạy: “Làm mà không được, phải tự trách mình”. Ngày nào cũng phải tự kiểm điểm, ngày nào cũng phải phát hiện lỗi lầm của chính mình. Việc này rất quan trọng. Những lời tán thán, khen ngợi của kẻ khác với ta chưa chắc đã thật. Những chỉ trích, phê phán của họ về ta thì lại không hề dối trá. Ta phải tự kiểm điểm nghiêm túc. Vậy cung kính, khen ngợi nhiều khả năng do khách sáo giả dối. Chỉ trích thì là vì họ không hài lòng về ta. Ta phải nghiêm túc kiểm điểm xem có chỗ nào gây mích lòng, có chỗ nào sai sót phải biết sửa lỗi, phải biết tự kiểm điểm, tự đổi mới chính mình. Điều đó sẽ giúp ta rất nhiều. Vì thế ta phải biết ơn, nhất là những kẻ chỉ trích ta, dù cố tình hay vô ý, thiện ý hay ác ý, ta đều phải biết ơn hết. Những người này sẽ giúp ích nhiều cho việc tu học của ta. Chư Phật Bồ Tát sở dĩ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không gì khác hơn do biết chân tướng của sự thật. Loại thứ ba trong ba loại chu biến của Hoàn Nguyên Quán là “Hàm dung không hữu”, biết sự thật này. Câu này nói gì? Câu này nói tâm lượng vốn có của chúng ta lớn biết bao. “Hàm” là bao hàm, bao hàm vũ trụ, bao hàm không gian. “Dung” là dung nạp, dung nạp vạn vật. Nhà Phật thường nói: “tâm bao thái hư lượng chu sa giới”. Đấy là tâm lượng vốn có của chúng ta. Vì sao giờ ta chẳng thể bao dung chút nào? Khổ sở của ta chính là ở đây. Mê cũng chính ở chỗ này. Tạo nghiệp cũng chính chỗ này. Chịu quả báo cũng do nó. Thế tại sao không mở lòng ra? Như Chư Phật Như Lai, pháp thân đại sĩ đều có tâm lượng bao trùm hư không, chứa đựng pháp giới. Phải học trong sinh hoạt thường ngày, học trong công việc, học trong đối nhân xử thế. Đấy là tu hành thực sự, là thực sự học theo Phật. Người như thế đương nhiên trụ vào chánh định tụ, nên chân thành phát Bồ Đề tâm và cũng là cái thành kính mà Ấn Quang đại sư hay nói. Đây là thể của tâm Bồ Đề, quan trọng hơn tất thảy.

Giờ thì khó ở đâu? Khó ở không có tấm gương, khó nhất vì không có mẫu mực. Thời xưa có. Xưa kia chẳng ai không hiếu thảo. Có thể chẳng thành kính với người khác nhưng với cha mẹ thì luôn thành kính. Cha mẹ chính là tấm gương tốt. Dùng tấm lòng chân thành đối với cha mẹ ra đối đãi với tất cả chúng sanh. Tâm Bồ Đề sẽ rất dễ phát khởi. Giờ thì con cái bất hiếu với cha mẹ. Còn cha mẹ cũng chẳng xem con cái như con cái, mà xem như ai? Xem như bạn. Điều này rất thời thượng, nhưng lại là sai lầm lớn lao, vì đã nhổ bật gốc rễ luân thường, nhổ bật gốc rễ luân thường rồi, coi như nhổ luôn sự hài hòa của xã hội, nhổ luôn sự hài hòa của vũ trụ. Ai biết tội này nghiêm trọng nhường nào? Ai có thể nói được? Chẳng một ai! Thời xưa thì ai cũng biết cha mẹ có ơn đức lớn nhất với ta. Ngang hàng với cha mẹ là thầy giáo.

Khi học Phật, quí vị xem điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là: “Hiếu dưỡng phụ mẫu”, câu thứ hai “phụng sự sư trưởng”. Cho nên tôi hay nói Phật pháp lan truyền khắp thế giới, nhưng chỉ ở Trung Quốc mới mọc rễ, tăng trưởng, nở hoa, kết trái. Bất kỳ nơi đâu cũng không bằng được Trung Quốc. Vì sao vậy? Vì người Trung Quốc có nền tảng chữ hiếu, Phật pháp là sư đạo. Sư đạo được xây dựng trên cơ sở của hiếu đạo. Không có hiếu thì đâu ra tôn sư trọng đạo? Do đó Phật pháp, nhất là Đại thừa hai ngàn năm ở Trung Quốc, có thành tựu vượt xa Ấn Độ. Đó là nói trước kia, không phải hiện giờ. Giờ thì ở Ấn không còn đạo Phật. Phật pháp đã hòa làm một với văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Đức Phật có độ lượng này. Các bậc thánh hiền xưa kia cũng có độ lượng này. Độ lượng đó từ đâu? Từ trong đạo hiếu. Đạo hiếu của người xưa rất sâu rễ bền gốc. Phật pháp mở rộng đạo hiếu đến biến pháp giới hư không giới, đạo hiếu mới cứu cánh viên mãn.

Chân thành với chính mình. Giờ ta không biết phải đối đãi với chính mình như thế nào? Đề của Kinh Vô Lượng Thọ là “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”. Năm chữ này với chính mình. Chân thành với chính mình là thanh tịnh, chân thành với chính mình là bình đẳng, là giác mà không mê. Thế còn với người? Với người thì từ bi. Đại từ đại bi. Từ bi rộng lớn này bao gồm những gì? Từ là vui với chúng sanh. Bi là giúp chúng sanh lìa khổ. Từ bi là giúp chúng sanh lìa khổ được vui. Từ bi này là từ bi chân thành, từ bi thanh tịnh, từ bi bình đẳng, từ bi của chánh giác. Đấy gọi là tâm Bồ Đề. Trong yêu đương thì không có chân thành, không có thanh tịnh, không có bình đẳng, chẳng có chánh giác. Đấy chẳng phải tâm Bồ Đề. Ta nói cách này để mọi người dễ hiểu.

Chân tâm, thâm tâm, tâm đại bi mà cổ nhân đề cập rất khó giải thích. Thế nào là thâm tâm? Các bậc thánh hiền xưa thường chú giải là hiếu thiện hiếu đức. Hiện nay chúng ta dùng “thanh tịnh bình đẳng giác” dễ hiểu hơn, rất cụ thể. Trong từ bi có chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác. Phải luyện nó trong đời sống thường nhật, hy vọng mỗi năm mỗi tiến bộ hơn, mỗi tháng mỗi tiến hơn. Đấy là tu hành thực sự. Có tâm Bồ Đề rồi, về phương pháp là nhất hướng chuyên niệm. Tâm Bồ Đề là chân tâm, phải đem chân tâm ra niệm Phật. Vọng tâm niệm Phật không được, không tương ứng. Dùng chân tâm, luôn luôn, một phương hướng, một mục tiêu. Điều này vô cùng cần kíp. Chuyện đại sự hàng đầu trong cả đời ta, không gì khác ngoài cầu sanh về thế giới Cực Lạc phương tây, được thân cận Phật A Di Đà. Vì sao chúng ta phải làm như vậy? Đức Phật A Di Đà mong ta làm như vậy. Đức Phật Thích Ca cũng mong ta nghe theo lời dạy của Phật A Di Đà. Không chỉ Phật Thích Ca mong thế, tất cả chư Phật Như Lai trong 10 phương thế giới đều tương đồng, chẳng có vị Phật nào không khuyên đệ tử phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật. Vì sao vậy? Tình yêu thương che chở của thầy với đệ tử, thầy mong đệ từ được thành tựu, yêu thương đệ tử, thật lòng mong đệ tử thành tựu, thì gửi đệ tử đến học ở thế giới Cực Lạc. Phật A Di Đà là vị thầy giỏi. Học với ngài chắc chắn sẽ không còn sai sót, chắc chắn sẽ thành công. Quí vị thành Phật thì nguyện vọng giáo hóa chúng sanh của Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ đạt, sẽ viên mãn. Quí vị không thành công thì Đức Phật thất vọng lắm. Sẽ thấy quí vị đã để lỡ cơ hội tốt thế, quí vị phải chờ tiếp, chờ lần sau, lần sau đó rất lâu xa. Quí vị phải trải qua nhiều kiếp luân hồi mới lại được gặp. Cơ hội này chẳng luôn có, nên gặp rồi thì đừng buông, phải nắm giữ chặt, phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm. Chúng ta chỉ có một phương hướng, chỉ có một mục tiêu. Tất cả những việc khác buông bỏ hết.

Liên Trì đại sư dạy rằng: Tam Tạng 12 bộ kinh để người khác ngộ. Buông hết. 84000 hạnh nhường người khác hành. Cả 8 muôn 4 ngàn pháp môn cũng buông, chỉ chuyên tu một môn Tịnh độ, chỉ chuyên niêm một vị Phật A Di Đà, thì chắc chắn sẽ thành tựu! Huống chi trong kinh điển nói rất rõ ràng, sanh vào thế giới Cực Lạc, mỗi ngày đều được thăm viếng chư Phật Như Lai vô lượng vô biên vô số vô tận trong 10 phương thế giới. Vì khi tới thế giới Cực Lạc, năng lực của quí vị hầu như khôi phục toàn bộ. Đấy là nhờ oai thần của bổn nguyện đức Phật A Di Đà gia trì. Bản thân quí vị trong giảng đường Phật A Di Đà, nghe Phật giảng dạy. Cùng lúc quí vị có thể phân làm vô lượng vô biên thân, đến quốc độ Phật ở 10 phương để lễ bái Phật, cúng dường là tu phước, nghe kinh, nghe pháp là tu trí huệ, phước huệ song tu. Không thể không biết ích lợi này.

Ba loại ích lợi, bổn kinh này nói đến phạm vi chân thực, trí huệ chân thực, lợi ích chân thực. Ta rất khó hiểu được phạm vi chân thực, nhưng trí huệ và lợi ích chân thực thì không khó. Vãng sanh tây phương cực lạc, chúng ta một lòng nhất tâm chuyên cầu vãng sanh chính là trí huệ chân thực. Đấy là sự chọn lựa rất trí huệ khôn ngoan. Ta có nhân duyên thù thắng đến thế giới Tây phương Cực Lạc. Mỗi ngày đều được thân cận tất cả chư Phật Như Lai trong 10 phương thế giới. Ngày nào cũng được tiếp cận với vô lượng vô biên pháp môn, được học rộng nghe nhiều. Trong giảng đường của đức Phật A Di Đà, chuyên tâm nghe mình ngài thuyết pháp giảng kinh là nhất môn thâm nhập. Nhất môn thâm nhập và học rộng nghe nhiều đồng thời học tập, ở nơi khác là không thể, nhưng chỉ ở chỗ Phật A Di Đà lại được. Oai thần của Phật Di Đà thị hiện thần thông của ngài ở đây. Không có thần lực ngài gia trì sao ta có được năng lực đó? Sao có thể thân cận tất cả chư Phật?

Sanh vào thế giới Cực Lạc thì thậm chí hiện chưa vãng sanh, tôi đã quyết tâm, tôi thật sự thực hành. Ngoài pháp môn này tôi chẳng cần các pháp môn khác. Đấy là tương ứng với bổn thệ của Di Đà. "Tuy cư uế độ” Tuy hiện ta đang sống ở trong thế giới này. Lúc này nơi đây ta vẫn là thân phàm phu. "Cụ phước", nghĩa là chưa buông bỏ phiền não. Tấm thân vác theo phiền não nặng nề này, nhưng xem như quí vị đã trụ chánh định tụ. Vì sao vậy? Vì quí vị quyết định vãng sanh. Chỉ cần sanh về nơi đó thì chắc chắn 1 đời sẽ thành Phật “quyết chứng Bồ Đề”. Ta không thể không hiểu ý nghĩa việc này. Trong đại thừa có nói “chánh định tụ” chỉ pháp thân Bồ Tát mới có. Thập địa trong Biệt giáo chính là pháp thân Bồ Tát. Tam Hiền còn ở pháp giới tứ Thánh, không tính là chánh định Tụ. gười niệm Phật đã hạ quyết tâm buông bỏ hết, chẳng cần gì nữa. Chỉ cần được vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, ý niệm này chính là chánh định tụ, quyết không thay đổi.

Phải biết rằng, đức Phật nói 8 vạn 4 ngàn pháp môn, để tiếp dẫn 8 vạn 4 ngàn căn tính khác nhau. Ngài luôn hằng thuận chúng sanh, tùy hỉ công đức. Ta phải rõ ý này, Phật độ chúng ainh chỉ với một mục tiêu duy nhất, chính là mong bạn sớm trở thành Phật. Pháp môn Tịnh Tông là pháp môn đệ nhất giúp ta sớm thành Phật. Khi quí vị không chịu tiếp nhận pháp môn này mới nói đến pháp môn khác. Pháp môn này thành tựu trong 1 đời. Pháp môn khác thì phải nhiều đời nhiều kiếp. Vì sao vậy? Ai cũng biết phiền não cả đời không dứt được. Điểm thù thắng của Tịnh Tông là không dứt được phiền não vẫn có thể vãng sanh, gọi là đới nghiệp vãng sanh. Thù thắng ở chỗ này.

Đoạn dưới Niệm Lão nói: “*Sự thành siêu tình ly kiến, bất khả tư nghị, tuyệt đãi viên dung, cứu cánh phương tiện dã”.* Những lời này đều rất chân thật. “Thành” là chân thật. Chân thật siêu vượt thường tình. Viễn ly kiến giải sai lầm của chúng ta. Không thể nghĩ bàn về cái chân thực trong chân thực. “Tuyệt đãi viên dung” chính là tuyệt đối, chẳng phải tương đối. 8 vạn 4 ngàn pháp môn đều là pháp phương tiện. Pháp phương tiện trong các pháp phương tiện, phương tiện cứu cánh, rất khó gặp, mà ta đã được gặp rồi, thì quan trọng nhất là phải nắm bắt. Đời này chắc chắn sẽ thành tựu.

*Lại Đường dịch nói*: trong kinh Kinh Đại Bảo Tích*. nhược đương sanh giả, giai tất cứu cánh vô thượng Bồ Đề, đáo Niết Bàn xứ, hà dĩ cố? Nhược tà định tụ cập Bất định tụ bất năng liễu tri kiến lập bỉ nhân cố.*

Đây là kinh văn trong Vô Lượng Thọ Hội trong Kinh Đại Bảo Tích. “Nhược đương sanh”, đương sanh là hiện vẫn chưa sanh về đó, nhưng chắc chắn sẽ sanh về đó. Điều kiện quyết định để được sanh về nơi đó ta không thể không biết. Đó là đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với đức Phật A Di Đà, thì sẽ được sinh về. Vậy tâm của đức A Di Đà như thế nào? Giúp tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo trong một đời, “nhất thiết giai thành Phật”, là tâm của Phật A Di Đà. Còn nguyện của Phật A Di Đà, thì ai cũng biết là tứ thập bát nguyện. Lời nguyện nào cũng hiển thị chân tâm giúp đỡ chúng sanh của Phật A Di Đà. Chân tâm, chân nguyện không vì mình, chỉ mong chúng sanh vui, chỉ mong chúng sanh giác ngộ, đức Phật luôn tùy thuận. Ta có thể phát nguyện, phát 48 nguyện của Phật A Di Đà. Ngài phát nguyện gì thì chúng ta phát nguyện theo như thế, chân thật, không dối trá. Kế phải tu hành 5 kiếp như ngài, nguyện nào cũng phải thực hiện. Nhất định phải vận dụng trong sinh hoạt thường ngày, nhất là khi đối nhân xử thế tiếp vật. Với con người, với cỏ cây hoa lá, ruồi muỗi kiến sâu, với trời đất, quỷ thần. Vì sao vậy? Vì họ đều chưa thành Phật, đang lưu chuyển trong lục đạo. Ta đem tâm chân thành cung kính ra đối đãi, tự tu và khuyến dụ người cùng sanh về cực lạc quốc. Để ai cũng chứng đắc cứu cánh viên mãn, thì tâm nguyện này tương ứng hoàn toàn với tâm nguyện của Phật A Di Đà. Chính là cứu cánh vô thượng Bồ Đề, đáo Niết Bàn xứ. Đáo Niết Bàn xứ là phạm vi chân thật, là trở về với tự tánh, cứu cánh viên mãn mà ta hay nói. Nếu tà định hay bất định thì không đến được cảnh giới này.

Chúng ta xem chú giải sau đây: *Cái vị đương sinh cực lạc giả, giai tất kiến lập vãng sanh chi chánh nhân.* Kiến lập bỉ nhân chính là nhân duyên chính vãng sanh. Nhớ nhân duyên chính để vãng sanh là phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm. Theo chánh nhân này, tất có quả vãng sanh, đương nhiên một đời sẽ thành Bổ Phật Bổ là hậu bổ. Bổ Phật là địa vị gì? Là Đẳng giác Bồ Tát. Bồ Tát có địa vị cao nhất, trong 51 địa vị, người này là địa vị cao nhất- đẳng giác. Lên nữa thành quả vị Phật, cứu cánh viên mãn.

*Cố viết quyết định chứng ư A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề* - vô thượng chánh đẳng chánh giác. *“Bỉ tà định tụ cập bất định tụ chi nhân”*. Tà định tụ là gì? Là kẻ tâm không định vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Xã hội bây giờ thường lòng người đặt vào đâu? Vào kiếm sống, cứ như sanh ra trong thế giới này chỉ để kiếm tiền, ngoài việc kiếm tiền ra thì không còn biết đến gì khác. Kẻ này có vui không? Cả đời buồn chán, khổ sở. Chưa kiếm ăn được thì vắt óc tìm cách, kiếm được lại sợ mất. Suốt ngày căng thẳng, tâm trí rối bời, phiền não, lo âu, băn khoăn khổ sở quá nhiều. Vì tà định này, dùng thủ đoạn bất chánh sẽ tạo ra vô số ác nghiệp. Không thể tưởng tượng quả báo trong lục đạo.

Trong số phận có, như vua chúa do số phận định sẵn, dùng thủ đoạn sai lầm, dùng quyền lực cướp chính quền, cướp được thì số làm vua. Số không có cướp cũng chẳng được, còn báo hại chính mình phải đọa địa ngục Vô Gián, nghĩa là địa ngục A Tì. Quí vị thấy oan uổng không? Nếu chẳng hay mình sai trái, không biết sám hối, quay đầu thì chẳng thể nào thoát khỏi đó. Những việc này Phật Thích Ca Mâu Ni giảng nhiều trong kinh điển. Chúng tôi chép lại lời đức Thế Tôn từ kinh luận ra, hội tập thành quyển Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu. Ta đọc quyển này là xem hết tất cả địa ngục Phật nhắc đến trong tất cả kinh luận trong bộ Đại Tạng Kinh. Giảng hay hơn bên Đạo giáo. Đạo giáo nghiêng về quả báo, nhưng lại ít nói nguyên nhân tạo ra quả đó. Phật giảng rất rõ, mỗi dạng quả đều có nhân riêng. Ta hiểu hôm nay ta không tạo nhân thì tương lai sẽ chẳng phải gặp quả này. Người tu Tịnh Tông biết những điều này hay không cũng chẳng hề gì. Chỉ cần định tâm vào đức A Di Đà thì chẳng sao, chẳng cần phải biết gì khác, chẳng phải bận tâm. Để tâm thanh tịnh bình đẳng của chúng ta mau hiện ra, không cần phải biết gì khác.

Như trong xã hội hiện nay, quá nhiều thông tin về thiên tai. Ta có cần biết đến không? Không cần. Chỉ cần nắm chắc một việc: tai họa kiểu này phải dùng cách gì giải quyết. Những thứ khác không cần phải biết. Phương diện nào cũng nêu cách giải quyết giống nhau là niệm Phật. Vậy thì được rồi. Ta một lòng chuyên tâm niệm A Di Đà Phật là được. Những thông tin về mặt này không cần hỏi đến, còn bận tâm làm gì? Ấn Quang đại sư giảng rất hay: “Niệm Phật có thể tiêu túc nghiệp”. Chỉ cần niệm Phật, niệm cho hết sạch phiền não tập khí của chính mình, gọi là chân niệm Phật.

Niệm Phật được gì? Niệm Phật được tâm thanh tịnh. Có phải ta có được tâm thanh tịnh? Đấy chính là hiệu quả. Tôi niệm Phật bao năm, giờ tâm tôi có thanh tịnh chăng? Có buông bỏ chăng? Thế duyên có buông bỏ chăng? Tâm thanh tịnh có hiện tiền không? Pháp hỉ có hiện tiền chăng? Được thọ dụng thật thì rất vui mừng. Kinh luận thường nói: “Phiền não nhẹ thì trí huệ tăng trưởng”, đấy chính là hiệu quả việc quí vị niệm Phật. Nếu phiền não vẫn còn nặng nề thì trí huệ không sinh.Vậy ta phải suy ngẫm nghiêm túc. Tuyệt đối không phải do lý luận sai hay sai phương pháp tu, mà do chính cách ta tu có vấn đề. Phải tìm ra và loại bỏ thì công phu của ta sẽ đắc lực. Những lý luận, phương pháp, kinh nghiệm này có hết trong kinh điển. Ta không đọc nổi kinh điển thì xem chú giải của cổ nhân. Không hiểu chú giải thì đọc đi đọc lại nhiều lần. Người xưa dạy rằng: “Đọc ngàn lần sẽ tự thấy nghĩa của nó”. Theo tôi chúng ta chưa đọc đến ngàn lần. Ngàn lần vẫn không hiểu thì 2000, 3000, 4000, cứ tiếp tục đọc như thế, buông hết mọi việc, nhất tâm chuyên niệm, chắc chắn sẽ có ngày hoát nhiên đại ngộ. Vấn đề của quí vị đã được giải quyết, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đến thế giới Cực Lạc chắc chắn không phải cõi phàm thánh đồng cư. Người khai ngộ thực sự sanh về thế giới Cực lạc sẽ đến thẳng cõi thật báo. Cho nên tà định thì không được.

Nói cách khác mục tiêu không định vào thế giới Cực Lạc, không định gặp Phật A Di Đà, đều xem là tà định. Vì sao vậy? Vì đời này không thể thành tựu. Bất định cũng không được vì cứ nghiêng ngả, lúc đòi học thứ này, lúc học thứ kia, không tự chủ sẽ rất khó thành tựu, tâm không chuyên nhất, tham vọng quá nhiều, phương hướng quá nhiều, mục tiêu quá nhiều. Rốt cuộc chẳng việc nào thành.

Chỗ này Niệm Lão nói rất hay: Người tà định, bất định, không thể thật lòng muốn thoát khỏi sanh tử. Còn muốn luân hồi trong sáu nẻo, sanh tử chính là lục đạo luân hồi, không thể phát tâm Bồ Đề, không thể có tín nguyện sâu, không thể tin sâu nguyện thiết, không thể niệm danh hiệu, trì danh hiệu Phật. Bốn việc trên kẻ đó đều không làm được. Chẳng nói đâu xa, những bạn đồng tu tịnh độ. Lúc còn trẻ, tôi thân cận thầy Lý, thầy sáng lập Đài Trung Phật giáo Liên Xã ở Đài Trung, giảng dạy kinh, dẫn dắt mọi người cùng niệm Phật, đồng tu rất đông. Thầy thường bảo các bạn trong liên xã: 10.000 người chỉ có khoảng 3 đến 5 người có thể vãng sanh thật sự, trong mười ngàn người chỉ có ba đến năm người. Không nói đến nơi khác, chỉ nói đến người trong liên xã. Thiện Đại đại sư dạy rằng: pháp môn này “vạn người tu, vạn người đến nơi”, nhưng giờ trong 10.000 chỉ 3, 5 người đến được đó. Vì saovậy? Tuy niệm Phật, tuy nghe kinh, nhưng không thật lòng vì sanh tử, là chưa định thoát khỏi 6 nẻo luân hồi, chưa có ý niệm đó. Sáu nẻo cũng hay hay rất vui, còn tiếc không nỡ rời. Điều này khá rắc rối. Không thể phát tâm Bồ Đề, không chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Khởi tâm động niệm vẫn ích kỷ tự tư tự lợi, vẫn ham danh lợi, tham luyến ngũ dục lục trần. Điều này thật là tệ hại. Quí vị nghĩ tin tịnh độ không? Tin. Có tin niệm Phật được vãng sanh không? Tin, nhưng không thực làm. Không thực tin, nguyện không tha thiết, công phu trì danh không hết sức. “Nên nói không thể liễu tri”. “Liễu” là hiểu rõ, “tri” là tri giác. “Kiến lập bỉ nhân cố” “Bỉ” nhân là nhân duyên chánh vãng sanh về thế giới cực lạc Tây Phương, người ấy không hề biết.

*Lại Thiện Đạo đại sư đời Đường thâm nhập kinh tạng, biết rõ chánh định tụ càng thông bờ này và bờ kia*. Ở đây Niệm Lão mở ngoặc đơn. *Vị Di Đà nhập chánh định tụ đại nguyện chi ích. Lợi ích này thông hiển ở Cực Lạc cõi kia và Ta Bà đất này*. Đấy là Phật A Di Đà, lợi ích chân thực của nguyện nhập chánh định tụ. Ích lợi này thì Ta Bà và Cực Lạc đều đồng đẳng. Nhập chánh định tụ ở thế giới Cực Lạc, chắc chắn rốt ráo sẽ chứng đắc vô thượng bồ đề. Trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, nếu quí vị đắc chánh định tụ, chắc chắn quí vị sẽ được sinh vào tịnh độ, quí vị chẳng hề có chút hoài nghi nào, quí vị tin chắc thật, chẳng hề nghi hoặc. Tin lời đức Phật Thích Ca, tin lời Phật A Di Đà, tin lời của chư Phật, tin lời chư vị tổ sư. Lời của họ chắc chắn chân thật. Vì sao vậy? Vì giữa chúng ta không có quan hệ lợi và hại. Có lợi và hại mới đi làm những việc lợi mình hại người. Không có quyền lợi thì lừa gạt để làm gì? Những điều này ta không thể không hay biết. Phật và Bồ Tát chắc chắn không dối gạt. Chánh định tụ không hề chẳng thành tựu. Chánh định tụ thật ra là nói: “chế tâm nhất xứ vô sự bất biện”.

*Chân giải viết: Chánh định tụ cõi này là mật ích, chánh định tụ cõi kia là hiển ích.* Cõi này chính là chỗ chúng ta. Giờ ta học Phật, chánh định tụ lợi ích quá nhiều, nhưng ta chưa vãng sanh, lợi ích này chưa hiện tiền, nên gọi là mật, không hiển lộ ra. Nhưng ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, không những chư Bồ Tát này khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đã buông bỏ hết, mà tập khí phiền não vô thỉ vô minh cũng đã dứt bặt khá nhiều, cho nên lợi ích chánh định tụ của các vị ấy rất rõ rệt. Mỗi vị đều có thể cảm nhận rõ ràng, nhìn thấy được.

*Lại nói: nhược vi hiện sanh mật ích giả, Kim gia bất cộng nghĩa dã*. “Kim gia” là đại sư Thiện Đạo. Từ đó cho thấy, thời Đường các vị cao tăng người Nhật, cao tăng của Nhật Bản là đệ tử của Thiện Đạo đại sư, thường dẫn lời thầy. *Cho thấy Chân Giải tán thán lời của đại sư Thiện Đạo, người đương sanh tuy thân ở Ta Bà, đã có được mật ích của việc nhập chánh định tụ, là diệu nghĩa thù thắng không cùng.* Tu học các pháp môn khác đều không có, chỉ có Tịnh Tông đới nghiệp vãng sanh. *Sở vi mật ích, cái chỉ minh đắc thử ích.* Nghĩa là chính quí vị cũng không biết mình được lợi ích này, chính quí vị cũng chưa cảm nhận. Vì sao vậy? Vì quí vị vẫn còn nghiệp chướng. Nếu nghiệp chướng của quí vị được hóa giải, chính quí vị sẽ cảm nhận được lợi ích đó. Người nghiệp chướng nhẹ cảm nhận được, kẻ nghiệp chướng nặng không cảm nhận được. Tuy không cảm nhận được nhưng lợi ích thì có thật, chỉ cần người đó một lòng một dạ không đổi phương hướng, không đổi mục tiêu, nhất định sẽ có được lợi ích đó.

*Lại Tiểu Bổn cũng có kinh văn tương ứng như thế*. Tiểu Bổn là Phật thuyết A Di Đà kinh, mọi người thường đọc. Trong Kinh Di Đà có một đoạn kinh văn thế này: *Kinh viết nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.* Chớ nên xem thường câu kinh này, nó truyền cho ta thông tin quan trọng, giúp ta có niềm tin sâu sắc vào việc tu học của mình. Đã phát nguyện, đã vãng sanh. “Kim” là hiện giờ, hiện đang phát nguyện. Đời này nhất định vãng sanh. Kẻ hậu sanh phát nguyện trong tương lai, chỉ cần có phát nguyện rồi nhất hướng chuyên niệm, chắc chắn sẽ được sanh vào thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đấy chính là Bồ Tát A Duy Việt Trí. Vì sao vậy? Vì Bồ Tát A Duy Việt Trí mới không thoái chuyển vô thượng Bồ Đề. Trong ba dạng bất thoái thì đây là dạng cuối cùng. Dạng thứ nhất là vị bất thoái, thánh nhân không thoái trở lại phàm phu. Hạng người nào? Tiểu thừa Tu Đà Hoàn. Đại Thừa Kinh Hoa Nghiêm nói Bồ Tát Sơ tín vị được như thế, không thoái chuyển lại phàm phu. Tuy chưa ra khỏi sáu nẻo, vẫn còn tu hành trong lục đạo nhưng quyết không sa vào đường ác, cũng không đọa làm A Tu La, La Sát, chỉ dứt ác tu thiện trong hai cõi nhân thiên. Đấy gọi là vị bất thoái. Dạng thứ hai là Bồ Tát Đại Thừa, phát tứ hoằng thệ nguyện, quyết không thoái trở lại tiểu thừa. Tiểu thừa tự lợi, đại thừa lợi tha nên rất vất vả. Cho nên A La Hán có thể thoái tâm. Chúng sanh khó độ quá. Thôi, mặc kệ họ cho tự sanh tự diệt. Bồ Tát không vậy, khó khăn mấy, gian khổ mấy cũng nhẫn nhục chịu đựng không thoái chuyển. Dạng thứ ba là Bồ Tát A Duy Việt Trí, niệm nào cũng hướng về một mục tiêu: thành đạo vô thượng. Chế tâm nhất xứ thật sự. Người ở thế giới Tây phương Cực Lạc ai cũng một lòng một dạ quyết chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, nhất định phải chứng. Đây là tam bất thoái viên mãn, không thoái chuyển với Vô Thượng Bồ Đề. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề chính là Vô Thượng Bồ Đề. *Là biểu hiện tất cả những người tương lai phát nguyện cầu sanh về Tây Phương tịnh độ, đều không thoái chuyển Vô thượng Bồ Đề.* Lời này nói rất rõ ràng minh bạch. *“Khả kiến bất thoái chuyển chi thắng ích”*. Lợi ích thù thắng, lợi ích viên mãn, lợi ích không gì có thể sánh bằng. *“Diệc phục thông ư bổ thử nhị độ”*. Trong thế gian của chúng ta, lợi ích của quí vị không có gì thù thắng. Đến thế giới Cực Lạc, lợi ích quí vị có được chẳng những thù thắng mà còn rốt ráo viên mãn. Đoạn kinh văn khác này trong kinh tiểu bổn “đồng nhất huyền chỉ” với đoạn kinh văn ta đang đọc. “Huyền” là sâu xa, “chỉ” là mục đích. Đại nguyện đại lực của Phật A Di Đà không thể nghĩ bàn. Câu cuối cùng này là tán thán. Kinh văn chuyên luận y chánh trang nghiêm Cực Lạc đến phẩm 22 thì hết.

Dưới là lời tán thán của thập phương chư Phật. Phẩm 23 là Tán Thán Thập Phương Phật. *“Tam bồi vãng sanh đẳng” Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, Kinh nghĩa trước khi hội kết, đều quy tự tâm.* Đấy là lời Bành Tế Thanh, người thời Càn Long đời nhà Thanh. Đây là vị cư sỹ nổi tiếng của nhà Phật, Bồ Tát cư sĩ tại gia, thông tông thông giáo, cũng vãng sanh tịnh độ. Ông ấy viết Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận. Sau kinh chuyên luận y chánh trang nghiêm, ông đã tổng kết. Ta có thể đọc sơ qua. “Tổng kết tiêu quy tự tâm”. Câu này quan trọng. *Luận viết: như thượng chủng chủng trang nghiêm.* Chúng ta đọc được y báo trang nghiêm, chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. *“Chủng chủng Phật sự”.* Danh từ “Phật sự” ta cần có lý giải chính xác. Việc Phật hóa độ chúng sanh gọi là “Phật sự”. Đức Phật dùng gì để hóa độ chúng sanh? Đức Phật dạy học. Ta không thể không biết việc này. Năm xưa đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho ta thấy, 30 tuổi khai ngộ, là đại triệt ngộ, minh tâm kiến tánh. Sau khi khai ngộ, ngài bèn dạy học trò, 79 tuổi ngài viên tịch. Trong kinh luận hay nói, ngài giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm. Dạy 49 năm. Giảng kinh, dạy học là “Phật sự”, chính là việc giúp chúng sanh giác ngộ. Chúng ta giải thích như vầy mọi người dễ hiểu.

Ân đức vô lượng của Phật đối với tất cả chúng sanh là gì? Là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc. Điều này không hề giả dối. Cái khổ của chúng sanh trong lục đạo từ đâu mà có? Từ mê mà ra. Do mê nên chúng ta đã đánh giá lầm, nghĩ sai rất nhiều việc, rồi là làm bậy. Khổ báo cảm vời đến. Nếu người này giác, không mê sẽ không nghĩ sai, nói sai, làm bậy, thì sao khổ được? Tất nhiên sẽ lìa khổ được vui. Trong Phật pháp không có mê tín. Những gì nói đến toàn là chân tướng của vũ trụ. Giảng lục đạo, mười pháp cho ta, giảng thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực Lạc, giảng biến pháp giới hư không giới, quố độ của mươi phương chư Phật, mỗi mỗi đều chân thực. Chúng ta giác ngộ, chúng ta hiểu rõ, mới biết mình nên sống ra sao, làm việc ra sao, đối nhân xử thế ra sao. Trong đấy có niềm vui chân chánh. Nhà Phật nói lìa khổ được vui là sự thực, không phải nói suông. Giúp quí vị lìa khổ, giúp quí vị an vui thực sự. Nói cho hiện thực một chút, trong thế gian này quí vị có nỗi khổ sanh lão bệnh tử. Ngoài ra quí vị còn khổ vì cầu mà không được, còn khổ vì yêu thương mà phải chia lìa, còn khổ vì oán ghét mà gặp gỡ. Những nỗi khổ này, bất luận kẻ giàu sang, nghèo hèn đều gặp phải. Họ có thích không? Không thích. Không thích nhưng không lìa khổ được. Đức Phật đã phân tích tường tận những lý sự nhân quả này với chúng ta. Ngài nói hết sức rõ ràng, rành mạch. Ta mà giác ngộ thật sự thì quay đầu là bờ, sẽ biết phải làm gì, sẽ xác định được phương hướng, mục tiêu của đời mình. Cả đời ta đã có phương hướng và mục tiêu chính xác. Bất luận thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, chúng ta đều vượt qua hết sức dễ dàng, nâng cảnh giới của chính mình lên. Trong việc này có niềm vui khôn cùng. Vì sao vậy? Vì cứ dần dà học được bản lĩnh không bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu. Đấy là trí huệ chân thật, phạm vi chân thực, lợi ích chân thực mà trong kinh nói đến. Đấy gọi là “Phật sự”. Do đó Phật sự không phải tụng kinh bái sám như hiện nay. Không phải thế. Nên chúng ta phải nắm rõ từ “Phật sự” này.

“Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ”. Câu này nói gì? Các dạng trang nghiêm, các dạng Phật sự, bao gồm Phật xuất thế, Phật tu hành, Phật độ chúng sánh, bao gồm hết trong đó. “Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ” Hay! Câu này ý rất sâu. Nói thật với quí vị từ điểm này ta thấy Phật pháp bình đẳng chân chánh. Thực sự không đến, không đi. Hiện giờ có rất ít, chắc số người không nhiều, vài nhà khoa học lớn biết rõ. Như Phổ Lãng Khắc, nhà vật lý người Đức, những nhà khoa học đẳng cấp cỡ này họ biết, hiểu được chân tướng muôn pháp trong vũ trụ, hiểu không thấu triệt. Trong kinh đại thừa thì Phật- pháp thân Bồ Tát thấu triệt, các nhà khoa học không thấu triệt, nhưng cũng rất giỏi, vì họ tiếp cận được ranh giới của Đại thừa. Họ đã có thể phát hiện ba hiện tượng trong vũ trụ: hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Không dễ đâu. Vật chất là gì? Thông tin mà chúng ta gọi là tâm niệm là gì? Hiện tượng tinh thần này được họ nghiên cứu, quan sát, thâm nhập sâu sắc, đạt đến cảnh giới trong kinh Đại Thừa nói. Cuối cùng là hiện tượng tự nhiên chưa hiểu được trọn vẹn, nhưng trong kinh Đại Thừa nói rất rõ ràng. Chính là mấy câu nói ở đây: “Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ, như thủy trung nguyệt, như huyễn sở hóa nhân”, ba câu này, ta nghe mà không nghi ngờ. Vì sao vậy? Vì nghe nhiều rồi.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói cực rõ ràng. Đây là chân tướng sự thực. Hiểu được chân tướng này rồi mới biết tại sao Phật bảo chúng ta buông bỏ. Buông bỏ là đúng, không buông bỏ là sai. Khi Đức Thích Ca giảng dạy cũng dùng những điều này như trò chơi. Phật cũng biết biến hóa trò chơi.

“*Giai dĩ Phật thần lực cố tùy chúng sinh tâm nhi xuất hiện cố”.* Trong đây phải nói rõ. “Giai dĩ Phật thần lực cố”. Phật có khởi tâm động niệm không? Không. Khi Đức Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, ngài giảng kinh thuyết pháp 49 năm, nhưng thực không từng khởi tâm động niệm. Nhận biết của ta về Phật pháp phải bắt đầu từ chỗ này. Đức Phật không hề phân biệt, không chấp trước, không có ý niệm. Vì sao vậy? Có niệm đều là vọng hết. Khi ta niệm A Di Đà Phật thì ý nghĩ này là chánh niệm hay vọng niệm? Nói cho các vị biết, đấy vẫn là vọng niệm. Vậy tại sao vẫn niệm Phật? Đây là cứu cánh phương tiện mà đoạn trên nhắc đến. Khi quí vị niệm A Di Đà Phật thì trong lòng quí vị không có niệm nào khác, chỉ có niệm đó thôi, quí vị đến được thế giới Cực Lạc. Khi đến đó rồi thì niệm này không còn. Đây gọi là phương tiện cứu cánh ta không thể không biết. Khi ý nghĩ dứt bặt, quí vị sẽ minh tâm kiến tánh, sẽ thành Phật. Quí vị còn ý nghĩ thì không thành Phật được.

Nhà Phật nói đến chánh niệm. Chánh niệm là gì? Chánh niệm chính là vô niệm. Không có tất cả vọng niệm chính là chánh niệm. Mắt nhìn ngoại vật rõ ràng, không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước. Có thể nhìn rõ không? Được chứ. Lý nào không rõ được. Nhãn chiếu kiến. Tai nghe tiếng cũng gọi là chiếu kiến. Quí vị mới có thể nhìn ra chân tướng sự thâth. Chân tướng là tự tánh biến hiện. Đây là Phật lực, “Phật thần lực cố” trên thực tế là tự tánh biến hiện ra. Tự tánh là Như Lai. Tất cả hiện tượng đều do tâm chúng sanh mới xuất hiện. Cho nên Phật nói: “Nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sinh”. Thế giới Cực Lạc do tâm ta tưởng, Chúng ta tưởng đến Đức Phật A Di Đà, thế giới Cực lạc xuất hiện. Chúng ta nghĩ đến tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, thì thế giới hiện nay của ta xuất hiện. Nếu ta có đoạn tất cả ác, tưởng tất cả thiện, thì thiên đường sẽ xuất hiện. Toàn từ trong tâm tưởng này sanh ra. Nếu như trong suy nghĩ của ta toàn việc bất thiện, bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, trong Phật pháp gọi là tham sân si mạn, vọng ngữ, nói hai lưỡi, hàng ngày ta nghĩ đến những thứ này. Vậy nghĩa là sao? Quí vị đã tạo địa ngục.

Nói cách khác, không có cảnh giới nào cả. Toàn trong ý nghĩ của quí vị ra thôi. Các nhà khoa học thời cận đại đã phát hiện, báo cáo của họ hoàn toàn tương đồng với những gì nói trong kinh Phật. Từ 3000 năm trước, Phật đã nói rõ thế. Giờ các nhà khoa học chứng minh. Đây là một việc rất hay. Tin rằng nhà khoa học đều sẽ tin Phật pháp đại thừa.

*“Nên biết thần lực tất cả chúng sanh có vốn không khác với Như Lai”.* Lời này rất chân thật. Tất cả chúng sanh bao gồm cả tôi và quí vị trong đó, có trí huệ của Như Lai, có thần thông của Như Lai, có đạo lực của Như Lai, rõ ràng chẳng hề khác biệt gì so với Như Lai. Trong kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ: “Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Đức năng của Phật A Di Đà kiến tạo được thế giới Cực Lạc lý tưởng như thế. Đấy là do thần lực của Phật A Di Đà. Chúng ta vãng sanh về thế giới Cực Lạc, cũng nương theo lực của Phật A Di Đà, đem thần lực trong tự tánh của ta ra phát huy. Đấy là vãng sanh chân chánh. Nhân thật ở mình, Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên. Không có duyên này của Phật, ta không biết, không phát huy được năng lực. Thế nên thế giới Cực Lạc thành tựu ra sao? Do hai lực tự và tha cùng thành tựu. Nhưng không có nguyện lực này của Phật A Di Đà, tự chúng ta không thể, không có khả năng tưởng tượng viên mãn như thế. Điều này ta không thể không cảm ân Phật A Di Đà. Ngài đã tưởng tượng quá viên mãn, quá chu đáo, ta không nghĩ ra được. Ngài làm tăng thượng duyên cho chúng ta.

Dưới đây nói Ngài không khác biệt gì chúng ta. “*Đặc vô đại nguyện đại hạnh”.* Chúng ta thiếu chỗ này. 48 đại nguyện của Phật A Di Đà là tiêu biểu. Ta không có. 48 nguyện, nguyện nào cũng vì chúng sanh khổ nạn. Chúng ta ngày nay thì điều nguyện nào cũng cho mình, không hề nghĩ đến ai. Tâm lượng của Ngài đối với chúng sanh quá lớn. Vì tất cả chúng sanh khổ nạn trong biến pháp giới hư không giới, không vì một đất nước, một dân tộc, một thế giới riêng nào. Ngài vì tất cả chúng sanh trong vô lượng vô biên thế giới. Chúng ta không nghĩ đến thế. Có đại nguyện còn cần đại hạnh, làm thật sự, dốc tâm dốc sức thực hiện, “phát khởi thắng nhân”.

*“Bất giác bất tri trầm luân vĩnh kiếp”*. Đối với đức tướng trí huệ trong tự tánh hoàn toàn không nhận ra, không biết đến, luân lạc trong sáu nẻo luân hồi khổ biết bao. Quá đáng thương!

*Nếu có thể một niệm hồi quang, mới biết gia nghiệp vẫn còn.* Liệu có thể quay đầu lại không? Trong Đại thừa Phật thường bảo: “Quay đầu là bờ”. Hôm nay quí vị đi trên con đường luân hồi. Quay đầu lại chính là con đường Phật đạo vô thượng. Quí vị không chịu quay lại, vẫn đi trên nẻo luân hồi thì còn cách nào. Việc này gọi là gì? Gọi là vô duyên với Phật. Nếu quay lại được thì có duyên với Phật, Bồ Tát. Tôi đi trên đường Phật đạo. Đi trên Phật đạo thật sự được lìa khổ được vui. Thân tâm quí vị không hề bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu. Việc của người không thể quấy nhiễu quí vị. Hoàn cảnh vật chất càng không thể rầy rà. Bất kỳ hoàn cảnh nào quí vị cũng được đại tự tại, quí vị không ngừng nâng cao linh tính của mình. Quí vị rất rõ vũ trụ và pháp giới. Nói cách khác, sanh từ đâu đến, chết đi về đâu, tất cả rõ ràng minh bạch. Hiểu rõ rồi mới biết căn bản không hề có chết, quăng bỏ thân này là giải thoát, có thân mới không tự tại. Thân này là gánh nặng, buông bỏ rồi được đại tự tại. Gia sản này là tự tánh vốn có. Nhớ đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự cụ túc”. Lúc thức tỉnh có, khi mê cũng có. Nếu bảo lúc mê không có tự tánh, gọi là mê thất, tự tánh không tác dụng. Lúc giác ngộ nó mới khởi tác dụng, quí vị sẽ tận hưởng được những gì lúc mê không được thụ hưởng. Khác biệt ở chỗ này. Chứ không phải thật đánh mất tự tánh.

Tâm thanh tịnh sẽ sanh trí tuệ. Tâm không thanh tịnh thì sinh phiền não, tâm thanh tịnh sanh. Nếu quí vị buông bỏ được phiền não, tâm thanh tịnh tâm khởi tác dụng toàn là trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, có thể làm chủ vạn vật. Tại sao không mong trí huệ mà thích phiền não? Đấy gọi là mê hoặc điên đảo.

Ví dụ dưới đây: *“Như nhập bảo Sơn, thủ chi vô tận, như du hương quốc, xúc xứ mông huân”*. Ví dụ rất hay, quí vị đi vào núi báu, trên núi toàn báu vật, quí vị lấy sao cho hết. Như quí vị đến xứ hương, kháp nơi ngào ngạt hương quý. Những gì quí vị tiếp xúc đều thơm tho.

Nói thật thế giới Cực Lạc chính là núi báu, thế giới cực lạc chính là xứ hương. Quang minh, trân bảo, hương quý của thế giới Cực Lạc tràn ngập khắp thế giới, không nơi nào trong biến pháp giới hư không giới không có. Vì sao ta chẳng thấy, không ngửi được?

Hai câu dưới đây: *“Yếu tu thân đáo phương hưu, thận vật bán đồ nhi phế”.* Hai câu này khích lệ chúng ta. Hiện nay chúng ta không thấy ánh sáng Phật, không thấy châu báu, không ngửi được diệu hương, vì hiện giờ cỗ máy của chúng ta đã hỏng hóc. Ánh sáng của Phật, ánh sáng của đất đai sông núi thế giới Cực Lạc, bao loại hương tuyệt diệu không thể diễn tả, ta có nhận được không? Tiếp thọ rồi, chúng ta tiếp thọ rồi nhưng không hề nhận ra. Chính vì sáu căn của ta: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu căn bị che lấp, nhận được mà không có phản ứng. Vì sao thân tâm địa thanh tịnh, như A La Hán, Bích chi Phật lại có phản ứng? Chư Phật Bồ Tát tâm địa thanh tịnh bình đẳng nên có phản ứng. Chúng ta ở cùng ngài, vì sao ngài có phản ứng mà ta lại không phản ứng? Điều này chứng tỏ không phải ánh sáng Phật chỉ chiếu rọi ngài, không chiếu rọi ta. Không phải hương báu chỉ ngào ngạt với ngài, không tỏa thơm cho ta. Nếu vậy ngài sẽ có phân biệt chấp trước. Ngài không hề thế, chính ta mới như vậy. Chứng minh trong kinh nói không sai: thế giới Cực Lạc đích thực quang minh sáng rỡ, hương quý ngạt ngào. Do thân tâm ta không sạch, ô nhiễm. Tuy đã tiếp xúc với ơn huệ của Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc, mà vẫn hoang mang vô tri, chẳng hề ý thức. Vấn đề ở chỗ này. Cho nên trong giáo lý Đại thừa các bậc cao tăng thường nói: “duy chứng phương tri”. Quí vị mới biết điều đó không hề giả dối. Muốn chứng đắc thì phải buông bỏ. Chính là buông hết chấp trước mà trong kinh nói đến. Thật sự không chấp trước vào nhất thiết pháp thế gian và xuất thế gian, thì tâm thanh tịnh của quí vị mới hiện tiền. Thông tin của mười phương thế giới đến, quí vị sẽ phản ứng, quí vị đều cảm nhận được. Vì sao vậy? Vì hiện giờ chúng ta cũng tiếp nhận được, nhưng không cảm nhận, cũng không phản ứng, do tâm không thanh tịnh. Tâm thanh tịnh mà hiện tiền thì có cảm nhận, có phản ứng.

Công phu được nâng cao hơn, tâm thanh tịnh hiện tiền, vậy quí vị chính là Bồ Tát. Không những quí vị có phản ứng, mà quí vị còn có thể giao du với chư Phật và Bồ Tát, trao đổi thông tin qua lại.

Nâng cao hơn nữa thì khởi tâm động niệm đều không còn. Quí vị hòa làm một với mười phương chư Phật Như Lai. Tác dụng khởi lên sẽ lớn. Nói cách khác hôm nay chúng ta toàn đưa thể năng của ta, năng lực của tâm ta phát huy đến cực độ. Đấy là mục tiêu cuối của Phật pháp Đại thừa, cũng là bổn nguyện, tâm nguyện của Phật A Di Đà. “Quyết Chứng Cực Quả” chúng ta học đến chỗ này.

Hồi 23 dưới đây Thập Phương Phật Tán. Đây cũng là bổn nguyện của Phật A Di Đà. Phẩm này có 3 đoạn lớn.

Đoạn thứ nhất: *Sơ minh thập phương Phật tán, thứ minh Phật tán thân ý, mạt minh nhất niệm tịnh tín, bất khả tư nghị công đức*. Dưới có 3 đoạn này, chúng ta xem kinh văn.

*Phục thứ A Nan, đông phương hằng hà sa số thế giới, nhất nhất giới trung như hằng sa Phật, các xuất trường thiệt tướng, phóng vô lượng quang, thuyết thành thực ngôn, xưng tán vô lượng thọ Phật bất khả tư nghì công đức.*

Đây là thuyết minh tường tận về đông phương. Dưới này giản lược đi.

*Nam tây bắc phương, hàng sa thế giới, chư Phật xưng tán, diệc phục như thị, tứ duy thượng hạ, hằng sa thế giới, chư Phật xưng tán, diệc phục như thị.*

Vậy là đã nói rõ mười phương tam thế nhất thiết chư Phật Như Lai không ai chẳng tán thán Phật A Di Đà.

Ta xem chú giải của Niệm Lão: *“Thủ tiêu Đông phương, thuận thế tục cố”.* Đông nam tây bắc xếp phương đông lên đầu. Đấy là thế gian của ta có tập tục, tập quán này. Trong cảnh giới chư Phật và Bồ Tát, mười phương đều bình đẳng, không có trước sau, lớn nhỏ, hoàn toàn bình đẳng. Đây là thuận theo thế tục, mặt trời mọc ở phương đông. “*Thế giới phương đông nhiều như số cát sông Hằng”.* Kinh Phật dù Đại Thừa hay Tiểu Thừa, khi hình dung số lượng nhiều thường dùng cát sông Hằng để so sánh. Năm xưa Đức Thế Tôn còn tại thế, giảng dạy kinh pháp lâu nhất ở hai bờ sông Hằng. Nên khi nhắc đến sông Hằng ai cũng tận mắt nhìn thấy, cát sông Hằng rất mịn như bột mì. Quả thực khác với các loại cát khác.

Tôi chưa đến Ấn Độ. Có những vị hòa thượng đi Ấn hành hương. Khi về tặng tôi cát sông Hằng đựng trong lọ nhỏ. Tôi thấy quả rất mịn. Lời kinh nói có thật, không hề giả dối. Số lượng cát sông Hằng là bao nhiêu? Không sao đếm xuể! Vậy thế giới phương đông có bao nhiêu? Một thế giới là giáo khu của một vị Phật. Phạm vị giáo hóa của một vị Phật là một thế giới, cũng gọi là một đại thiên thế giới. Đại thiên thế giới bao lớn? Dùng cách tính hiện này thì một tỉ dải ngân hà là một đại thiên thế giới, là thế giới của một vị Phật. Vậy ta phải biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành Phật trên trái đất chúng ta. Trụ thế 80 năm. Đức Phật niết bàn năm 80 tuổi, rời khỏi thế giới chúng ta, rời khỏi trái đất. Không nên nói rời thế giới, vì thế giới quá lớn, đến một tỉ dải ngân hà. Ngài đến tinh cầu khác. Rời nơi đây sang chỗ khác, ngài vẫn đang dạy đệ tử, chưa hề đứt đoạn. Pháp vận của đức Thích Ca Mâu Ni là 12.000 năm với người trái đất chúng ta. Có chánh pháp, có tượng pháp, có mạt pháp. Đây đều là thuận theo thế tục mà nói.

Ta lại xem: “Nhất nhất giới trung, các hữu hằng hà sa số chi Phật”. Thế giới nhiều như số cát sông Hằng. Hiện giờ mỗi thế giới, mỗi thế giới lại có Phật nhiều như số cát sông Hằng. Vậy có bao nhiêu vị Phật? Không thể nói được, chẳng các nào tính ra. Những vị Phật này, mỗi vị đều “xuất quảng trường thiệt tướng, phóng vô lượng quang, thuyết thành thực ngôn”*.* Quảng trường thiệt tướng là một trong 32 tướng. Phật có tướng lưỡi rộng dài trong 32 tướng. Lưỡi chúng ta mà thè ra không liếm được mũi. Lưỡi Phật đưa ra có thể che kín mặt. Năm xưa khi còn tại thế ngài vẫn luôn biểu diễn cho mọi người xem, không hề giả dối. Tướng đó từ đâu mà có? Do đời đời kiếp kiếp không nói láo, không dối gạt người. Do miệng xa lìa bốn lỗi: Không nói láo, không nói hai lưỡi. Nói hai lưỡi là đâm thọc thị phi, không nói ác, không nói thô tục, không thêu dệt. Thêu dệt là dùng lời ngon ngọt lừa dối kẻ khác. Không có bốn lỗi này, nên tướng lưỡi rộng dài. Nếu có kẻ thè lưỡi ra liếm được mũi thì kẻ đó phải ba kiếp không nói dối, mới có tướng đó. Lưỡi Phật thè ra che kín mặt, chứng tỏ đức Thích Ca Mâu Ni đời đời đều không dối trá, mới hiện tướng đó. Để làm gì? Để mọi người tin lời Phật. Lời Phật chân thật, không có câu nào giả dối.

“Phóng vô lượng quang Thuyết thành thực ngôn xưng tán vô lượng thọ Phật bất khả tư nghị công đức”.

Hết giờ rồi, bài giảng sau, chúng ta sẽ bắt đầu giảng từ chỗ này.

Hết tập 382

# Tập 383

Chuyển ngữ: Lý Hương  
Biên tập: Bình Minh  
Thời gian: 22/04/2011  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quí vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 474, hàng thứ hai đếm từ dưới lên, bắt đầu xem từ câu cuối cùng.

*Quảng Trường Thiệt Tướng là một trong 32 tướng, lưỡi rộng và dài, mềm mại, đỏ mỏng, thè ra khỏi miệng, có thể che kín mặt đến chân tóc.*

Đây là giải thích trong kinh văn, chư Phật nhiều như số cát sông Hằng đều có tướng lưỡi rộng dài. Giải thích câu này. Quảng Trường Thiệt Tướng là một trong 32 tướng, chú thích rất rõ, lưỡi rộng và dài. Trong kinh điển đại thừa ta thường đọc. Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của Giang Vị Nông cư sĩ. Trong nói rất rõ về 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Mỗi tướng tốt đều do thiện đức tích lũy tạo thành. Lưỡi rộng dài là do không nói láo. Dưới đây có đoạn nói đến việc đó. Trong kinh Phật thường bảo ta nếu như có kẻ 3 đời không nói láo, liên tục 3 đời như thế, đương nhiên người này tu rất khá và không tạo ác nghiệp, ba đời đều được thân người, ba đời đều được học giáo pháp của Phật. Không hề phạm bốn lỗi của miệng: không nói láo; không nói hai lưỡi; không nói lời thêu dệt, bay bướm; không nói lời ác ý. Thì người như thế lưỡi sẽ liếm được chóp mũi. Thè ra là có thể chạm được đầu mũi. Lưỡi của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phủ che được gương mặt đến tận chân mép tóc của ngài. Điều đó chứng tỏ với chúng sanh Đức Phật trong vô lượng kiếp đời đời kiếp kiếp chưa từng nói láo, nên mới có tướng lành như vậy. Chứng minh lời Phật dạy đáng tin, ta tiếp nhận được. Không phải hiện giờ mọi người tán thán mà là mười phương thế giới, mỗi phương thế giới đều dùng số cát sông Hằng để tỉ dụ, thật ra thì số cát sông Hằng cũng không thể nào so sánh xác thực được. Mỗi vị Phật trong từng thế giới cũng y như số cát sông Hằng, cát sông Hằng lại nhân với cát sông Hằng, biết bao nhiêu chư Phật!

Vì sao nhiều Phật đến thế? Thật ra chúng ta có thể cảm nhận trên lý thuyết, trong Kinh hoa nghiêm Phật dạy rằng: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Câu này hết sức quan trọng. Cho nên tâm bình đẳng của Phật, tâm của Bồ Tát luôn chứa chất cảm ơn, thành kính. Bởi vì ngài biết tất cả chúng sanh vốn là Phật. Tất cả chúng sanh tương lai đều sẽ thành Phật. Chỉ khác nhau ở sớm hay muộn thôi. Kinh cũng nói rất rõ về nguyên nhân của việc sớm và muộn đó. Luôn do gặp duyên khác nhau. Trong đời ta gặp nhân duyên này, nếu thật muốn thành Phật thì chẳng hề khó. Đây là con đường dễ đi duy nhất trong 84000 pháp môn. “Vạn người tu, vạn người đến được”. Trong bổn nguyện của Phật A Di Đà có nói rất rõ: tạo tội nghiệp nặng nề ngũ nghịch thập ác. Tội ngũ nghịch chắc chắn phải đọa xuống địa ngục A Tì. Nếu được nghe pháp môn này mà hồi tâm chuyển ý, chân thành sám hối, phát bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm, thì đều có thể vãng sanh, chẳng sót ai cả. Quí vị muốn hỏi vì sao? Vì kẻ ác khi biết quay đầu lại, biết sám hối thì đã là người thiện. Họ vốn là người thiện. Ngay cả ở Trung Quốc, khi Phật giáo chưa truyền đến mà tổ tiên của người của chúng ta cũng bảo con cháu rằng: nhân tánh bổn thiện –“nhân chi sơ, tánh bổn thiện”. Bổn thiện chính là Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, sao có thể không thành Phật được!

Cho nên việc trở thành Phật là trong phận sự của chúng ta. Phải nên làm như thế. Vì sao chứ? Vì chúng ta đã mê thất tự tánh, luân hồi trong sáu nẻo quá khổ sở! Nếu chúng ta may mắn sống vào đời thanh bình thịnh vượng, thì kiếp người cũng tạm được. Nếu không có phước báo gặp thời loạn lạc, nhất là như hiện nay trái đất quá nhiều thiên tai, biến loạn. Xưa nay lịch sử chưa từng ghi chép nhiều thế bao giờ, quá khổ sở. Không có thiên tai chiến nạn thì cũng sống rất khổ.

Đức Thế Tôn giới thiệu với chúng ta thế giới Cực Lạc Tây phương, ta đọc xong vô cùng ngưỡng mộ. Đấy là nơi ta nên đến. Và Phật nhắc đi nhắc lại với ta rằng: nếu con thật lòng muốn đến đó thì ngay trong đời này sẽ đến được đó, không sót kẻ nào cả. Kẻ phạm tội ngũ nghịch thập ác còn đến Cực Lạc được mà. Chỉ có một hạng người không đến cõi cực lạc được, đó là hạng không tin. Đã không tin thì bó tay. Không tin nghĩa là chẳng chịu vãng sanh. Qua đó có thể biết vãng sanh được hay không, có thể thành Phật trong kiếp này được hay không, tất cả đều nằm trong tay của chính ta. Chẳng liên quan gì đến bất kỳ ai. Tại sao chúng ta không chịu đi?

Những năm qua tôi đã giảng rất nhiều, trong kinh nói về Lục đạo luân hồi, thực ra cũng có sáu con đường. Hiện nay chính chúng ta tạo ra, dù cố ý hay vô tình, bày ra trước mặt chúng ta, rõ ràng chỉ có 2 con đường có thể thực hiện được: một là cầu sanh tịnh độ, hai là đọa vô gián địa ngục. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của ta, mở quyển kinh ra đối chiếu xem, có phải chúng ta tạo tội nghiệp địa ngục rồi chăng? Tạo tội nghiệp địa ngục sao có thể không đọa?

Năm trước chúng tôi thấy quyển sách này . Đây là quyển Bí Ẩn Đoàn Quân Của Đại Đế Khải Tát Đông Chinh Trung Quốc. 2100 năm trước, đoàn quân này đều chết hết ở Trung Quốc, bị tiêu diệt hết. Thân chết nhưng linh hồn không chết. Chuyện này khiến chúng ta phải ý thức đến việc, thân xác có sống có chết, nhưng ta thì không sống không chết. Thân của ta có sanh có tử, nhưng ta không sanh không tử. Ta vẫn còn luân hồi xoay vần trong sáu nẻo. Linh hồn có phải là ta không? Không thể bảo linh hồn là ta, cũng không thể bảo linh hồn chẳng phải là ta. Vì sao thế? Vì nó là ta đã biến chất đi. Biến chất thế nào? Mê muội, mất tự tánh của ta. Nếu thứ đó thức tỉnh. Thì không gọi là linh hồn mà gọi là linh tánh. Vẫn là nó, mê thì gọi là linh hồn, giác ngộ thì gọi là linh tánh. Linh tánh thì bất diệt, linh tánh là chân ngã, cái ta thật sự. Người đi tu tu gì? Chẳng phải là họ không ngừng đưa linh tánh lên cao, cho đến cảnh giới cứu cánh viên mãn chính là quả vị diệu giác đại thừa.

Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đọc thấy Bồ Tát có 51 cấp. Cứ từng bậc, từng bậc nâng lên. Đến bậc diệu giác thì viên mãn, trở về với tự tánh vốn có. Minh tâm kiến tánh rất hay, kiến tánh là thành Phật. Nhưng sau khi kiến tánh rồi còn phải tu. Kiến tánh chưa trở về tự tánh. Nhưng người đã kiến tánh chắc chắn sẽ quay lại tự tánh vốn có, đấy chỉ là vấn đề sớm muộn thôi. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, minh tâm kiến tánh là Bồ Tát Sơ trụ. Cứ lên từng bậc cho đến đẳng giác có 41 địa vị. 41 địa vị đó đều là minh tâm kiến tánh. Thế tại sao lại còn 41 địa vị? Thật có 41 địa vị nhưng quí vị không thể bảo là có, bởi vì những người minh tâm kiến tánh này đã cắt đứt vô thỉ vô minh rồi. Vô thỉ vô minh là gì? Là khởi tâm động niệm, lục căn trong cảnh giới không khởi tâm không động niệm. Đấy là tự tánh bổn định. Lúc Lục tổ Huệ Năng khai ngộ đã nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, đấy chính là tự tánh bổn định. Cho nên định mới là chân tâm thật sự, chân tâm hiện tiền. Khởi niệm đã sai rồi. Vì ý niệm chính là do quí vị bất định, quí vị đã dao động, đã mê. Họ đều buông bỏ hết tất cả phân biệt chấp trước khởi tâm động niệm. Cảnh giới đó là cảnh giới bình đẳng. Trên đề kinh này là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Họ đều đạt được cảnh giới này.Thế tại sao vẫn còn cấp bậc? Cấp bậc là do tập khí chưa dứt. Tập khí vô thỉ vô minh. Tập khí không trở ngại, nhưng chỉ ngăn cản một việc là ngăn cản quí vị quay về tự tánh. Có nghĩa là quí vị trụ ở cõi thật báo trang nghiêm, không thể tiến vào cõi thường tịch quang.Thường tịch quang chính là tự tánh. Thường tịch quang cũng chính là Đại Bát Niết Bàn trong kinh điển đại thừa nhắc đến. Tập khí vô thỉ vô minh có cách gì để dứt đoạn? Chẳng có cách nào. Không khởi tâm không động niệm thì còn cách nào? Chỉ là để cho thời gian trôi qua tự nhiên sẽ mất đi thôi. Cho nên không trở ngại gì cả là vậy. Bồ Tát ở cõi thật báo trang nghiêm có trí huệ, thần thông, đức tướng, không khác biệt so với diệu giác vị Phật quả. Khởi tác dụng cũng vậy, chúng sanh hữu duyên trong biến pháp giới hư không giới đều có cảm ứng đạo giao với ngài. Bồ Tát có năng lực hóa thân, không chỉ ngàn trăm ức hóa thân, mà còn đồng thời có thể ứng với tất cả cảm của chúng sanh hữu duyên. Chúng sanh có cảm, Phật sẽ có ứng, cảm ứng đạo giao nhau.

Trước đây chúng ta nói rất nhiều về cảm ứng, có thể chia làm 4 loại lớn: hiển cảm hiển ứng, minh cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm minh ứng, 4 dạng. Cách ứng như thế nào? Chư Phật Bồ Tát không khởi tâm không động niệm. Quí vị muốn hỏi ngài có cách gì thì ngài đâu có cách. Từ đó cho thấy, cái ứng mà chúng ta nhìn thấy là do ý niệm của chúng ta biến hiện ra. Ý niệm của chúng ta là duyên, ứng của ngài là nhân. Khi nhân duyên hòa hợp thì cảnh giới sẽ hiện tiền. Chính là lời trong kinh Lăng Nghiêm nói: tùy theo ý niệm của chúng sanh mà thị hiện, chứ không phải theo ý niệm của Phật. Phật không có ý niệm. Pháp thân Bồ Tát chính là Phật. Thật sự hằng thuận chúng sanh, tùy hỉ công đức. Trong kinh Lăng Nghiêm nói: “tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”. Như chúng ta gõ trống, trống đâu có ý niệm. Gõ lớn, vang lớn, gõ khẽ, vang khẽ, không gõ thì không vang. Cho nên ta khởi tâm động niệm cầu Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát phản ứng lại chứ ngài không hề khởi tâm động niệm. Cần dùng thân gì để độ thì ngài sẽ hiện ra thân đó, cần nói pháp gì để độ thì ngài sẽ nói pháp đó. Vì sao vậy? Vì chúng ta muốn nhìn thấy tướng gì, muốn nghe pháp gì thì ngài sẽ có phản ứng đó cho.

Thế giới tây phương Cực Lạc, chánh báo, Phật A Di Đà thuyết pháp, y báo, quí vị nhìn xem cỏ cây hoa lá¸ tất cả đều tuyên dương diệu pháp. Đấy cũng là ý niệm của chúng ta cảm, đương nhiên sẽ hồi ứng lại. Do đó chúng ta rõ năm xưa Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, Phật có nói câu pháp nào không? Không. Chúng sanh chúng ta thỉnh giáo Phật Thích Ca Mâu Ni, nêu ra vấn đề, đương nhiên có hồi ứng. Không hề thông qua suy ngẫm, không có khởi tâm động niệm. Qua đó chúng ta có thể hiểu được đấy là hồi ứng của tánh đức. Phật đã thị hiện như thế đó là duyên, chớ nên hiểu lầm Phật vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước, vẫn còn khởi tâm động niệm. Hiểu như vậy là sai hoàn toàn!

Cho nên thuyết pháp, pháp gọi là diệu, diệu ở đây đúng là kỳ diệu không thể nói hết được. Quảng trường thiệt tướng cũng là duyên. 32 tướng này, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, đều là hằng thuận chúng sanh. Ấn Độ xưa có tập tục cho rằng có 32 tướng là tướng người vĩ đại, tướng thánh nhân, cho nên đương nhiên ngài hiện tướng này, đó là tùy tâm chúng sanh mà hiện.

Trong Kinh A Di Đà Lược Giải, Cừ Am sư nói rằng: *“xuất quảng trường thiệt, biểu vô hư vọng”.* Quan trọng là điều này. Hiển thị, thể hiện chân thực, không dối trá. *“Vô lượng kiếp lai, khẩu ly tứ quá”*. Bốn loại lỗi của miệng, như trong thập thiện nghiệp có nói: không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời thêu dệt màu mè, thêu dệt màu mè chính là dùng lời ngon tiếng ngọt lừa dối kẻ khác, không nói lời ác khẩu, ác khẩu là ngôn ngữ thô bạo làm cho người ta khó chịu khi nghe. Bốn lỗi này đều không hề phạm gọi là không vọng ngữ*, “cố cảm thử tướng”.* Cho nên đấy là tự nhiên. Quí vị thật sự tu như thế thì sẽ cảm được quả báo như vậy.

*Lại trong Viên Trung Sao có nói: “Duy thế tôn đa kiếp thực ngữ, cố thiệt tướng quảng trường, siêu dị thường nhân”.* Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở đoạn trên nói là vô lượng kiếp, trong Viên Trung Sao cũng bảo là nhiều kiếp, chiêu cảm được quả báo thù thắng thế này. *Có thường tướng khác với hiện tướng, nếu thường tướng khi co lại tuy thường ở miệng, thè ra thì che được mặt đến tận chân tóc.* Ngài không thè ra thì quí vị không thấy được, vì lưỡi nằm trong miệng. Khi ngài đưa lưỡi ra thì lưỡi che được mặt. *Thị hiện như thế để khiến cho ngoại đạo sanh lòng tin.* Nếu quí vị không tin Phật nói chân thành, thì Phật sẽ biểu diễn cho quí vị xem tướng lưỡi đó.

Thừa xưa phong trào học đạo của người Ấn rất thịnh. Việc tu hành, tu đạo trong thời của Đức Thế Tôn gần như là một trào lưu thời thượng của người Ấn, mọi người đều thích. Những người tu theo các đạo khác, khi gặp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nghi ngờ những lời Phật nói, Phật bèn dùng phương pháp này để thị hiện, cho họ biết, lời của Như Lai là lời chân thật.

Còn nói về hiện tướng thì lại có lớn nhỏ khác nhau, như trong Kinh A Di Đà, trong kinh A Di Đà có những câu sau đây: *“như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn, nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị xưng tán, bất khả tư nghị công đức, nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh”*.

Tướng lưỡi rộng dài này lớn lắm, không chỉ che hết mặt, mà còn che trùm cả tam thiên đại thiên thế giới. Việc này có thật không? Lời này của Phật có hơi quá không? Nếu nói quá thì cũng là vọng ngữ. Vậy chúng ta nên giải thích như thế nào? Các nhà vật lý hiện nay cho ta biết, ở đoạn trước chúng ta từng đọc về một sợi lông, một hạt bụi. Lông là lông tơ, đầu sợi lông tơ có chánh báo nhỏ nhất. Bụi là vi trần, là y báo nhỏ nhất. Những cái nhỏ nhất này vẫn chưa là nhỏ. Ngài bảo trên đầu của một sợi lông tơ, một hạt bụi, thì chúng ta không thể nào tưởng tượng được. Điểm nhỏ nhất đó, Hoàng Niệm lão là người học khoa học, đã nói với ta trong chú giải của ông: những nhà khoa học gần đây nhất, ở thập niên 80, cũng có nghĩa là khoảng 30 năm gần đây, những nhà vật lý đã phát hiện, lượng tử nhỏ nhất và cũng gọi là tiểu quang tử, rất nhiều khả năng chính là cực vi chi vi mà trong kinh Phật nói. Không thể còn gì nhỏ hơn nữa. Nhỏ đến mức độ nào? Chúng ta nói về nguyên tử, điện tử, hạt điện tử xoay xung quanh hạt nguyên tử rất giống như một hành tinh, như thái dương hệ vậy. Mắt thường không thấy được. Hạt nguyên tử tựa mặt trời, ở trung tâm, xoay quanh nó là các hạt điện tử, như các hành tinh. So sánh chỗ nhỏ nhất đó với hạt điện tử, thì bao nhiêu chỗ nhỏ nhất đó mới bằng được một hạt điện tử? Câu trả lời là 10 tỷ. Cũng có nghĩa là 1 phần 10 tỷ của hạt điện tử là vi điểm - điểm nhỏ nhất. Thứ nhỏ đến thế về hiện tượng vật chất.

Chúng ta đọc được trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán: hiện tượng vật chất không tách khỏi hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất nhỏ đến đâu, như tiểu quang tử mà các nhà vật lý hiện nay nói cũng có đủ hiện tượng ngũ uẩn: sắc thọ tưởng hành thức. “Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Ngũ uẩn nói đó chính là tiểu quang tử. Trong Phật pháp nói là cực vi chi vi, nó là hiện tượng vật chất. Trong hiện tượng vật chất này có thọ tưởng hành thức, có tất cả những thứ đó. Không những thế, trong tiểu quang tử này còn có thế giới. Biến pháp giới hư không giới ở trong tiểu quang tử này. Trong kinh nói rằng: Phổ Hiền Bồ Tát, Đẳng Giác Phổ Hiền có năng lực vào thế giới bên trong hạt bụi vi trần. Vào trong thế giới vi trần để tham bái, viếng thăm chư Phật Như Lai. Vào trong đó cúng dường Phật, nghe kinh, nghe pháp. Vì bên trong đó rất lớn. Thế giới không hề thu nhỏ, vi điểm này cũng không hề phóng lớn. Thế mà trong vi điểm này lại có cả một thế giới. Chúng ta phải hiểu được lý này.

Cái lưỡi bình thường của chúng ta che được bao nhiêu vi điểm. Mỗi một vi điểm đều là biến pháp giới hư không giới. Trong đoạn này viết: “Biến phú tam thiên đại thiên thế giới”. Thì khả năng này là có thật, không hề giả dối. Đấy là chân tướng của sự thật. Ai nắm rõ? Phổ Hiền Vương Bồ Tát hiểu rõ. Quí vị hỏi ngài thì chắc chắn ngài sẽ nói cho quí vị biết. Thật đấy, chẳng hề giả dối chút nào. Sau đó ngài sẽ quay lại bảo quí vị: con cũng thế, chỉ tự con không biết mà thôi. Nếu chúng ta hiểu được một ít kiến thức thông thường trong tự tánh thì vấn đề đã được giải quyết hoàn toàn rồi. Tự tánh chỉ cần xứng tánh thì không có lớn nhỏ. Chỉ cần xứng tánh thì không có không gian và thời gian. Không có thời gian, không có quá khứ, tương lai. Không có không gian thì không có cự li, cũng có nghĩa không hề có lớn hay nhỏ. Nếu quí vị bảo lớn thì lớn vô cùng. Nếu quí vị bảo nhỏ thì nhỏ đến cực vi. Đấy là một chẳng phải hai. Thực tế chỉ là một niệm ngay đây. Một ngay đây này rất khó hiểu. Một niệm này chính là nhất niệm mà Di Lặc Bồ Tát và Phật Thích Ca Mâu Ni đối thoại. Một cái khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm. Chính là một niệm như thế. Một niệm này nếu như dứt đoạn thì hư không pháp giới đều không còn nữa. Dứt đoạn là sao? Dứt đoạn là trở về lại tự tánh. Một niệm này mà không dứt, Bồ Tát ở cõi thật báo, 41 vị pháp thân đại sĩ đã cắt đứt rồi, nhưng vẫn còn dây tơ vương vít, các ngài đã cắt đứt được khởi tâm động niệm, nhưng tập khí thì chưa đoạn, nên vẫn còn vương vít, vẫn còn hiện tượng phát sinh ra. Ngày nào mà tập khí này dứt tận, thì cảnh giới này không còn. Cõi thật báo cũng không còn. Cho nên tất cả tướng đều là hư vọng, bao gồm luôn cả cõi thật báo trang nghiêm. Cõi thật báo trang nghiêm cũng không ngoại lệ. Chỉ có một thứ thật sự không sanh không diệt, đó là thường tịch quang. Thường tịch quang chính là thể thanh tịnh viên minh của tự tánh. Nó không sanh diệt, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Nó chẳng có gì cả. Cho nên khoa học bó tay với nó, vĩnh viễn không bao giờ thăm dò được. Trong kinh Phật nói rất rõ về sự việc này. Vì sao lại không thăm dò được? Vì quí vị dùng vọng tâm, dùng tâm phân biệt, tâm chấp trước. Phân biệt là thức thứ sáu, chấp trước là mạt na- thức thứ bảy. Công năng của thức thứ sáu lớn nhất, Phật bảo thế. Quí vị xem nó tương ứng với 51 tâm sở. Không có tâm sở nào mà nó không tương ứng. Đối ra bên ngoài thì nó có thể duyên đến cả vũ trụ. Còn đối nội thì nó có thể duyên đến A lại da. Các nhà lượng tử lực học hiện đại đã nhìn thấy được thứ này, chính là hiện tướng A lại da. A lại da có 3 tướng vi tế. Nghiệp tướng của a lại da, nhà khoa học gọi nó là năng lượng. Chuyển tướng của A lại da chính là kiến phần. Nghiệp tướng là tự chứng phần. Chuyển tướng là kiến phân, khoa học gọi là thông tin. Cảnh giới tướng là tướng phần, khoa học gọi nó là vật chất. Cũng có nghĩa là dùng ý thức, những gì quí vị duyên tới được là cực hạn. Quí vị đã đạt đến cực hạn rồi thì không có cách gì đột phá nữa. Hiện giờ khoa học biết hiện tượng vật chất từ đâu mà có, biết được ý niệm là nền tảng của hiện tượng vật chất. Cho nên hiện tượng vật chất từ ý niệm mà phát sanh ra. Nhưng ý niệm từ đâu mà có, phát sanh như thế nào thì khoa học không tìm ra. Họ chỉ nói một câu, cũng chính xác là: từ không sanh ra có.

Tâm thanh tịnh tự tánh. Ai biết được thường tịch quang? Trong kinh nói rất hay: sự việc này thì “chỉ có chứng mới biết được”. Quí vị chứng đắc thì quí vị biết. Dùng cách gì để chứng? Dùng thiền định, chính là buông xả. Nếu quí vị thật sự có thể buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thì quí vị sẽ biết. Bởi vì khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước là vọng tâm. Vọng tâm thì chỉ có thể duyên với vọng cảnh. A lại da là vọng, hư vọng. Pháp giới hư không giới cũng là hư vọng. Quí vị có thể duyên tới được hư vọng. Nhưng cái chân thì không duyên tới được. Quí vị buông bỏ vọng thì chân sẽ ở ngay hiện tiền. Sự việc là như thế đó. Nếu giới khoa học có thể buông bỏ phân biệt chấp trước khởi tâm động niệm thì họ sẽ thành Phật, họ sẽ được biết.

Trong kinh đức Phật dạy chúng ta: trong giáo pháp đại thừa, Bát Địa Bồ Tát được gọi là Bất động Địa, đã nhìn thấy được. Trên bát địa có Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu giác, năm địa vị. Năm địa vị cao nhất này đều rõ, đều nhìn thấy. Thực ra thì Bồ Tát sơ trụ cũng thấy, nhưng mơ hồ không rõ thôi. Bởi vì Bồ Tát sơ trụ còn tập khí dày đặc. Về sau khi tập khí dần mỏng đi, dần nhạt đi thì sẽ dần nhìn rõ hơn. Đến Bát Địa thì trong suốt, hoàn toàn rõ ràng. Nói đến cứu cánh chân chánh, đấy là quả vị diệu giác. Diệu giác quay về thường tịch quang. Tất cả những hiện tượng này đều không còn nữa. Những việc này khó, quá khó hiểu! Thời xưa không có các ngành khoa học. Phật nói những điều này thì ai tin? Hiện nay nếu không có các báo cáo khoa học thì chúng ta vẫn còn hoài nghi vấn đề này. Chẳng thể không nghi. Nhờ có ánh sáng khoa học hiện đại giúp chúng ta dứt nghi ngờ, sanh tín tâm. Chẳng còn hoài nghi mà tin chắc về điều Phật nói trong kinh. Tin chắc thì chúng ta thực sự chịu đến thế giới Cực Lạc. Ta biết được thế giới Cực Lạc không giả, Phật A Di Đà có thật. Chúng ta mới phát tâm, chuyên tâm hướng về đó. Trong kinh bảo ta: “Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Câu này quá sức quan trọng. Dựa vào câu này sẽ quyết định chúng ta được sanh về tịnh độ, được gặp Phật A Di Đà, được một đời thành Phật. Cho nên tất cả chư Phật Như Lai trong 10 phương thế giới chẳng người nào là không tán thán bộ kinh này.

Tên kinh này chính là tên gốc của Kinh A Di Đà. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói: “Xưng tán bất khả tư nghị công đức nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh”. Chính là tên gốc của Kinh A Di Đà. Đại sư Cưu Ma La Thập khi dịch đã đổi tên thành Kinh A Di Đà. Trực tiếp dạy ta niệm Phật, dụng ý này cực kỳ tốt.

Công đức bất khả tư nghị là sao? Chính là niệm Phật A Di Đà. Niệm Phật A Di Đà là công đức bất khả tư nghị, tất cả chư Phật đều hộ niệm, đều tán thán, đều khuyên mọi người học theo danh hiệu công đức bất khả tư nghị! Kinh nói: “biến phú tam thiên đại thiên thế giới” tức là hiện tướng thù thắng.

*“Kinh này”* chính là Kinh Vô Lượng Thọ, *“Đại tiểu nhị bổn tương hiệu”.* Kinh vô lượng thọ được gọi là đại bổn. Kinh A Di Đà được gọi là tiểu bổn. So sánh hai bộ kinh này thì đại bổn không nói “biến phú”, nhưng kinh đại bổn nói “phóng vô lượng quang”. *“Cố tri thiệt tướng tức thị thử quang*”. Luồng ánh sáng này phát ra từ lưỡi. *Luồng ánh sáng này chính là tướng lưỡi, chẳng phải hai chẳng phải khác.* Cho nên trong lời kinh nói: “*xuất quảng trường thiệt tướng phóng vô lượng quang thuyết thành thực ngôn”*. Như thế thì xem ra đại bổn và tiểu bổn vốn như nhau. *Do đó mới biết phát âm không chỉ tam thiên đại thiên thế giới*, mà biến pháp giới hư không giới, quyết không chỉ giới hạn trong tam thiên đại thiên thế giới mà thôi.

*Lại trong Viên Trung Sao tiếp tục nói: Pháp Hoa nói cao nhưng không nói rộng. nên bảo trên đến Phạn Thế.* Phạn là Đại Phạn Thiên, nói rằng trên thì đến Đại Phạn Thiên Vương. *Kinh này nói rộng nhưng không nói cao nên nói: “biến phú tam thiên đại thiên thế giới”. Ý cũng tương đồng như vậy.* Vì đỉnh của tam thiên đại thiên thế giới chính là Ma Hê Thủ La Thiên Vương, Đại Phạn Thiên Vương chỉ cho vị này, đỉnh của cõi trời sắc giới. *Nên biết hai bộ kinh lớn nhỏ ngang nhau, nhưng lời văn đều có lược, nên mỗi một kinh nói một bên, đều là biểu vô hư vọng.* *Hiện cái này,* là hiện quảng trường thiệt tướng, *“dĩ đôn văn giã chi tín nhĩ”,* giúp người nghe gầy dựng lòng tin. “Đôn” là đốn ngộ. “Văn” nghĩa là nghe rồi mà không tin, thì xem như chưa nghe, không được lợi ích gì. Nghe xong phải tin. Quí vị xem hiện giờ người niệm Phật rất đông nhưng rất ít người tin Phật. Đấy chính là điều mà cổ nhân hay nói: “Miệng niệm Di Đà mà tâm tán loạn, niệm bể cổ họng vẫn uổng công”.

Phật pháp là tâm pháp, hình thức tuy quan trọng, nhưng hình thức là để lợi cho người khác, không phải để lợi cho mình. Tự lợi là dụng tâm. Phải chuyển biến tâm thái. Tâm ta có giống Phật A Di Đà không, đấy mới là điều quan trọng nhất. Tâm phải giống Phật A Di Đà, nguyện phải giống Phật A Di Đà, đức phải giống Phật A Di Đà, hạnh phải giống Phật A Di Đà. Quí vị học rất giống. Phải như vương tử A Xà mà chúng ta từng đọc trước kia. Nhóm người của vương tử A Xà khi nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng về y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, thì họ đều phát tâm, cầu về thế giới cực lạc, đều muốn thành Phật ở đó, và thành Phật giống y Phật A Di Đà. Họ vừa khởi tâm động niệm, Phật đã biết ngay, không cần phải nói ra. Chúng ta hễ khởi tâm động niệm, Phật cũng biết. Không chỉ Phật Thích Ca Mâu Ni biết, mà Phật A Di Đà cũng biết, tất cả chư Phật Như Lai trong biến pháp giới hư không giới đều biết. Vì sao vậy? Vì ý niệm vừa khởi lên thì đã chu biến pháp giới. Chúng ta khởi một ý nghĩ xấu, thì biến pháp giới hư không giới đều biết cả. Không cách nào che giấu ai, chỉ có dối gạt chính mình thôi. Dối mình lừa người. Tại sao? Phàm phu không biết, người ở thế giới Cực Lạc chẳng ai không biết. Vì sao vậy? Vì họ đều là Bồ Tát A Duy Việt Trí. Năng lượng sáu căn của họ đều biến pháp giới hư không giới, lẽ nào lại không hay biết! Chúng ta phát tâm chân chánh cầu sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, thật sự muốn thành Phật, thật muốn bình đẳng với Phật A Di Đà, thì người ở thế giới Cực Lạc ai cũng vui mừng, ai cũng tán thán khen ngợi: lại có một đức Phật A Di Đà đến nữa rồi! Chẳng có ai mà không hoan hỉ. Việc này chúng ta làm được mà. Sao chúng ta lại không làm? Duyên này không dễ gặp. Trong khai kinh kệ có nói: “Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ”. Bành Tế Thanh cư sĩ cũng đã nói: “Vô lượng kiếp lai hi hữu nan phùng”. Chúng ta đã gặp được rồi, gặp rồi mà không biết, để lỡ mất thì tiếc biết bao. Đó gọi là gì? Sai lầm thực sự!

Hiện nay những thông tin về thiên tai lan đi rất nhiều, rất phức tạp. Thực hay giả thì ta không cần hỏi, chẳng cần quan tâm đâu. Mấu chốt hoàn toàn ở chính mình. Khi nghe những thông tin này, tôi không nghe gì khác, tôi chỉ nghe xem biện pháp gì có thể đối phó với tai họa này. Tôi chỉ cần biết điều đó thôi. Kết cục là thông tin từ 4 phương 8 hướng đều bảo niệm Phật, niệm Phật là bổn hạnh của chúng ta mà. Hiện nay chúng ta đang niệm Phật. Niệm Phật có thể hóa giải. quí vị tin nổi không? Chính xác thực tế có thể tin được điều này. Trong “Di giáo kinh” đức Phật dạy rằng: “Chế tâm nhất xứ vô sự bất biện”. Trong bộ kinh này trước đây chúng ta có học: “chỉ tâm nhất xứ” cũng là “vô sự bất biện”. Ta chỉ cần đem tâm an trụ vào Phật A Di Đà, thì vấn đề được giải quyết xong. Tuy tai họa này ta phải đi nhưng ta đi đến đâu? Đến thế giới Cực Lạc, không đến nơi nào khác. Nếu không phải đi, như vậy là ta có sứ mạng phải đưa một tốp người đến thế giới Cực Lạc. Cho nên ứng phó với thiên tai, thì quyền chủ động nằm ở chính mình, không ở người khác. Ta không thể không biết lý lẽ này. Điều đấy có thật, không hề giả dối. Thiên tai chẳng hề đáng sợ. Khi quí vị đã hiểu nó thật sự rồi, thì nó lại là một việc hay. Tại sao chứ? Bởi vì quí vị sẽ sớm được thành Phật. Đấy là việc cầu còn không được. Tôi còn phải tìm nơi an toàn chỗ này chỗ kia để ẩn náu không? Không cần. Nơi nơi đều là thế giới Cực Lạc. Như ngài Trung Phong từng nói trong hệ niệm pháp sự, Trung Phong thiền sư có nói: “Tâm ta chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta. Nơi này chính là tịnh độ, tịnh độ tức thị nơi này”. Có cần tìm đâu nữa không? Không cần. Nếu chúng ta tu hành thật sự thì nơi chúng ta ở sẽ không có tai ương hoạn nạn. Chúng ta đừng uổng công khi học Phật pháp. Khi quí vị đã thấu triệt thật sự những đạo lý, tánh tướng, lý sự, nhân quả này rồi, quí vị sẽ như như bất động, nơi nào có duyên thì đến nơi đó ngụ. Chúng ta ở trên thế gian này không có chuyện gì cả. Ngoài việc đọc kinh, niệm Phật ra thì không có việc gì khác nữa. Chúng ta đọc kinh, chia sẻ, niệm Phật nơi đây không hề bị chướng ngại. Đấy là hữu duyên, đấy cũng là thế giới Cực Lạc, đấy chính là bảo độ.

Cũng nhiều nơi ở nước ngoài muốn mời tôi sang, tôi chẳng nêu điều kiện gì, chỉ cần ngày nào cũng có thể giảng kinh, ngày nào cũng được chia sẻ với mọi người. Bạn cùng học, đạo hữu rất nhiều, ngày nào cũng lên mạng, cũng lên truyền hình vệ tinh. Chỉ cần ngày nào cũng cùng được chia sẻ, cùng học tập với các bạn đồng tu ở khắp nơi trên thế giới, thì duyên này chính là duyên thù thắng. Đến đâu thì cũng thế thôi. Cho nên “đôn văn giả chi tín” hết sức quan trọng! Chúng ta phải thể hiện như như bất động, mọi người mới càng tin. Nếu chúng ta mà tìm chỗ nào để lánh nạn thì sẽ chẳng ai tin ta nữa. Người học Phật đâu như thế. Chút xíu định công mà cũng không có được sao? Đó là sai lầm. Cho nên tin, kế sau tin phải có nguyện, nguyện tiếp theo phải có hành thì chúng ta sẽ thành công.

*“Pháp Hoa minh thụ xuất tam giới, cố đản ngôn cao”.* Đấy đều là có ý tứ biểu pháp. Trong kinh Pháp Hoa, thành Phật phải lên từng tầng bậc một. 51 bậc lên từng bậc một, thời gian dài lắm. *Thử kinh minh hoành xuất tam giới, cố đản ngôn quảng.* Hàm nghĩa này rất sâu. Kinh này không nói dọc mà ngang, siêu ngang. Từ cái thân hiện nay của chúng ta mà thẳng ngay đến thế giới Cực Lạc. Có thể nói tất cả kinh, 84000 pháp môn đều theo chiều dọc. Chỉ có tịnh độ đới nghiệp vãng sanh là theo chiều ngang thôi. Nói thật thì cũng chỉ có con đường này chúng ta mới đi thông suốt được. Theo chiều đọc thì nhất định phải đoạn phiền não, đó là điều cực kỳ không dễ dàng, phải tu hành đời đời kiếp kiếp vô lượng kiếp.

*Nhược tức thụ nhi hoành, tức hoành nhi thụ. Văn tuy hỗ lược, nghĩa tất tương tề.* Ngang dọc đều giảng thông được. Ngang bao hàm dọc, trong dọc cũng có chứa ngang. “*Sao nghĩa tinh diệu khải nhân thâm tín”*. Câu này U Khê đại sư nói trong Viên Trung Sao. Kinh A Di Đà chú giải 3 dạng quan trọng nhất. Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, Viên Trung Sao của U Khê. Đây dẫn trong Viên Trung Sao. Viên Trung Sao dẫn Kinh Pháp Hoa. Đoạn kinh văn này giải thích cho chúng ta.

Chúng ta hãy xem đoạn dưới đây: *Hựu Từ Ân sư vân*. Khuy Cơ đại sư, học trò của Huyền Trang đại sư. Nơi ngụ của ngài là một ngôi chùa có tên Từ Ân Tự. Cho nên người đời sau để tỏ lòng tôn kính nên không gọi danh hiệu của ngài mà gọi là Từ Ân đại sư. Ngài nói: *Tướng lưỡi của Phật chứng nhỏ thì che được mặt đến tận mép tóc*. Ngài nói đấy là việc nhỏ. Dùng điều đó để chứng minh. “*Kim phú đại thiên chứng đại sự dã*”. Hiện giờ xuất tướng lưỡi rộng dài là trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, chứng minh việc lớn. Đây là việc lớn gì? Pháp môn niệm Phật phổ độ tất cả chúng sanh trong pháp giới. Đây là đại sự. Pháp môn niệm Phật phổ độ chúng sanh của 84000 pháp môn. Bất kể họ ở địa vị nào, nghe đến pháp môn niệm Phật đều vọt ngang ra, không cần phải khổ sở vất vả nữa. 84000 pháp môn, pháp môn nào cũng được độ. Trong dọc có ngang, trong ngang có dọc. Kỳ diệu không thể diễn tả được.

Tôi còn nghe nói có người phê bình pháp môn niệm Phật. Đối tượng đó nhắm vào tôi, bảo pháp sư Tịnh Không chỉ giảng pháp môn tịnh độ, không nói pháp môn nào khác. Giờ thì trong pháp môn tịnh độ nó bao gồm hết tất cả pháp môn. Khi giảng về pháp môn này là đã giảng hết tất cả pháp môn khác. Điều này có thể chứng minh vì những lời này không phải tôi nói ra mà từ miệng tổ sư. Lời nào cũng đều chân thật. Mấy câu này của sư Từ Ân càng nói viên mãn hơn: *Kim phú đại thiên chứng đại sự dã. Hựu vân Bồ Tát đắc phúc diện thiệt tướng. Cố kỳ ngôn vô nhị tất chân thực cố.* Đây cũng là lời của Từ Ân đại sư giảng giải. “*Tắc phú diện chi thiệt dĩ vô vọng ngữ*”. Khẳng định đây không phải là lời nói dối. *“Huống phú đại thiên hồ”.* Huống chi trong hội Di Đà, trong pháp hội Vô Lượng Thọ, xuất tướng lưỡi rộng dài trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới. *“Ư Phật chi sở tán ưng sanh thực tín”.* Hôm nay chúng ta nghe được lời tán thán của chư Phật Như Lai, nên tin thật, quí vị sẽ tương ưng với pháp. Nghe xong rồi còn hoài nghi thì đó là nghiệp chướng nặng nề! Chẳng sợ nghiệp chướng nặng nề, cứ nghe nhiều đi. Các bậc hiền thánh cao tăng xưa kia có cách dẫn dắt chúng ta rất kì diệu tuyệt vời. Chúng ta chẳng thể không tin. Cổ nhân nói: “độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến”. Tại sao thế? Tâm chúng ta là tâm vọng, cho nên nghe xong thì nửa tin nửa ngờ. Sau khi đã niệm 1000 lần rồi, vọng tâm chúng ta chẳng còn, chân tâm hiện tiền trước mắt. Vậy là định rồi, định là chân tâm. Vọng niệm, tạp loạn là vọng tâm. Niệm 1000 biến xong thì tâm định, chân tâm ở hiện tiền, chân tâm tin ngay. Chân tương ưng với chân, vọng tương ưng với vọng. Bên trong đều có lý lẽ cả. Niệm xong 1000 biến mà tâm vẫn chưa định được thì quí vị hãy niệm 2000 biến. Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, chắc chắn quí vị sẽ đắc tam muội. Khi tam muội hiện tiền thì tin thật rồi, không còn nghi ngờ nữa. Đấy là tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh sinh ra trí huệ, không sinh ra vọng niệm. Còn tâm không thanh tịnh của chúng ta sinh vọng niệm, chẳng sinh ra trí huệ. Đạo lý như thế đó. Cho nên nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, là tu gì? Tu định, trì danh niệm Phật. Đức Thế Tôn đã nói rất rõ trong Kinh Đại Tập. Ngài bảo: “niệm Phật là cách thiền vô thượng thâm diệu”. Câu này của Phật nói. Niệm một câu A Di Đà Phật là phương pháp thiền vô thượng thâm diệu. Vì có thể niệm cho mất hết tất cả tập khí phiền não của quí vị. Cho nên quí vị phải biết niệm, vừa có chấp trước là A Di Đà Phật, tất cả đều là A Di Đà Phật. Chấp trước không còn nữa. Vừa có phân biệt A Di Đà Phật. Vừa có khởi tâm động niệm A Di Đà Phật. Tất cả đều quay về A Di Đà Phật. Đến cuối cùng không còn gì nữa, khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước tất cả đều không còn, chỉ còn lại một câu A Di Đà Phật, thì quí vị thành công rồi. Đấy chính là thiền, đấy chính là định. Hiệu quả là gì? Chính là niệm ra được thanh tịnh bình đẳng giác như ở đề kinh. Thanh tịnh bình đẳng giác là tự tánh. Khi niệm nó ra được thì chính là minh tâm kiến tánh. Nó có sâu cạn thứ lớp. Trước tiên là tâm thanh tịnh hiện tiền, nhưng quí vị không được thay đổi công phu, vẫn cứ phải niệm suốt. Khi sâu vào đến tầng bậc thứ hai thì tâm bình đẳng hiện tiền, quí vị cũng không được khác đi. Cứ tiếp tục niệm. Cuối cùng thì đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Giác chính là đại triệt đại ngộ, chính là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tham thiền sẽ đại triệt đại ngộ. Niệm Phật cũng là một cách tham thiền khác. Mục đích vẫn là đại triệt đại ngộ. Niệm một câu danh hiệu Phật rõ ràng đã không chế được phiền não. Khống chế lâu thì phiền não không còn, dứt đoạn. Phiền não đoạn thì tâm thanh tịnh hiện tiền, quả vị A La Hán, Cửu Thứ Đệ Định. Tâm bình đẳng là định của Bồ Tát. Giác là định của Như Lai. Tự tánh bổn định nên phải tin.

Đoạn ở dưới nói “thành thực ngôn” là lời nói chí thành, không dối trá, hư vọng, lời nói chân thật bất hư. Chúng ta thực sự học Phật, thực sự cầu vãng sanh thì hai câu này phải học ngay trong sinh hoạt hàng ngày. Bất luận với ai cũng dùng tâm thành thật ra đối đãi. Bất luận với ai cũng nói lời thành thật. Tôi không dối người thì chẳng sợ người dối lừa tôi. Điều này nhất định phải biết. Tại sao tôi không dối người? Vì tôi muốn đến thế giới tây phương Cực Lạc để thành Phật, thì tôi cần phải đầy đủ điều kiện đến nơi đó. Người khác dối gạt tôi thì tôi sẽ không để bụng bận tâm. Vì sao vậy? Vì người ấy không đến được tây phương, phải tiếp tục luân hồi. Mỗi người đều có chí hướng riêng mà! Phật luôn hằng thuận chúng sanh. Muốn đến thế giới Cực Lạc thì đến đó đi. Muốn trôi lăn trong luân hồi thì cứ việc trôi lăn. Không cần can thiệp vào chuyện của người khác. Và cũng không cần phải đi phê phán ai khác. Hễ còn thích phê phán, thích can thiệp thì tâm ta đã loạn rồi. Chúng ta đâu có thời gian để can thiệp, phê bình. Chúng ta phải tranh thủ mau chóng niệm Phật, nhất tâm niệm Phật. Không được để cho trong tâm còn tạp niệm mới phải.

*Di Đà Sơ Sao nói rằng: “thành thực, minh tất khả tín”.* Tất định này là từ khẳng định. Chẳng hề có chút xíu e ngại gì. Chắc chắn đáng tin. Lời thành thật là gì? Niệm Phật chắc chắn được vãng sanh về tịnh độ. Vãng sanh thì quyết định sẽ thành Phật. Đó là lời thành thực. *“Dĩ thành tắc chân khẩn vô ngụy”* . Chân thật, khẩn thiết, không phải giả dối. “*Thật tắc thẩm đế bất hư”.* Không phải tâm phù phiếm nông nổi, mà biết được chân tướng, phải trải qua quan sát tinh tế, mới biết nó không phải hư dối, nó là chân thật. Chân thành là chân tâm của chúng ta, là thể của tâm bồ đề. Trong kinh luôn khuyên dạy ta phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm. Thể của tâm bồ đề chính là chân thành. Tâm bồ đề khởi tác dụng, có hai loại tác dụng: một là tự thọ dụng, hai là tha thọ dụng. Cũng có nghĩa là tâm chân thành đối với chính mình, đối với người khác thế nào. Điều này chúng ta phải làm thật trên nhân địa. Phải thực hiện ngay bây giờ. Tâm chân thành đối với chính mình chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Đấy là thâm tâm mà chư vị cổ đức xưa kia nói đến. Thâm tâm mà Quán Kinh nhắc đến, Khởi Tín Luận cũng nói về thâm tâm, chư vị cổ đức chú giải gọi là hiếu thiện hiếu đức. Đối với chính mình, hiếu thiện hiếu đức không gì qua thanh tịnh bình đẳng giác, nói rất là cụ thể. Tâm thanh tịnh là thiện, tâm thanh tịnh là đức. Bình đẳng cũng thế, chánh giác càng như vậy. Chí thiện chí đức là đại giác. Đối với người đối với sự việc, nghĩa là đối với người khác, tâm từ bi. Tâm từ bi này từ đâu ra? Từ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng chánh giác mà ra. Cho nên từ bi này thật, không hề giả. Từ dữ lạc, bi bạt khổ. Giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chính là tâm từ bi. Nhưng tâm này nhất định từ trong chân thành, thanh tịnh, bình đẳng giác thì mới thật. Nếu là tình cảm của mình, bên trong còn pha tạp tình thức, tôi thích người này, tôi sẽ từ bi với anh ta. Người kia đáng ghét, thôi mặc kệ thì sẽ không có. Đấy là giả, tâm như thế thì không thể vãng sanh. Nên chúng ta nhất định nhớ trong Bồ Tát Giới Kinh đức Phật dạy rằng: “Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta”. Phải đem tấm lòng hiếu thảo cha mẹ ra hiếu thảo với tất cả chúng sanh. Đấy là tâm bồ đề, cung kính với tất cả. Đấy là điều kiện tiên quyết để vãng sanh về tịnh độ. Nếu quí vị có đủ tất cả điều này thì không thể nào chẳng vãng sanh. Đừng cho rằng cung kính với người khác là mình thiệt vì cho rằng người ta chẳng cung kính mình. Anh ta không muốn đến thế giới Cực Lạc, mình muốn đến thế giới Cực Lạc. Người ở thế giới Cực Lạc ai cũng cung kính như thế. Tôi không theo nổi thì làm sao tới đó! Phải hiểu đạo lý này, sau đó dần dần quí vị mới biết phải nên cung kính với tất cả chúng sanh. Hắn phỉ báng tôi, tôi cung kính hắn. Hắn hãm hại tôi, tôi tôn kính hắn. Vì sao thế? Vì tôi biết hắn vốn là Phật, chẳng qua bây giờ nhất thời lú lẫn thôi. Sao tôi dám xem thường hắn! Phật dạy: “tất cả chúng sanh là cha mẹ trước kia của ta, là chư Phật tương lai”. Lời giảng này thật tuyệt vời. Chúng ta có thể tin không? Tin rồi thì làm đi. Chớ có sợ thiệt thòi, người xưa đều nói thiệt thòi đều là phước. Quí vị muốn có phước không? Muốn có phước thì phải chịu thiệt.Người chịu thiệt có phước, người hưởng lợi thì không có phước. Trên thực tế nền tảng của đạo lý lớn, đấy là cả vũ trụ với chính mình là một thể. Quí vị xem trong Hoàn Nguyên Quán: Tự tánh thanh tịnh viên minh thể\_nhất thể! Biến pháp giới hư không giới, đại thiên thế giới trong Phật pháp nói từ đâu mà ra. Đều từ một thể này biến hiện ra. Hữu tình thì gọi là Phật tánh, vô tình thì gọi là pháp tánh. Thật ra pháp tánh và Phật tánh cùng là một tánh. Hữu tình, ngày nay chúng ta nói về động vật. Vô tình là thực vật cùng khoáng vật là một tánh. Nếu đã có Phật tánh, giờ chúng ta biết khoáng vật cũng có kiến văn giác tri. Điều này trước kia không ai biết, cứ cho đó là vật chất thuần túy, không có tác dụng tinh thần. Giờ chúng ta biết rồi. Mấy năm trước tiến sĩ Giang Bổn đã chứng minh bằng thí nghiệm nước, chứng minh rất rõ rệt nước là khoáng vật. Không những biết nhìn, biết nghe, biết ý tứ của người. Hiện giờ ở Đài Loan có một số bạn cũng đang làm thí nghiệm này và rất thành công. Họ báo cho tôi hay, bảo tôi đi xem. Không chỉ có nước, tất cả những vật chất khác, hiện tượng vật chất đều biết nhìn, đều biết nghe, đều biết được khởi tâm động niệm của chúng ta. Quí vị đừng xem thường cái bàn, khúc gỗ. Chúng biết nhìn, biết nghe hết đấy. Chúng ta khởi tâm động niệm là chúng biết cả. Đọc Hoàn Nguyên Quán xong thì ta hiểu lý này. Xem những thí nghiệm khoa học, đọc những báo cáo của các nhà khoa học đều hoàn toàn khẳng định, không nghi ngờ, tin chắc đấy là thật, không giả dối.

Cho nên chúng ta phải bắt đầu học hỏi trong sinh hoạt ngày thường, phải sám hối tất cả những việc làm sai trong quá khứ. Sám hối thật sự chứ không phải chỉ nói để người khác nghe. Chúng ta nói phát lồ sám hối, không phải thế. Chiêu này tôi được Chương Gia đại sư truyền cho. Sám hối là gì? Từ nay không bao giờ làm điều đó nữa là sám hối chân thật. Quí vị chỉ nói cho người khác nghe, phát lồ sám hối rồi ngày mai lại làm như thế. Vậy thì vô ích, đấy là giả tạo, không phải sám hối thật sự. Quan trọng nhất là từ nay không bao giờ làm điều đó nữa, quay đầu thật sự. Biết quay đầu sẽ là người tốt trong người tốt, là kẻ thiện nhân trong người thiện. Cho nên Phật pháp thường bảo quay đầu là bờ. Câu này nói với những ai? Câu này nói với những người đã từng phạm sai lầm. Sai lầm là đánh mất bản tánh. Tùy thuận theo tham sân si mạn, tùy thuận theo phiền não. Trong tam tụ đoạn trên có nói tà định tụ. Học Phật lâu năm không phải không biết, nhưng biết mà cố tình phạm. Vì sao thế? Đấy là điều cổ nhân có nói. Nhìn thấu nhưng không nhịn được nên vẫn phạm. Tật xấu này đối trị cách nào? Tiếp tục nỗ lực. Công phụ học tập của quí vị chưa đủ, không địch lại phiền não. Nếu đủ công phu có thể như như bất động ngay trước phiền não thì quí vị qua được rồi? Người công phu cao hơn thì còn được lợi ích lớn ngay trong phiền não, họ nâng cao cảnh giới của chính mình lên.

Quí vị đều biết, trong Kinh Kim Cang cũng có nhắc đến việc, Nhẫn nhục tiên nhân gặp nạn khi gặp Ca lợi vương. Nhẫn nhục tiên nhân đã thông qua được. Đối với tiên nhân thì là được nâng đến cảnh giới thật cao. Viên mãn nhẫn nhục ba la mật. Xem như Ca lợi vương đến khảo và tiên nhân đã qua được. Có thể nhẫn được không? Nhẫn được. Có oán hận không? Chẳng hề có chút oán hận nào. Chẳng những không oán hận mà còn cảm ơn. Phát nguyện tương lai ta thành Phật sẽ độ ông đầu tiên. Vì sao có thể nhẫn được. Vì “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Cần gì phải xem là thật. Không phải thật đâu. Khi ta thay đổi suy nghĩ thì vấn đề đã được hóa giải xong. Một niệm giác thì không còn vấn đề, mọt niệm mê thì phiền não cực kỳ. Một niệm giác, niệm niệm giác, một niệm mê, niệm nệm mê. Thật đáng sợ! Cho nên căn tánh của chúng ta như vậy, chúng ta chẳng phải hàng thượng thượng căn, trung hạ căn.

Làm cách nào có thể giữ được chính mình? Chỉ có một phương pháp là chẳng ngày nào rời kinh điển. Nơi có kinh điển là nơi có Phật cùng Bồ Tát. Chúng ta đọc thông kinh điển là thân cận Phật cùng Bồ Tát, thế mới có thể giữ được chính mình. Không thân cận, gần gũi Phật và Bồ Tát không xong! Ngày nào cũng đọc, hễ được thì ngày nào cũng nghe kinh, đừng bỏ qua ngày nào cả. Ở đây tôi đọc kinh Vô Lượng Thọ còn xem chú giải của Hoàng Niệm lão, mỗi ngày chắc tôi cũng đọc khoảng bốn giờ, cùng chia sẻ với mọi người bốn giờ đó, vui sướng vô kể, pháp hỷ sung mãn. Nếu quí vị hỏi tôi, tôi đã buông bỏ hết rồi, một lòng một dạ chỉ cầu vãng sanh về tịnh độ. Chỉ mong được thân cận đức Phật A Di Đà chứ không cầu gì khác nữa. Quí vị nói về tai họa này, hoạn nạn kia đều chẳng liên can gì tôi. Tôi tuyệt đối sẽ không nghĩ xem nơi nào chẳng có tai nạn, nơi nào tốt hơn. Tôi không bận tâm những điều này. Thậm chí tôi thường nghĩ và cũng thường nói nơi nào có thiên tai tôi sẽ đến nơi đó. Vì sao thế? Vì sẽ được vãng sanh sớm hơn. Duyên chín mùi thì tốt, không hề tệ hại! Cho nên tâm định không bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Nói vậy thì tôi sẽ không bỏ đi khi thấy thiên tai hoạn nạn. Và nơi tôi ở cũng không phát sanh thiên tai. Tâm vĩnh viễn định. Niềm tin không đảo ngược. Cho nên dùng chân tâm thì tự tại hơn nhiều so với dùng vọng tâm. Vọng tâm cứ do dự bất định. Chân tâm thì định, như như bất động.

Đoạn dưới: “*Sở vị sư tử hống, vô úy thuyết, thiên thánh phục khởi bất năng dị. Vạn thế thủ chi tắc vi giai giả dã”.* Đây là nói về thành thực ngôn. Sư tử hống là một ví dụ. Như Lai thuyết pháp dùng lời chân thật, không có vọng ngữ. Uy mãnh như sư tử gầm to. Hễ sư tử rống lên, quí vị sẽ thấy những con thú nhỏ không chạy nổi, sợ hãi đứng đờ ra. Vô úy thuyết, đươc đại vô úy. Phật là bậc đại vô úy. Pháp thân bồ tát là bậc đại vô úy. Vì sao thế? Vì ngài không hề có hư vọng nên ngài không sợ hãi. Kẻ giả dối, lấp liếm sợ bị vạch mặt, lộ tẩy. Một người mà trong và ngoài đều rất chân thành thì sợ gì nữa? Đương nhiên là không sợ hãi. Tất cả nằm trong nhận biết của chúng ta về Phật pháp. Quí vị càng nhận thức rõ, càng thấu suốt thì tâm quí vị càng định, càng có trí huệ, quí vị mới có thể đối phó vấn đề, mới có thể giải quyết vấn đề. Thiên thắng phục khởi, là nói về chư Phật Như Lai.

Đại kiếp này của chúng ta gọi là hiền kiếp. Trong kinh Phật có nói. Trong đại kiếp này có một ngàn vị Phật ra đời. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vị thứ 4. Vị thứ 5 sau ngài là Bồ Tát Di Lặc. Di Lặc Bồ Tát đến thế gian này để thành Phật. Sau đó vẫn còn 995 vị nữa. 1000 vị Phật ra đời. Ngàn thánh phục khởi không thay đổi. Tất cả đều nói lời thành thật.

“*Vạn thế thủ chi tắc vi giai”.* “Giai” là giai mô, mô phạm. Chân thành là khuôn phép mô phạm của tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới. Vì sao chúng ta không học theo, tại sao chúng ta không thật tâm thực hiện? Đi đâu tìm những lời dạy chân thực này? Không tìm thấy ở đâu khác ngoài kinh điển Đại Thừa. Toàn bộ nội dung của bộ kinh Vô Lượng Thọ này không ngoài ba loại chân thật. "Chân thật chi tế" là giảng về tự tánh, nói về thể. Điều này thì khỏi phải hoài nghi vì tất cả chúng sanh đều có, chỉ tại quí vị đã mê mờ thôi. Chân thực chi tế chính là cái mà Nho giáo gọi là minh minh đức, mọi người đều có. “Chân thật trí huệ” là nói về tướng, chúng ta đem thể tướng dụng ra nói. “Chân thật lợi ích” là dùng thể tướng tác dụng. Chúng ta cầu được trí huệ, trí huệ chân thật, trí huệ được bắt nguồn từ trong tự tánh. Tri thức đương nhiên là quan trọng nhưng không thể đặt ở vị trí số một, chỉ có thể ở vị trí số hai. Nếu đặt tri thức ở vị trí số một là chúng ta sai lầm rồi. Phải cầu trí huệ từ trong định. Còn tri thức có được từ việc học rộng nghe nhiều. Học rộng nghe nhiều sẽ chướng ngại tâm thanh tịnh của chúng ta, nên ta thà đặt nó qua một bên. Tạm thời đừng tìm nó. Vậy khi nào mới học? Chờ khi ta đã định được rồi hãy học. Khi đã định được rồi thì việc học rộng nghe nhiều sẽ chẳng quấy rầy ta. Có năng lực này là được. Như Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham vấn học hỏi, học rộng nghe nhiều. Ngài đã đắc định rồi. Ngài đắc định gì? Minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Ngộ rồi mới tu, ngộ xong mới học rộng nghe nhiều. Làm như thế là chính xác, không sai lầm. Quí vị nhìn xem Thiện Tài đã làm gương cho ta đó. Đắc căn bản trí trong Hội Văn Thù Bồ Tát, chính là minh tâm kiến tánh. Buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Chứng đắc viên giáo sơ trụ, siêu việt ra mười pháp giới rồi. Văn Thù Bồ Tát để cho Thiện Tài đi tham vấn học hỏi 53 lần. 53 lần đó là tri thức, là hậu đắc trí. Nhưng Thiện Tài đã mở được căn bản trí nên tri thức của ngài toàn biến hết thành trí huệ. Nếu ngài không có căn bản trí thì tri thức chỉ là tri thức, tri thức không thể biến thành trí huệ được. Vì ngài có căn bản trí, nên 53 lần tham vấn học hỏi, toàn bộ trở thành trí huệ hết. Do đó chúng ta biết được chân thành quan trọng biết bao. Ấn quang đại sư thường nói: “một phần thành kính sẽ được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần công đức”. Tôi bổ sung thêm vài câu vào sau. Trăm phần thành kính được trăm phần lợi ích, ngàn phần thành kính được ngàn phần lợi ích, vạn phần thành kính được vạn phần lợi ích, tại sao quí vị không dùng tâm thành kính? Tại sao quí vị vẫn còn giả dối? Đâu phải ai khác thiệt thòi mà chính là quí vị đó! Chẳng ai bị thiệt cả, chỉ có chính quí vị lỗ lớn thôi. Hi vọng chúng ta có thể thể nghiệm sâu sắc ý nghĩa thâm sâu này. Ta phải ứng dụng nó vào trong sinh hoạt ngày thường, vào công việc, vào trong các xử sự đối đãi. Không hoài nghi câu nào trong lời Phật dạy.

Hiện này học Phật, khó khăn lớn nhất chính là một số người chẳng có tâm thành kính đối với Phật. Điều đó cực kỳ khó khăn. Chư Phật Như Lai dạy họ, nhưng họ không chịu nghe. Cho nên việc hoằng pháp lợi sanh khó ở chỗ này. Chúng ta làm cách nào để khắc phục? Việc khắc phục ở ngay chính mình. Ta phải nghiêm túc thực hiện được tất cả những gì ta học, nghĩa là ta tự độ mình trước. Tự độ xong thì những chúng sanh hữu duyên sẽ được ta độ theo, còn những chúng sanh vô duyên với ta thì để họ tùy ý. Thế nào gọi là hữu duyên? Họ nhìn thấy, họ nghe, họ tin, họ hiểu được, họ phát nguyện. Đấy là người hữu duyên. Cho nên ở đây “thủ” là một chữ mấu chốt. Chúng ta phải thủ chắc, phải giữ vững, không được dao động Thủ chắc tâm bồ đề là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Phải thật sự giữ chắc tâm này.

*“Hựu vân thuần chân tuyệt vọng*”. “Thuần” là chẳng có chút pha tạp nào hết, vạn kiếp cũng y vậy. “*Ngôn thành thật giả thục quá ư thị”.* Nói đến thành thật thì có gì qua được đây nữa không? Không còn. Đây là thái độ của chúng ta trong đối nhân xử thế, trong công tác, trong sinh hoạt. Chư Phật Như Lai như thế, Pháp Thân Bồ Tát như thế, chư vị tổ sư, cao tăng đại đức của chúng ta cũng như thế, chúng ta không noi theo sao? Ngay cả Không Tử cũng biết đạo lý này, ông đã nói trong Luận Ngữ: “Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”. Ông đã giữ chắc được, không sáng tạo, không phát minh. Vì sao thế? Bất luận quí vị sáng tạo thế nào, phát minh ra sao cũng đều nằm trong cái vòng tròn của tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Quí vị không cách nào siêu vượt ra. Vậy những ai đã minh tâm kiến tánh đều chứng đắc đại viên mãn rồi. Quí vị không thể nào vượt qua người ấy. Quí vị y như người ấy, được. Bởi vì người ấy đã cứu cánh viên mãn, không tăng không giảm nữa. Cho nên chúng ta chỉ có thể nói hi vọng tương lai sẽ giống như Phật A Di Đà, nếu quí vị bảo tương lai tôi sẽ vượt qua Phật A Di Đà thì không thể được. Không có việc này đâu. Phật A Di Đà tiêu biểu cho tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Phật A Di Đà tiêu biểu cho cứu cánh viên mãn. Cứ y một vòng tròn vậy, không hề có chút khiếm khuyết. Quí vị thêm chút gì vào là sai rồi, bạn không thêm được gì cả. Mà quí vị để khuyết một chút cũng không được. Viên mãn vẹn tròn như thế đó. Thuần chân tuyệt vọng, vạn kiếp như nhiên.

Người thời nay có suy nghĩ hư vọng, muốn làm siêu nhân, lĩnh vực nào cũng muốn siêu vượt người khác, sai lầm rồi. Giải thích sai cả lời của người xưa. “Nhân định thắng thiên”. Câu này cổ nhân có nói nhưng họ giải thích sai. Người nhất định sẽ thắng được trời, hiểu sai rồi. Người ta mà định được thì sẽ thắng trời. Thiên đó chính là tự nhiên. Câu này phải hiểu là người ta phải định thì mới có thể hiểu được thiên nhiên xung quanh. Ba hiện tượng này quí vị hiểu: Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên cũng hiểu rồi. Quí vị định được thì mới hiểu được. Tâm quí vị mà động sẽ vĩnh viễn không bao giờ hiểu được. Y như mặt nước, mặt nước phải lặng, như tấm gương thì mới chiếu rọi được cảnh vật, nếu nước mà gợn sóng lăn tăn sẽ không chiếu rọi được gì. Cho nên tâm không được động, tâm phải tĩnh, tâm động là hỏng rồi! Chúng ta nghe người xưa nói: Nhân tâm hỏng rồi. Hỏng như thế nào? Đó là do tâm đã động. Tâm vốn bất động nhưng giờ họ lại động tâm. Động chính là mê, chính là hoặc, gọi chung là mê hoặc, mê mờ. Bất động là chân tâm, bất động chính là thuần chân tuyệt vọng. Động là vọng. Vạn kiếp như nhiên là vĩnh viễn luôn như thế. Tự tánh bổn định. Đây là thể của thành chân, thành thật. Thành thật ngôn, lời thành thật từ đâu ra? Từ đây ra thôi. Cho nên không thể nào vượt qua được. *Cố tri chư Phật sở tán, vô lượng Phật bất khả tư nghị công đức nãi cực chân cực thực chi ngôn*. Phật nói lời chân thật, chẳng phải ai khác nói. Tất cả chư Phật Như Lai trong 10 phương đồng thanh xưng tán công đức không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà. Thế nào là công đức không thể nghĩ bàn? Chính là vì một câu danh hiệu này có thể phổ độ tất cả chúng sanh, giúp tất cả chúng sanh vãng sanh về thế giới Cực Lạc, chỉ một đời viên mãn thành Phật, không thể nghĩ bàn! Mười phương chư Phật dạy ta, thật sự mà nói cũng có pháp môn ngang, có pháp môn dọc. Đối với những kẻ nghiệp chướng sâu nặng, không tin tưởng pháp môn này, Phật rất từ bi vì Phật luôn hằng thuận chúng sanh. Quí vị thích học pháp môn nào thì Phật sẽ chỉ quí vị pháp môn đó. Phật cũng có điều kiện. Nếu pháp môn này quá sâu, quí vị không đủ năng lực học theo thì Phật sẽ khuyên quí vị nên chọn pháp môn khác. Nếu có thể thực sự tin tưởng, nếu có thể hiểu được pháp môn này thì ngài sẽ không bao giờ khuyên quí vị chọn pháp môn thứ hai. Vì sao vậy? Vì pháp môn này sẽ giúp bạn bảo đảm một đời thành tựu, vả lại là một thành tựu đầy viên mãn, thành tựu không thể nghĩ bàn. Quí vị đã chọn lựa chính xác, hoàn toàn như phu nhân Vi Đề Hy đã chọn trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Cho nên chúng ta phải học nói lời thành thật. Nếu ta mong sanh về thế giới Cực Lạc, thì phải nghiêm túc với câu này. Nếu không làm được thì ta sẽ lỡ chuyến đi về Cực Lạc, hết sức đáng tiếc!

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

Hết tập 383

# Tập 384

Chuyển ngữ: Lý Hương  
Biên tập:Bình Minh  
Thời gian: 23 tháng 4 năm 2011  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quí vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 476, chúng ta xem từ hàng thứ hai.

Đây là một đoạn. *“Thuyết thành thực ngôn”.* Nói lời chí thành, không dối trá, chân thực chẳng hư. *Di Đà Sơ Sao viết: thành thực, minh tất khả tín. Dĩ thành tắc chân khẩn vô ngụy, thực tắc thẩm đế bất hư. Sở vị sư tử hống, vô úy thuyết. Thiên thánh phục khởi bất năng dị. Vạn thế thủ chi tắc vi giai giả dã. Hựu vân thuần chân tuyệt vọng, vạn kiếp như nhiên ngôn thành thực giả, đôn cố ư thị*. Lần trước chúng ta đã học đến chỗ này.

Hôm nay ta tiếp tục đọc xuống dưới. *Cố tri chư Phật sở tán vô lượng thọ Phật bất khả tư nghị công đức nãi cực chân cực thực chi ngôn.* Chỗ này nói rất rõ rệt, tất cả chư Phật ở mười phương đều tán thán Phật A Di Đà. Điều này chúng ta phải học hỏi. Hiện người trong xã hội ta hiếu thắng, thích tranh đua. Chẳng chịu nhường ai. Ta nhìn chư Phật Như Lai, khiêm tốn đến thế, nhân nhượng đến thế, nhường tất cả công đức cho Phật A Di Đà, khen ngợi Đức Phật A Di Đà là vua của chư Phật- “Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Thật ra chúng ta học hỏi kinh điển và giảng dạy đã lâu, chân tướng sự thâth của điều này đương nhiên đều rõ. Phật và Phật bình đẳng, không hề có cao thấp. Vì sao vậy? Vì đức Phật chứng đắc bình đẳng pháp. Chúng ta nhớ đến, Phật đã buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Đấy là bình đẳng. Tất cả bất bình đẳng từ đâu mà ra? Từ tâm phân biệt sinh ra. Có phân biệt thì không còn bình đẳng. Có chấp trước thì càng không bình đẳng. Bậc A La Hán đã buông bỏ chấp trước, thanh tịnh, trong đề kinh nói ngài đã chứng đắc, chẳng chấp trước thì tâm thanh tịnh hiện tiền. Còn không phân biệt? Không phân biệt là tâm bình đẳng, không chấp trước là tâm thanh tịnh. Đề kinh là “thanh tịnh bình đẳng giác” chúng ta đều có thể chứng đắc. Nếu chúng ta chẳng còn chấp trước với tất cả pháp thế xuất thế gian, thì ta sẽ chứng bậc A La Hán. Tâm thanh tịnh sẽ hiện tiền. Phải biết tâm thanh tịnh là chân tâm của ta. Thanh tịnh bình đẳng giác là chân tâm. Bỏ được phân biệt với tất cả pháp thế xuất thế gian, không những không chấp trước, phân biệt cũng chẳng còn, tâm bình đẳng sẽ hiện ra. Tâm bình đẳng là Bồ Tát, cao hơn A La Hán một bậc. A La Hán thanh tịnh nhưng không bình đẳng. Bồ Tát thì bình đẳng. Nâng cao lên nữa thì lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, thực hiện được không khởi tâm, không động niệm, thì sẽ thành Phật, gọi là Phật Đà. Đây là cảnh giới tối cao, chẳng khởi tâm, không động niệm, thanh tịnh bình đẳng đến cực điểm, chẳng còn phân biệt. Tại sao còn tôn xưng Phật A Di Đà là vua của Chư Phật? Phật A Di Đà là quang trung cực tôn, Phật trung chi vương. Mỗi vị Phật là đều là quang trung cực tôn, Phật trung chi vương. Đấy là lời nói thật, tất cả đều khiêm tốn. Dụng ý ở chỗ nào? Để dạy chúng ta. Vì chúng ta không biết khiêm tốn, thích ganh đua. Chư Phật Bồ Tát dùng khiêm nhường, khiêm hạ nhường nhịn như thế thì xã hội hài hòa, vũ trụ mới hài hòa. Nếu như có tranh đua, không chịu nhường nhịn, vũ trụ sẽ sanh động loạn.

**Cắt** [Khi người nước ngoài xem lịch sử 5000 năm qua của Trung Quốc, chẳng ai không khâm phục, khen ngợi. Một đất nước lớn như thế, nhiều dân tộc như thế, đông dân như thế, tại sao mấy ngàn năm mà xã hội vẫn ổn định? Quí vị đọc lịch sử sẽ thấy, khi triều đại thay đổi gọi là động loạn, nhưng thời gian động loạn đó rất ngắn. Sau khi thống nhất thì thường chỉ cần 5 năm là trật tự xã hội được ổn định, kéo dài từ 100-150 năm. Một xã hội ổn định lâu như thế thật hiếm có trên thế giới! Ta không thể không phục nhà Thanh, Khang Hy ở ngôi 61 năm, Ung Chánh 13 năm là 74 năm, Càn Long sau này 60 năm, đến Gia Khánh chắc khoảng gần 200 năm! Một xã hội ổn định lâu dài như thế rất hiếm thấy trong lịch sử. Do đâu mà được như vậy? Nhờ học được nhường nhịn. Ai cũng khiêm tốn, ai cũng chịu nhường kẻ khác, không tranh đua. Xã hội hiện nay, ta đã bỏ quên truyền thống cha ông để học theo nước ngoài. Người nước ngoài từ bé đã cạnh tranh, ganh đua. Ganh đua đâu hay. Nâng cấp ganh đua lên sẽ thành tranh chấp. Tranh chấp tăng nữa thì sẽ là chiến tranh. Các vị đều biết chiến tranh hiện nay là chiến tranh với vũ khí hạt nhân, chiến tranh sinh hóa. Kết cuộc sẽ ra sao? Kết cục là trái đất bị hủy diệt, tất cả đều chết hết. Đây là con đường chết, không phải nẻo sống. Tổ tiên chúng ta nói rất hay. Nếu ta có thể tuân thủ làm theo thì ngàn năm, vạn năm thái bình vĩnh viễn, có gì không tốt chứ?] **cắt**

Bậc thánh hiền đều có trí huệ, đức hạnh, có phương pháp, có kinh nghiệm. Không được lơ là, bỏ qua ta sẽ bị thiệt.

Xã hội động loạn, trái đất gặp nhiều nạn tai như thế có liên quan mật thiết với khởi tâm động niệm của ta. Trong kinh điển Đại Thừa đã nói rất nhiều.Thật hy hữu là các nhà khoa học hiện nay cũng chứng minh được. Nếu ta không nương khoa học hiện đại, thì ta sẽ hoài nghi với rất nhiều điểm trong kinh Phật. Phật giảng, ta không dám phản đối. Lời Phật và Bồ Tát sao còn có thể sai được? Nhưng ta không sao nghĩ cho thông được. Thật ra Phật định nói gì? Không biết. 30 năm gần đây, nhà vật lý lừng danh của thế giới báo cáo những điều y như trong kinh Phật về chân tướng của nhân sinh, vũ trụ. Ta không thể không nể phục. Nhưng những điều Phật giảng còn cao và sâu hơn, còn tỉ mỉ và rõ ràng hơn. Vì sao vậy Vì Phật đã chứng đắc, còn khoa học ta chưa chứng. Họ chỉ dùng số học để suy luận và biết một phần, dùng những thiết bị tinh tế, quan sát và thấy được một phần nên khoa học vẫn còn nhiều vấn đề không thể giải quyết. Thế nhưng trong kinh điển Đại Thừa thì chẳng có vấn đề nào không giải quyết được, thật là kỳ diệu! Nhất là việc Phật A Di Đà xây dựng thế giới Cực Lạc. Quả là không thể tưởng tượng nổi! Có thể nói Cực Lạc là do trí huệ, thần thông, đạo lực của chư Phật Như Lai hiển hiện ra cảnh giới thù thắng viên mãn như thế! Lý rất sâu sắc, nhưng giờ chúng ta có thể hiểu được một phần rồi. Ta khẳng định, ta tin và ta chẳng còn nghi ngờ nữa. Sau khi rõ được chân tướng thì ta mới chịu buông bỏ. Ta mới biết cả vũ trụ là như thế nào. Nói thật, đây là điều Phật nói, “thuyết thành thực ngôn”. Biến pháp giới hư không giới, muôn sự muôn vật trong vũ trụ có liên quan gì với ta? Là một thể! Quá mật thiết rồi. Không thể nói là một nhà. môt nhà còn xa cách, chính là một thể. Chúng ta đọc được trong Kinh Hoa Nghiêm, đọc được bài luận Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ Quốc sư. Cả vũ trụ là một hiện tượng dao động. Đấy là điều các nhà khoa học đều nói. Họ nói về hiện tượng dao động chắc đã hơn 50 năm. Có nghĩa cả hiện tượng vũ trụ là động. Nếu bất động thì hiện tượng không còn. Bao gồm cả hiện tượng vật chất cũng thế. Thế nhưng chân tâm, cái ta thật sự thì bất động. Cho nên đức Phật dạy rằng: tổng thể của hiện tượng là hư vọng, chính là “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Vì sao vậy? Vì toàn sinh ra từ hiện tượng dao động. Các nhà khoa học đã quy nạp nó vào ba loại: Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Tất cả đều là dao động.

Khu vực Quảng Đông nơi chúng ta đang cư ngụ này, là quê nhà của Huệ Năng đại sư thời Đường. Chúng ta có duyên sâu đậm với Huệ Năng đại sư. Đại sư đã khai ngộ, đã chứng đắc. Chứng được gì? Ngài đã thành Phật rồi. Phật thật chứ không phải Phật giả. Cảnh giới chứng đắc của ngài hoàn toàn tương đồng với Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca cũng 32 ứng như Quan Âm Bồ Tát. Nếu có kẻ phải ứng thân Phật mới được độ, thì ngài liền hiện thân Phật. Huệ Năng đại sư ở Trung Quốc, người Trung Quốc chẳng biết Phật là gì, ấn tượng rất xa lạ, cho nên ngài vì có kẻ phải ứng thân tỳ kheo mới được độ mà hiện ngay thân tỳ kheo để thuyết pháp cho nghe. Người Trung Quốc kính trọng tổ sư, ngài liền hiện ra thân tổ sư. Ngài bảo tự tánh bất động, minh tâm kiến tánh. Tánh là cái gì? Tánh như thế nào? Ngài bảo thứ nhất là thanh tịnh, tánh thanh tịnh. Xưa nay chưa từng bị ô nhiễm. Bây giờ có ô nhiễm không? Bây giờ vẫn chưa ô nhiễm. Ô nhiễm là ý, ý thức có ô nhiễm chứ tự tánh thì không ô nhiễm. Tự tánh là thật, ý thức thì không phải thật. Tự tánh không sanh chẳng diệt, vốn tự đầy đủ, chẳng thiếu thứ nào. “Vốn không động dao”, đấy chính là tự tánh bổn định, chứ không phải hiện tượng dao động. Cho nên tự tánh chẳng phải là hiện tượng tự nhiên, không phải hiện tượng tinh thần, cũng chẳng phải hiện tượng vật chất. Nói cách khác, giới khoa học, giới triết học chẳng làm gì được tự tánh. Chắc chắn là không thấy được nó. Vậy nó ở đâu? Ở đâu cũng có tự tánh, lúc nào cũng có tự tánh, nơi nào cũng có. Chỉ là quí vị không duyên được với nó. Nó chẳng phải vật chất. Năm căn đầu của chúng ta không duyên tới được: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nó không phải vật chất, nên mắt ta không nhìn thấy nó, tai chẳng nghe được nó, tay cũng chẳng sờ chạm được. Nó không là vật chất. Nó không là hiện tượng tinh thần, quí vị có nghĩ cũng không nghĩ ra nó. Quí vị dùng thức thứ sáu-tư tưởng, tư tưởng không duyên được tới nó. Nó chẳng phải hiện tượng tinh thần, cũng không là hiện tượng tự nhiên. Nhưng nó là thật. Nó có thể biến hiện ra hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất. Nó có thể biến hiện được như thế. Nhưng những gì nó biến hiện ra đều là huyễn tướng. Trong Kinh Kim Cang ví nó là “mộng huyễn bào ảnh”. Nó đâu là thật. Làm thế nào mới thấy được tánh? Buông bỏ hết tất cả vọng tưởng, phân biệt chấp trước thì sẽ thấy được tự tánh. Bản lĩnh cũa Huệ Năng đại sư là ở điểm này. Ngài nghe Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn giảng kinh. Hiểu được rồi, ngài buông xả liền. Y bát của Ngũ Tổ được truyền ngay cho ngài.

Cảnh giới năm xưa khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chứng đắc dưới gốc cây bồ đề tương đồng với Lục Tổ. Nói cách khác thì cả vị đều diễn cho chúng ta xem. Phật Thích Ca Mâu Ni đóng vai tri thức phân tử, hiếu học. Một chàng trai trẻ mới 19 tuổi đã rời nhà, đi tham vấn học hỏi, học rộng nghe nhiều! 30 tuổi thì ngài khai ngộ. Từ 19 đến 30 tuổi là 12 năm. Đức Phật Thích Ca đã khổ công học hỏi suốt 12 năm. Tất cả tôn giáo ở Ấn ngài đều đã từng theo học. Tất cả triết học, học phái ngài đều đã từng tiếp cận và học tập. Một thanh niên trí thức. Từ chỗ này, chúng ta có thể tưởng tượng được, lúc Phật ra đời, nước Ấn học thuật rất thịnh hành, thanh niên đều hiếu học. Còn Lục Tổ Huệ Năng xuất hiện ở Trung Quốc, dùng một tư thế khác để gặp chúng ta: không biết chữ, chưa từng được đến trường ngày nào. Ngài chỉ biết chẻ củi vì ngài là tiều phu. Mỗi ngày đều lên núi đốn củi, gánh vào thành đem bán. Một gánh củi có giá rất rẻ.

Thời kỳ kháng chiến, tôi đã trải qua. Lúc Trung Quốc chiến tranh tám năm với Nhật, nhiều thành phố không có nước, điện, phải đốt đèn dầu, nước phải thuê người gánh. Có người chuyên bán nước, gánh nước. Cứ ra sông gánh nước đem vào thành bán. Nấu nướng thì dùng than củi, đốt lò. Có người đốn củi, đem vào thành bán. Bán nước hay củi đều hết sức vất vả.

Huệ Năng đại sư bán củi. Ngày nào bán hết thì có số tiền ít ỏi đem mua gạo, rau về sống qua ngày. Hôm nào không lên núi đốn củi thì ngày đó không có tiền sinh sống. Ngài nuôi bà mẹ già, là người con có hiếu. Chưa từng được đi học, không biết chữ, quí vị hãy xem trong Pháp Bảo Đàn kinh có ghi chép cả. Ngài chưa từng đi nghe giảng kinh lần nào, cũng chưa từng vào thiền đường để tham thiền lần nào. Khi thân cận Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, hòa thượng sai ngài xuống nhà bếp giã gạo, chẻ củi. Nói theo cách bây giờ thì là làm công quả trong chùa. Thân phận như thế, chưa hề xuống tóc đi tu. Như vậy được 8 tháng. Ngũ Tổ định truyền pháp, chẳng ai ngờ lại truyền cho Huệ Năng. Nhưng trong bụng ngài đã biết sẽ được truyền trao. Cách truyền pháp chân chánh thì khi tâm tương ứng với nhau, tâm của Lục Tổ tương đồng với tâm Ngũ Tổ. Chẳng ai hay biết điều này. Cho nên Ngũ Tổ mới triệu ngài vào gặp lúc nửa đêm, sợ bị người khác nhìn thấy. Canh ba gọi ngài vào phòng phương trượng, giảng cho ngài đại ý của Kinh Kim Cang. Lục Tổ không biết chữ, nên chắc chắn sẽ không dùng kinh sách. Khi giảng tới câu: “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, thì Lục Tổ đại triệt đại ngộ. Thế nào là đại triệt đại ngộ? Chính là buông xuống hết thảy vọng tưởng, phân biệt chấp trước. Trong nhà Phật gọi là đốn xả. Đốn xả, là đốn tu, đốn chứng. Khai ngộ thật sự rồi. Ngũ Tổ bèn truyền y bát và bảo ngài hãy đi ngay trong đêm, đừng để ai trông thấy. Tìm nơi nào náu thân. Vì sao vậy? Vì ghen ghét chướng ngại. Bao nhiêu người theo Ngũ Tổ lâu năm mà không đắc pháp. Sao lại truyền cho một kẻ không biết chữ? Nên họ không phục. Quí vị xem Lục Tổ phải trà trộn vào trong tốp thợ săn suốt 15 năm, chờ cho việc này được lãng quên rồi, Lục Tổ mới ra mặt. Tất cả đều để dạy cho ta. Thời đại nhà Đường lúc đó là thời kỳ thịnh trị nổi tiếng trong lịch sử, quốc thái dân an. Lục Tổ đã gặp chuyện gì? Đồng nghiệp ghen ghét nhau. Ngài đã diễn cho chúng ta thấy điều đó. 15 năm lánh nạn trong đoàn thợ săn là một cách tu hành. 15 năm tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, bát nhã, ngài đã khai ngộ, đã hiểu được lý, sự thì phải tu thật, phải rèn luyện trong sinh hoạt, đời thường. Luyện cho được tâm đại từ bi, rèn cho ra thanh tịnh bình đẳng giác. Ngài đã thành công. Trong kinh điển Đại Thừa thường nói: “ngộ rồi mới khởi tu”. Ngộ là rõ được lý, nhưng sự thì làm sao dẹp yên? Phải luyện trong sinh hoạt, trong công việc, trong đối nhân xử thế tiếp vật, thì mới thật sự thành tựu được công đức không thể nghĩ bàn. Phật, chư vị tổ sư, đều dạy chúng ta, ngôn hành cử chỉ đều là mẫu mực tốt nhất cho ta.

Ngày nay chúng ta gặp chút sóng gió nhỏ nhoi, đã không nhịn được thì làm sao có thành tựu? Phật Thích Ca Mâu Ni hành Bồ Tát đạo, tu Bồ Tát hạnh ở nhân địa, làm Nhẫn nhục tiên nhân. Chuyện này đã được ghi chép tường tận trong Đại Niết Bàn Kinh. Trong Kinh Kim Cang có nhắc đến một ít nhưng không nói tường tận. Nhẫn nhục ba la mật đã viên mãn. Không duyên cớ mà chịu bức hại như thế. Bị xử tử lăng trì mà chẳng hề có chút oán hận. Chẳng những không oán hận mà còn biết ơn vua Ca Lợi. Vì sao vậy? Vì trải qua khảo hạch này của vua Ca Lợi, ngài đã thành tựu viên mãn, thành Phật sớm hơn dự định. Ngàn vị Phật trong hiền kiếp thì Đức Phật Thích Ca vốn đứng thứ 5, Bồ Tát Di Lặc đứng thứ 4. Do công đức nhẫn nhục này viên mãn mà Đức Phật Thích Ca đã vượt lên trên, Bồ Tát Di Lặc lùi lại sau. Việc này trong kinh điển có ghi ghép. Cho nên các ngài chỉ làm mẫu cho ta xem thôi. Chúng ta xem mà hiểu được, xem mà rõ được thì sẽ y giáo phụng hành, sẽ biết phải làm gì trong sinh hoạt đời thường. Quí vị có được công đức viên mãn.

Cho nên chư Phật tán thán, Phật Thích Ca Mâu Ni là tiêu biểu của 10 phương chư Phật, Tán thán Vô Lượng Thọ Phật, chính là Phật A Di Đà. A Di Đà là tiếng Phạn, tiếng Ấn Độ cổ, dịch sang chữ hán nghĩa là Vô Lượng Thọ. Lời khen ngợi này là lời cực kỳ chân thật, không phải những lời khen ngợi thông thường. Lời rất thật đó. Chư Phật Như Lai đều thừa nhận.

“*Thiên Phật xuất thế bất năng cải dị”.* Thiên Phật là nói về đại kiếp được gọi là hiền kiếp này. Hiền là thánh hiền. Vì sao lại gọi là hiền kiếp? Vì trong kiếp này có 1000 vị Phật ra đời. Phật Thích Ca là vị thứ 4, dưới Ngài là Phật Di Lặc. Di Lặc hiện giờ vẫn là Bồ Tát, tương lai Ngài sẽ đến thế giới này để thành Phật, là vị Phật thứ 5. Trong đại kiếp này có những 1000 vị Phật ra đời. Trong Đại Tạng Kinh có Thiên Phật Danh Kinh, là nói về 1000 vị Phật trong hiền kiếp này. Điều đó không thể thay đổi. Nói cách khác thì 1000 vị Phật đều thừa nhận, tán thành lời Phật Thích Ca Mâu Ni nói chính xác, không hề sai lầm.

*“Vạn đại tuân thủ bất khả vi thất”.* Câu này nói đến thân phận của chúng ta rồi. Chư Phật đã khẳng định, thừa nhận thì chúng ta làm sao để học hỏi theo? Chính là phải tuân thủ muôn đời. Nhất định phải tuân thủ, không được vi phạm, không được sơ sót. Nhất định phải biết cách y giáo phụng hành. Vì sao vậy? Vì “thuần thị chân thực, vô hữu hư vọng”. Điều này trong kinh đã nói, thánh hiền xưa đã nói. Trong kinh nói thế gian pháp, Phật pháp đều có, viên mãn. Thế gian thì nói viên mãn của pháp thế gian, pháp xuất thế gian không nhắc đến. Như Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử bên Trung Quốc là thánh nhân của thế gian. Những lời họ nói, khi giảng đến chỗ cao nhất, có thể cho là hết sức gần với cách nhìn nhận về vũ trụ của các nhà vật lý học hiện đại. Nhưng so với giáo pháp Đại Thừa thì vẫn còn kém một bậc. Cho nên trong Phật pháp có pháp thế gian nhưng trong pháp thế gian lại không có Phật pháp. Ta không thể không biết điều này. Khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc được người xưa đón nhận. Tiến sĩ Thang Ân Tỷ, nhà triết học lịch sử người Anh nói rất hay: “Người Trung Quốc xưa rộng lượng tiếp nhận văn hóa của dị tộc” –chỉ cho Phật giáo. Phật giáo từ Ấn Độ truyền qua, không phải văn hóa bổn địa của Trung Quốc, mà là văn hóa dị tộc. Họ đã nghiêm túc học hỏi. Ông lại nói: “Phật pháp đã làm giàu có nền văn hóa bản địa của Trung Quốc”, hỗ trợ nhau thành tựu. Quả thật đem Phật pháp ra giảng Tứ Thư Ngũ Kinh, xem Khổng Tử, Mạnh Tử như Phật, Bồ Tát. Việc này có thật, không hề dối trá. Quả thật đã giúp quí vị nâng cao.

*“Thị cố ngã đẳng hàm đương”.* “Hàm đương” nghĩa là cùng. Chúng ta cùng nhau, nên “đế tín”. Đế tín là chân tin. Chính là sau khi đã nghiên cứu kỹ, hiểu biết rõ mới tin. Đấy gọi là đế tín. Đế tín không phải mê tín. Chính là phải làm rõ, hiểu thấu rồi mới tin. “*Thận mạc hoài nghi*”. Câu này hết sức quan trọng. Vì sao vậy? Nếu nghi ngờ thì quí vị sẽ chẳng chịu nghiên cứu, học hỏi, quí vị sẽ vĩnh viễn chẳng bao giờ hiểu được. Cho nên chữ “nghi” này trong Bồ Tát pháp là chướng ngại lớn nhất trong giáo pháp Đại Thừa. Chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát là “nghi”. “Nghi” chính là tham sân si mạn nghi trong phiền não căn bản. Phiền não căn bản có sáu thứ. Phía sau có ác kiến, chính là kiến giải sai lầm. Tham sân si, mạn, nghi, ác kiến. Nghi này chẳng phải nghi ngờ bình thường, mà là nghi hoặc đối với lời dạy của thánh hiền. Ở trường lớp hiện này thầy dạy học sinh luôn phải biết nghi ngờ, phải đặt dấu hỏi. Đặt dấu hỏi với cả thánh hiền xưa, thì chuyện này khá rắc rối đấy. Khi đặt dấu hỏi lên thánh hiền thì tôn trọng chẳng còn, tâm thành kính chẳng còn. Ở Trung Quốc ngàn vạn năm qua không có cách dạy này. Chỉ luôn dạy tin tưởng, không dạy nghi ngờ. Nhưng ở nước ngoài thì từ bé đã dạy quí vị phải hoài nghi, chẳng hề dạy quí vị tin, chỉ dạy quí vị nghi ngờ. Đấy là điểm bất đồng lớn nhất trong hai nền văn hóa. Ta phải biết nền giáo dục Trung Quốc từ bé, từ mới sinh ra trẻ con đã được dạy phải tin, phải kính, phải tôn trọng cha mẹ, người trên. Nên người xưa biết hiếu với cha mẹ, tôn kính thầy. Người nước ngoài thì không. Chẳng biết hiếu thảo cha mẹ, chẳng biết tôn kính thầy. Hoài nghi cha mẹ, nghi ngờ cả thầy. Đấy là điều đã tạo nên động loạn của cả thế giới hiện nay, đã khiến trái đất gặp nhiều thiên tai biến loạn. Nguyên nhân chính ở chỗ này. Có thật không? Chẳng phải tôi nói mà lời Phật dạy trong kinh, thánh hiền xưa nói trong điển tích và các nhà khoa học hiện nay báo cáo, chứng minh. Thật trăm phần trăm đó. Vì sao lại thật? Chúng ta cùng nhau học hỏi, lâu ngày các bạn cũng biết trong kinh điển Đại Thừa Phật đã nói: “nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sinh”. Nếu như tâm quí vị kiên định, tâm quí vị thành thực, tâm quí vị cung kính, thì sông núi đất đai sẽ tốt lành vô tận. Sao lại có thiên tai được? Đâu ra đạo lý này! Chưa từng nghe qua ở Cực Lạc có núi lửa phun trào, chưa nghe nói nơi ấy bị động đất. Chỉ nghe bảo ở Cực Lạc rất vui, rất mát mẻ, thanh tịnh, rất tự tại. Chẳng hề nghe nơi ấy có thiên tai. Tất cả đều do tâm tạo ra. Nhất tâm ở đó là tâm chân thành, tâm thuần tịnh thuần thiện tạo ra thế giới Cực Lạc. Vậy còn thế giới hiện tại của chúng ta hiện đầy nghi ngờ. Ngờ vực khiến mặt đất trở nên xốp, lơi ra, vốn đất rất cứng chắc. Do quí vị nghi nhiều, gì cũng nghi nên đất đã lơi, và núi mới lở sụp. Hễ hoài nghi là lơi ra, chính là theo lý thế này. Rắc rối lớn lắm đấy! Nắm kỹ, hiểu rõ rồi thì quí vị sẽ khẳng định nghiệp nhân quả báo tơ hào chẳng hề sai. Thiện nhân thiện quả, thế giới Cực Lạc thuần thiện. Thuần tịnh thuần thiện sẽ cảm được tịnh độ, lạc độ.

Ở thế giới của chúng ta xưa nay phương đông thì có thánh hiền giáo huấn nên duy trì được hiện trạng này. Phương tây thì có tôn giáo dạy dỗ, cũng duy trì được hiện trạng. Người thời nay chẳng cần thánh hiền, người phương đông chẳng cần thánh hiền nữa. Đặt ra rất nhiều dấu hỏi. Phương tây chẳng tin tôn giáo, không tin thượng đế, họ tuyên bố thượng đế đã chết. Thế giới hiện nay ra nông nổi này, ta đọc sách thánh hiền thì hiểu. Họ bảo chúng ta là dị loại, bảo chúng ta mê tín, ngu si. Quí vị nghĩ xem còn có cách nào? Chúng ta tu chân chánh, dùng thiện tâm thuần thiện, chân chánh. Những người cùng tu học với chúng ta càng đông càng tốt. Nơi này chúng ta cư ngụ thì nơi này chẳng có thiên tai. Những kẻ đa nghi thì chỗ họ sẽ có tai họa. Đã nhìn thấy quả báo này mà họ vẫn không tin, chỉ có một số ít nhà khoa học tin thôi. Vì sao vậy? Vì nhà khoa học hiểu đạo lý đó. Hiểu núi sông đất đai có liên quan với khởi tâm động niệm của ta. Phát hiện này mới tìm ra 30 năm gần đây. Là một thành tựu vĩ đại tuyệt vời của khoa học. Ngày nay chúng ta có lòng tin kiên định với thánh hiền, với Phật pháp Đại Thừa, có thể nói một nửa là nhờ báo cáo của các nhà khoa học khiến chúng ta hiểu thật sự. Nếu không tiếp xúc được với những báo cáo này, sẽ vẫn còn một ít nghi vấn, tuy không lớn nhưng vẫn còn có nghi ngờ. Vì sao vậy? Vì phiền não tập khí của chúng ta chưa buông bỏ được. Hễ buông xuống được là chứng đắc. Thường thì tâm của chúng ta thanh tịnh hơn người bình thường. Nhưng mức độ thanh tịnh đó so với Phật cùng Bồ Tát thì còn kém xa quá. Nếu so với những người nông nổi sân si hiện giờ thì đương nhiên chúng ta rất thanh tịnh. Nhưng đem so với Phật cùng Bồ Tát không ổn. Giờ ta đã xem báo cáo của các nhà khoa học rồi, ta đã có lòng tin, đã nâng cao tín tâm nơi mình, nâng lên thật cao. “Thận mạc hoài nghi”, chúng ta hoàn toàn khẳng định rồi. Nếu thánh hiền không có thật thì tại sao những lời dạy của họ còn truyền được đến ngày nay? Giáo lý Khổng Mạnh lưu truyền được 2500 rồi. Trong 2500 đó chẳng có con người vĩ đại nào sao? Không ai nhìn ra sai sót của các vị thánh hiền sao? Vì sao bao đời nay đều đọc sách thánh hiền, học tập theo thánh hiền, 2500 năm qua, chẳng có một ai hiểu tường tận sao? Nhưng thật ra chẳng có ai hiểu tường tận để nói toạc ra. Chúng ta gọi là bật mí. Gốc nghi ngờ của chúng ta không thể nhổ bật. Phật bảo nghi này là căn bản của phiền não, không hề giả tạo. Đọc báo cáo khoa học, mới biết những gì họ nói về chân tướng vũ trụ hoàn toàn tương đồng với trong Kinh đại thừa. Chúng ta chẳng còn hoài nghi nữa. 3000 năm trước đức Phật đã nói, 3000 năm sau được khoa học chứng minh nó là chân thật, không giả dối. Ví dụ như Phật nói về hiện tượng vật chất: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Quí vị học Phật liệu không hoài nghi lời này? Hiện tượng ở ngay trước mặt ta sao lại bảo là hư vọng? Lời Phật nói thì chẳng dám nghi ngoài mặt nhưng trong lòng có nghi. Chẳng dám bảo Phật lầm, ta cũng chẳng dám khẳng định hoàn toàn. Cứ ở mãi trong tình huống này rất khổ tâm. Đạo Phật đã cho chúng ta phương pháp chứng đắc, chúng ta biết nhưng không làm được. Chẳng biết thực hiện như thế nào. Cho nên chúng ta đã bị kẹt ở cổ chai, không cách nào đột phá ra. Cơ duyên ngẫu nhiên đọc được những báo cáo khoa học này, ta hiểu vấn đề ngay.

Ví dụ như hiện giờ nhà vật lý nghiên cứu về vũ trụ vĩ mô. Họ bảo toàn thể không gian vũ trụ ở trong trạng thái dãn nở. Thế nên họ nghĩ dãn nở là bùng nổ. Vì bùng nổ nên mới dãn nở. Hiện giờ rất nhiều người nêu nghi vấn về vụ nổ lớn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chỉ quan sát được 10% vũ trụ. Không nhìn thấy 90% còn lại. Càng lâu càng xa thì không thấy, không theo dấu được, không có. Khi nghe những lời này, ta gật gù. Nhà khoa học không biết nhưng ta biết 90% kia ở đâu. Vì sao vậy? Nhất định phải có hiện tượng họ mới quan sát được. Chính là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Có hiện tượng thì họ quan sát được. Không có hiện tượng thì họ chẳng tìm ra. Vậy 90% kia ở đâu? Về lại thường tịch quang, về lại tự tánh, thì quí vị sẽ không thấy. Vì trong tự tánh chẳng có ba hiện tượng kia. Tự tánh chẳng là hiện tượng vật chất, chẳng phải hiện tượng tinh thần cũng chẳng phải hiện tượng tự nhiên. Đương nhiên quí vị không tìm ra nó. Lượng tử lực học quan sát nghiên cứu thế giới vi mô, họ có thể phát hiện vật chất là giả tạm. Họ thật xuất sắc! Nhà vật lý quá cố người Đức Phổ Lãng Khắc vốn là thầy của Ái Nhân Tư Thản, Ái Nhân Tư Thản cũng đã qua đời rồi. Suốt đời ông nghiên cứu thế giới vi mô. Thấy thế giới phát triển về hai hướng: một là vô cùng lớn, hai là ngược lại. Người Trung Quốc nói: “đại nhi vô đại, tiểu nhi vô nội”. Nghiên cứu nguyên tử, điện tử, lạp tử , cuối cùng phát hiện ra lượng tử. Lượng tử có thể là cái nhỏ nhất của cực vi trong kinh Phật, không thể chia nó ra nữa. Đây chỉ nói về vật chất cơ bản. Tất cả vật chất đều là nó. Kinh Kim Cang nói “nhất hợp tướng” tổ hợp nên. Đây là vật chất nhỏ nhất. Nhỏ đến mức độ nào? Nhà khoa học cũng phải lúng túng, quan sát và tính toán ra điện tử đã rất nhỏ. Nguyên tử thì những nhà khoa học đều biết. Điện tử xoay quanh hạt nhân nguyên tử. Hạt nhân nguyên tử như mặt trời, điện tử là các hành tinh xoay chung quanh nó. Lượng tử bao lớn? 10 tỷ lượng tử mới làm thành một điện tử. Cũng có thể nói lượng tử là một phần 10 tỷ của điện tử.

Trong bộ kinh này, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã dẫn đoạn đó ra. Chúng ta đã xem thấy thế giới vi mô. Rốt cuộc vật chất là gì? Vật chất từ ý niệm biến hiện ra. Cơ sở của vật chất là ý niệm. Nếu chúng ta không có ý nghĩ thì sẽ không còn vật chất. Không có suy nghĩ sẽ không có vật chất, nên suy nghĩ là cơ sở của vật chất. Chuyện này không hề dễ dàng! Nhưng câu này ở trong giáo pháp Đại Thừa 3000 năm trước các nhà duy thức học đã nói rồi. Học phái này này 3000 năm trước chỉ thừa nhận trong vũ trụ có ý niệm, không có vật chất. Gọi là duy thức, duy chỉ có thức, những thứ khác đều không có. Những thứ khác đều từ ý thức biến hiện ra. Hiện tượng vật chất là do ý thức biến ra. Giống hoàn toàn với phát hiện trong nghiên cứu của Phổ Lãng Khắc. Cho nên tinh thần và vật chất vĩnh viễn kết hợp với nhau không thể tách rời. Hiện tượng vật chất cực nhỏ, như quang tử nhỏ cũng có hiện tượng vật chất mắt quí vị có thể thấy được, đồng thời nó cũng có thọ, tưởng, hành thức. Nên giờ ta mới hiểu được Tâm kinh. “Quán tự tại Bồ Tát chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Ngũ uẩn là gì? Ngũ uẩn chính là quang tử nhỏ. Hiện tượng vật chất nhỏ nhất vẫn gồm đủ sắc thọ tưởng hành thức. Tôi tin trước kia những người chưa đọc bản báo cáo khoa học này, họ không ngờ ngũ uẩn giai không là nói về các quang tử nhỏ, nói về lượng tử. Đều cho là thân của chúng ta, thân này là ngũ uẩn, thân là nhục thân, là sắc pháp, trong có thọ tưởng hành thức. Khi nói đến cực vi chi vi thì không nói rõ. Bây giờ giảng Tâm Kinh sẽ không theo cách giảng trước kia.

Trong kinh Phật nói năng lực của nhà khoa học rất lớn. Phật không nói nhà khoa học. Phật bảo gì? Phật bảo thức thứ sáu, chính là tư tưởng. Năng lực tư duy tưởng tượng của con người rất lớn. Đối ngoại nó có thể duyên đến hư không pháp giới. Đối nội, nó có thể duyên đến a lại da thức. Lượng tử chính là a lại da thức. Được khoa học phát hiện ra rồi. Bên trong a lại da có bathứ. Khoa học cũng nói về ba thứ. Danh từ không giống nhau, nhưng ý thì hoàn toàn tương đồng. Nghiệp tướng của a lại da, khoa học gọi nó là năng lượng. Chuyển tướng của a lại da, khoa học gọi là thông tin. Cảnh giới tướng của a lại da, khoa học gọi là vật chất. Giống nhau cả! Phật bảo dùng thức thứ sáu đến cực hạn, thì đối nội có thể duyên đến a lại da, đối ngoại có thể duyên đến vũ trụ, nhưng không duyên được tự tánh. Đấy là chỗ Phật pháp cao siêu hơn khoa học. Chắc chắn khoa học không thể tìm ra tự tánh, vì tự tánh chẳng phải là hiện tượng. Cả ba hiện tượng đều chẳng phải thì làm sao tìm ra? Chẳng phải hiện tượng vật chất nên quí vị không nhìn thấy, không phải hiện tượng tinh thần nên quí vị không nghĩ đến được, chẳng phải hiện tượng tự nhiên nên quí vị phải bó tay với nó. Làm sao quí vị mới có thể biết được về nó? Đức Phật dạy rồi: “duy chứng phương tri”. Khi quí vị thật sự có thể buông hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thì sẽ biết, sẽ thấy. Vì sao vậy? Vì khi buông phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm, chân tâm của quí vị sẽ hiện ra. Chính là thành thực, tâm chân thành hiện tiền. Tự tánh là thật, là chân nên chân với chân tương ứng. Chân chẳng tương ứng với vọng. Cho nên ý thức thứ là vọng tâm, vọng tâm thì chỉ có thể duyên với vọng cảnh. Cực hạn của vọng cảnh là a lại da. Phật đã nói hết sức rõ trong kinh. Quí vị đã đến đỉnh rồi, quí vị muốn lên cao hơn nữa thì quí vị phải học theo Phật, buông xả. Không buông xả được thì đến đây là ngừng. Quí vị chỉ nhìn thấy 10% vũ trụ, 90% kia không nhìn thấy.

Cho nên Phật pháp rất có tương lai, sau này người ta không tin vào tôn giáo nữa. Tôn giáo sẽ biến mất nhưng Phật pháp sẽ lưu lại thế gian. Phật pháp sẽ vụt trở thành khoa học đẳng cấp, triết học cấp cao, sẽ không gọi Phật giáo là tôn giáo nữa. Nên những báo cáo khoa học kia đã giúp chúng ta rất nhiều, vì chắc chắn không còn hoài nghi gì nữa.

*“Bất khả tư nghị công đức*”. Câu này trước kia đã giảng rồi, chúng ta xem thêm đoạn dưới đây. *“Hạ*”. Đây là đoạn dưới. “*Phục cử thập phương hằng sa chư Phật, diệc phục như thị xưng tán Di Đà”*. Phía trước là nói phương Đông. Phương này giảng rất tường tận. “*Nam tây bắc phương. Tứ duy thượng hạ diệc phục như thị xưng tán Di Đà”.* Y như đông phương hằng sa chư Phật. Không có vị Phật nào chẳng tán thán Phật A Di Đà, niệm Phật A Di Đà cầu sanh tịnh độ. Không có vị Phật nào không hoan hỉ, chẳng tán thán. Người đời chúng ta quả là luân hồi trong sáu đường quá lâu, có chấp tình rất sâu, được Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ dạy, xem Phật Thích Ca Mâu Ni như từ phụ cha hiền. Phật Thích Ca khuyên chúng ta nên đến thế giới Cực Lạc, ta chẳng chịu đi: “Con không đi, con yêu cha, chứ con không yêu thầy”. Rốt cuộc người cha lắc đầu thở dài: “Nghiệp chướng của con quá nặng, đáng thương. Chẳng chịu nghe lời”. Nếu quí vị nghe theo, phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, cầu sanh về thế giới tây phương cực lạc, thân cận Phật A Di Đà thì cha quí vị mới vui mừng, thì cha quí vị mới khen ngợi. Vì sao vậy? Vì đến thế giới Cực Lạc là sẽ thành Phật, quí vị sẽ chứng đại viên mãn. Chư Phật Bồ Tát thật lòng mong quí vị sớm thành tựu, sớm vượt qua ngài.

Hiền thánh của phương Đông có tâm lượng như thế. Không hề ganh ghét, không hề chướng ngại. Mong lớp sau vượt qua lớp trước. Xã hội càng biến đổi càng tốt hơn, đời sống càng lúc càng hạnh phúc. Tâm niệm này rất bình thường. Tôi phải khổ sở thì các anh cũng phải khổ sở, thậm chí còn phải khổ hơn tôi. Tâm niệm này không bình thường, mà là phản thường, đấy là suy nghĩ của hạng người nào? Ma vương sẽ có ý nghĩ đó: Tôi khổ thì anh cũng phải khổ, tôi chịu khổ thì anh cũng phải chịu khổ hơn tôi. Ma vương ngoại đạo, đấy không phải Phật Bồ Tát. Phật Bồ Tát vốn từ bi, tôi chịu khổ nạn nhưng chắc chắn không mong anh cũng phải chịu khổ nạn, còn dốc sức giúp anh thoát xa khổ nạn.

Hiện nay người có tâm lượng của Phật, Bồ Tát không nhiều, người có suy nghĩ của ma vương thì rất đông cho nên thế giới mới loạn, lòng người hư hoại, trái đất biến đổi, tai nạn thật nhiều. Tôi không xem tin tức, chẳng đọc báo. Có những bạn tốt bụng đã tải thông tin thiên tai khắp nơi trên thế giới đưa tôi xem, còn nhiều tin rất khủng khiếp. Khi xem những thông tin này, tôi chỉ chú tâm vào một điểm: Dùng phương pháp nào để hóa giải những tai nạn này? Dùng tâm thái nào để ứng phó? Hầu như 90% tương đồng, đều khuyên người niệm Phật. Chứng tỏ hai câu của Ấn Quang lão pháp sư: “kiệt thành cung kính niệm Phật”, quí vị có thể tự độ cho mình, có thể làm lợi cho tha nhân. Tự độ là tiêu nghiệp chướng. Độ tha là giúp người khác phá mê khai ngộ. Việc này nói thì dễ nhưng làm rất khó. Ở thế gian hiện nay, giúp chúng sanh khó hơn giúp chính mình. Khó ở chỗ nào? Vì chúng sanh đa nghi, chẳng chịu tin. Người thời nay thích nghe lừa gạt, không thích nghe khuyên dạy. Quí vị lừa họ, họ sẽ vui vẻ đi theo quí vị. Quí vị thành tâm đối đãi, họ sẽ nghi ngờ: tên này tốt với mình như thế là có ý đồ gì? Mục đích gì? Bắt đầu lo lắng, đề cao cảnh giác. Kẻ lôi đến hầm lửa thì họ lại vui vẻ đi theo. Thật hết sức khó khăn! Nguyên nhân vì sao? Vì không được ai dạy. Đấy gọi là mê hoặc điên đảo, không hiểu biết, không có năng lực phân biệt được chánh tà thị phi. Cả thiện ác lợi hại cũng không phân biệt được. Quí vị thấy có nguy không? Đấy mới là vấn đề lớn thật sự. Vấn đề này rất khó giải quyết.

Ta xem trong sách cổ Trung Quốc. Đất nước này giỏi giáo dục nhất thế giới. Không tìm đâu ra được nước thứ hai. Trung Quốc có cách giáo dục trí huệ, có phương pháp, có kinh nghiệm và thành tựu giáo dục. Ở Trung Quốc đời đời đều có thánh hiền, quân tử xuất hiện. Họ đều được dạy. Người tốt được giáo dục mà ra. Phật Bồ Tát cũng nhờ được giáo dục. Sau đó chúng ta quay lại xem Phật Thích Ca giới thiệu với chúng ta thế giới tây phương Cực Lạc kia. Đặc thù ở Cực Lạc chính là giáo dục, không phải gì khác. Thế giới Cực Lạc rất đơn thuần vì chỉ có hai hạng người. một là thầy giáo, hai là học trò. Thầy giáo là Phật A Di Đà, học trò là chư đại Bồ Tát. Bồ Tát theo Kinh Hoa Nghiêm có thể nói là từ Bồ Tát sơ tín vị đến Bồ Tát đẳng giác, quá sức nhiều! Mỗi ngày ở thế giới Cực Lạc đều làm gì? Mỗi ngày đều giảng kinh, dạy học. Hiện giờ mỗi ngày tôi giảng bốn tiếng, kém xa thế giới Cực Lạc. Ở nơi đó tiếng giảng kinh không hề ngớt dù một phút một giây. Thế giới đó rất kỳ lạ, đặc biệt là Thế giới ánh sáng quang minh, không hề tối tăm, nên chẳng có ngày đêm, mãi mãi sáng lạn. Đức Phật phóng quang, mỗi thân Bồ Tát đều có ánh sáng, tất cả vật chất đều phát ra ánh sáng. Cỏ cây hoa lá cũng phát sáng. Thế giới quang minh chẳng cần đèn. Cũng chẳng cần mặt trăng, mặt trời, cho nên cũng chẳng có ngày đêm. Thân không là nhục thân, nhục thân rất phiền toái, cần ăn uống để nuôi thân. Ăn uống lại sinh tác dụng phụ. Tác dụng phụ là đem bịnh đau đến. Ở thế giới Cực Lạc, thân là thân kim cang bất hoại, là thân pháp tánh, cõi pháp tánh. Cho nên người ở đó chẳng cần ăn uống, không có nhu cầu vệ sinh nên rất sạch. Sinh hoạt rất tiện và rất tự tại. Từ sáng đến tối chỉ nghe kinh, học tập không ngớt. Cho nên đến thế giới Cực Lạc rất dễ thành Phật. Một hoàn cảnh tu học như thế không tìm ra ở mười phương thế giới. Phật A Di Đà đã xây dựng Cực Lạc nên mười phương chư Phật đều hoan hỉ và rất cảm kích. Chúng sanh khó độ, nghiệp chướng sâu nặng ở chỗ chư Phật Như Lai, đều được giới thiệu đến Cực Lạc để Phật A Di Đà dạy dỗ. Cho nên số người mỗi ngày vãng sanh về thế giới Cực Lạc không thể tính đếm được, không cách nào tính xuể, quá quá nhiều. Liệu Cực Lạc có chứa hết được? Đấy là cõi pháp tánh. Cõi pháp tánh thì không có lớn nhỏ. Không giống như cõi vật chất chỗ chúng ta hiện nay. Cõi vật chất có lớn nhỏ, có hạn lượng. Pháp tánh thì không hạn lượng. Chỗ chúng ta có đủ ngành nghề: Sĩ nông công thương. Đến thế giới Cực Lạc thì không có, Cực Lạc không có tổ chức chính trị, không có chính phủ, không nghe nói ở đó có vua, có tổng thống, không có tỉnh trưởng, thị trưởng, không có gì cả, chỉ có thầy giáo và học sinh. Cho nên thật ra mà nói, Phật A Di Đà đã xây dựng một ngôi trường lớn ở đó, chuyên bồi dưỡng giáo huấn Phật pháp. Đến trường đó để làm gì? Đến đó để thành Phật. Ai muốn thành Phật thì đến đó. Bảo đảm một đời sẽ có thành tựu. Cho nên 10 phương chư Phật đều tôn vinh ngài, thêm cho ngài một tôn hiệu: “Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Phật A Di Đà hết sức xứng danh vì đã làm được điều đó.

“*Hội sơ viết: tuy chư Phật sở chứng, bình đẳng thị nhất”.* Từ lý mà giảng, theo sự giảng cũng thật như thế. Chư Phật Như Lai chứng đắc Phật quả cứu cánh này. Vô thượng bồ đề là bình đẳng. Khẳng định không hề sai biệt.

*“Niệm Phật vãng sanh lợi ích, Di Đà bất cộng diệu pháp. Cố chư Phật nhượng đức”.* Hai chữ này rất hay. “*Nhi lệnh quy nhất Phật thị đệ thập thất nguyện thành tựu dã”*. Mấy câu này cực hay! Lợi ích của việc niệm Phật vãng sanh không tìm thấy trong thế giới của 10 phương chư Phật. Chúng ta đến thế giới của 10 phương chư Phật đều là để thọ nghiệp báo. Chúng ta ở nơi này, vọng tưởng phân biệt chấp trước, toàn bộ chưa dứt được. Đến các quốc độ Phật khác cũng vẫn là vào lục đạo luân hồi. Vẫn là thọ quả báo trong lục đạo. Nhưng thế giới Cực Lạc là cõi phàm thánh đồng cư thì khác biệt rất lớn. Trong quốc độ của chư Phật mười phương thế giới thì cõi phàm thánh đồng cư là lục đạo luân hồi, chẳng khác gì với Phật Thích Ca. Thế giới Cực Lạc cõi phàm thánh đồng cư chỉ có hai đường trời và người. Cực Lạc chẳng có ba đường ác, không có địa ngục. ngạ quỷ, súc sinh. Cũng không có la sát, a tu la. Tất cả những thứ bất thiện đều không có. Và sanh về thế giới Cực Lạc thì oai thần của bổn nguyện Phật A Di Đà sẽ gia trì cho quí vị, thật sự gia trì được, nâng quí vị lên thành Bồ Tát A Duy Việt Trí. Điều này chúng ta có thể cảm nhận được, không phải quí vị có thần thông trí huệ lớn thế, có phước báu lớn thế. Mà là hưởng thọ phước báu của Phật A Di Đà đó. Phật A Di Đà xây dựng thế giới Cực Lạc này, quí vị có thể tới đó hưởng thụ. Thế giới này chúng ta không có đủ năng lực xây dựng. Phật đã xây xong rồi. Mời ta đến đó cư ngụ. Quí vị xem thiết kế Cực Lạc vi diệu biết bao. Khoa học hiện nay tiến bộ thế nào cũng không bì được. Gió thổi lá cây, cây là cây báu. Không phải thân gỗ, thân lá mà là châu báu. Khi gió thổi thì tiếng kêu như tiếng phong linh, âm thanh hết sức vui tai, Nhưng âm thanh đó không chỉ nghe vui tai mà còn là tiếng thuyết pháp, giảng kinh. Dùng âm nhạc, lời ca để giảng kinh cho quí vị nghe mà sinh tâm hoan hỉ, vui thích. Hễ nghe là khai ngộ. Cách dạy này, ngôi trường này quí vị đi đâu mà tìm? Tìm sao ra? Âm thanh của nước chảy trong ao hồ cũng đang thuyết pháp. Tiếng chim chóc hót cũng thuyết pháp. Những con chim đó chẳng phải súc sanh mà do Phật A Di Đà biến hóa ra. Phật A Di Đà là một nhà khoa học vĩ đại, chế tạo ra nhiều con chim biết nói pháp. Quí vị muốn nghe gì, nó sẽ nói nấy. Hai người ở bên nhau, tôi thích nghe Kinh Vô Lượng Thọ. Bạn thích nghe Kinh Hoa Nghiêm. Tôi nghe được chính Kinh Vô Lượng Thọ, bạn nghe đúng là Kinh Hoa Nghiêm. Chẳng hề xen tạp. Kỳ diệu đến mức độ thế đó! Cho nên âm thanh ở Cực Lạc được gọi là diệu âm. Mắt quí vị nhìn thấy diệu sắc, thật quá kỳ diệu. Lưỡi quí vị nếm được diệu vị. Cho nên lợi ích vãng sanh không thể nghĩ bàn! Đây là bất cộng diệu pháp của Phật A Di Đà với tất cả chư Phật Như Lai, khác nhau. Cho nên chư Phật “nhượng đức”. Tôn vinh, tôn sùng Phật A Di Đà. Vốn tất cả Phật đều bình đẳng, sao lại gọi là Phật trung chi vương? Danh hiệu Phật trung chi vương do chư Phật 10 phong tặng, đặc biệt tôn sùng Phật A Di Đà, lệnh quy nhất Phật. Người thật sự có duyên chính là có thể tin theo pháp môn này. Quí vị có thể hiểu, có thể niệm Phật, có thể cầu vãng sanh. Không có vị Phật nào không giúp quí vị vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Ở đây chúng ta biết, cả đời Phật Thích Ca 49 năm giảng kinh thuyết pháp. Mỗi kinh điển chỉ giảng một lần, không giảng lại lần thứ hai. Nhưng chỉ riêng Vô Lượng Thọ Kinh là Phật giảng rất nhiều lần. Chứng cứ có thể chứng minh ít nhất là trên ba lần. Bởi vì Kinh Vô Lượng Thọ nguyên văn được truyền đến Trung Quốc rất sớm, từ nhà Hán đến nhà Tống là 800 năm, được dịch 12 lần ở Trung Quốc, cho nên có 12 bản dịch khác nhau. Hết sức đáng tiếc là bảy bản dịch đã bị thất truyền. Hiện giờ trong Đại Tạng Kinh chỉ có năm bản, đối chiếu xem thì nội dung sai biệt quá lớn. Đấy là nguyên nhân gì? Đấy là do Phật không giảng một lần. Mỗi lần giảng thế nào cũng có khác biệt nhỏ, đại đồng tiểu dị. Sai biệt đừng nhiều quá. Trong năm bản dịch này rõ rệt nhất, thì mọi người đều biết lời phát nguyện của Phật A Di Đà. Năm bản dịch hiện còn có hai bản là 48 nguyện. Có hai bản là 24 nguyện. Trong bản dịch đời Tống có 36 nguyện. Không nên có khác biệt lớn như thế. Cho nên từ hiện tượng này ta biết ít nhất Phật đã giảng hơn ba lần. một lần Phật giảng 48 nguyện, một lần Phật giảng 24 nguyện, một lần Phật giảng 36 nguyện. Còn bảy bản dịch thất truyền kia, nếu tìm được thì chắc cũng còn khác biệt nữa. Điều này cho thấy gì? Nhiều lần giảng, chứ không phải giảng một lần! Nhiều lần giảng, chính là lời tán thán đặc biệt đối với Phật A Di Đà. Chỉ cần thấy chúng sanh hữu duyên, Phật đều khuyên nên niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Niệm Phật cầu sanh tịnh độ, đó là hàng thượng thượng thượng căn. Vì sao vậy? Vì một đời quí vị sẽ thành Phật. Có pháp môn nào giúp quí vị một đời thành Phật được đâu? Sao thực hiện nổi! Chỉ có pháp môn này thì một đời thành Phật. Cho nên nó là thượng thượng thượng căn. Người thời nay không hiểu cho nên xem thường kẻ niệm Phật, cho đó là cách tu học của ông bà già không có tri thức. Nhưng người không có tri thức lại là hàng thượng thượng thượng thượng căn! Kẻ có tri thức lại là hàng hạ hạ hạ hạ căn! Quí vị thấy lầm lẫn này lớn biết bao! Chúng ta không hiểu được điều này có phải là đã phụ lòng Phật Thích Ca? Phật Thích Ca đã tốt với ta biết bao, mà ta hoàn toàn không biết lòng Phật, ngu si đến cực điểm. Vì không phải thượng thượng thượng căn nên Phật mới phải giảng 84000 pháp môn. Những pháp môn này là để độ họ. “Tùy chúng sanh tâm ưng sở chi lượng”. Hàng hượng thượng thượng thượng căn quyết định theo pháp môn này. Nếu Phật không truyền pháp môn này cho quí vị là Phật có lỗi. Chúng ta phải nhận thức được.

Nguyện thứ 17 “Chư Phật xưng thán nguyện”. Đây là Phật A Di Đà khi còn ở nhân địa phát nguyện, thành tựu trong tương lai của ngài chắc chắn sẽ được nhất thiết chư Phật xưng tán. Ngài thành Phật rồi, thế giới Cực Lạc thành tựu rồi. Quả nhiên là như thế, thật có chư Phật xưng tán. Đây là nguyên văn trong Hội Sớ.

Phía dưới “ Ý vị”. Đây là giải thích của Hoàng Niệm lão: “*Phật Phật đạo đồng, sở chứng bình đẳng, không có cao thấp”.* Tất cả kinh văn Đại Thừa đều nói thế, điều này thật không hề giả. *“Nhưng pháp môn niệm Phật vãng sanh là diệu pháp bất cộng của Phật Di Đà”*. Quả thật pháp môn này chư Phật không có. *“Cho nên sự lợi ích của nó cũng là bất cộng”.* Cho nên lợi ích của pháp môn này khác với chư Phật Như Lai. “*Thị cố chư Phật thôi nhượng kỳ đức, dục hiển nhất thiết chư Phật vô biên công đức tất quy Di Đà nhất Phật”.* Phía trước đoạn này đã giảng. Chư Phật làm gương cho chúng ta xem, chúng ta đều rất nhỏ nhen, ích kỷ, không thích ai hay hơn mình. Ta có đố kỵ, có ngạo mạn, có chướng ngại. Chư Phật không có. Anh nghĩ ra phương pháp tốt để độ chúng sanh, tốt, rất tốt. Tất cả đều tán thán anh. Tôi gửi toàn bộ chúng sanh căn đã chín muồi, có thể tin tưởng, tiếp nhận được, chịu niệm Phật, chịu vãng sanh đến chỗ anh. Toàn bộ đến thế giới cực lạc để thành Phật. Cả kinh Hoa Nghiêm cũng không ngoại lệ.

Nói các quí vị biết thời trẻ tôi hết sức kiêu ngạo, rất tự phụ. Người có thể thuyết phục tôi chẳng nhiều. Tôi có lý luận ngang bướng, hay cường biện, không thể đón nhận pháp môn này. Nên thầy Phương Đông Mỹ không dạy niệm Phật, mà giới thiệu triết học kinh Phật, giới thiệu hai pháp môn: Pháp Tướng Duy Thức Tông và Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, thầy giới thiệu cho tôi hai môn này. Tôi học kinh giáo, học giảng kinh với thầy Lý. Thầy Lý khuyên tôi tu Tịnh Tông. Tôi theo thầy 10 năm. Kết quả thế nào? Chẳng phản đối Tịnh Tông, nhưng tôi không học, không nhận thức, hoài nghi Tịnh Tông, thích Kinh luận Đại Thừa hơn. Thậm chí thầy dùng rất nhiều phương pháp để dẫn dắt tôi. Thầy bảo: “Con xem pháp môn này, xưa nay bao nhiêu thánh hiền hào kiệt đều theo. Nếu sợ mắc lừa thì ta cứ thử để bị lừa một lần cũng đâu sao”. Tôi vẫn không chịu bị lừa. Thầy dạy tôi đọc Văn Sao của Ấn Quang đại sư. Lúc đó thầy tặng tôi bộ này gồm 4 quyển. Chánh biên thượng hạ hai tập. Tục biên cũng thượng hạ hai tập. Đài Loan lúc đó chỉ có mỗi một bộ. Thầy Lý là học trò của Ấn Quang đại sư. Sau khi xem tôi rất cảm phục tịnh độ, không phản đối, không dám phê phán, nhưng vẫn không muốn học. Chỉ đặc biệt thích những kinh luận lớn như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Nên tôi đã giảng Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, bên Thiền Tông đã giảng Lục Tổ Đàn Kinh, Kinh Kim Cang, đã giảng Chứng Đạo Ca, Thiền tông tập của đại sư Vĩnh Gia. Đấy là thời gian đầu. Tâm quay về tịnh độ là do nhân duyên khi giảng Kinh Hoa Nghiêm. Giảng được nửa bộ Kinh Hoa Nghiêm. Lúc đó một tuần tôi giảng ba lần, mỗi lần một giờ rưỡi, giảng cùng lúc tứ thập và bát thập Hoa Nghiêm. Trong một tuần thì hai ngày giảng Bát thập Hoa Nghiêm, một ngày giảng Tứ thập hoa nghiêm. Cùng lúc giảng như thế đến một nửa thì tình cờ tôi nảy ra ý nghĩ: Đức Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn gì thành Phật? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì mà thành tựu? Chỗ này tôi chưa giảng đến, còn ở phía sau. Tôi bèn giở ra sau. Lật đến quyển 39 của Tứ thập Hoa Nghiêm thì gặp. Văn Thù, Phổ Hiền không chỉ tự mình niệm Phật cầu sinh tịnh độ, mà còn dẫn 41 vị pháp thân đại sĩ trong Hoa Tạng Hải Hội cùng về Cực Lạc. Sự việc này khiến tôi vô cùng kinh ngạc! Trong Hoa Tạng Hội thì ngài Văn Thù, Phổ Hiền là bậc Đẳng Giác Bồ Tát, là tay trái, tay mặt của đức Phật Tì Lô Giá Na. Người tu hành được minh tâm kiến tánh ở 10 phương thế giới đều sanh về thế giới Hoa Tạng. Bồ Tát Phổ Hiền lại đem hết đại chúng đến thế giới tây phương Cực Lạc. Quí vị thử nghĩ xem Đức Phật Tỳ Lô Giá Na có nổi giận không? Sao lại đưa hết người của ta đi thế? Đức Phật Tì Lô Giá Na chẳng những chẳng giận, còn vỗ tay: Hay! Hay lắm! Còn tán thán ngợi khen. Quí vị thấy đó, tâm lượng của chư Phật khác với chúng ta. Vì sao vậy? Vì ở thế giới Hoa Tạng thời gian để thành Phật rất dài. Đến thế giới Cực Lạc thì thời gian đó rút ngắn đi nhiều. Thành tựu sẽ cực nhanh. Khi đọc lời kinh này tôi mới cảm tạ thầy, trước kia tôi đã thờ ơ. Thầy dụng tâm khuyên dạy mà không chịu tiếp thu. Đọc xong kinh văn này thì không còn nói gì được, mới thực sự quay lại học tịnh độ. Rất khó! Thật là pháp môn khó tin, nan tín chi pháp! Cho nên khi tôi giảng, thấy quí vị nghe rồi đều hoan hỉ, đều niệm Phật thì tôi nể phục quí vị lắm. Vì sao vậy? Vì quí vị giỏi hơn tôi nhiều! Thầy Lý độ tôi hết sức gian nan, không dễ chút nào! Thế nhưng khi đã tin thì tôi tin sâu hơn kẻ khác, lòng tin siêu vượt người khác. Thật đấy. Hiểu rõ ràng cặn kẽ rồi tôi mới tin. Nhất quyết không tin khi chưa hiểu, chưa nắm rõ. Quả thực là nan tín chi pháp. Quí vị xem thế nên chư Phật Như Lai thấy người thực sự có thể tin theo pháp môn này, thì khuyên đừng học gì khác, chỉ đi sâu vào một pháp môn thôi. Nói thật, một bộ Kinh A Di Đà hoặc một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật là đủ để quí vị thành công rồi, quí vị học những thứ khác nữa để làm gì? Lãng phí thời gian, lãng phí tinh lực thế! Đến Cực Lạc rồi tất cả kinh giáo quí vị đều thông suốt. Hãy xem hoàn cảnh tu học ở Cực Lạc. Chính bản thân quí vị ngồi trong giảng đường của Phật A Di Đà, không hề rời đi. Tự quí vị có thể phân thân, hóa thân. Phân thân ra thành vô lượng vô biên thân đến 10 phương thế giới lễ lạy, thăm viếng, cúng dường tất cả chư Phật Như Lai. Cúng dường Phật là tu phước, nghe Phật giảng kinh là tu huệ. Phước huệ song tu thì một ngày tu hơn vô lượng kiếp tu ở thế giới chúng ta. Nơi tốt như vậy mà không đến được sao? Nếu quí vị thật sự hiểu rõ ràng minh bạch rồi, thì không thể không đi. Lực nào ghì lại, không cho quí vị đi, quí vị cũng phải vùng thoát ra, phải đến đó mới được! Nơi đó quá tốt! Ở 10 phương thế giới không có, cho nên chư Phật Như Lai đều tán thán khen ngợi. Nhất là lớp người chúng ta thật hết sức may mắn. Vì sao vậy? Vì quí vị gặp được quyển hội tập này. Quá sức hay! Thường ít ai biết. Khi ở Đài Trung, thầy Lý đưa quyển này cho tôi. Đọc xong tôi rất vui mừng. Thầy đã từng giảng nên dùng bút lông chú giải bên lề. Đánh dấu câu từng đoạn. Đọc xong tôi rất thích, muốn học, muốn giảng ngay. Thầy bảo chưa phải lúc, duyên của anh chưa chín muồi. Có kẻ phản đối sách này, người thì tranh luận. Tuổi tôi còn trẻ, theo học Phật pháp chưa lâu, mọi người sẽ không phục. Tôi bèn đợi đến khi thầy vãng sanh. Sách của thầy trong tay tôi, không ai thấy nó. Để kỷ niệm thầy, tôi cho in 10 000 quyển có chú giải bên lề của thầy, cho lưu hành ở nước ngoài. Khi đó tôi đang ở Mỹ. Mọi người đọc xong sách này đều hoan hỉ, yêu cầu tôi giảng. Cho nên lần giảng Vô Lương Thọ Kinh đầu tiên của tôi, là quyển hội tập này ở San Francisco bên Mỹ. Hoằng dương quyển hội tập này ở nước ngoài là tôi, còn trong nước có lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, mỗi mình cụ. Cả hai cùng liên kết nhau bên Mỹ. Cụ nhận lời mời của một số đồng tu ở Mỹ sang Maryland truyền pháp trong chỉ một tháng. Vậy là cụ mới biết chúng tôi đang giảng quyển hội tập này. Cụ hết sức vui mừng. Quyển chú giải đem theo sang Mỹ lúc đó in Rô nê ô, cụ đem tặng tôi, đọc xong tôi hết rất vui mừng. Hỏi cụ có bản quyền của sách không? Có bản quyền thì thôi. Không có bản quyền thì tôi đưa về Đài Loan in. Cụ bảo không có bản quyền và còn bảo tôi viết cho lời tựa. Chúng tôi đã biết nhau như thế. Cụ về Bắc Kinh rồi thì cùng năm đó, khoảng 2, 3 tháng sau, tôi cũng đến Bắc Kinh thăm cụ. Cụ mới kể lại quá trình viết chú giải. Thật không hề dễ dàng! Sức khỏe yếu, đau ốm, ngày đêm không nghỉ hoàn thành bộ chú giải. Càng không thể tưởng tượng là tư liệu cụ sưu tập được quá phong phú. Dẫn chứng tổng cộng hơn 190 kinh luận. Nhờ Tam Bảo gia trì thôi. Sách quý thế tìm ở đâu ra? Sao tìm được! Hễ nghĩ đến là tự nhiên có người đem tặng. Tôi đã thấy số tư liệu đó chất trong phòng cụ. Ngày nay thật hy hữu ta được gặp quyển hội tập, được đọc bộ chú giải này. Hy hữu trong hy hữu! Đây là phước báo, nhân duyên lớn biết bao! Nên tôi mới cho người chịu tin, chịu hiểu, chịu niệm Phật là thượng thượng căn! Quyết định sẽ thành tựu trong kiếp này.

Đoạn này Niệm Lão chú giải rất hay. *Dục hiển nhất thiết chư Phật vô biên công đức tất quy Di Đà nhất Phật. Dục lệnh thập phương chúng sanh, tất nhập Di Đà nguyện hải vãng sanh Cực Lạc thế giới.* Sanh về thế giới Cực Lạc vậy là viên mãn, đại viên mãn rồi! Nhất là gặp được quyển này, còn thông qua việc ta cùng nhau học tập nên tôi gọi đó là Diễn Nghĩa Định danh là Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa. Duyên này quá sức thù thắng vượt trội! Đúng là thể hiện bổn nguyện của Phật A Di Đà.

Nguyện thứ 17: *chư Phật xưng thán nguyện chi thành tựu*. Thành tựu này là tự nhiên, là phản ứng tự nhiên từ trong tánh đức, quyết không phải cố ý mong cầu, quyết không do tìm cách nào tạo ra. Không hề có. Hoàn toàn không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Trước đó ta đã từng học 29 loại thành tựu trang nghiêm trong Vãng Sanh Luận. Toàn là tánh đức, bổn nguyện của Di Đà thành tựu. Chẳng hề có chút ý nghĩ nào bên trong. Điều này ta không thể không biết. Vì người đời chúng ta đã quen dùng ý nghĩ. Cứ luôn nghĩ phải làm thế nào. Thế giới Cực Lạc thì không cần tư tưởng. Tư tưởng là phiền não, tư tưởng là tập khí. Thế họ dùng gì? Họ dùng trí huệ chân thực. Trí huệ chân thực được gọi là chiếu kiến. Hiện nay có một từ là trực giác. Trực giác mắt thấy, trực giác tai nghe. Trực giác của sáu căn khi tiếp xúc cảnh giới sáu trần. Trực giác là kiến tánh, trực giác chẳng dụng tâm ý thức. Ta biết chúng sinh trong 10 pháp giới đều dùng tâm ý thức, tức là dùng A lại da. A lại da là tâm, Mạt na là ý, thức thứ sáu gọi là thức. Hoặc nói tổng quát thì sáu thức trước đều gọi là thức. Tâm ý thức là bao gồm tám tâm vương, chính là dùng thức đó. Lục đạo đã dùng lệch, dùng bất chính. Dùng lệch là sao? Là nhân thiên. Dùng bất chính là sao? Là ba đường ác: ngạ Quỷ, địa ngục, súc sinh, là do dùng tâm bất chính. Tâm dùng lệch đi thì là cõi nhân thiên. Nếu tâm ý thức dùng ngay thì là pháp giới tứ thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Nên Phật trong 10 pháp giới chẳng phải Phật thật. Thiên Thai đại sư Lục Tức Phật giảng rất hay. Đấy thuộc về tương tợ tức Phật. Rất giống nhưng không phải thật. Vì dùng vọng tâm, không phải chân tâm. Phải nhớ A lại da là vọng tâm. Nếu dùng chân tâm thì gọi là chuyển thức thành trí. Chuyển bát thức thành tứ trí. Tịnh Tông nói thế. Chuyển A lại da thành Đại viên kính trí, chuyển Mạt na thành Diệu quan sát trí, chuyển tiền ngũ thức thành thành sở tác trí. Chuyển thức thành trí thế này thì lìa 10 pháp giới, đến chỗ cõi thật báo trang nghiêm. Tu theo những tông phái khác toàn về thế giới Hoa Tạng. Người niệm Phật nếu chuyển thức thành trí sẽ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Chẳng phải ở cõi đồng cư, không phải ở cõi phương tiện, mà sanh thẳng đến cõi thật báo. Cõi thật báo trang nghiêm của Phật A Di Đà. Đó gọi là lý nhất tâm bất loạn. Chuyển thức thành trí là lý nhất tâm bất loạn. Đắc định chân chánh là có thể buông bỏ phiền não, kiến hoặc, nghĩa là không còn chấp trước với nhất thiết pháp. Hạng người này sinh về cõi phương tiện hữu dư. Phiền não tập khí nhất phẩm cũng không đoạn được thì sinh về cõi phàm thánh đồng cư. Quí vị phải biết cõi phàm thánh đồng cư, cõi phàm thánh đồng cư ở thế giới Cực Lạc, chẳng có ba ác đạo, không có A Tu La, chẳng có La Sát, chỉ có hai cõi người trời. Lục đạo biến thành hai đạo. Đấy là chỗ thù thắng trang nghiêm không thể so sánh được của thế giới Cực Lạc.

Cho nên *thập phương Phật tán thử năng danh văn thập phương.* Ngài rộng độ chúng sanh! Nếu chư Phật không tuyên dương Ngài, không chiêu sinh giúp ngài, thì ngài độ chúng sinh sẽ chẳng được nhiều. Nếu tất cả chư Phật đều chiêu sinh giúp Phật A Di Đà, đều giới thiệu, gửi gắm quí vị mới biết được trang nghiêm vượt trội của Tịnh Tông, quí vị mới thật sự hiểu Tịnh Tông không thể nghĩ bàn. *Phổ nhiếp vô biên chúng sanh, hội quy Cực Lạc dã.* Tất cả cùng sanh về Cực Lạc quốc thật sự.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

# Tập 385

Chuyển ngữ: Lý Hương  
Biên tập:Minh Tâm  
Thời gian: 28 tháng 4 năm 2011  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quí vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 477, bắt đầu xem từ hàng thứ nhất.

“Hà dĩ cố, dục lệnh tha phương, sở hữu chúng sanh, văn bỉ Phật danh, phát thanh tịnh tâm, ức niệm thọ trì, quy y cúng dường, nãi chí năng phát, nhất niệm tịnh tín, sở hữu thiện căn, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tùy nguyện giai sanh, đắc bất thoái chuyển, nãi chí vô thượng, chánh đẳng bồ đề”.

Đoạn này Hoàng Niệm Lão giải thích là “hữu”. Hai dòng rưỡi kinh văn bên phải. “Biểu chư Phật tán thán chi bổn nhân”. Có nghĩa đâu là ý nghĩa việc chư Phật Như Lai tán thán Phật A Di Đà. Trong đây, thứ nhất: giúp chúng sanh khởi tín nguyện. Đoạn nhỏ thứ hai: giúp đại chúng chứng đắc chánh quả. Ý kinh văn rất rõ. Chú giải của Niệm Lão rất đặc sắc. “Cái dục chúng sanh văn danh sinh tín phát nguyện cầu sinh, tất chứng vô thượng Bồ Đề”. Đây là những gì trong đoạn này nói. Tịnh độ rõ ràng là pháp khó tin. Người nghe thì nhiều, người tin thì ít. Nhất là trong thời buổi hiện nay. Thưở xưa đỡ hơn vì mỗi người đều được gia đình giáo dục tốt. Ta biết trong các dân tộc trên thế giới, thì người xưa biết cách giáo dục nhất. Ngàn vạn năm trước cổ nhân của chúng ta đã biết điều này. Ta có thể tin như thế vì lúc đó không có chữ viết. Văn tự chỉ được phát minh vào thời Hoàng Đế, đến giờ chỉ mới 4500 năm. Nền văn hóa 5000 năm phải nhờ khảo cổ mới phát hiện.

Bà La Môn ở Ấn Độ xưa có truyền thuyết ít nhất là một 3000 năm. Ta có lý do để tin truyền thống văn hóa xưa bắt nguồn chắc chắn không trễ hơn Ấn Độ. Chỉ tại lúc đó không có chữ viết ghi chép lại. Khổng Tử sinh vào thời Xuân Thu, Mạnh Tử thì trễ hơn một 00 năm, vào thời Chiến Quốc. Khổng Tử nói rất hay. Cả đời ông “Thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ”. Thuật là tường thuật lại lời người khác, không phải của chính mình. Theo cách nói hiện nay thì Khổng Tử cả đời không sáng tạo phát minh gì. Nói cách khác, suốt đời sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền của ông, đều là những thứ của cổ nhân, chẳng có gì của riêng ông. Ông đã nói rất thành thực. Tín nhi hiếu cổ. Điều này rất đáng nể: lòng tin. Tin sâu sắc không hoài nghi và tiếp nhận toàn bộ giáo huấn của thánh hiền xưa. Thái độ học hỏi tu luyện này hết sức hiếm có. Muốn đạt được thế xuất thế pháp cũng phải nhờ thái độ này, mới thật sự đạt được. Đạt được gì? Có được truyền thống của cổ nhân. Truyền thống của cổ nhân là gì? Là tự tánh. Nhà Phật nói tự tánh, truyền thống xưa cũng nói về tự tánh. Nhân tánh bổn thiện. “Nhân chi sơ tính bổn thiện” trong Tam tự kinh. Còn câu đầu tiên trong Đại Học là : “minh minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện”. Đều là nói về tự tánh, nói về tánh đức. Tánh đức là cứu cánh viên mãn, tròn vẹn tột cùng không thể thêm vào chút gì, cũng không thể để khuyết tí nào. Viên mãn vẹn tròn như thế.

Thứ Phật chứng đắc gọi là Đại Bát Niết Bàn, được gọi là Đại Viên Mãn. Thời xưa tuy không có những từ rõ rệt như trong kinh Phật. Chúng ta cẩn trọng quan sát, cảm nhận thì ý tứ là một, chẳng phải hai. Tự tánh là một, không có anh, tôi, hắn. Nên trong Kinh giáo Đại Thừa nói lý thể chỉ có một, hiện tượng thì khác biệt vô vàn. Vô lượng vô biên hiện tượng sai biệt cùng chung một lý thể. Còn cho ta biết tánh tướng là một, tánh tướng chẳng phải hai. Người Ấn độ, người Trung Quốc đều xem ngộ nhập vào tự tánh là mục tiêu tối thượng khi học hỏi. Khác với ở nước ngoài. Quả là người trung Quốc trong đồng có dị biệt. Mười pháp giới lại khác, trong dị biệt có đồng. Tuy có một 0 pháp giới, y chánh trang nghiêm chẳng giống nhau nhưng là một tự tánh. Cho nên tôn trọng thánh hiền chính là tôn trọng tự tánh, phàm những thứ từ tự tánh lưu xuất ra chính là thật tướng. Kinh Đại Thừa nói thật tướng chư pháp chính là chân như, chính là tự tánh. Nên người xưa khi dạy trẻ con đều luôn nhớ dạy ngộ tánh. Trong Phật pháp ngộ tánh là giác tánh. Người có ngộ tánh cao, ta biết phiền não của họ sẽ ít, tạp niệm cũng ít, tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là ngộ tánh, là giác tánh. Vọng niệm nhiều, nhiều dục vọng, nhiều phiền não thì ngộ tánh ắt sẽ kém hơn, vì bị những thứ này chướng ngại, nhiễu loạn. Tuy bị chướng ngại, nhiễu loạn nhưng không hề mất đi. Như một chậu nước, bị vẩn đục, bị quấy đảo nhưng vẫn là chậu nước đó. Chờ một thời gian nó sẽ tự ổn định. Những thứ dơ bẩn sẽ lắng chìm xuống, động tướng sẽ dần ngừng.

Qua đó có thể thấy người Ấn xưa hết sức xem trọng việc thiền định. Tuy Trung Quốc không nói thiền định nhưng cũng nói về định, cũng nói về tĩnh, họ nói về những điều này. “Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh”. Hoàn toàn tương đồng với Phật pháp và triết học cổ Ấn Độ.

Trí huệ không có được từ bên ngoài, mà vốn đã trong tự tánh. Tri thức thì học được ở bên ngoài, nhưng trí huệ không như thế. Trí huệ và tri thức là hai thứ khác nhau. Trí huệ có thể minh tâm kiến tánh. Còn tri thức? Tri thức là một loại chướng ngại, Phật pháp gọi nó là sở tri chướng. Chẳng phải cho là không cần tri thức, tri thức không tốt. Phật pháp cũng cần và có lúc dùng đến tri thức. Nhưng lúc nào? Sau khi khai ngộ. Khai ngộ gọi là căn bản trí. Ngộ xong khởi tu. Có được căn bản trí rồi thì quí vị xem Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm đã khai ngộ ở pháp hội của Bồ Tát Văn Thù. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, căn bản trí hiện tiền. Căn bản trí là gì? Là trí huệ Bát Nhã mà tự tánh vốn có. Trong kinh Bát Nhã nói rất hay. “Bát Nhã vô tri”. Vô tri chính là căn bản trí. Khi bất động thì nó chẳng có gì. Chính là điều mà Huệ Năng đại sư nói khi khai ngộ “đâu ngờ từ tánh vốn tự đầy đủ”. Vốn tự đầy đủ là căn bản trí, lúc không khởi tác dụng thì bên trong nó chẳng có một pháp nào. Khi nó khởi tác dụng thì chẳng bỏ một pháp nào. Trí huệ viên mãn hiện tiền, cho nên khi Thiện Tài khai ngộ, Văn Thù Bồ Tát liền bảo ông đi thăm viếng học hỏi 53 lần. 53 lần thăm viếng học hỏi là hậu đắc trí, tri thức mà hôm nay chúng ta nói đến. Quí vị không tiếp xúc thì không biết, hễ tiếp xúc liền rõ ngay. 53 lần thăm viếng học hỏi tiêu biểu cho gì? Tiêu biểu cho tri thức của cả vũ trụ. Quí vị thấy trong đó trai gái trẻ già, mọi ngành mọi nghề, xuất gia tại gia, trong 53 lần thăm viếng học hỏi chỉ có 6 người đã xuất gia, phần lớn là tại gia. Hễ bạn tiếp xúc là rõ cả, chẳng có gì không biết. Nhưng trước tiên phải cầu vô tri, sau đó mới có thể vô sở bất tri. Nếu như có tri, đấy là chướng ngại. Sẽ trở ngại cho việc minh tâm kiến tánh, vậy thì quí vị sẽ vô sở bất tri, cái quí vị biết chỉ giới hạn, cái quí vị không biết quá nhiều. Khác với cách cầu học của người xưa. Điều này chúng ta phải cẩn trọng cảm nhận.

Cho nên pháp môn Tịnh độ trước sau vẫn là pháp môn không thể nghĩ bàn. Muốn chúng sanh nghe danh hiệu, sinh lòng tin rồi phát nguyện cầu vãng sanh, tất chứng Vô Thượng Bồ Đề, tức là thành Phật. Pháp môn này chính là con đường trở thành Phật. Chỉ một đời là thành tựu. Kẻ có thể tin, có thể phát nguyện dốc sức tu hành thật sự là người có đại phước đức. Thế xuất thế gian chẳng ai có phước báo lớn hơn phước báo này, không tìm ra đâu. Chúng ta gặp là có duyên. Còn tin hay không tin, hiểu hay không hiểu lại thuộc về thiện căn. Người có thiện căn hễ tiếp xúc thì liền tin, liền hiểu. Người có phước đức thì có thể hành, có thể chứng. Cho nên trong tiểu bổn Kinh Di Đà nói: “Không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên mà được sinh về nước đó”. Thiện căn phước đức của chúng ta có vấn đề. Nhân duyên thì hội đủ rồi, gặp được rồi, được thân người, được nghe Đại Thừa, được nghe Hoa Nghiêm, được nghe Tịnh độ, nhất là gặp được quyển hội tập này, hội đủ tất cả. Nhưng chúng ta liệu có thật lòng tin tưởng? Không. Có thật sự hiểu? Không. Thực sự hiểu sẽ quyết định niềm tin thật sự. Không có chân tín chứng tỏ ta không hiểu đủ về vấn đề đó. Lời này năm xưa Chương Gia đại sư dạy tôi. Ông bảo Phật pháp biết thì khó nhưng hành dễ. Thế nên Phật Thích Ca phải giảng 49 năm. Rất khó để biết! Hành thì chỉ trong một niệm. Nghĩ khác đi là khai ngộ, hành như thế đơn giản biết mấy. Buông bỏ chấp trước. Không còn chấp trước với pháp thế xuất thế gian là thành A La Hán, là chẳng còn lục đạo. Nếu lại buông luôn được phân biệt thì thành Bồ Tát. Thực sự giữ được lục căn không khỏi tâm, không động niệm trong cảnh giới của 6 trần thì xin chúc mừng, quí vị thành Phật rồi. Quí vị xem, đơn giản biết bao.

Năm xưa khi còn tại thế, Phật Thích Ca diễn cho ta xem, ngài diễn cho chúng ta xem vai trò của người trí thức, hiếu học, học rộng biết nhiều. một 9 tuổi đã rời nhà đi tìm học, sống cuộc đời khổ hạnh để làm gì? Không sống như thế thì không học được. Học hỏi rồi cần thực hành, là phải chịu khổ, vui vẻ chịu khổ. Buông bỏ thực sự là tu luyện nghiêm túc. Hiếu học mà không chịu tu nghiêm túc thì không phải thực học, không phải học vấn thực sự. Những gì học được rất mong manh. Vì sao vậy? Vì không đối phó nổi quyến rũ, mê hoặc. Gặp danh lợi nhiều sẽ không giữ được mình, đó không phải là thực học. Thực học là gì? Là phải vất vả thực sự, buông bỏ thực sự thì học vấn đó có thực, cảnh giới nào bày ra trước mắt cũng không động tâm. Vì sao vậy? Vì đã nhìn thấu suốt. “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”. Quí vị mời ngài làm Đại phạm thiên vương tột cùng danh lợi, ngài không thèm vì đó là giả, lục đạo là giả tạm. Mời làm Ma Hê Thủ La Thiên Vương, là chủ nhân của đại thiên thế giới, ngài cũng không màng, vì đều không thật. Đấy gọi là biết khó làm dễ. Nếu hiểu thật sự thì đâu lẽ nào không buông bỏ được, hiểu thật thì sao còn khởi tâm tham luyến. Chẳng còn đâu. Nên tâm này vĩnh viễn thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là tự tánh, là thể tánh, là tánh đức. Chỉ có thứ này thật thôi, ngoài ra giả tạm hết. Trong thanh tịnh bình đẳng giác không có hiện tượng, chẳng có cả 3 loại hiện tượng. Không có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Nhưng nó có thể sanh ra muôn pháp, nó có thể hiện ra 3 hiện tượng này, tuy hiện 3 hiện tượng nhưng lại không bám vào 3 hiện tượng. Không bám chút gì. Vì sao? Vì trong tất cả hiện tượng, ngài không khởi tâm, không động niệm. Đấy là sạch thực sự. Là cảnh giới của pháp thân Bồ Tát. Tứ thánh pháp giới trong một 0 pháp giới còn khởi tâm động niệm. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần sẽ khởi tâm động niệm, nhưng không phân biệt, không chấp trước. Phàm phu trong lục đạo thì không được. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước sẽ cùng lúc ùa đến. Học như vậy thì vĩnh viễn không vượt được luân hồi. Ta không thể không biết điều này.

84000 pháp môn pháp môn nào cũng có thể giúp ta ra khỏi lục đạo, tịnh độ cũng vậy. Nhưng tịnh độ vượt trội hơn, tịnh độ đặc biệt hơn. Tịnh độ bảo đới nghiệp vãng sanh nhưng có điều kiện. Một niệm cuối cùng phải thanh tịnh. Bình thường không thanh tịnh chẳng sao. Một niệm vãng sanh cuối cùng phải thanh tịnh, chính là không còn khởi tâm động niệm mới có thể vãng sanh. Điều này khó quá, không đơn giản. Cho nên một niệm thanh tịnh là một niệm Phật, tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Vậy dùng phương pháp nào? Dùng A Di Đà Phật. Phương pháp quá khôn ngoan, quá thù thắng. Niệm cuối cùng chắc chắn là có niệm, không thể không niệm. Có khởi tâm động niệm mà khởi tâm gì? A Di Đà Phật. Động niệm gì? A Di Đà Phật. Chiêu này thật hay. Đây là chỗ khác giữa Phật A Di Đà và tất cả chư Phật. Ngài dùng danh hiệu để tiếp dẫn. Danh hiệu này rất phi thường. Danh hiệu là tánh đức của mình. Nghĩa danh hiệu này dịch sang chữ hán thì A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Nghĩa là sao? Là Vô Lượng Giác. Vô lượng giác là chân tánh của chúng ta! Vô lượng giác là tự thể, tự tánh của chúng ta. Nó tương ứng với cái này. Có phải chính Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ta, không phải mà là tự tánh của chúng ta. Ngài dùng tự tánh tánh dức làm danh hiệu để tiếp dẫn. Chỉ cần một niệm cuối cùng. Một niệm đó rất ngắn ngủi. Bồ Tát Di Lặc đã giảng rõ. Một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Một niệm trong số đó thôi. Niệm cuối cùng này rõ ràng là Phật. Bình thường niệm được thuần thục như thế, lúc lâm chung quí vị sẽ thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn. Đường hoàng từ biệt mọi người: tôi về thế giới Cực Lạc đây. Điều này có thật, không hề giả dối. Hiện tiền chúng ta, chỉ cần quí vị gặp được là quí vị có nhân duyên đó, chỉ cần chịu tin, hiểu được, thật sự phát tâm. Đoạn sau sẽ giảng rất rõ về Bồ Đề tâm. Đơn giản thì như lời Ngẫu Ích đại sư. Tôi thực sự muốn sanh về Cực Lạc, thực lòng muốn được thân cận Phật A Di Đà. Ngoài niệm này ra không còn ý niệm nào khác. Đấy là Tâm Bồ Đề vô thượng.

Ba câu phía trước của ngài nói hết ý nghĩa đoạn kinh văn này. “Cái dục chúng sanh văn danh sinh tín, phát nguyện căn sinh, tất chứng vô thượng Bồ Đề”. Đây là tông yếu của Tịnh Tông.

“Hội Sơ viết: thị tắc đệ thập bát nguyện, thành tựu, nhất bộ tông quy, duy tại ư tư”. Đoạn kinh văn này tôn chỉ của Tịnh Tông, là nơi quy tụ của Tịnh Tông, là thành tựu viên mãn của Tịnh Tông.

“Sở dĩ giả hà”? Vì sao vậy? Đây là nêu ra một câu hỏi. “Tuy tứ thập bát nguyện giai thù thắng, dĩ niệm Phật vãng sanh vi tín yếu”. 47 nguyện là trợ duyên. Nguyện thứ một 8 là chánh thuyết. Không có 47 nguyện kia thì nguyện này cũng không thể thành lập. 47 nguyện để giúp nguyện thứ một 8 kiến lập niệm Phật vãng sanh tịnh độ. “Tuy nhất nhất thành tựu giai nan tư”. Nhất nhất này là chỉ 47 nguyện kia. Thành tựu của mỗi một nguyện đều không thể nghĩ bàn. “Nhi thử thành tựu vi bất công. Đệ thập bát nguyện thập niệm tất sanh. Cố chư Phật tán thán”.Phương pháp này dẫn dắt chúng sanh đến thế giới Cực Lạc. Phật A Di Đà cung cấp cho một đạo tràng tu học tốt nhất. Điều này quả hiếm có. Phàm phu như ta khó thành tựu là do không có một nơi tu học tử tế. Với hàng thượng thượng căn thì chuyện đó chẳng sao. Họ có trí huệ, định lực, chịu đựng được. Cảnh giới nào với họ cũng là cảnh giới tốt. Nhưng người căn tánh thế này quá ít. Hàng trung hạ căn nếu không có một hoàn cảnh tốt để tu học là không ổn, sẽ thối chuyển, sẽ đọa lạc, thậm chí có thể tạo tội nghiệp, vì không giữ được mình. Nên Phật A Di Đà lập đạo tràng không thể nghĩ bàn, cung cấp hoàn cảnh thế này quá hiếm có, phương pháp lại quá khéo léo. Kẻ thực sự có thiện căn phước đức nhân duyên gặp rồi khẳng định sẽ thành tựu, một đời viên mãn thành Phật. Cho nên khác với chư Phật. Bất cộng nghĩa là không giống. “Cảm đắc chư Phật tán thán”, là chẳng có vị Phật nào không tán thán. Phật tâm bình đẳng, Phật tâm thuần tịnh thuần thiện.

Văn bỉ Phật danh giả. Giáo hành tín chứng viết- đây là chư tổ người Nhật nêu ra- Ngôn văn giả, chúng sanh văn Phật nguyện sinh khởi bổn mạt, vô hữu nghi tâm, thị viết văn dã”. Những câu này, bên dưới là chú giải. “Chúng sanh”, đặc biệt chỉ lục đạo chúng sanh. “Văn Phật nguyện”, nguyện là 48 nguyện, là phẩm thứ 6 trong kinh này. Ta cũng học phẩm này rất kỹ. “Sanh khởi bổn mạt”. Bổn mạt là nói gì? Bổn là gốc, là phát tâm, phát đại nguyện. Nếu nói theo sự thì nguyện thứ một 8 là gốc. 47 nguyện khác là ngọn. Ta cũng có thể nói thế này, Phật A Di Đà phát 48 nguyện là một gốc, dẫn dụ 48 nguyện của chính chúng ta ra là ngọn. Ta phải học Phật A Di Đà, phải phát 48 nguyện, đọc một nguyện ta liền phát nguyện này. Ngài là gốc, ta là ngọn. Tâm chúng ta là một với tâm Phật. Tâm của Phật thì trước ta đã học rồi, tôi cũng từng nhấn mạnh “nhất thiết giai thành Phật”, đây là tâm của Phật A Di Đà. Là thật chứ không hề giả. Thực sự mong tất cả chúng sanh đều thành Phật, y như Phật A Di Đà, chẳng khác. Có thể không? Có thể, chắc chắn là có thể. Vì sao thế? Vì Phật A Di Đà cùng một Phật tánh với ta. Một tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Ngài có thể thành tựu, sao ta lại không thành tựu được? Đâu vô lý như vậy! Nên tín tâm kiên định quyết định sẽ thành, khẳng định sẽ được y như Phật A Di Đà. Từ phương pháp này ta có được bảo đảm, đảm bảo của lòng tin, bảo đảm tín tâm của chúng ta vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Quí vị không sanh về nơi đó, không có hoàn cảnh tốt thế thì rất khó. Tuy có lòng tin cũng không được. Phải đến Cực Lạc thôi. Không thể chờ nữa. Càng sớm càng hay. Đến Cực Lạc thì mới chứng được cứu cánh viên mãn. Sau đó bất luận trụ thường tịch quang hay trụ cõi thật báo, đều có năng lực ứng phó với tất cả chúng sanh hữu duyên trong biến pháp giới hư không giới. Thế nào là hữu duyên? Có thể tin, hiểu, hành, chứng pháp môn này là hữu duyên. Tín giải hành chứng gồm đủ là kẻ quyết đoán thượng thừa của Tịnh Tông. Tin được, hiểu được, hành được sẽ quyết định được sanh về. Tin, hiểu được nhưng không hành được vậy phải nhờ gì? Thường ta cho rằng nhờ vận may của người đó, lúc lâm chung nếu gặp trợ duyên, nhắc nhở, trợ niệm giúp cũng sẽ được vãng sanh. Nếu tin, hiểu được, không hành được, khi lâm chung không gặp được trợ duyên thì không xong, vẫn phải tiếp tục luân hồi trong 6 nẻo. Chúng ta dùng thứ này để xem gốc ngọn.

Thế nên bộ kinh này quan trọng. Phật nói tất cả kinh độ tất cả chúng sinh không cùng căn tánh. Còn bộ kinh này thì phổ độ, căn tính nào cũng độ được. Hàng thượng thượng thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Những người đó thật tuyệt, họ có năng lực đoạn phiền não, phá vô minh, sanh về thế giới Hoa Tạng, bản lĩnh như thế nhưng đến thế giới Hoa Tạng không viên mãn. Tập khí vô thỷ vô minh chưa dứt, gặp Văn Thù, Phổ Hiền dẫn dắt về Cực Lạc. Vì sao vậy? Đến thế giới Cực Lạc thì tập khí kia nhanh mất đi, ở các quốc độ chư Phật, cõi thật báo khác phải chờ rất lâu, nên ngài Văn Thù, Phổ Hiền đưa hết những người ở Hoa Tạng Hải hội này về thế giới Cực Lạc. Phật Tì Lô Giá Na chẳng hề giận. Ngài rộng lượng chẳng trách sao đưa hết người của tôi đi? Vậy là sao? Phật Tì Lô Giá Na còn hoan hỉ, vỗ tay: Tốt lắm, đi đi thôi! Đây chính là Phật Phật đạo đồng. Tất cả chư Phật đều mong chúng sanh sớm thành Phật. Muốn sớm thành Phật thì chỉ có thế giới Cực Lạc, chỉ có theo Phật A Di Đà. Chúng ta học Phật bấy lâu mới khẳng định chắc chắn việc này, khẳng định hoàn toàn, chẳng có chút xíu hoài nghi. Vô hữu nghi tâm, đây gọi là Văn. Văn là huệ thứ ba của Bồ Tát- văn huệ. Trong văn chắc chắn phải có tư, phải có tu. Tư là gì? Là hiểu. Tu là gì? Không còn nghi ngờ, đoạn nghi rồi. Từ đoạn nghi mà nói gọi là tu, từ hiểu mà xét gọi là tư, từ vừa nghe qua đã tin, không nghi ngờ là văn. Văn tư tu nhất niệm viên mãn thành tựu.

“Văn danh đắc phúc cố năng sinh tịnh tín chi tâm”. Nghe được câu danh hiệu Phật này, quí vị đã được phước báo rồi. Không niệm, không nghe danh hiệu Phật là quí vị không có phước. Tất cả đều thật. Phước này lớn quá. Phước này lớn bằng hư không pháp giới. Vì sao vậy? Phước báo có thể sanh tịnh tín. Quí vị thấy có phi thường không? Còn gì lớn hơn việc thành Phật? Đâu hề có. Thành Phật là gì? Thành Phật là thành tựu đại viên mãn. Thường ta nói đơn giản là trí huệ viên mãn. Tất cả pháp thế xuất thế gian không có gì quí vị không biết. Thành tựu đức năng của quí vị, tịnh đức của tự tánh vốn có. Chúng ta không gọi là thiện đức, mà gọi tịnh đức, đức thanh tịnh. Tại sao? Vì đức này không trước tướng. Cũng có nghĩa năng lực, không gì quí vị không làm được. Thành tựu tướng tốt của quí vị. Tướng tốt chính là phước báo ở đây nói đến. Thứ nào cũng viên mãn. Không phải tu được mà là tánh đức trong tự tánh vốn có. Cho nên có thể sanh tâm tịnh tín.

“Thanh tịnh tâm giả, vô nghi chi tín tâm dã, hựu vô cấu chi tịnh tâm dã”. Đây là tâm thanh tịnh. Trong không xen tạp nghi hoặc. Mảy may nghi hoặc cũng không. Thanh tịnh là không bị nhiễm bẩn. Nhiễm bẩn là sao? Tự tư tự lợi là nhiễm bẩn, danh văn lợi dưỡng là nhiễm bẩn, ngũ dục lục trần là nhiễm bẩn, tham sân si mạn là nhiễm bẩn. Hết sạch không còn chút nào. Kiến tư phiền não, trần sa phiền não là nhiễm bẩn cũng hoàn toàn chẳng còn. Nên đấy gọi là tâm thanh tịnh. “Ức niệm thọ trì”. Giảng từ chữ thọ. “Thọ giả, tín thọ”. Thọ là tiếp thu. Những gì Phật nói, tôi hiểu và hoàn toàn tiếp nhận. Tiếp nhận thì làm theo, tiếp nhận thì biến thành của mình. “Trì giả, kiên trì”. Duy trì, không để mất nữa. Gọi là thọ trì. Hiện nay rất nhiều người theo đạo Phật. Có tin Phật nhưng không thọ trì. Không nghiêm túc theo. Nếu tu nghiêm túc, thật sự họ có thể buông hết chuyện đời. Có cần bồi dưỡng thân? Không cần. Quí vị hỏi vì sao không bồi dưỡng. Tâm tịnh tắc quốc độ tịnh. Vì tất cả pháp từ tâm tưởng sinh ra. Thân do tâm tưởng ra. Lẽ nào có thể không khỏe mạnh! Bất kì bệnh tật gì. Khi tín tâm khởi lên thì bệnh sẽ không còn. Nội tạng trong người, mỗi tế bào đều hồi phục bình thường. Bình thường là khỏe mạnh. Thế bệnh từ đâu ra? Từ tham sân si mạn nghi. Từ đó mà ra. Trong Phật pháp hay nói tứ đại không điều hòa thì bệnh kéo đến. Tâm tham nặng nề, thủy đại sẽ nhiều quá, tâm sân nặng nề, nhiệt độ sẽ quá. Không được thiếu, cũng không để quá. Vừa vặn thích hợp thì thân tâm sẽ khỏe mạnh. Nên người thực sự tin Phật thân tâm khỏe mạnh. Tôi đã thấy điều đó. Theo thầy Lý một 0 năm, tôi thấy thầy niệm Phật thân tâm khỏe mạnh, sinh hoạt rất đơn giản, không cần ai phục vụ, tự ăn uống, giặt giũ. Nhà thầy rất nhỏ, chỉ có một 5 tấm, người Đài Loan gọi là tấm, một tấm bằng 2 chiếc chiếu. Một chiếc chiếu khoảng 2 mét vuông. một 5 tấm bằng 30 m2, nhỏ hơn gian phòng này. Sống một mình, dễ sắp xếp dọn dẹp, một gian thờ Phật nhỏ, một nhà kho, một phòng ngủ, một phòng khách nhỏ. Phòng khách nhỏ chắc bằng nửa trường quay nơi đây. Cả đời thầy sống trong gian phòng nhỏ thế, không đổi nhà nào khác và tự chăm sóc. Đến năm 95 tuổi mới chịu cho hai chị em học trò phục vụ, đó là Trịnh Thắng Dương và chị cậu ta. Rõ ràng người niệm Phật thân tâm khỏe mạnh. Chẳng cần tin gì cả, tin vào Phật A Di Đà. Điều này thật khó tin! Tin Phật A Di Đà còn phải đến phòng mạch bác sĩ, tìm thuốc tốt để tẩm bổ sức khỏe. Đấy là hoài nghi giáo lý. Không phải tin thực sự. Lòng tin chân chính thì chẳng cần gì cả. Cơm canh đạm bạc có cũng được, không có cũng xong. Đấy mới là chân tín.

Quí vị xem đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ lúc một 9 tuổi đã phải tự chăm sóc, sống cuộc đời tăng khổ hạnh cho đến tận khi ngài niết bàn vào năm 79 tuổi. Phật, Bồ Tát và chư vị tổ sư đều nêu gương tốt nhất cho chúng ta, thị hiện nhiều dạng, thị hiện đủ kiểu. Khi nghe và thấy những ghi chép này quí vị có thể để tâm cảm nhận thấy đây là tấm gương tốt cho chúng ta noi theo. Cảm nhận được thân giáo, ngôn giáo, ý giáo.

Trong “Thắng man bảo quật thượng”. Thượng chính là quyển thượng, vì quyển kinh này có thượng hạ 2 quyển. Kinh viết: “Thanh tịnh tâm, tịnh giả tín dã”. Quí vị xem, khi tin Phật thì sẽ tịnh. Chúng ta dùng tiêu chuẩn này để cân nhắc lại chính mình. Chúng ta có tin không? Không. Tin được mấy phần. Cái tịnh này phải có phần trăm. Chúng ta có một hoặc 2 % lòng tin thì không thể thanh tịnh được.Tâm thanh tịnh hiện tiền, đấy chính là tín tâm viên mãn. Điều này là thật, không giả chút nào.

Hai hôm trước tôi sang Đài Loan đi thăm 2 đạo tràng. Đến thăm rồi tôi rất vui. Cả 2 nơi đều là đạo tràng niệm Phật và họ đang thực hiện Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự. Có một đạo tràng mượn sân thể thao để tổ chức hoạt động này. Tôi thấy số người ít ra cũng đến một 0.000-20.000 người, quy mô rất lớn, ngồi đông nghìn nghịt. Rất tốt! Tất cả đều niệm A Di Đà Phật, cực kỳ hiếm có. Rồi tôi tham quan cuộc triển lãm Long Tạng ở viện bảo tàng Cố Cung. Vua Khang Hi đã dùng tiền của trong kho để thực hiện bộ Đại tạng kinh. Chỉ có mỗi một bộ thôi. Chữ viết tay được viết hết sức công phu, ngay ngắn, rồi nạm vàng thếp lên. Nghe nói bộ kinh này đã sử dụng mấy trăm lượng vàng vẽ minh họa bên cạnh kinh văn, hết sức trang trọng. Cả đất nước chỉ có một bộ, xem như báu vật quốc gia. Qua đó cho ta thấy xưa kia bậc đế vương trân trọng pháp bảo biết bao. Chúng ta hết sức ngưỡng mộ. Nhưng bộ Tạng kinh này viết bằng chữ Tạng. Tạng kinh bằng chữ hán thì do hoàng đế Càn Long biên soạn. Hoàn thành cùng lúc với Tứ Khố Toàn Thư. Hoàng đế đặc biệt trân trọng Phật giáo nên đã biên soạn riêng Đại tạng kinh -Long Tạng này. Nho giáo và đạo giáo thì hợp soạn trong Tứ khố. Chỉ có Phật giáo không hội tập trong Tứ khố mà để riêng ra, hết sức trân trọng. Thấy vậy ta vô cùng cảm động. Rồi lại được chứng kiến bác sĩ Lưu cùng một số bạn đang làm thí nghiệm nước, chính là thí nghiệm mà tiến sĩ Giang Bổn người Nhật đã làm. Họ đã dựng một phòng thí nghiệm tốt hơn phòng thí nghiệm ở Tokyo. Các thiết bị máy móc đều hết sức tiên tiến. Tôi đã từng đi thăm phòng thí nghiệm ở Tokyo 2 lần, máy móc ở đó khá cũ, kính hiển vi nơi đó chỉ phóng lớn 200 lần. Hôm trước tôi tham quan thì kính hiển vi của nhóm bác sĩ Lưu phóng lớn được 500 lần, tối tân nhất hiện nay. Quy mô của phòng thí nghiệm cũng lớn hơn bên Tokyo, thiết bị cũng tiên tiến hơn của họ. Không ít người đang ngồi đó cẩn trọng nghiên cứu.

Thí nghiệm nước của tiến sĩ Giang Bổn cho thấy nước có thể nhìn, nghe, hiểu được ý người. Cho đến việc nước có thể phân biệt được mùi vị không? Thử nghiệm về sắc thanh hương vị xúc. Mong có thể trắc nghiệm được sắc thanh hương vị xúc. Thấy rõ rệt những khoáng vật và thực vật này có đầy đủ kiến văn giác tri, đây là hiện tượng tinh thần. Chứng minh vật chất và tinh thần không tách rời được. Muốn thí nghiệm để chứng minh điều Maxs Planck đã nói: cơ sở của vật chất là tâm niệm. Nếu không có tâm niệm thì vật chất không tồn tại. Cho nên Planck bảo: trên thế giới căn bản không hề có thứ gọi là vật chất. Vậy vật chất từ đâu ra? Do tâm niệm tạo thành. Tâm niệm tạo thành cách nào? Planck cũng đã nói tương đồng với những gì trong kinh Phật nói, Phật giảng trong kinh 3000 năm trước, giờ các nhà khoa học mới phát hiện. Quả thật là tinh thần có trước rồi vật chất mới có sau. Nhưng trước vật chất còn có năng lượng. Ta xem báo cáo của Planck thì hiểu ngay. Vì sao vậy? Vì nó tương đồng với A Lại Da mà đạo Phật giảng. Năng lượng chính là nghiệp tướng của A Lại Da.Thọ tưởng hành thức là hiện tượng tâm lý. Khoa học gọi đó là thông tin, là chuyển tướng của A Lại Da. Kiến phần, kiến phần của A Lại Da. Vật chất là tướng phần của A Lại Da. Năng lượng là tự chứng phần của A Lại Da. Chúng ta dùng cách giải thích này thì người từng học Phật pháp rất dễ hiểu. Tam tế tướng của A Lại Da cũng là tam phần của A Lại Da: tự chứng phần, kiến phần, tướng phần. Trong tam tế tướng có nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng của A Lại Da, không thể tưởng tượng nổi! Những gì Phật phát hiện, giờ khoa học mới tìm ra và chứng minh. Họ dùng nước và có thể cũng dùng một số chất khác để quan sát qua kính hiển vi. Cho những ý niệm khác nhau để nước tiếp xúc, nhìn thấy, nghe được. Đưa ý niệm của tâm cho nước, xem nước sản sinh những biến hóa nào. Thí nghiệm này rất giá trị vì đã giúp ích cho tín tâm của chúng ta. Ta sẽ không hoài nghi gì về kinh điển sau thí nghiệm khoa học. Kinh Phật đã qua được thử thách.

Tâm thanh tịnh vô nghi, tâm thanh tịnh vô cấu. Tâm thanh tịnh là tín. Khởi tâm tịnh tín, không xen tâm phiền não thì gọi là tịnh tâm.

“Ức niệm thọ trì. Thọ giả, tín thọ. Trì giả, kiên trì. Ức giả, ức Phật công đức. Niệm giả, niệm Phật danh hiệu”. Ức niệm thọ trì. Ức là tưởng, nhớ đến 48 bổn nguyện của Phật. Nghĩ đến công phu tu hành 5 kiếp của Phật A Di Đà khi còn là Pháp Tạng tỳ kheo ở nhân địa. Ngài tu gì? 48 nguyện. Nguyện nguyện đều thành hiện thực, nguyện nguyện ngài đều hoàn thành. Nguyện thứ nhất “Quốc vô ác đạo”. Phật làm cách nào? Tam ác đạo là quả. Có quả tất phải có nhân. Đức Phật A Di Đà phải dùng thời gian 5 kiếp để làm đoạn mất nhân này, đoạn dứt duyên này. Nhân: ngạ quỷ là tâm tham, địa ngục là sân, súc sinh do ngu si. Nói cách khác nhổ bỏ hết tham sân si mà thường ta gọi là buông xả, chẳng những hoàn toàn dứt đoạn, mà cả tập khí cũng khơng cịn, tập khí tham sân si không còn. Coix phamf thanhs ddoongf cư ở thế giới tây phương Cực Lạc không hề có tam ác đạo. Không những nhổ bật gốc tham sân si mà loại bỏ luôn cả kiêu mạn, nghi hoặc. Tham sân si mạn nghi đều không còn nữa, cũng có nghĩa là kiến tư phiền não đoạn tận như trong kinh thường giảng. Ngài phải mất bao nhiêu thời gian? 5 kiếp để đoạn sạch sẽ triệt để. Ngài thành Phật và chieeu cảm được thế giới này, có coix phàm thánh đồng cư, chỉ nhân thiên 2 đường. Hoàn toàn chẳng có ngạ quỷ, địa ngục, súc sinh, la sát, tu la. Chúng ta nghĩ đến công đức này, nghĩ gì? Học tập, làm theo. Phật có thể đoạn được, sao ta không đoạn được? Trước kia không có duyên, không được nghe Phật pháp nên không biết. Giờ đã biết rồi, đọc kinh điển Đại Thừa đã hiểu rồi. Phật có thể làm thế thì chúng ta phải học theo Phật, phải nghiêm túc dốc sức thực hiện. Phật làm gương trước, chúng ta bước theo sau. Phật có thể thành tựu thì ta cũng có thể thành tựu. Huống chi ngài đã xây dựng xong thế giới Cực Lạc. Ở thế giới Ta Bà này việc tu hành khó khăn, chướng duyên quá nhiều. Phật mong ta đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta nghe lời, y giáo phụng hành, đến thế giới Cực Lạc. Mỗi ngày đều dự pháp hội của ngài. Ngài làm tăng thượng duyên cho ta thì việc thành tựu đạo quả của ta đã được bảo đảm. Cho nên nhất định phải tin, phải tiếp thọ, phải kiên trì, luôn nhớ đến Phật, niệm danh hiệu Phật.

Đại Thế Chí Bồ Tát trong “Viên thông chương” bảo ta: nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tiền đương lai chắc chắn sẽ gặp Phật. Hiện tiền gặp Phật là Phật gia trì cho chúng ta, là niềm an ủi Phật cho ta, con đường ta đi chẳng hề sai lầm. Đương lai kiến Phật là được vãng sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, lúc lâm chung được Phật đến tiếp dẫn là hiện tiền. Sau khi vãng sanh là đương lai.

Niệm danh hiệu Phật. Phương pháp niệm Phật cả đời của Ấn Quang đại sư là đếm số, ngaif không dùng chuỗi hạt. Ngaif bảo chúng ta nếu lần tràng hạt niệm Phật thì dễ phân tâm. Một mặt niệm, mặt khác động tay, phân tâm. Ngaif dùng tâm để thầm nhẩm đếm. Chỉ tính đến một 0, niệm rất chậm. Chúng tôi đã nghe tiếng niệm Phật của ngaif qua băng ghi âm: Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật. Niệm 6 tiếng hay 4 tiếng cũng được. 4 tiếng thì: A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Niệm hết sức rõ. Ba cái rõ cực kỳ quan trọng. Tai nghe rõ thì phải để ý nghe, tập trung sức chú ý vào đó, tạp niệm bên ngoài sẽ không vào được. Số nhớ thật rõ: niệm danh hiệu Phật này là tiếng thứ mấy trong một 0 câu niệm? Đếm hết sức rõ ràng, rành mạch. Đếm xong một 0 thì lại bắt đầu từ một . một đến một 0, cứ thế mà niệm. Đừng niệm một một , một 2… Đếm nhiều hơn lại chẳng thể nhiếp tâm. Cách đếm một 0 danh hiệu Phật này nhiếp tâm cực kỳ. Nếu mới tập niệm một 0 niệm có khó khăn, phía sau dễ quên mất số, tạp niệm xen vào. Có tạp niệm thì không tính, phải niệm lại từ đầu. Dùng phương pháp này: chia làm 2 phần. 5 câu: một , 2, 3, 4, 5, phía sau thì 6, 7, 8, 9, một 0, cứ thế mà nhớ. Mà nếu còn khó thì chia làm 3 phần: 3, 3, 4. Niệm một , 2, 3 rồi 4, 5, 6, rồi 7, 8, 9, một 0. Đếm như vậy thì hết sức rõ và tạp niệm không xen vào được. Hồ Tiểu Lâm dùng cách này niệm suốt 4 tháng, hết sức hiệu quả. Trước kia ông niệm luôn bị tạp niệm, giờ tạp niệm chẳng còn. Nhiếp tâm được thật rồi, mừng quá! Hồ Cư Sĩ học theo. Niệm được 2, 3 ngày bèn bảo tôi: có hiệu quả thật. Trước kia cô ấy cũng bị đau đầu do suy nghĩ vọng niệm quá nhiều nên không bao giờ niệm tốt được. Giờ dùng phương pháp này thì ổn rồi. Đấy là cách của Ấn Quang Đại Sư và ngaif cũng đã thi hiện cho ta thấy. Hiện nay ta nghiệp chướng nặng nề, vọng niệm nhiều, sức dụ hoặc của hoàn cảnh xung quanh quá lớn. Chắc chỉ còn phương pháp này hữu hiệu, những cách khác đều khó. Mọi người cứ thử xem sao. CD của Hồ Tiểu Lâm được Giáo Dục Phật Đà Hiệp Hội Hồng Kông phát hành. Đấy là ức Phật, niệm Phật.

Bên dưới: “quy y giả, vị thân tâm quy hướng, y chỉ bất xả”. Quy là quay đầu lại, y là nương tựa. Những người trên tuổi trung niên đều cảm nhận sâu sắc. Đời người ngắn ngủi, biết nương tựa vào ai? Dựa vào ai cũng không ổn, dựa vào chính mình lại càng không được. Chính mình chẳng có lòng tin. Đức Thế Tôn bảo ta chỉ có cách duy nhất là nương tựa Phật. Đức Thế Tôn bảo ta nương tựa Phật laf nương tựa vào tự tánh Phật. Điều này nói ra rất trừu tượng. Tự tánh Phật ở đâu? Phẩm dưới đây có giải thích tường tận. Chúng ta không đạt được cảnh giới này thì ta nương tựa Phật A Di Đà. Đây cũng là điều Phật Thích Ca Mâu Ni dạy ta. Niệm niệm quy hướng A Di Đà Phật.

Cả đời tôi chỉ có một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc, một mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà. Trước khi đến được đó thì Kinh Vô Lượng Thọ chính là Phật A Di Đà. Đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ chính là thân cận Phật A Di Đà. Niệm Phật phải nhiếp tâm, đọc kinh cũng phải nhiếp tâm. Nếu quí vị không chuyên tâm thì khi đọc kinh cũng sẽ có tạp niệm. Căn tanhs chúng sanh chẳng giống nhau, chúng ta nhiếp tâm khi đọc kinh dễ hơn khi niệm Phật. Niệm Phật thì chỉ một câu danh hiệu Phật nên tạp niệm dễ xen vào quấy nhiễu. Nhưng khi đọc kinh hễ tạp niệm thì sẽ đọc sai nên nhất định phải chuyên tâm. Dùng cách đọc kinh theo tôi rất tiện dụng, nhất là với những người tri thức.

Năm xưa Đức Thế Tôn khi còn tại thế rõ ràng độ chúng sinh là thành phần trí thức. 49 năm giảng kinh nói pháp, ngài không xây một niệm Phật đường để mọi người cùng tu một chỗ, cũng chẳng tạo một thiền đường để tất cả cũng ngồi tham thiền. Chỉ có giảng đường. Cho nên thân tâm quy hướng, nương vào đó không buông. Chúng ta nương tựa Phật A Di Đà thì rất ổn.

“Cungs dường giả Huyền tán viết: tiến tài hành dĩ vi cungs, hữu sở nhiếp tư vi dưỡng”. Ở đây tách 2 chữ cungs dưỡngf ra giải thích. Hành vi tiến tài là cungs, cung cấp. “Hữu sở nhiếp tư”. Tư này là tư dưỡng, nhiếp thọ, tư dưỡng là ý nuôi dưỡng. “Sở ngôn tài hành, chỉ nhị chủng cung dường”. Tài là: “tài cungs dường”, ý chỉ hương hoa, đồ ăn thức uống, thuốc men, tài vật, đầu mắt não tũy, đất đai, sông núi các loại v…v… Chúng ta nói về cúng dường vật chất. Cúng dường tinh thần được bao gồm trong tài cungf dường. Thứ hai là “pháp cungs dường”. Pháp là tu hành. “Như thuyết tu hành, dĩ vi cungs dường”. Tu hành cungs dường rất quan trọng. Phật mong ta thành Phật. Mà không tu thì sao thành Phật được? Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa của hai chữ tu hành. Hiện giờ rất nhiều người ngộ nhận nghĩa của từ tu hành. Tu là tu chính, hành là hành vi. Hành vi có sai sót sửa lại cho đúng thì gọi là tu hành. Có rất nhiều hành vi. Trong kinh Phật chia ra làm 3 loại lớn. một là động tác của thân, tạo tác của thân. Đấy gọi là hành vi của thân nghiệp. 2 là ngôn ngữ, hành vi của khẩu nghiệp. 3 là khởi tâm động niệm, hành vi được gọi là ý nghiệp, bao gồm phân biệt chấp trước. Lỡ phạm sai lầm, vội sửa lỗi thì gọi là tu hành. Cho nên tu hành là tu chỉnh hành vi hoặc là sửa chữa sai lầm. Có phải là đi đọc kinh, bái sám? Không phải thế. Đấy là hình thức. Nhưng đạo Phật trọng thực chất, không trọng hình thức. Những lời khai thị quan trọng này cần phải được nhớ kỹ. Trong ba loại hành vi thì quan trọng nhất là ý nghiệp, chính là khởi tâm động niệm. Tư tưởng thuần chánh. Ngôn ngữ hành vi của quí vị lẽ nào bất chánh? Cho nên tu hành thật sự thì tư tưởng được xếp hàng đầu. Khiến chng ta nhớ ddeens Phật Thích Ca Mâu Ni vì sao giảng kinh nói pháp suốt 49 năm? Để giúp chúng ta có tư tưởng chính xác, có quan điểm đúng đắn. Điều này vô cùng quan trọng. Kinh luận l tiêu chuẩn, tinh luật luận 3 tạng là để tu sửa thân khẩu ý. Giới cấm là tiêu chuẩn để tu sửa thân. Kinh điển là tiêu chuẩn để tu sửa tâm. Kinh luận chính là tiêu chuẩn sửa ý nghiệp. Giới luật là thân khẩu, kinh luận là ý nghiệp, khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước lấy đó làm tiêu chuẩn. Thường đọc thông tam tạng kinh điển thì ta có thể nắm bắt được tiêu chuẩn chính xác, sau đó giữ kỹ và nhất quyết không vi phạm. Giờ học Phật rất khó. Vì sao lại thế? Do không chú trọng tiêu chuẩn này. Cho rằng tiêu chuẩn này của thời xưa đã lỗi thời, không phù hợp với thời buổi khoa học hiện đại. Người thời nay đem khoa học ra làm tiêu chuẩn, không dùng đến kinh luận. Tiêu chuẩn khoa học thì rất hiện thực: làm những gì có lợi cho mình, điều gì không lợi cho tôi thì tôi chẳng làm, chỉ biết chính mình, không bận tâm người khác. Tiêu chuẩn đó sai rồi vì khi làm sai tự mình không hay biết. Mình không hay biết chẳng sao nhưng nhân quả biết. Nhân quả không tha ai bao giờ. Nếu chúng ta không cẩn trọng xem xét kỹ, quán chiếu tỉ mỉ. Ác nhân do quí vị tạo tác ra dù cố ý hay vô ý đều phải thọ quả báo! Quả báo đã hiện tiền thì làm sao? Cho nên người ta ở đời, được thân người rồi, đại sự lớn lao nhất, nói thật chính là tu sửa tư tưởng hành vi của chính mình. Trong đời phải tu sửa sám hối sai lầm của quá khứ, vô lượng đời đời kiếp kiếp đã qua. Phải sám hối tu sửa hết tất cả những lỗi lầm đó. Đây đúng là công việc vĩ đại nhất của đời người, bằng không thì kiếp này uổng phí.

Chúng ta thử nghĩ xem thế giới hiện giờ có khoảng 6 tỷ rưỡi đến 7 tỷ người, liệu được mấy ai nghĩ đến việc này? Liệu mấy người gặp được duyên tốt thế trong đời? Nếu quí vị cẩn trọng quan sát điểm này, sẽ thấy là mình may mắn biết bao. Mới biết đời này hiếm có chừng nào. Trong Khai Kinh Kệ có nói “bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ” là thật đó, không hề giả ddaau. Bành Tế Thanh cư sĩ thì bảo đấy là ngày hy hữu khó gặp trong vô lượng kiếp đã qua. Chúng ta đã gặp được rồi sao có thể không trân trọng? Sao còn không nghiêm túc tu hành. Điều chúng ta đã gặp quá khó xảy ra. Viên mãn thành tựu chỉ trong một đời thì còn gì quan trọng hơn việc này nữa chứ? Không hề có. Sự việc trong thế xuất thế gian khi so với niệm Phật vãng sanh thì chỉ là mảy lông hạt bụi, đều nên buông bỏ hết. Những lời Phật giảng trong kinh chúng ta tin sâu sắc không nghi ngờ.

Kinh Lăng Nghiêm bảo ta tham lam chiêu cảm thủy tai, tâm tham là nước, sân hận là lửa, núi lửa phun trào, nhiệt độ trái đất nóng lên. Vì sao thế? Do tính khí nóng nảy. Ngu si là phong tai, bão, songs thần, gió lốc hết sức đáng sợ. Ngạo mạn là động đất. Ngu si càng đáng sợ hơn, ngu si chiêu cảm đất đai lơi ra, không còn dính chắc nữa. Cho nên núi mới lở, đất chuồi xuống biển. Vì nguyên nhân gì? Do nghi hoặc. Tín tâm kiên định chẳng hề có chút nghi hoặc thì mặt đất kiên cố vững vàng. Hiện nay xảy ra rất nhiều thiên tai xưa nay chưa từng có. Cho nên chúng ta thử nhớ đến lời Phật luôn nói trong kinh: tham sân si mạn nghi đem đến những tai họa trước mắt ta. Huống chi mỗi ngày chúng ta lại càng tạo thêm nghiệp: sát, đạo, dâm, vọng. Vậy thì làm sao ổn? Ngũ nghịch thập ác đủ hết. Những lời giáo huấn của Phật Bồ Tát, của Thánh Hiền thì không biết đến, lại còn nghi ngờ. Hiện giờ quá quá khó.

Liệu có thể tránh được thiên tai? Theo kinh Phật giảng thì có thể. Vấn đề là quí vị chịu tin hay không? Quí vị có chịu từ bỏ giết chóc, trộm cặp, dâm dục, dối trá? Buông bỏ tham sân si mạn nghi? Chính mình được độ rồi thì thế giới sẽ thoát nạn. Nếu không tin thì đâu còn cách nào, không tìm ra cách nào khác cả.

Chúng tôi học kinh giáo Đại Thừa 60 năm, càng học niềm tin càng vững, càng học càng hoan hỉ, càng hiểu rõ đạo lý, càng hiểu biết, càng tin sâu sắc không nghi ngờ. Hơn nữa khoa học hiện nay đã chứng minh giúp ta. Chứng minh những gì Phật nói đều chính xác. Tương ưng với những gì khoa học phát hiện. Tăng trưởng tín tâm của chúng ta và cũng mạnh mẽ thêm phát nguyện cầu sanh về tịnh ddooj của ta. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, đã buông bỏ hoàn toàn, chẳng còn lưu luyến thế gian này.

Chúng ta xem pháp cungs dường dưới đây. “Di Đà Sơ Sao viết”- Thanh Lương đại sư thời cao tề nam bắc triều- “Đại Hành hòa thượng, tôn sùng niệm Phật, dĩ tứ tự giáo chiêu,vị tín ức nhị tư, bất li ư tâm, xưng kính nhị tư, bất li ư khẩu”. Bốn chữ này quan trọng, phải tin, phải tưởng, luôn luôn tưởng đến Phật. Tưởng nhớ lời nguyện của Phật, nghĩ đến hạnh của Phật, nghĩ đến lòng từ bi của Phật, nghĩ đến ơn đức của Phật đã xây dựng một đạo trangf tốt đẹp như thế, giúp chúng ta ở nơi đó chỉ một đời là được thành tựu. Ơn đức này quá lớn lao! Làm cách nào báo đáp? Chúng ta ở nơi đó thành Phật chính là đền đáp, chính là đã trả được ơn Phật, đã làm tròn nguyện vọng của ngaif. Xưng, xưng là niệm, xưng niệm. Kính là cung kính, bất li ư khẩu. Bốn chữ này chính là “ức niệm thọ trì, quy y cúng dường chi chỉ” trong bổn kinh. Giờ học Phật khó nhất do không làm được bốn chữ này. Tin thì vẫn tin danh văn lợi dưỡng. Tin những lợi lạc có được trước mắt, người ta tin vào điều này mà không nhìn thấy thế giới Cực Lạc, không thấy những cái tốt đẹp trong kinh nói về thế giới Cực Lạc. Cứ như đấy là những chuyện quá khứ đã qua, không hiện thực. Quí vị bảo là chuyện tương lai, tương lai ai nhìn thấy? Ức Phật niệm Phật, nhưng không phải là chân tâm. Người ta nghĩ đến chỉ là danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần trước mắt. Điều này chẳng rời xa tâm. Tự tư tự lợi chẳng lìa khỏi miệng. Thật đó, khởi tâm động niệm, mở miệng là nghĩ ngay có lợi gì cho tôi? Lợi lộc của tôi ở đâu? Thậm chí còn khởi tâm động niệm hại người lợi mình. Đấy là đặc trưng của văn hóa xã hội ngày nay.

Cổ nhân xưa dạy quên mình vì người, xã hội hiện nay dạy trẻ con từ bé đã biết lợi mình hại người. Cho nên xã hội hiện nay rất khó quay đầu lại. Nếu con người không sực tỉnh ý thức, không biết quay lại thì chẳng có phương pháp nào cứu được xã hội, thoát được tai họa này.

“Sơ sao viết: Vãng sinh tịnh ddooj, yếu tu hữu tín, thiên tín tức thiên sinh, vạn tín tức vạn sinh. Tín Phật danh tư, Chư Phật tức cứu, Chư Phật tức hộ”. Nhưng mà tin thế này rất khó. Người niệm Phật rất đông, người tin Phật không nhiều, tin tưởng rồi thì sẽ dốc sức tu hành. Nếu không dốc sức tu hành là chẳng hề tin. Người xưa bảo: miệng niệm Di Dà tâm tán loạn, đọc vỡ cuống họng chỉ uổng công. Người ta không tin, lòng tin thật chẳng dễ có. Vì sao lại không tin? Vì không hiểu chân tướng của sự thật. Khi đã rõ chân tướng sự thật thì niềm tin mới sinh khởi. Điều này cho thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh, nói pháp cho chúng ta suốt 49 năm với mục đích gì? Mục đích thứ nhất là giúp chúng ta dứt hết nghi ngờ, sinh lòng tin. Chỉ có giúp người ta hiểu được chân tướng sự thật thì lòng tin mới có thể phát sinh. Có niềm tin thì quí vị mới phát nguyện, mới thật lòng muốn học hỏi giáo lý Phật, mới mong trở thành Bồ Tát, thành Phật, mới chịu buông bỏ duyên trần. Bằng không thì tham luyến duyên đời, đuổi bắt duyên trần, chẳng thể nào buông bỏ được. Vậy là sai lầm.

Thiện Đạo đại sư đã nói “vạn người tu vạn người về”. Thiện Đạo đại sư là Phật A Di Đà tái sinh nên lời này không thể sai được. 50 năm trước, thầy Lý thường bảo với chúng tôi, ông đưa liên xã Đài Trung ra làm ví dụ. Liên Hữu ở Đài Trung mười ngàn người niệm Phật, thật được vãng sanh chỉ 3 đến 5 người thôi. Đây là lời ông hay nói. Vì nguyên nhân gì? Quí vị có thể cho rằng họ không tin chăng? Họ cũng nhiều năm nghe kinh, cũng giỏi nói đạo nhưng không buông bỏ được duyên trần. Cho nên không thể vãng sanh.

Tin ở chỗ này là tín giải hành chứng. Ở đây nhắc đến một chữ: một tức là nhiều, nhiều tức là một. Trong niềm tin có giải, có hành, có chứng thì đương nhiên người này được vãng sanh. Nếu quí vị chẳng tin, giải hành chứng cũng không có thì chẳng thể vãng sanh. Thật có niềm tin, có hiểu biết thật sự về kinh Vô Lượng Thọ, Phật A Di Đà hoặc là Kinh A Di Đà cũng được. Thật sự buông bỏ, thật tâm phát nguyện cầu vãng sanh. “Chư Phật tức cứu, chư Phật tức hộ”. Chư Phật này là ai? Chính là Phật A Di Đà. Trong kinh điển đại thừa thường dùng chư Phật để biểu thị cho Phật A Di Đà. Phật A Di Đà được chư Phật cùng tán thán, cùng khen ngợi: quang trung cực tôn, Phật trung chi vương. “Tâm thường ức Phật”. Thường thường nghĩ đến Phật. “Khẩu thường xưng Phật”. Thường thường niệm Phật, tốt nhất là chớ gián đoạn. Những việc không cần suy nghĩ thì miệng luôn có thể niệm Phật, nếu như dính dáng đến suy nghĩ thì quí vị bỏ danh hiệu Phật ra, tập trung đi xử lý việc của mình. Xử lý xong thì lại đem danh hiệu Phật trở lại. Đấy đều gọi là tịnh niệm tương tục. “Thân thường kính Phật” là thâm tín. Chỗ này chúng ta phải nhìn vào sâu hơn. Phật bảo chúng ta tất cả chúng sinh vốn là Phật. Ta là Phật gì? Cho quí vị biết ta đều là Phật A Di Đà. Ta nhìn thấy bất kì ai thì đều chắp tay cung kính “A Di Đà Phật”. A Di Phật này là nói người đó, anh ta là Phật A Di Đà, khoong phải giả đâu, bạn cũng là Phật A Di Đà, tôi cũng là Phật A Di Đà. Tất cả đều là hóa thân của Phật A Di Đà. Biến pháp giới hư không giới, hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, chẳng có thứ gì không là Phật A Di Đà. Mỗi một hạt cát bụi cũng là Phật A Di Đà, thì tấm lòng cung kính của ta mới viên mãn, mới xứng tánh. Sao quí vị lại không thành Phật được? Sao quí vị lại chẳng thể vãng sanh? Đâu có lý này được! Nhận định đây là Phật A Di Đà, kia không phải Phật là vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước. Ai cũng thế cả!

Đoạn trước chúng ta đã học vương tử A Đồ nghe lời giới thiệu của Thế Tôn, giới thiệu Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc. Khi nghe họ hết sức cảm động, trong lòng đều phát nguyện tuy miệng không nói ra, đều muốn niệm Phật cầu sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, được thân cận đức Phật A Di Đà, được thành Phật như Phật A Di Đà ở thế giới tây phương. Trong taam họ vừa khởi niệm thì Phật Thích Ca Mâu Ni liền biết, và đã thọ kí, ấn chứng cho họ. Tâm nguyện này tốt, nhất định sẽ đạt được. Phật tâm thanh tịnh. Phật tâm bình đẳng. Phật tâm giác chứ không mê. Nhớ lời Pháp Tạng tỳ kheo nói ở nhân địa: “Nhất thiết giai thành Phật”. Đấy là Phật tâm. Cho nên chúng ta cung kính với tất cả chúng sanh cũng y như cung kính với Phật A Di Đà vậy, chẳng được có sai biệt, với kẻ ác cũng phải cung kính như thế. Kẻ ác tuy làm ác, tương lai phải chịu quả báo, tuy bị đọa vào địa ngục A Tỳ, tương lai sau khi rời khỏi địa ngục mà biết tu hành, vẫn sẽ thành Phật. Kẻ có tội nghiệp nặng đến đâu cũng chớ xem thường, vì chúng ta biết chỉ do họ mê mờ nhất thời. Vốn người đó là Phật, tạm thời đang mê mờ nên mới ra nông nỗi đó. Chúng ta muốn cứu xã hội, cứu trái đất này, nhất định phải chuyển biến từ từ trong ổn định. Không thể để động loạn, không thể làm tổn hại chúng sinh. Quá độ trong bình ổn là đúng đắn, là tốt nhất. Đấy là gì? Dạy. Dùng giáo dục để giải quyết vấn đề. Trước kia chúng tôi đã làm thử nghiệm ba năm ở Thang Trì và đã thành công. Con người cĩ thể dạy được. Phật cũng được nhờ giáo dục, Bồ Tát cũng do được dạy mà thành. Thánh hiền cũng được dạy mà trở thành thánh hiền. Kẻ tội ác dẫy đầy cũng do bị dạy làm ác. Tất cả ở cách dạy.

Tất cả đều rõ vấn đề xã hội hiện nay, xã hội ngày nay dạy những gì? Giáo dục lớn nhất của xã hội hiện nay là gì? Ảnh hưởng sâu rộng nhất của giáo dục hiện nay là gì? Ti vi, mạng. Chẳng có nền giáo dục của một quốc gia nào bằng được nó. Nó dạy gì? Nos dạy sát đạo dâm vọng. Những câu chuyện bạo lực và tình dục nhan nhản. Cho nên bây giờ cả thế giới đều biết. Tình thế trở nên nghiêm trọng. Nói đến đây lại nhớ lời Phương Đông Mỹ tiên sinh từng nói với những quan chức ở bộ giáo dục khi họ đến phỏng vấn ông. Ở Đại Lục khi đó đang có cuộc đại cách mạng văn hóa, phá tứ cựu. Chính phủ Đài Loan thì đang hành động phục hưng văn hóa. Đưa ra khẩu hiệu này, không làm. Hôm ba quan chức ở bộ giáo dục phỏng vấn thầy Phương tôi cũng có mặt. Họ hỏi thầy dùng cách gì? Thầy Phương bảo ngừng xuất bản sách báo tạp chí ở Đài Loan, ngừng phát hết các kênh truyền hình. Các quan chức đều sững sờ kêu lên: không được, không làm thế được! Thầy nói những thứ này đang hàng ngày phá hoại truyền thống văn hóa. Hễ còn nó thì không thể nào phục hưng được. Đấy là sự thật, không hề giả trá. Sức tổn hại này quá lớn, nên động loạn của xã hội hiện nay, tai họa của trái đất hiện nay có nguyên nhân thật sự ở đây.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

# Tập 386

Chuyển ngữ:Minh Tuệ  
Biên tập:Bình Minh  
Thời gian: 28 tháng 4 năm 2011  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quí vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giảng, trang 478, hàng thứ hai, bắt đầu từ câu cuối cùng, xem từ hai chữ sau cùng.

Sớ sao nói rằng: “Vãng sanh tịnh độ, cần có lòng tin, nghìn người tin có nghìn người vãng sanh, vạn người tin có vạn người vãng sanh, tin danh hiệu Phật, chư Phật đến cứu, chư Phật hộ trì, tâm luôn nhớ Phật, miệng thường niệm Phật, thân thường kính Phật, mới gọi tin sâu, tuỳ ý sớm hôm, cuối cùng không còn ở cõi Diêm phù đề, chỉ có phát lòng tin là thiết yếu nhất.”

Trong Di Đà Kinh Sớ Sao, những lời này của đại sư Liên trì rất quan trọng, có thể nói hoàn toàn tương đồng với bản kinh Vô Lượng Thọ đang nói đây. Niệm Phật, thật sự cầu sanh Tịnh độ, dứt khoát phải có niềm tin vững chắc, có niềm tin như vậy rất khó, thực tế không dễ dàng chút nào. Muốn có lòng tin này, phải là một người có phước báo lớn nhất thế gian, vì sao vậy? Vì trong đời này quí vị đã làm Phật. Nói chuyện làm Phật, pháp thế gian hay xuất thế gian đâu có bảo dễ? Đến đỉnh điểm đấy. Phật là bậc đầy đủ phước huệ, khi ta tụng bài Tam qui: “Qui y Phật, nhị túc tôn”, thứ nhất là trí tuệ đầy đủ, thứ hai là phước báo đầy đủ, bậc đầy đủ phước và huệ, túc ở đây là đầy đủ, có nghĩa tròn đầy. Nếu không phải là bậc đại trí tuệ, đại phước đức, họ sẽ không tin. Thực sự tin tưởng, quí vị thử xem những người nông dân vất vả ở nông thôn, có khi mù chữ, nhưng họ có niềm tin vững chắc, quí vị nói là họ tin, họ thành thật niệm, cuối cùng khi quí vị thấy họ vãng sanh được tự tại, được thong dong, đi làm Phật, chúng ta không thể coi thường họ. Đó là những người có phước báo, có trí tuệ lớn nhất thế gian, nên pháp này gọi là pháp khó tin.

Ai là những người khó tin, là phần tử trí thức. Hàng thượng trí hạ ngu đều dễ dàng, hàng thượng trí chỉ nghe là họ hiểu và tin ngay. Hàng hạ ngu như bà lão chẳng hạn, bà không hiểu một thứ gì nhưng trong quá khứ bà đã có thiện căn phước đức, khi gặp nhân duyên, quí vị nói với họ, họ tin ngay. Người thợ hàn mù chữ, nhưng anh ta tin, anh ta kiên trì niệm trong ba năm liền được vãng sinh, đứng vãng sanh. Khi vãng sanh còn đứng ba ngày chờ hòa thượng đến lo hậu sự cho.

Việc vãng sanh của Pháp sư Tu Vô ở chùa Cực lạc, ngài xuất thân từ một người thợ hồ mù chữ, khi vãng sanh rất thong dong. Chùa Cực lạc vừa mới làm xong, pháp sư Đàm Hư là người có nhân duyên rất sâu sắc với Hongkong, những năm cuối đời ngài thường đến Hongkong. Như pháp sư Sướng Hoài, Đại Quang, đều là học trò của ngài, khi chùa vừa xây xong, ngài làm trụ trì, pháp sư Định Tây làm tri sự. Khi đạo tràng đã lập xong, việc đầu tiên ngài muốn thực hiện là mở giới đàn, thỉnh Lão hoà thượng Đế Nhàn làm hoà thượng đắc giới, tất nhiên việc mở giới đàn cần rất nhiều người góp sức, sư Tu Vô là người ngoài đến, thầy phát tâm làm công quả tại đạo tràng, thầy được cắt cử làm người coi sóc bệnh nhân. Lúc đó giới đàn kéo dài ba tháng, trong ba tháng đó, một số người khó tránh khỏi ốm đau lặt vặt, cần có người săn sóc, thầy bèn phát nguyện đảm đương công việc đó, làm rất chăm chỉ. Song không bao lâu, thầy thưa với hoà thượng xin nghỉ, thầy muốn ra đi. Pháp sư Đàm Hư là một người rất đức độ, việc đi hay ở của người xuất gia là tự do, không có ý kiến gì. Nhưng pháp sư Tây Định không có định tâm như lão hoà thượng, bèn trách cứ thầy: Thầy là người xuất gia mà không kiên nhẫn, giới đàn chỉ chín mươi ngày, sao thầy lại bỏ đi? Thầy Vô Tu trả lời: Tôi không phải đến nơi khác, mà tôi đến thế giới Cực lạc. Hai vị hoà thượng vừa nghe, hoảng hốt: Đến thế giới Cực lạc, lúc nào đi? Không quá mười ngày. Nói rồi thỉnh những vị thường trú tăng chuẩn bị cho thầy hai trăm cân củi để làm lễ trà tì. Đến hôm sau thầy lại đến tìm hoà thượng, bạch hoà thượng: Ngày mai con sẽ đi. Mọi người lại gấp rút giúp sư lo hậu sự. Quả thực đến hôm đó sư đi thật, mấy người niệm Phật giúp sư vãng sanh, những người niệm Phật thấy sư rất tự tại, vẫn cứ ngồi trên giường, họ thưa: Bạch thầy, thầy đến thế giới Cực lạc, xin để lại cho chúng con bài thơ hay vài câu kệ làm kỉ niệm. Sư nói với mọi người: Cả đời tôi vất vả, xuất gia cực khổ lắm, toàn làm việc nặng nhọc mà lại mù chữ, không biết làm thơ, không biết viết kệ, sau cùng tôi chỉ nói một câu rất chân thành với tất cả mọi người để quí vị làm kỉ niệm. Thầy đã nói gì? “Nói được mà không làm, đó không phải là chân trí huệ”. Chỉ để lại một câu như thế để mọi người làm kỉ niệm. Ngày giới đàn khai giới, pháp sư Đế Nhàn cũng có mặt, thấy thầy như thế, ngài hoan hỉ lắm, khen: Đây mới là tấm gương sáng nhất của người xuất gia, trong sáng như thế, tự tại như thế, cả đời không biết một thứ gì ngoài một câu A Di Đà Phật, kinh cũng không tụng, chỉ một câu A Di Dà Phật. Sau khi xuất gia, ở trong chùa, việc người khác không chịu làm sư vẫn làm, đó là tu khổ hạnh.

Chúng ta thấy, giống như những người này, bình thường cho đó là người hạ hạ căn, nhưng họ có niềm tin, rất muốn đi, cuối cùng việc đi của họ thành công. “Ngàn người tin ngàn người vãng sanh, vạn người tin vạn người vãng sanh”, những người không tin thì không còn cách nào. Không tin là gì? Không muốn đi.

Quí vị xem thử từ giai đoạn Dân quốc đến nay, biết bao người làm tấm gương tốt như thế để chúng ta soi, từ trong nước ra nước ngoài đều thấy, không phải giả, việc này là có thật.

Bộ sách này, đặc biệt là hội tập của Hạ Liên Lão, Hoàng Niệm Lão chú giải, chú thích rất rõ ràng. Chúng ta nên biết ơn hai vị ấy, đặc biệt là lần học chú giải này, chia sẻ với tất cả mọi người, trong đây nói một cách rốt ráo thế giới Cực lạc. Trong quốc độ của chư Phật mười phương, không có một cõi nước nào như thế giới Cực lạc, đây là một môi trường học tập tốt nhất, đạo tràng này do Phật A di đà kiến lập, rất khó khăn. Phật A di đà khi còn ở nhân địa, xuất gia tu hành là tì kheo Pháp Tạng, đã phát bốn mươi tám lời nguyện, tu hành năm kiếp, một thời gian dài như thế, mỗi lời nguyện đều được thực hiện. Cho nên thế giới Cực lạc được thành tựu, tất nhiên nhân là tự tánh vốn đã đầy đủ, đức hạnh, đức năng, nhưng duyên, duyên là bổn nguyện Phật A di đà cùng với công đức tu hành của ngài. Vì vậy tất cả mọi thứ ở thế giới Cực lạc, đều không phải do con người xây dựng nên, nơi đó không phải do con người thiết kế, không có người kiến tạo mà tự nhiên thành tựu. Những việc như thế, bây giờ chúng ta có thể hiểu được. Trong kinh đức Phật thường nói: “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Những thứ đó do tâm tạo nên, tâm tưởng có sức đến như thế không? Có. Chúng ta cũng có tâm tưởng nhưng chúng ta không biến ra được. Vì sao vậy? Vì tâm chúng ta tán loạn, năng lực tưởng của chúng ta không tập trung, nhưng năng lực của ngài lại tập trung.

Giống như ánh sáng, quí vị thấy sức mạnh của ánh sáng rất lớn. Ngày nay khi chúng ta bật đèn, ánh sáng chiếu khắp nơi, nhưng cách một tờ giấy thì ánh sáng đó không thể xuyên thấu, nhưng nếu dồn ánh sáng lại thành luồng sáng thì nó có thể đâm xuyên một tấm thép, quí vị nghĩ ánh sáng đó mạnh đến nhường nào, đó gọi là tia laser. Không để nó phát tán xung quanh, dồn nó lại một nơi, một hướng thì sức mạnh của nó rất lớn! Vì thế đức Phật dạy: “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”. Nếu chúng ta có thể giữ tâm lại một chỗ thì ta có thể cắt đứt phiền não, không chỉ cắt đứt kiến tư phiền não, trần sa phiền não, mà vô minh phiền não cũng cắt đứt được. Thiền định dựa trên nguyên lí nào? Đưa tâm về một chỗ, giữ nó lại một chỗ. Việc này nói thì dễ nhưng rất khó khi thực hiện.

Ngày nay chúng ta niệm Phật nhưng không thể nhiếp tâm, phương pháp niệm Phật, trong cuốn Viên Thông Chương, Bồ tát Đại Thế Chí đã nói rất rõ: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, ngày nay chúng ta niệm Phật vẫn còn rất nhiều tạp niệm, nhiều vọng tưởng, đấy là do tâm tán loạn, niềm tin của ta chưa vững chắc, nên sức niệm của ta chưa đủ lực. Nếu nhiếp tâm được, tức là tâm không chạy theo ngoại cảnh, chỉ tập trung vào một câu danh hiệu A Di Đà Phật, ngoài câu A Di Đà Phật không còn nhớ nghĩ gì khác. Được thế thì sức mạnh của nó rất lớn, sức mạnh này có thể diệt phiền não ngay bây giờ, thậm chí cắt đứt mọi tập khí.

Thiền sư Trung Phong, đời nhà Nguyên, tác giả cuốn Tam thời hệ niệm Pháp sự, đã có hai câu khai thị rất hay: “Tâm ta là Phật A di đà, Phật A di đà là tâm ta. Đây là Tịnh độ, Tịnh độ là đây”. Khi chuyển chánh báo thì y báo cũng chuyển theo, y chánh không hai. Điều hiếm thấy, thù thắng trong tông Tịnh độ. Tịnh tông được sự khen ngợi của tất cả chư Phật là bởi phương pháp quá tuyệt vời, chỉ cần ta nhiếp tâm là có thể thu nhiếp được sáu căn. Nhiếp tâm là nhất niệm, chỉ một phương hướng, một mục tiêu thì có thể thành Phật. Đến thế giới Cực lạc là đi làm Phật, vì vậy ngàn người tin tưởng thì có ngàn người vãng sanh, vạn người tin tưởng thì có vạn người vãng sanh. Tin danh hiệu Phật tức là tin Phật A di đà, điều này cực kì quan trọng. Vậy tại sao mọi người không tin? Không biết thế giới Cực lạc ở đâu, hoặc biết thế giới Cực lạc nhưng nhận thức không đầy đủ. Vẫn còn tham luyến cõi đời này, vẫn chưa buông bỏ được.

Chư Phật Bồ tát ứng hoá tại thế gian để làm gương cho chúng ta, đó là một công việc cần làm, cần giúp đỡ tất cả chúng sanh. Nhưng các ngài tuỳ duyên diệu dụng, tuỳ duyên đó là hằng thuận chúng sinh, tuỳ hỉ công đức, diệu dụng là không chấp trước hình tướng, không có sự nhiễm ô, tâm địa thanh tịnh, không hề bị sự quấy nhiễu, đấy gọi là diệu dụng. Hiểu rõ nhân quả, tánh tướng, lí sự vạn pháp của vũ trụ. Độ chúng sanh có ý niệm độ chúng sanh hay không? Không, thực sự là không. Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở thế gian này, ngài có khởi tâm động niệm không? Không. Bốn mươi chín năm thuyết pháp giảng kinh có động niệm không? Không, hoàn toàn không khởi tâm, không động niệm, đó gọi là diệu. Vì sao ngài có thể hiện thân? Sao có thể thuyết pháp? Tự nhiên. Chúng sanh có cảm, chúng sanh động tâm là có cảm, chư Phật Bồ tát ứng, nhưng khi ứng lại không khởi tâm, không động niệm. Ứng là thế nào? Ứng là đáp ứng, giống như khi ta đánh trống, vừa đánh là có tiếng vang, cái trống không có sự tính toán, tôi làm sao ứng với các bạn? Không có sự suy nghĩ. Đánh mạnh thì nó kêu to, đánh yếu thì nó kêu nhỏ, không đánh thì không kêu. Chúng ta nhớ đến Phật, mong ngài gia hộ, ngài liền đến ngay. Chúng ta khởi tâm động niệm nhưng Phật không khởi tâm động niệm. Không khởi tâm động niệm gọi là diệu giác, khởi tâm động niệm là không diệu, là phàm phu. Vì sao lại có phản ứng? Đấy là bản năng tự nhiên, vì vậy khi về cõi Thường tịch quang mà vẫn phản ứng, không phải nói về cõi Thường tịch quang rồi thì không có phản ứng, không phải như thế. Cõi thật báo vẫn còn hình tướng, sắc tướng nhưng không khởi tâm động niệm. Vì sao có hình tướng, không khởi tâm động niệm liệu có sắc tướng không? Vì họ chưa cắt đứt tập khí vô thỉ vô minh, tập khí biến thành cõi thật báo, hay còn gọi là cõi pháp tánh, thân pháp tánh. Những người sống trong cõi đó chắc chắn không còn phân biệt, chấp trước, không những không còn phân biệt chấp trước mà khởi tâm động niệm cũng không còn. Nếu tập khí vô thỉ vô minh đã được cắt hết thì cảnh giới đó cũng không còn, đúng như câu “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, trong bao gồm cả cõi thật báo trang nghiêm. Cuối cùng chỉ còn lại Thường tịch quang độ không sanh không diệt. Cõi Thường tịch quang không có hiện tượng nhưng ở đó cái gì cũng đầy đủ, đầy đủ tất cả.

Như trong kinh Hoa nghiêm, Phật đã dạy chúng ta: Tất cả chúng sinh đều có đức tướng trí tuệ của Như lai, bao gồm tất cả. Như lai ở đây là tự tánh, trong tự tánh đã đầy đủ trí tuệ, đức năng. Đức năng là năng lực, nói theo cách nói ngày nay. Chuyện gì quí vị cũng hiểu, đó là vạn đức vạn năng, tướng ở đây là tướng hảo. Y, chánh trang nghiêm đầy đủ tất cả, không khiếm khuyết thứ gì. Phật thường dạy: “Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”, tất cả vạn pháp đều do tâm hiện, tất cả những sự biến hoá dều do thức vẽ ra, đó là phân biệt chấp trước. Khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước thì biến hoá. Không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, không còn biến hoá. Vì vậy cõi Thật báo không thay đổi.

Trong Phật pháp thường nói là chân và vọng, biến hoá là vọng, không thay đổi là chân, vì thế cõi Thật báo trang nghiêm không thay đổi, chúng ta gọi đó là nhất chân pháp giới, mười pháp giới là thiên biến vạn hoá, con người sống trong mười pháp giới có phân biệt chấp trước. Người trong cõi Thật báo trang nghiêm không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm động niệm. Vấn đề này ta cần hiểu rõ, cần học tập. Học tập ở đâu? Trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày, công việc, trong cách đối nhân xử thế. Học gì? Học không khởi tâm, không động niệm. Việc học Phật, rất khó, không làm nổi. Không làm nổi thì học theo Bồ tát, vì Bồ tát không phân biệt, không chấp trước, có thể học. Nếu vẫn không được, học A la hán, A la hán chỉ có một hình thức đó là không chấp trước, nhưng họ vẫn khởi tâm động niệm, vẫn phân biệt, nhưng không chấp trước. Khi học được hạnh không chấp trước thì không còn luân hồi lục đạo nữa. Quí vị có biết luân hồi sáu đường từ đâu mà có không? Do chấp trước, có chấp trước là có sáu đường. Chúng ta thường nói chấp trước tình cảm, khi hết chấp trước về tình cảm thì sáu đường không còn. Phân biệt, chấp trước không còn thì pháp giới Tứ thánh cũng hết. Tứ thánh là Tịnh độ, sáu đường là uế độ. Tứ thánh là Tịnh độ, cõi phương tiện hữu dư ở thế giới tây phương Cực lạc, tương đương với pháp giới Tứ thánh. Cõi phàm thánh đồng cư tương đương với sáu đường. Song thế giới Cực lạc chỉ có hai đường, không có sáu đường, ở đó chỉ có cõi trời và cõi người, không có ba đường ác, không có La sát, không có A tu la. Ở đó chỉ có người hiền, nhân lành, quả tốt, không có nhân ác, không có ác báo. Chúng ta hiểu rõ những vấn đề này, không những bỏ ác làm lành, tiến thêm một bước nữa là xa rời cả nhiễm và tịnh, lúc đó mới có thể đặt chân đến cõi Thật báo. Cõi Thật báo không có nhiễm tịnh, hoàn toàn không có những sự đối lập, khái niệm ta và người khác cũng không có, không có khái niệm Phật và chúng sinh, tất cả đều bình đẳng, đúng là không thể nghĩ bàn.

Niệm lão chú giải bộ kinh này, đã dẫn chứng hơn một trăm chín mươi bộ kinh, luận, nói rất sâu sắc, công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, phần trước đã nói nhiều, phần tiếp theo lại nói, không ngại sự trùng lắp, càng trùng lắp càng thấm thía, đúng như người xưa thường nói: “đọc sách ngàn lần, mới thấy được nghĩa lí”. Nghĩa là thế nào? một ngàn lần thì tâm ta tự nhiên định tĩnh, khi tâm định thì chứng đắc tam muội. Đọc sách một ngàn lần quí vị sẽ giác ngộ, sẽ hiểu ra, không cần ghi nhớ nhưng ấn tượng của nó rất sâu sắc, lúc đó lền khai ngộ, chứng định khai ngộ. Một lần, hai lần, mười lần, hai mươi lần không được, không định được, không khai ngộ được. Sau khi khai ngộ rồi, tất cả đều thông đạt, những vấn đề chưa học cũng biết, vấn đề này chúng ta phải tin tưởng. Ngừời học Phật mà không tin những vấn đề như thế này thì thật đáng tiếc.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm một tấm gương cho chúng ta, ngài thị hiện làm một phần tử trí thức. Ngày nay chúng ta gọi là phần tử trí thức, học giỏi, học rộng nghe nhiều, vấn đề gì cũng muốn tìm hiểu. Mười chín tuổi đã rời gia đình đi cầu học, lúc bấy giờ trình độ văn hoá đất nước Ấn độ đứng đầu thế giới, vượt qua cả Trung quốc, là một quốc gia đa tôn giáo và cũng là là một quốc gia có nền triết học phát triển. Người Ấn độ, bất luận pháp thế gian hay pháp xuất thế, đều rất coi trọng thiền định, vì thế số người tu thiền rất phổ biến, số người đắc định cũng rất đông, không thể thống kê hết được. Tứ thiền bát định là của Bà la môn giáo, không có trong kinh điển Phật giáo, nhưng Phật Thích Ca Mâu Ni đã ứng dụng thành công và chứng tứ thiền bát định. Quí vị biết rõ tất cả những chuyện trong sáu đường, là vì quí vị thấy rõ, thâm nhập cảnh giới đó, bên trên là cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng, bên dưới là địa ngục Vô gián, biết rõ nghiệp nhân quả báo. Cảnh giới Hiện lượng không phải lí tưởng, không phải suy đoán, mà tự mình thấy được, sờ mó được.

Song muốn hỏi tại sao lại có lục đạo? Sáu đường từ đâu mà có? Ngoài sáu cõi còn có thế giới khác nữa không? Những vấn đề như thế không ai đủ sức trả lời. Vì thế đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã vì chúng ta mà thị hiện, bỏ sự cầu học, nhập định dưới cây Tất bát la bên bờ sông Hằng, càng thâm nhập vào thiền định, những gì học được sau mười hai năm ngài liền buông bỏ, đây gọi là buông bỏ cái gì? Nói theo ngôn ngữ bây giờ là buông bỏ sở tri chướng. Mười chín tuổi xuất gia là buông bỏ phiền não chướng, hai giai đoạn. Lại thêm mười hai năm học hỏi, buông bỏ luôn sở tri chướng mới đại triệt đại ngộ. Vì sao vậy? Vì trong tự tánh không có những thứ đó, không có phiền não, không có sở tri. Bát nhã vô tri nhưng vô sở bất tri. Quí vị muốn đạt đến vô sở bất tri, thì trước phải đạt được vô tri. Vô tri rồi sau đó mới vô sở bất tri. Vô sở bất tri từ đâu mà có? Tự tánh. Quí vị thấy tánh rồi, trong tánh đức đại sư Huệ Năng đã nói: “đâu ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ”, đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, tất cả mọi thứ đều vô lượng, quí vị đều hiểu rõ.

Vì vậy người phương Đông học những thứ này, nó có hiệu quả, có thể giải quyết mọi vấn đề. Trong sáu đường, đường nào cõ vấn đề cũng có thể được giải quyết, đó là thầy của trời người, không cần học một thứ gì cả, học nhiều để làm gì? Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, đắc định là khai tuệ.

Người Ấn độ làm theo phương pháp đó, người Trung quốc cũng đi theo con đường này. Khi Phật giáo truyền đến Trung quốc, họ đã dùng phương pháp của người Ấn độ, nhà Nho cũng tiếp nhận, Đạo giáo cũng tiếp nhận. Vì thế, Nho, Thích, Đạo đều có những bậc đại Thánh đại Hiền xuất hiện ở thế gian, nước ngoài không có. Nước ngoài chỉ có những nhà khoa học, những nhà triết học, họ không tu định, họ không khai ngộ, những vấn đề như thế chúng ta không thể không biết. Việc tu học của chúng ta, có mục tiêu, định hướng, công đức danh hiệu đức Phật A di đà thực sự là không thể nghĩ bàn. Phần trước chúng ta đã nói rất nhiều, phần sau vẫn tiếp tục nói, khi rõ ràng đã thấy công đức đó là không thể nghĩ bàn, thì quí vị mới cố gắng để niệm, mới vui vẻ niệm. Niệm một câu A Di Đà Phật thì đã nghĩ đến cả hư không biến pháp giới. “Tin danh hiệu Phật” tức là Nam mô A Di Đà Phật, hoặc chỉ A Di Đà Phật.

Khi còn tại thế, đại sư Liên Trì niệm Phật, ngài chỉ niệm bốn chữ A Di Đà Phật, có người hỏi ngài: Ngài có dạy cho người khác không? Có, dạy cho mọi người niệm Nam mô A Di Đà Phật nhưng bản thân tôi chỉ niệm A Di Đà Phật. Mọi người lại hỏi: Vì sao vậy? Ngài nói với mọi người: Tôi quyết kiếp này sẽ sanh về cõi Tịnh độ, nên tôi niệm bốn chữ, bởi vì trong kinh nói chấp trì danh hiệu, danh hiệu chỉ có bốn chữ. Hai chữ nam mô có nghĩa là qui y, cung kính, là lời khách sáo nên tôi không cần niệm hai chữ đó, tôi niệm trực tiếp luôn, trì danh, chấp trì danh hiệu. Những người không muốn sanh về cõi Tịnh độ mới niệm đủ sáu chữ. Cung kính, lễ bái Phật A Di Đà, như thế cũng tốt, quí vị sẽ có phước, vì thế thêm vào hai chữ nam mô, đó mới chỉ là chuyện được phước. Không niệm hai chữ nam mô, đúng là người muốn được vãng sanh, hoàn toàn nghe theo lời dạy của đức Phật A Di Đà. Phật A Di Đà bảo chúng ta chấp trì danh hiệu, chúng ta niệm bốn chữ đó, không sai khác. Đại đạo, càng là đại đạo, là con đường chân chính lại giản đơn, giản dị, bình thường, tuyệt không rườm rà, mới có thể thành tựu. Quí vị xem một số người chỉ niệm một câu A Di Đà Phật mà khai ngộ.

Đầu năm Dân quốc, có một vị pháp sư tôi không nhớ tên, trong một cuốn phim vẫn còn, có thể xem, hoà thượng mang nến phơi, câu chuyện này rất nhiều người biết. Vị này rất thật thà, không thông minh lắm. Mùa hè mọi người mang quần áo ra phơi, quí sư mang kinh sách ra phơi, có người nói với sư- vì thầy là người làm công việc hương đăng- thầy hương đăng, thầy quản lý việc nhang đèn, nên mang đèn cầy ra phơi đi. Rốt cuộc mang ra phơi đèn cầy đã chảy hết. Chiều tối, khi công phu tối thì không có nến để thắp, sư bèn đem những cây nến đã chảy đó đốt lên, thầy Duy na thấy thế vội cười chê, báo lên lão hoà thượng, lão hoà thượng bảo, được rồi cho thay người khác, không cho sư làm hương đăng nữa. Con người sư thật thà, người thật thà có phước, họ sẽ thành công. Phương trượng hiểu rất rõ sư, bèn gọi sư về chùa A Dục Vương, nơi đang tôn thờ xá lợi đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lễ bái xá lợi, một ngày ba ngàn lạy, sau ba năm thì sư khai ngộ. Sư có thể làm thơ, sáng tác kệ, sư là người không biết chữ như đại sư Huệ Năng, nên phải nhờ người khác viết giúp, rồi mang đến hoà thương xem, hoà thượng xem thầy sư thực sự khai ngộ. Sau khi đã khai ngộ, hoà thượng mời sư giảng kinh, mỗi lời của sư đều là đạo, vì vậy, ai là người có phước? Người thật thà, người thật thà mới dễ thành công.

“Chúng ta tin Phật A Di Đà thì chư Phật liền đến cứu”. “Chư Phật” ở đây có hai ý: Một là chư Phật là Phật A Di Đà, chư Phật được kinh Di Đà nói đến đều là Phật A di đà, trong chú giải của đại sư Ngẫu Ích nói rất rõ. Một ý khác là chư Phật trong mười phương, mười phương chư Phật không ai là không khen ngợi đức Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Đệ tử Di đà, có vị nào không được tôn trọng! Tôn trọng Phật A Di Đà, ngay đệ tử của Ngài còn được tôn trọng, vì lí do đó mà chắc chắn được chư Phật gia hộ.

“Tâm thường nhớ Phật”, luôn luôn nhớ Phật, nhớ đến bốn mươi tám lời nguyện, năm kiếp tu hành, ân đức vô lượng vô biên vô tận của Phật, kiến lập đạo tràng ở thế giới Cực lạc, giúp đỡ chúng sanh khổ nạn trong thế giới mười phương, đặc biệt là chúng sanh trong sáu đường, khiến cho chúng sanh trong sáu đường, có thể ngang bằng với Bồ tát, rốt ráo viên mãn trong đời này. Kinh Di đà nói, “chư thượng thiện nhân”. Ở thế giới Cực lạc, chư thượng thiện nhân là ai? Là Bồ tát Đẳng giác. Nói theo kiểu này, thì thế giới Cực lạc hạng người nào là nhiều nhất? Bồ tát Đẳng giác, vì “chư thượng thiện nhân ở cùng một chỗ”. Bồ tát Đẳng giác từ chỗ nào đến? Là Bồ tát đẳng giác ở thế giới mười phương, đều đến thế giới cực lạc. Bồ tát Đẳng giác là hàng thượng thượng căn, họ biết rằng họ cần gần gũi đức Phật A Di Đà để thành Diệu giác nơi thế giới Cực lạc. Ở thế giới Cực lạc, những vị này cùng lúc có tác dụng làm gương cho những chúng sanh ở cõi dưới như Phương tiện độ, Đồng cư độ. Giống như nói làm trợ giáo cho Phật A Di Đà ở thế giới Cực lạc, khiến cho tín tâm của họ đạt đến viên mãn, đức tin viên mãn là thành Phật. Điều này quí vị không thấy ở bất kì một cõi nào khác.

“Tâm thường nhớ Phật, miệng thường niệm Phật- xưng Phật tức là niệm Phật, thân thường kính Phật”. Phần trước tôi đã nói với quí vị, chúng ta nên mở rộng lòng mình ra, vạn sự vạn vật trong tất cả thế giới hư không đều từ tự tánh biến hiện ra. Chúng ta đã học trong Hoàn Nguyên Quán, đó là chân chứ không phải giả, hiển nhất thể, đó là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Vấn đề này triết học gọi là bản thể, triết học chưa phát hiện, tất cả bản thể luận đều rất mơ hồ, không rõ ràng. Bản thể luận là nguồn gốc của vũ trụ vạn hữu, nó từ đâu mà có? Ít nhất phải có một nơi sinh ra nó. Kinh điển Đại thừa nói rất rõ, thể của nó là tự tánh thanh tịnh viên minh, khởi lên hai tác dụng, hai dụng liền hiện y, chánh. Y báo là vạn sự vạn vật trong thế giới hư không, chánh báo là thân thể chúng ta đây, chánh báo không chỉ người khác, mà chỉ bản thân mình. Khi chúng ta ở thế giới Cực lạc phương Tây, bản thân mình là chánh báo, Phật A di đà và tất cả các vị Bồ tát là Y báo, đó chính là môi trường sống của ta, trong môi trường sống có môi trường nhân sự, có hoàn cảnh vật chất, có môi trường tự nhiên, vì thế chánh báo chính là chúng ta. Nếu lấy thế giới tây phương Cực lạc làm chủ, thì chánh báo của thế giới Cực lạc là Phật A di đà, tất cả những người vãng sanh đến đó là Y báo của ngài. Y, chánh trang nghiêm.

Y báo và Chánh báo đều có ba loại chu biến, chúng ta không thể không biết, ba loại chu biến này ngày nay nói về khoa học, thứ nhất là chu biến pháp giới. Cảnh giới có mặt như thế nào? Các nhà khoa học ngày nay cho ta biết hiện tượng ba động, thật đúng như vậy, một niệm bất giác, đó là ba động. Vì sao ba động lại sinh ra vạn sự vạn vật? Các nhà khoa học cho rằng đó là sự khác nhau giữa tần số, tàn số chậm sẽ sinh ra những vật cứng, nhanh sẽ sinh ra những thứ lỏng, nhanh hơn nữa sẽ sinh ra những chuyển động như dòng điện, ánh sáng, họ cho rằng tần số không giống nhau, toàn là do ba động. Vật chất là hiện tượng ba động, ý niệm, cũng là hiện tượng ba động, chỉ cần nó chuyển động lập tức biến khắp pháp giới, tốc độ này không cách nào so sánh được. Vì vậy tốc độ vật chất rất chậm, trong lúc đó tốc độ ánh sáng, một giây đi được ba mươi vạn Km, ánh sáng mặt trời chiếu đến quả đất cần hơn tám phút, ý niệm của ta vừa động liền chu biến pháp giới, đây chính là tự tánh, tự tánh không có cự li, không có thời gian, không có không gian, vì vậy vừa động là chu biến pháp giới.

Vật chất, như bàn ghế đây, tất cả đều là hiện tượng ba động, ba động của nó cũng chu biến pháp giới. Vì sao vậy? Nó không phải là vật lí mà là tánh lí. Tánh là tự tánh, là tánh lí, tánh lí của tự tánh chu biến pháp giới, nó không có kích thước, không có không gian, không có thời gian, vì thế cả vũ trụ là nhất thể, chúng ta gọi là thể cộng đồng. Trên thực tế, nó không cần cộng đồng vì nó là nhất thể, cả vũ trụ là nhất thể. Khi chúng ta khởi tâm động niệm ai không biết? Chỉ bản thân mình không biết, vì tập khí phiền não ngăn che tự tánh. Phàm người nào có tâm thanh tịnh đều có thể biết, người không có tâm thanh tịnh thì không thể nhận ra. Tâm vốn là thanh tịnh bình đẳng giác, nó không thể không biết, tin tức này quan trọng hơn so với bất cứ thứ gì.

Nhận thức rõ vấn đề này rồi chúng ta mới có thể hiểu được, quả đất ngày nay đã có vấn đề, xã hội đã có vấn đề, địa cầu đã có vấn đề, chúng ta đã biết nguyên nhân tại sao. Liệu có phương pháp gì để hoá giải tai nạn này, khiến xã hội, khiến địa cầu trở lại nguyên trạng không? Có, mà lại rất dễ. Nhưng vấn đề bây giờ là ở đâu? Vấn đề ở chỗ không có niềm tin nên không có hướng giải quyết. Họ không tin cái gì? Không tin tự tánh của mình, tức là mê lầm, quên mất tự tánh. Chư Phật, Bồ tát, Đại Thánh, Đại Hiền là gì? Tức là tự tánh của quí vị, chứ không gì khác. Không có thứ gì không từ đức năng của tự tánh hiển lộ ra, từ trí tuệ của tự tánh hiển lộ ra, không gì khác. Vì thế không tin là gì? Không tin Phật đó là không tin chính bản thân mình, không tin tính giác ngộ trong con người mình, không tin Bồ tát là không tin tính bình đẳng của Bồ tát, không tin A la hán là không tin tính thanh tịnh của A la hán, tanh tịnh bình đẳng giác đều là tự tánh.

Tin Phật là gì? Phải hiểu được rằng, đầu tiên là tin chính mình. Những bậc cổ đức thường nói: “con người cần có sự sáng suốt tự biết về mình”, con người có thể tự hiểu mới là không phải người phàm. Về phương diện thế pháp anh ta mới là người quân tử, Thánh hiền. Phương diện Phật pháp, anh ta là Phật, Bồ tát, A la hán. Anh ta tự hiểu mình, tự hiểu là tự giác, vì vậy “thân thường kính Phật”, kính Phật tức là kính trọng tất cả mọi người, kính trọng trời đất vạn vật.

Sách Lễ Kí của thường nói, trong “Khúc Lễ” câu đầu tiên nói: “vô bất kính”, cung kính tất cả, vì sao vậy? Tánh đức, kính trọng bản thân mình.

Muốn thực hiện theo tất cả những câu nói này, thì phải “tuỳ ý sớm tối, cuối cùng không còn ở nơi cõi Diêm phù đề”. Diêm phù đề là địa cầu nơi chúng ta đang sống. Nói cách khác, quí vị có thể làm được, tuỳ ý, bất cứ lúc nào, quí vị sẽ không còn ở lại nơi địa cầu này, luân hồi trong sáu đường, quí vị siêu việt rồi. Bất cứ lúc nào quí vị cũng có thể đến thế giới Cực lạc, muốn đi lúc nào cũng được, đến thế giới Cực lạc là thành Phật. “Thử”, là như thế, phát lòng tin như thế, là cần thiết nhất. Những lời khai thị này giúp chúng ta, khuyến khích chúng ta nên phát lòng tin, nhất là tin bản thân mình, Phật chính là ta, tất cả chúng sinh đều là ta, cây cỏ hoa lá đều là ta, sơn hà đại địa đều là ta, nên lắng lòng để suy nghĩ.

Đoạn kế tiếp “đặc tiêu”, đặc biệt chỉ ra: “Một niệm tin thuần khiết, chí tâm muốn sanh, liền theo nguyện được sanh, công đức không kể hết được”. “Nhất niệm”, kinh Đại thừa nói: Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Nhất niệm ở đây là nhất niệm mà Bồ tát Di lặc đã đề cập đến, nhất niệm đã giác ngộ thì mọi niệm khác đều giác ngộ.

Hội sớ viết: “biết rõ nguyên nhân vãng sanh chỉ ở chỗ tin nhất niệm, không cứ niệm nhiều ít”. Đó là nhất niệm, nhất niệm ở đây là nhất niệm hiện tiền, không phải niệm đã qua, không phải niệm chưa đến.

Hành Giáo Tín Chứng viết: “sở dĩ gọi là nhất niệm là bởi tín tâm không có niệm khác nên gọi là nhất niệm, nên có tên nhất niệm. Nhất tâm là nguyên nhân chính để đến báo độ thanh tịnh. Người chứng được chân tâm kim cang thì vượt được năm thú tám nạn, chắc chắn đời này sẽ được mười điều lợi”.

Nhất tâm nhất niệm, thế gian hay xuất thế đều coi trọng. Điều đáng sợ nhất là gì? Là những tạp lẩn trong ý niệm, tâm không định tĩnh là hỏng, tất cả mọi thứ đều hư hại. Với bản thân mình, thứ nhất là sức khoẻ không có, yếu đuối, người nhất tâm nhất niệm đòi hỏi một thể lực mạnh mẽ, anh ta là người không bệnh tật, vì sao vậy? Nếu bệnh tật thì những cơ quan, tế bào trên cơ thể chúng ta đã bị ô nhiễm, ô nhiễm tức có độc tố, ngày nay gọi là mầm bệnh. Khi tâm thanh tịnh thì mầm bệnh liền biến mất, tự nhiên phục hồi như cũ, đó là sức khoẻ, là người có phước. Vì thế nhất tâm nhất niệm là người có phước, nơi anh ta ở được gọi là người có phước ở đất phước, nơi đó sẽ không còn những tai nạn. Vì sao vậy? y báo tuỳ chánh báo để thay đổi, đây gọi là người tu hành chân chánh đang cư trú tại nơi đó, làm sao thiên tai có được! Thiên tai là do tâm ác kéo đến, sát đạo dâm vọng sẽ kéo đến thiên tai, tự tư tự lợi sẽ kéo thiên tai đến, tham sân si mạn sẽ kéo thiên tai đến, nếu không có những thứ này thì làm sao có thiên tai? Phải biết thế giới Cực lạc khác biệt với nơi chúng ta đang sống ở đây như thế nào? Quí vị thấy những người đang sống bên cõi đó toàn là những người tốt. Nơi địa cầu chúng ta đang sống ở đây trái ngược hoàn toàn mười điều thiện, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều tạo ra mười điều ác, người làm mười điều ác, thứ nhất là thân thể nhiều bệnh, nhiều tai nạn, nhiều phiền não, nhiều bệnh khổ, nơi cư trú xảy ra nhiều biến cố. Chúng ta đã đọc kinh Đại thừa nhiều năm, dần dà sẽ hiểu ra được. Thế giới tây phương là tịnh độ, nguyên nhân để có tịnh độ đó là tâm thanh tịnh, tâm tịnh thì Phật độ tịnh. Nhất tâm là tâm thanh tịnh, nhất niệm là niệm thanh tịnh, đây là nhân chân chính của thế giới Cực lạc.

“Người có được chân tâm kim cang”. kim cang được ví là sự rắn chắc, chân tâm mãi mãi không bị biến mất, vì thế nó vượt lên năm thú, tám nạn. Năm thú là luân hồi sáu đường, quí vị đã vượt lên luân hồi sáu đường. Trong tám nạn bao gồm tam tai, hoá giải được tam tai tám nạn. Địa cầu chúng ta đang sống đây là ba tai tám nạn. Chắc chắn đời sống này sẽ được mười điều lợi ích, mười điều lợi ích trong đời này.

Điều thứ nhất: “Được người không thấy mặt giúp đỡ”, trong nguyên văn lược bớt, chúng ta bổ sung vào, “người không thấy mặt” là ai? Người trong thế giới quỉ thần, họ tôn trọng, giúp đỡ quí vị. Những việc như thế này trong sớ chú của chư vị cổ đức nhà Phật nói rất nhiều, nếu chúng ta lưu tâm, trước mắt quí vị cũng có thể thấy.

Thứ hai: “Đầy đủ chí đức”, đầy đủ chí đức ở đây có nghĩa tánh đức trong tự tánh, chỉ tánh đức mới biến thành chí đức, đầy đủ là không thiếu điều gì. Trong văn hoá truyền thống xưa cũng nói đến chí đức, đó là: Ngũ luân, Ngũ thường, Tứ duy, Bát đức, đều là chí đức, đã đầy đủ trong tự tánh. Trong Đại thừa thì có giới luật Thập thiện, Tam qui. Chúng ta đang cùng tu học với những người học Tịnh độ tông, gồm năm mục, chúng ta cũng không cần làm phức tạp thêm vấn đề, mọi người chỉ cần ghi nhớ: Tịnh nghiệp tam phước, lục hoà, tam học, lục độ, mười nguyện Phổ hiền, đó là chí đức, trong mỗi đức mục đã đầy đủ vạn đức vạn hạnh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “một tức là nhiều, nhiều tức là một”, một không khác nhiều, bản thân chúng ta có không, không phải không có, nhưng tại sao không biến nó thành cuộc sống hàng ngày của chúng ta?

Thứ ba: “Chuyển ác thành thiện”, có người hỏi dự báo về thiên tai năm 2012 của người Maya có thật không? Trên thế giới này, nếu tin thì sẽ có, dân số chiếm 50%, năm mươi năm mươi, nhưng còn một nửa không tin, người không tin nhưng quỉ thần tin. Trong xã hội ngày nay, Trung quốc cũng vậy, ngoại quốc cũng vậy, việc ma quỉ áp vào người, tôi đã từng hỏi một người bạn học từ Mỹ trở về: Ở Mỹ có chuyện ma nhập không? Có đấy. Nhật bản có hiện tượng ma nhập không? Có, anh ta nói với tôi. Ma nhập là hiện tượng ma nhập vào thân mình để nghe ngóng một số tin tức.

Một số quốc gia rất thịnh hành phép thôi miên, trong quá trình thôi miên người ta cũng moi được rất nhiều tin tức, thôi miên làm cho một người nào đó quay trở lại cuộc sống đã trải qua, một đời, hai đời, ba đời, đôi lúc còn có thể quay lại mấy mười đời. Điều này nói lên cái gì? Chứng minh có luân hồi. Lúc tôi đang ở Mỹ , có một bạn học mang cho tôi một báo cáo, hoàn toàn của người nước ngoài, có người đã từng là súc vật, có người từ cõi trời xuống, có người từ hành tinh khác đến địa cầu này để đầu thai. Những điều Phật dạy trong kinh không phải dối trá, chúng ta làm sao đương đầu với thiên tai? Ngay cả Bố Lai Đăng người Mỹ cũng nói, ông chỉ nói đơn giản ba câu, hoàn toàn tương ứng với Phật pháp, ông ta hi vọng mọi người trên toàn thế giới, năm 2012, mọi người nên nhìn lại mình, nên tỉnh ngộ, bỏ ác làm lành, giống như ở đây chúng ta đang nói “chuyển ác thành thiện”, giống nhau về ý nghĩa. Bỏ ác làm lành, cải tà qui chánh, đoan chính tâm niệm. Khởi tâm động niệm tương ứng với tánh đức, đâu cần gì nhiều quá, phiền phức quá, chỉ cần dùng mười hai chữ của người xưa là được, khởi tâm động niệm không xa rời mười hai chữ này, đó là: Hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hoà bình. Nếu giữ được như thế thì thiên tai năm 2012 có thể thoát được. Không những hoá giải được mà còn đưa địa cầu sang một hướng tốt hơn, những lời này là thật chứ không phải đùa. Nhưng vấn đề lúc này là được bao nhiêu người dám quay đầu? Bao nhiêu người tin tưởng? Mấu chốt là vấn đề niềm tin. Chúng ta hi vọng vào những người có niềm tin chúng ta mới dám làm, chúng ta mới có thể đưa lí luận của các bậc tiên Thánh ngày xưa, biến thành tư tưởng của chúng ta, những lời giáo huấn của các bậc tiên Thánh trở thành những hành động hàng ngày của chúng ta. Lúc đó chúng ta tự cứu mình, cứu được xã hội, cứu được thế giới, công đức vô lượng.

Trong tất cả các phương pháp vừa nói trên, phương pháp hoàn thiện hoàn Mỹ nhất, được trời đất quỉ thần khen ngợi nhất không gì bằng niệm A Di Đà Phật. Niệm A di đà Phật được chư Phật khen ngợi, tất cả quỉ thần tán than. Vì thế pháp môn niệm Phật của chúng ta lấy niệm Phật làm chánh tông, không xem nhẹ, nhất định chuyển ác thành thiện. Ngày trước, không ai giáo huấn nên không biết, tạo nhiều nghiệp ác. Bây giờ đã rõ, sám trừ nghiệp chướng, sám trừ như thế nào? Lúc mới học Phật, đại sư Chương Gia dạy tôi: “Phật pháp trọng thực chất, không nặng hình thức”, đó là câu ngài đã dạy tôi, chúng ta tin tưởng tất cả những câu này là của những bậc tổ đức truyền lại.

Khi tôi ở Singapore, một hôm cùng dùng bữa với tổng thống Natan, lúc bấy giờ ông chưa làm tổng thống, ông đang làm đại sứ của Singapore tại Mỹ , vừa mới mãn nhiệm trở lại Singapore, nên chúng tôi có thời gian dùng cơm, sau khi làm tổng thống tôi vẫn thường gặp ông, ông ấy bảo tôi: Tôi là người Ấn độ, theo Ấn độ giáo nhưng ông rất khâm phục Phật giáo, ông bảo Phật giáo rất chuộng thực chất, xem nhẹ hình thức. Vừa nghe, tôi kinh ngạc, ông ta là người cùng tôn giáo chứ không phải ngoại đạo. Tôi chưa nghe ai nhắc đến sau khi nghe đại sư Chương Gia nói với tôi câu này, chỉ nghe ông ta nói một câu giống hệt đại sư Chương Gia: Trọng thực chất, không để ý đến hình thức.

Sám hối như thế nào? Sám hối là nguyện sau này không lập lại lỗi cũ. Quí vị nhận ra mình làm sai thì sau này không tái phạm nữa, đó là cách sám hối đúng đắn nhất. Sám hối đúng theo thể thức rồi, ngày mai lại tiếp tục tái phạm thì đó không phải sám hối, đó là giả, không phải chân thật. Vấn đề này chúng ta phải biết rõ, phải tỉnh giác. Thật sự giác ngộ rồi, làm gì có lý không cải tà qui chánh! Vì thế mấu chốt là ở chỗ phải tỉnh giác, đó là điều tại sao khi còn tại thế, đức Phật trải bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp. Chúng ta thử xem lại trong kinh điển, đức Phật Thích Ca Mâu Ni không cùng ngồi niệm Phật với đại chúng được một ngày. Nếu có sự kiện này, thì những cuốn sách lớn đã ghi chép lại, nhưng không thấy. Phật Thích Ca Mâu Ni không cùng ngồi thiền với tất cả mọi người hết một cây hương, sự kiện này cũng không thấy sử sách chép lại, vì sao vậy? Là bởi như câu ngạn ngữ nhà Phật nói: “Thầy hướng dẫn bước đầu, nhiệm vụ tu hành là của cá nhân”. Thầy giáo chỉ bày chân tướng của sự thật, đã dạy cho chúng ta bài học rất rõ ràng về thực tướng các pháp, còn tu tập như thế nào đó là việc của mỗi người, thầy giáo không hỏi, không quản lí những công việc của ta đâu. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, quí vị xem làm được mục nào thì làm. Vì thế Phật pháp là người dẫn đường, sau khi đã rõ ràng thì tự mình phải sửa đổi, lối nghĩ sai lầm thì sửa đổi cách nghĩ, lời nói việc làm không đúng thì sửa đổi lời nói việc làm, đấy gọi là tu hành đúng pháp. Tu hành tức là sửa đổi những hành vi sai trái. Cách nghĩ là hành vi của tâm, của ý.

Vấn đề phiền phức nhất hiện nay là tâm đã hỏng, họ toàn nghĩ đến những việc tiêu cực, không nghĩ những chuyện tốt đẹp, toàn mê lầm, không giác ngộ. Đọc kinh không hiểu, nghe pháp không thông, điểm sai lầm là ở chỗ này. Sao chúng ta không hiểu? Vì hoài nghi, những đứa trẻ ngày nay, từ nhỏ nó đã được dạy biết nghi ngờ, cho rằng không hoài nghi thì không có trí tuệ. Nhưng từ xưa đến nay, người xưa đã dạy con người đừng hoài nghi, dậy cho chúng nó thật thà. Khoa học được phát hiện nhờ sự nghi ngờ, nhưng đạo đức luân lí mà nghi ngờ thì hỏng, hoài nghi trong môn tâm tánh thì không thể khế nhập được, vì thế đại sư Ấn Quang nói: “Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích, trăm phần thành kính thì được trăm phần ích lợi, ngàn lần thành kính thì được ngàn phần lợi ích, vạn phần thành kính thì được vạn phần lợi ích”, một chút hoài nghi là hỏng toàn bộ, môn học tâm tánh đòi hỏi từ trong định quí vị mới thể hội được, tâm ý bồng bột thì chỉ đứng ngoài cửa. Pháp thế gian và xuất thế không giống nhau, cầu chân lí, cầu trí tuệ, nên dùng phương pháp truyền thống của người xưa, và phương pháp Phật giáo Đại thừa. Nếu so với phương pháp khoa học hiện nay thì Phật pháp thông dụng hơn. Quí vị xem họ phải vắt óc để suy nghĩ như thế, phải dùng toán học để tính, dùng những máy móc tinh vi để soi chiếu mới phát hiện ra, nhưng từ ba ngàn năm trước, không máy móc, không có dụng cụ hổ trợ, nhưng trong thiền định đức Phật đã phát hiện, trong thiền định đã thấy được khởi nguyên của vũ trụ, phát hiện ra vật chất, tinh thần, tự nhiên, rốt cuộc từ đâu mà có. Những gì khoa học ngày nay phát biểu không thể rõ ràng, thấu đáo như những gì Phật giáo đã nói. Chúng ta có thể tin tưởng những gì đức Phật nói không? Không chỉ một mình đức Phật Thích Ca Mâu Ni thấy được, mà Phật còn nói cho chúng ta, nếu ai chứng được Bát địa trở lên đều có thể thấy. Trong năm mươi hai cấp bậc của Đại thừa, bắt đầu từ thập tín, thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, tổng cộng năm mười hai cấp. Năm cấp cao nhất là Bát địa, Cửu địa, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, tất cả những vị chứng quả này đều có thể thấy, điều đó không phải đùa. Những người chứng năm quả vị đó có bao nhiêu? Không thể tính hết. Trong thiền định họ có thể quán sát hiện tượng khởi nguyên của vũ trụ, từ đâu mà có vô thỉ vô minh, A lại da thức từ đâu mà có, những hiện tượng này được phát triển ra sao, cuối cùng vẫn quay lại tự tánh, đó là một vòng tuần hoàn lớn, rất thú vị. Từ một niệm bất giác mà A lại da xuất hiện, cuối vòng tuần hoàn là thành Phật, không thấy nó nữa.

Trong báo cáo của những nhà khoa học vật lí nghiên cứu sâu rộng về vũ trụ, họ bảo những vụ trụ được tìm thấy chỉ thấy được 10% cả hành tinh đó, còn lại 90% không thể thấy được, nghe những thông tin này, chúng ta sẽ phì cười. Nó đi đâu rồi, họ không biết, nhưng chúng ta biết, nó đã quay về tự tánh, cũng có thể nói, họ chỉ thấy được vũ trụ của cõi Thật báo nhưng không thể thấy được cõi Thường tịch quang, bởi cõi Thường tịch quang không có hiện tượng. Giới khoa học chỉ có thể tiếp xúc với những thứ có thể sờ mó được, như hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Nhưng cả ba yếu tố này không có trong tự tánh. Tự tánh là một thực thể thanh tịnh tròn đầy, không có ba yêu tố nói trên, vì thế nhà khoa học không có cách gì để đo lường nó được. Hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Những nhà khoa học lượng tử bảo là trong cái không mà sinh ra, Phật bảo nó được sinh ra từ thể tự tánh thanh tịnh viên minh. So với khoa học, đức Phật nói rất cụ thể, là bởi trong thể tự tánh thanh tịnh viên mãn không có ba yếu tố, nên thường dùng không để thí dụ, không ở đây không phải là không có gì cả, nó tồn tại, và không lúc nào không có, không nơi nào không có. Nếu nó không tồn tại thì không thể thấy hình tướng, hình tướng đều nhờ nó mà có mặt, ngay cả trong hư không nó cũng hiện ra. Thời phân là thời gian, phương phân là không gian. Những điều này được nói trong Bách pháp minh môn, hai hình thức này được liệt vào ‘bất tương ưng hành pháp’, bất tương ưng hành pháp có hai mươi bốn thứ. Nói theo cách nói bây giờ, bất tương ưng hành pháp là khái niệm trừu tượng, không phải sự thật, hoàn toàn là khái niệm trừu tượng. Quí vị xem, đức Phật nói rất rõ ràng! Vì thế nếu nhà khoa học học thêm giáo pháp Đại thừa thì họ thành công nhanh hơn nữa, vì tâm của họ đã gần với sự thanh tịnh, họ chưa có tâm thanh tịnh nên họ không thể nhận ra.

Hôm qua tôi đi tham quan Cao Hùng, thấy họ thí nghiệm nước, những người làm thử nghiệm nước đòi hỏi phải có tâm an tịnh mới thấy được sự kết tinh của nước, nêu tâm họ không thanh tịnh, dao động thì không thể phát hiện ra. Quí vị xem, ngay chuyện này thôi mà còn cần công phu định tỉnh mới có thể thấy được những bọt tuyết trong nước kết tinh lại.

Thứ tư: “Chư Phật giúp đỡ”, khẳng định quí vị là người tốt, thiện tương ứng với thiện, nếu thanh tịnh thì sẽ ứng với Phật, nếu thanh tịnh bình đẳng giác thì chắc chắn được Phật giúp đỡ, Phật giúp đỡ, gia hộ quí vị. Khi quí vị lạc mất phương hướng, ngài sẽ giúp quí vị quay về đường chánh, ngài sẽ dùng tất cả những phương pháp hay nhất có thể để gia hộ quí vị, tâm từ bi đạt đến cùng cực. Vì sao ngài dùng phương pháp này? Vì ngài biết rằng ta với ngài là một, chúng ta không biết nhưng ngài biết, nên nhất định ngài sẽ đến cứu giúp. Giống như chúng ta có một tế bào bị nhiễm bệnh, ta muốn chữa trị cho nó khỏi, vì sao vậy? Vì ta biết rằng nó với ta cùng một cơ thể, có thể nó không biết tế bào khác. Phật, Bồ tát hiểu rõ vô duyên tâm đại từ, đồng thể đại bi, không cần điều kiện.

Ngày nay chúng ta gặp người có tâm tốt, tâm thiện đối xử tử tế với mình, đa số mọi người sẽ phản ứng thế nào? Cẩn trọng, để xem cuối cùng họ có dụng ý gì với mình không? Họ muốn gì? Quí vị sẽ nghi ngờ họ ngay, không vội tin, không tin trên đời này có người tốt như vậy, xã hội bây giờ là như thế. Song ngày trước mọi người đối xử với nhau bằng niềm tin. Từ bé chúng tôi ở nông thôn, thôn xóm cũng có tiệm buôn, muốn mua hàng hoá thường mua chịu, chỉ khất một câu là mọi người đã đồng ý, giữ lời, thậm chí khi nói quên ghi nợ thì đến hẹn người mua vẫn đến trả đủ số tiền, người kia bảo đã quên rồi, ngày đó đã quên ghi nợ, anh không ghi nợ. Ngày đó mọi người sống với nhau bằng niềm tin, bây giờ người với người không còn tin nhau. Người khác không giữ niềm tin nhưng ta phải giữ.

Những ngày đầu mới học Phật, cuộc sống tôi cực kì gian khổ, chùa Thiện Đạo có một gian phát hành kinh sách, gian này được giao cho một cư sĩ quản lí, đôi lúc chúng tôi thấy một cuốn nào hay bèn mang đi, nhưng bảo với ông: Lúc nào có tiền tôi sẽ đến trả ông, đôi lúc ông ấy nhớ, nhưng có lúc ông không nhớ, mấy tháng sau đó tôi mang tiền đến trả, ông đã quên mất, hỏi tôi: Có vụ này nữa a? Tôi thưa: Có ạ, sách đang ở chỗ tôi. Nghe thế, ông ấy vui lắm. Bây giờ những người như thế này không còn bao nhiêu. Nếu thực sự hiểu rõ nhân quả, sát sinh phải đền mạng, mắc nợ phải bồi thường, thì liệu dám làm tổn thương người khác không? Không bao giờ. Có dám mắc nợ rồi lại lường đảo người ta không? Không dám. Vì sao vậy? Vì người thiệt thòi là ta, chứ không phải người khác. Người xưa có câu: Thiệt thòi là phước, hiếm có hồ đồ. Hồ đồ là gì? Không kì kèo với người khác, người ta tranh mất món lợi của mình, coi thường mình, mình đừng tranh hơn thiệt, đó là điều tốt. Mạng đã có thì chắc chắn có, đuổi nó cũng không đi, mạng đã không có thì muốn cũng không được, tìm hết cách để mong cầu cũng không được, thực sự muốn mong cho được thì tốt hơn hết là số của quí vị đã có, cần gì phải vất vả như thế? Vì thế con người cần phải hiểu sâu sắc về đạo lí nhân quả, lúc đó tâm ta mới định được, tuyệt đối không được làm càn. Phải hiểu làm việc tốt thì có kết quả tốt, làm ác thì nhận quả ác. Vấn đề nhân duyên quả báo, đã có rất nhiều sách vở ghi chép, không phải chuyện đùa.

Trong tác phẩm Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh toàn những chuyện quỉ thần. Hồi nhỏ đã đọc một lần, tôi cho rằng những chuyện đó là có thật, vì sao vậy? Tôi đã tận mắt chứng kiến, không phải giả, tôi thấy được hồ ly tinh. Thời kỳ chiến tranh, lúc bấy giờ có lẽ tôi mười lăm mười sáu tuổi gì đó, ở trọ nhà một người nông dân, nhà này rất nghèo khổ, ngày trước là một gia tộc lớn, nhà họ có nhiều phòng, những phòng trên lầu đã mười mấy năm không ai đặt chân đến, một con hồ ly đã ở trên đó, vẫn thường chạy xuống bên dưới, lúc này nó dã biến thành hình người. Một con hồ ly bình thường phải năm trăm năm tu hành mới có thể làm người, đại khái là nó sắp thành hình người, nhưng mặt mũi hơi mờ nhạt, chưa lộ rõ mặt người, rất nhiều người trông thấy, tôi cũng thấy một lần. Chưa ai thấy rõ mặt mũi nó thế nào, đa phần chỉ thấy một cách mờ nhạt. Người ta thấy nó khoác một chiếc áo dài, hình dáng người đàn ông. Họ lại tiếp tục dò la, thấy thế nó quay ngoắt, từ đó không ai nhìn thấy nữa, ai cũng biết nó đang ở trên lầu. Đó là một câu chuyện thật, không phải chỉ một người nhìn thấy hay do hoa mắt mà có rất nhiều người tận mắt nhìn thấy, và biết nhà kia có con hồ li đang ở trên lầu. Nhưng rất may là không có chuyện gì xảy ra, nó cũng không làm hại ai bao giờ, nên cũng không ai lên trên lầu để tìm nó làm gì, đó là một câu chuyện.

Sau này khi cuộc kháng chiến thành công, tôi lại gặp một chuyện kì lạ khác, đó là ông chú họ của tôi, ông ấy là một nông dân, từ làng ông đưa một thuyền thóc đến Nam kinh bán. Lúc bấy giờ mọi người vẫn quen dùng thuyền buồm, nếu dùng thuyền buồm đi từ quê tôi đến Nam kinh phải mất ba hôm, cả đi lẫn về mất một tuần. Từ nhà đến Nam kinh là thuận buồm, xuôi nước, nên thuyền đi khá nhanh. Khi chất thóc lên thuyền, có người thấy một con vật như chuột lông vàng nhảy từ dưới tấm ván lên thuyền, mọi người lấy làm lạ, cùng nhau tìm, chuyển hết thóc xuống vẫn không thấy, họ cho rằng chắc nhìn nhầm. Lúc thuyền đến Nam kinh thì phát hiện trên thuyền không còn một hạt thóc, những bao gai vẫn y nguyên nhưng ruột đã rỗng, lúc đó mọi người mới nghĩ những gì họ nhìn thấy là không nhầm, nói chung là thóc đã bị con chuột kia mang đi đâu hết. Không còn cách nào khác đành ở lại Nam kinh mấy hôm rồi dong buồm về quê, về quê, thấy thóc đã nằm hết trong kho, không biết con chuột kia làm sao có thể đưa hết số thóc kia về kho, không ai hiểu được. Đây là một câu chuyện tôi tận mắt nhìn thấy, đây không phải là chuyện đùa, nó đem cả một thuyền thóc đó về, không để lại một hạt. Người ở quê nói, có thể các vị đã đắc tội với nó nên nó đùa chút thôi, nó không có ý làm hại các vị đâu. Những chuyện như thế quí vị phải tận mắt chứng kiến mới có thể tin được.

Lão cư sĩ Chu Kính Trụ có lần nói với tôi rằng ông ấy đã từng thấy quỉ, ông ta tin chuyện đó rồi sau mới học Phật, bố vợ ông ấy là Chương Thái Viêm là một Phật tử nên không tin chuyện đó. Những năm đang chiến tranh ông ta ở Trùng khánh, ông ấy học Kinh tế, ông ta nói với tôi, lúc bây giờ ông ta đang làm Cục trưởng thuế vụ hai tỉnh Tứ xuyên và Tây khương, khi kháng chiến thành công, ông ta là người Triết giang, về Triết giang ông làm Trưởng phòng tài chính. Lúc ở Trùng Khánh, một hôm, trời đã về chiều, mấy anh bạn đánh bài, đến hơn hai giờ khuya mới nghỉ, khi trở về, thấy có đèn đường, xa xa mới thấy một ngọn, công suất độ 20w, chỉ thấy ánh sáng của nó, không thấy đường đi, họ đành vạch ra một hướng đi. Giữa đường trong đêm tối trở về, họ thấy trước mặt một người phụ nữ đang đi, cô ấy đi một mình nên không ai có cảm giác gì. Đi được độ nửa giờ, bỗng nhiên họ nghĩ, khuya khoắt thế này làm sao có người phụ nữ đi một mình giữa đường? Khi trong đầu nghĩ đến chuyện đó, họ bắt đầu nổi da gà, nhìn kĩ, người kia chỉ có phần trên không có phần dưới, hét lên một tiếng, không thấy gì nữa. Trở về, suốt đêm không ai chợp mắt được, họ tận mắt nhìn thấy, họ tin, tuyệt nhiên không phải hoa mắt. Đi cùng cô gái hơn nửa giờ mới tin được. Những người này tôi rất thân, lúc bấy giờ tôi độ hai sáu tuổi, vừa mới theo học thầy Đông Phương Mỹ và cũng bắt đầu làm quen với giáo lí Phật giáo. Lúc này thầy đã sáu mươi chín tuổi, kém một tuổi là bảy mươi, thầy cùng tuổi và cũng là bạn thầy Lí, thầy đã chứng kiến và trải qua rất nhiều chuyện li kì cổ quái như thế và đều kể cho tôi nghe hết, thật, không chút giả dối. Vì vậy chư Phật gia hộ.

Thứ năm: “Chư Phật khen ngợi”, chư Phật khen ngợi người niệm Phật, khen ngợi đệ tử Phật Di đà, thực sự học Phật A di đà, nương vào kinh Vô lượng thọ để tu tập, siêng năng đọc kinh, nếu đọc nhiều thì chắc chắn biết được đạo lí. Đạo lí này không quá khó hiểu, nếu chuyên tâm đọc một bộ kinh thì tâm được định tỉnh. Đọc kinh là tu định, cùng lúc tu tuệ, định tuệ ngang bằng nhau. Ngoài ra những người này được Phật gia hộ.

Hoàng Niệm Lão cũng học Mật tông. Mật tông bàn về quán đảnh, ông đã giải thích quán đảnh không giống như những người khác. Đảnh, là đảnh pháp cao nhất trong Phật pháp, quán là gì? Có nghĩa trao truyền. Trao truyền đại pháp cao nhất của nhà Phật cho một người nào đó, gọi là quán đảnh, ý nghĩa của nó là như vậy. Kinh Vô luọng thọ là đảnh pháp, cung kính đọc từ đầu đến cuối một lần là một lần các vị được chư Phật Như Lai quán đảnh, quí vị có thực hiện được không? Nếu tâm tán loạn sẽ không có công đức, quí vị phải thực sự cung kính đọc kinh này, chư Phật mới gia hộ, mới quán đảnh cho. Mỗi ngày sớm tối đọc một lần thì buổi sớm quí vị được quán đảnh một lần, ban tối được quán đảnh một lần. Năm, ba năm như thế, quí vị sẽ chứng được niệm Phật tam muội.

Cư sĩ Lưu Tố Vân là người học theo pháp này và bà đã gặt hái được những thành công nhất định. Ngoài việc đọc kinh, bà còn nghe đĩa giảng kinh. Có lần, đang cầm trên tay đĩa giảng kinh, bà nói với tôi: Đây là đĩa thầy giảng ở thư viện Hoa tạng Đài loan, rất sớm, lần thứ hai hay lần thứ ba. Bộ kinh này đã được giảng mười lần, lúc bấy giờ vẫn chưa có bản chú giải của Hoàng Niệm Lão mà vẫn căn cứ theo những lời ghi bên lề sách của thầy Lí, theo bản đó để giảng. Một bộ kinh như thế giảng độ chín mười lần, một lần lúc đó độ nửa giờ, mất một trăm giờ mới giảng hết. Bà nói với tôi: Mỗi ngày bà nghe một đĩa mất một giờ, sau này người ta tập hợp lại thành đĩa thì tôi không biết độ dài bao nhiêu, nhưng trước đó sử dụng băng ghi âm, chỉ có tiếng, không có hình ảnh. Mỗi ngày bà nghe một giờ, nhưng mỗi một giờ như thế nghe đi nghe lại đến mười lần, và bà đã rút ra được một câu nói: “nhất môn thâm nhập trường thời huân tu”. Mỗi ngày đều như thế, nghe xong một bộ lại nghe lại từ đầu, mười năm như thế không gián đoạn, cuối cùng bà được tam muội. Tâm bà thanh tịnh, tâm đã định, bà đã đưa phụ thân của cư sĩ Hồ Tiểu Lâm đến thế giới Cực lạc, người khác không làm được. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta: Một người khi lâm chung, các con phải thực sự thương quí họ, giúp đỡ họ, các con làm cho họ nhẹ nhàng rời bỏ thế giới này, đừng động chạm đến họ. Vì nỗi đau khổ khi linh hồn xa lìa thể xác, được kinh điển ví như một con rùa sống bị lột mai , khi một con rùa đang sống mà ta cố gắng lột cái mai nó ra, linh hồn lìa khỏi thể xác cũng đau đớn như thế, rất khó khăn. Vì thế chúng ta phải niệm Phật để giúp đỡ họ, phải trợ niệm, đừng đụng đến thân thể họ, trong tám giờ, ngay cả giường nằm của họ cũng không nên đụng đến, vì sợ họ bực bội, khi đã bực bội, sân hận, họ dễ đoạ lạc. Vì thế chúng ta chỉ đứng cạnh niệm Phật giúp họ. Công tác cấp cứu trong những bệnh viện hiện nay không được tốt, cấp cứu là một dạng hình phạt của địa ngục, rất đau khổ, như thế làm sao bệnh nhân không oán hận? Khi sống mang lòng oán hận thì lúc mất sẽ rơi thẳng vào địa ngục.

Thứ sáu: “Tâm quang thường hộ”. Tâm quang ở đây là gì? Tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng mới phát ra ánh sáng, nếu khai ngộ thì ánh sáng của tâm ấy càng tỏ hơn. Tâm quang thường hộ có một điểm đặc biệt nữa là những người oán ghét, nợ nần không thể đến gần mình, rời xa mình, yêu ma quỉ quái cũng không thể đến gần mình được. Chư Phật, Bồ tát thấy cũng vui vẻ, chư Phật Bồ tát gia hộ, ánh sang của quí vị càng lớn hơn.

Thứ bảy: “Tâm được vui vẻ”, kinh Đại thừa nói: Thường sanh hoan hỷ tâm, pháp hỷ sung mãn. Người có tâm vui vẻ dứt khoát sẽ sống khoẻ và trường thọ. Khi học Phật chúng ta mới hiểu rõ được, nguồn gốc của sức khoẻ đó là sự lạc quan. Chư vị cổ đức có câu: Người có niềm vui thì tinh thần sảng khoái. Có đủ dưỡng chất thế nào đi nữa cũng cần tẩm bổ lòng hoan hỉ, tâm hoan hỉ trong Phật pháp đó là thanh tịnh, không ô nhiễm. Không phải bắt được vàng hay đạt được danh vọng mới hoan hỷ, tâm hoan hỷ này không có thứ gì có thể sánh được.

Thứ tám: “Tri ân báo đức”. Với ta, tất cả cả chúng sanh đều có ân đức, nơi chúng ta đang sống, cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, đều là ân nhân của ta. Không hiểu rõ nên họ không biết, nếu hiểu rõ, cần báo ân tất cả. Báo ân như thế nào? Dùng tâm hành của ta. Nói một cách cụ thể, dùng một tiếng A Di Đà Phật. Trong lòng chúng ta nghĩ đến Phật A di đà, miệng niệm Phật A di đà, đưa nguyện Phật A di đà, đưa lòng từ bi của Phật A Di Đà áp dụng vào đời sống, áp dụng vào công việc, áp dụng vào việc đối nhân xử thế, đó là cách báo ân đức Phật.

Thứ chín: “Thường thực tập lòng đại bi”, mỗi tâm niệm của Phật đều không rời bỏ chúng sanh, chúng sanh ở đây được hiểu theo nghĩa rộng là tất cả các hiện tượng do các duyên hợp mà sanh khởi thì gọi là chúng sanh. Tất cả vạn sự vạn pháp cả hư không pháp giới, có vật gì là không nhờ chúng duyên hoà hợp đâu? Vì thế, nói theo cách nói hiện nay, chúng duyên hoà hợp bao gồm thực vật, động vật, khoáng vật, tất cả đều là chúng duyên hoà hợp. Chúng ta nên khởi lòng từ bi với tất cả những hiện tượng. Bi là giúp họ lià khổ, đi ngược lại với tự tánh là khổ, bất hiếu bất trung là khổ, không nhân không nghĩa là khổ. Chịu khổ trong kiếp này họ còn có sự cảm nhận chứ đến lúc mất đi mà đoạ vào ba đường ác lại đáng thương hơn. Làm thế nào để giúp đỡ họ? Giúp họ giác ngộ, giúp họ nhận rõ chân tướng sự thật. Vì vậy việc làm cụ thể đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy chúng ta, bốn mươi chín năm dạy học, dạy học là việc làm cứu khổ cứu nạn thiết thực nhất. Khổ là do mê lầm, vui là nhờ giác ngộ, muốn giúp chúng sanh lìa khổ được vui thì không gì hơn chuyển mê khai ngộ. Hết mê lầm thì khổ không còn, giác ngộ đích thực thì vui tìm đến, pháp hỷ sung mãn, trước đây đã nói “tâm vui vẻ, phấn khởi”. Đây là phương pháp thiết thực nhất, chúng ta nên thực hiện theo phương pháp này. Vì sao chư Phật không ngại gian khổ để giáo hoá chúng sanh? Đó là do ngài có lòng thương. Giáo hoá là lòng thương, từ và bi là hai mặt của một vấn đề, là một không phải hai. Khổng tử nói trung thứ, Phật pháp giảng từ bi.

Lần này tôi đến Austraylia, một người trong chính phủ của Austraylia muốn gặp tôi, chúng tôi là bạn bè. Ông ta nêu vấn đề: Trước một xã hội hỗn loạn, có hai vấn đề, một là thể chế. Ông ta nói với tôi, tôi chưa từng nghe ai đề cập, người phương Tây đã bắt đầu có sự nghi ngờ chế độ dân chủ, liệu dân chủ có phải là chế độ tối ưu? Họ đặt vấn đề như thế. Thứ hai, những biến động của xã hội ngày nay, liệu có phương pháp nào để cứu vãn để nó trở lại như lúc đầu? Vấn thứ nhất tôi nói với ông: Ngày nay vấn đề này không phải là vấn đề chế độ, mà là lòng người, nhân tâm ngày nay đã bị băng hoại, chế độ nào cũng không vực dậy được. Cho dù có một chế độ tốt hơn nhưng lòng không nghĩ thiện, không làm việc thiện thì không làm gì được. Nếu mỗi người đều là người tốt, là những người quân tử, Thánh hiền, cho dù một chế độ không tốt thì những con người trong đó vẫn làm nên chuyện tốt. Người tốt, tâm tốt, vấn đề này cần nhận thức thật rõ ràng. Cuối cùng ông ta đồng ý với cách nghĩ của tôi. Vấn đề là làm thế nào để làm tốt công tác giáo dục, chỉ có giáo dục mới làm thay đổi nhận thức. Ngày trước chúng tôi đã làm thí nghiệm ở Thang Trì, ông ta có nghe và đã đến ở lại đó bốn hôm, ông ta rất rõ, chỉ cần làm tốt công tác giáo dục thì những vấn đề khác đều được giải quyết. Vì thế ngày nay không phải vấn đề chế độ. Giúp xã hội trở lại ổn định, chúng tôi đã đề xuất, đây là những lời của Thang Ân Tỷ người Anh: Muốn giải quyết vấn đề của xã hội thế kỉ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật giáo Đại thừa. Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Đó là nhân, nghĩa trung thứ. Phật giáo Đại thừa đó là: Chân thành từ bi. Hai yếu tố này đủ để giải quyết vấn đề. Vì con người ngày nay không nhận được sự giáo dục của Thánh hiền, không ai giáo dục họ, chuyện học đã băng hoại, toàn học những thứ vô bổ, mọi người ai cũng thích tạo tội. Phải như thế nào? Phải tha thư cho họ, Khổng tử đã nói: Việc xong không nói đến nữa, việc xong không đề cập nữa, việc đã qua không nhắc lại, không truy cứu nữa. Mong mọi người siêng năng học tập văn hoá truyền thống, học đạo lí làm người, lúc đó vấn đề mới được giải quyết, cần một xã hội ổn định để xoay chuyển. Nếu quí vị trách cứ họ, trừng phạt họ, thì mọi người đều tạo nghiệp, không ai nể phục ai. Việc này có lợi cho một nhóm người, nên số còn lại sẽ cùng hợp sức chống đối quí vị, lúc đó xã hội lập tức loạn lạc, càng loạn lạc càng khổ, mà vấn đề vẫn không giải quyết được. Vậy nên giải quyết vấn đề khi đã ổn định được xã hội. Những quan chức tham ô, họ đã tham nhũng bao nhiêu tiền của, kệ họ, không cần truy cứu. Thế nên tâm họ đã định rồi, không cần truy cứu. Cần phải dùng đạo lí trung thứ, trung là tâm không thiên vị, thứ là thứ tha cho người khác, giáo dục họ, khi họ hiểu rõ rồi, giác ngộ rồi thì họ sẽ hồi tâm. Khi tôi đề xuất phương pháp đó, ông khẳng định: Thật chí lí, cần phải dùng phương pháp này để cứu vãn, không để cho xã hội hỗn loạn, chỉ cần lương tâm họ hiển hiện, họ lấy ích lợi trong việc làm phi pháp của mình đem làm những việc tốt, cũng được; Nếu không đưa vào cũng được, không cần truy cứu, vì không chạy đâu khỏi nhân quả.

Cuối cùng, thứ mười: “Được vào chánh định”, điều này đã nói ở phần trước, chúng ta nhất định phải định tâm trở lại, chỉ khi có định mới có tuệ, lúc đó mới rõ ràng, thấu hiểu được chân tướng của sự thật, không thể hiểu sai, một khi đã sai thì mọi việc sẽ hỏng. Xã hội ngày nay đã đánh mất nền giáo dục dựa trên cơ sở luân lí đạo đức nhân quả nên mới hỗn loạn, Thang Ân Tỷ đã nói không sai, chúng ta cần giải đáp một cách thiết thực. Lựa chọn tất cả những gì tốt đẹp tinh hoa nhất của Khổng mạnh, mới có thể giúp đỡ xã hội ngày nay, dán chặt bốn chữ: Người nhân thương người. Nghĩa là gì, nghĩa là thuận theo lí, tức là cách suy nghĩ, nói năng của chúng ta phải hợp tình, hợp lí, hợp pháp, mới có thể làm tốt việc này. Trung là không thiên vị, thứ là tha lỗi cho tất cả những ai đã phạm sai lầm, tha thứ tất cả, không để trong lòng. Tất cả mọi người cùng nhau học tập những lời giáo huấn của Tiên thánh, học tập kinh luận của Phật, Bồ tát thì vấn đề được giải quyết ngay tức khắc. Mọi người đều phấn khởi để biến đổi xã hội, vãn hồi trật tự, như thế mới có kết quả như ý.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 386

# Tập 387

Chuyển ngữ: Minh Tuệ  
Biên tập:Bình Minh  
Thời gian: 30 tháng 4 năm 2011  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị Pháp sư, quí vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 478, hàng thứ năm từ dưới đếm lên, bắt đầu từ xem từ câu thứ hai: “Phần trên nói rõ nhất niệm”, chúng ta đã học rồi. “Dưới đây sẽ nói về tịnh tín”, đây là câu đầu tiên giải thích kinh văn, từ “nhất niệm tịnh tín” đến “chí tâm nguyện sanh”. Chú giải của Hoàng Niệm Lão, chúng ta tiếp tục đọc đoạn dưới.

Di đà sớ sao viết: Tín tức tâm tịnh. Luận Thành Duy Thức viết: Tín, là nói đức năng chân thật, từ bỏ lạc dục, lấy tâm tịnh làm tánh.

Ý của đoạn này rất sâu sắc, những cuốn kinh luận lớn của Phật giáo thường nói: “Tín là mẹ của các thứ công đức, có thể nuôi lớn gốc thiện”. Vì vậy lòng tin rất quan trọng, nó là cội nguồn của đạo lớn, mẹ của các công đức. “Mẹ”, mang ý nghĩa có thể sinh sản, cả câu muốn nói: Lòng tin có thể sản sinh ra vô lượng vô biên công đức, nếu đánh mất niềm tin thì không còn gì để nói. Xã hội ngày nay, chúng ta thường nghe câu nói: Nguy cơ đổ vỡ niềm tin, con người đã đánh mất niềm tin của mình. Nói cách khác, con người đã đánh mất niềm tin. Nếu nói theo ngôn ngữ Phật pháp thì một khi con người đã đánh mất niềm tin của mình, thì địa cầu cũng tận diệt theo, vấn đề này đức Phật đã nói rất cụ thể. Ngày nay chỉ có một số người hiểu được đó là những nhà khoa học lượng tử. Nếu chúng ta đem kinh Phật ra để trình bày thì họ sẽ hiểu được, điều đó tôi khẳng định. Nếu lòng tin đã không còn thì địa cầu sẽ bị huỷ diệt.

Đức Phật đã nói với chúng ta về năm thứ độc, không những làm hại thân thể mà còn huỷ diệt quả địa cầu nữa. Năm thứ độc đó là: Tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi tức là không tin, không có niềm tin. Những gì lòng tham mang lại đó là những thiên tai về nước, ngày nay ở đâu cũng có thiên tai về nước, nguyên nhân của vấn đề này là ở đâu? Nguồn gốc của nó chính là lòng tham, nó kéo theo những thiên tai về nước, nước biển dâng, sông hồ lũ lụt. Tính giận dữ mang lại những thiên tai về lửa, núi lửa tuôn trào, nhiệt độ địa cầu tăng lên, vấn đề này ngày nay được giới nghiên cứu cho là hiện tượng vật lí, nhưng Phật giáo lại cho đó là hiện tượng tâm lí. Rốt cuộc hai hiện tượng này thì hiện tượng nào quan trọng? Quan trọng là tâm lí, vì sao vậy? Vì có tâm lí rồi mới có vật chất. Vấn đề này, nhà triết học người Đức, Max Planck đã đề cập đến, bây giờ đã bước sang thế kỉ khác, Max Planck là thầy của Einstein. Trong số môn đệ của ông có một học trò kiệt xuất, suốt đời ông này nghiên cứu nguyên tử, lượng tử, ông ta có một phát biểu rất quan trọng và hoàn toàn tương đồng với kinh Phật, ông ta cho rằng căn cứ vào nghiên cứu nguyên tử trong suốt cuộc đời rằng: Về cơ bản, không có cái gọi là vật chất trên đời này. Vật chất từ đâu mà có? Suy cho cùng, vật chất từ đâu mà có? Nó được sinh ra bởi ý niệm, nền tảng của vật chất là ý niệm. Khái niệm này hoàn toàn tương đồng với Pháp tướng tông của Đại thừa.

Pháp tướng tông, pháp tướng là một môn tâm lí học, giống đại học.

Tôi học Phật, thầy Đông Phương Mỹ đã giảng cho tôi về Pháp tướng tông, ông bảo Pháp tướng thuần tuý là một môn triết học. Pháp tướng tông đề cập đến sự khởi nguyên của vũ trụ và khởi nguyên của bản ngã. Phật pháp nói y báo và chánh báo. Chánh báo không phải nói về động vật, chánh báo là gì? Chánh báo là ta, ta từ đâu mà có. Ngoài chánh báo là ta, tất cả những thứ xung quanh đều là y báo của ta, những thứ cần nương tựa khi ta sống, những thứ ta cần nương vào khi sống là thân thể, con người, môi trường. Giống như Phật, Bồ tát là y báo của ta, ta là chánh báo, Phật Bồ tát là một loại trong y báo của ta, tất cả các động vật, tất cả chúng sanh hữu tình là một bộ phận trong y báo của ta. Ngoài những thành phần đó ra còn một bộ phận vật chất, vật chất bao gồm cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa, một bộ phận hiện tượng tự nhiên nữa, chia môi trường sống chúng ta thành ba loại, ba bộ phận lớn. Quí vị nghe Hoàn Nguyên Quán nói: Hiển nhất thể, sinh mạng là một thể cộng đồng. Phật pháp cho rằng đó là tự tánh, chân như, bản tánh. Tổ tiên của chúng ta cũng nói là bổn tánh. Quí vị xem câu đầu tiên của Tam tự kinh: “Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”. Tánh vốn thiện, tánh mới là cội nguồn của vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Phật pháp nói rất cụ thể về tánh, ngày nay các nhà khoa học đã chứng minh điều này. Song nhà khoa học nói không cụ thể bằng Phật pháp, vì sao vậy? Vì họ chưa kiến tánh. Sở dĩ ngày nay họ phát hiện ra tánh, tức là khởi nguồn của thể tánh, giống như bản thể của nhà triết học nói, đã tìm ra được bản thể của vật chất. Vật chất từ đâu mà có? Từ ý niệm. Max Planck cho rằng ý niệm là cơ sở của vật chất.

Chúng ta đọc kinh Bồ tát Xứ Thai, trong đó có một đoạn hội thoại giữa Phật Thích Ca Mâu Ni với Bồ tát Di lặc, thì chúng ta sẽ thấy rõ. Thế tôn hỏi Bồ tát Di lặc một vấn đề, phàm phu bình thường chúng ta khởi lên một ý niệm, trong tâm chúng ta khởi lên một ý niệm, Phật hỏi Bồ tát Di lặc: Trong một niệm khởi lên có bao nhiêu niệm? Tức bao nhiêu niệm nhỏ để kết thành một niệm lớn? Giống như chúng ta phân tích vật chất, chúng ta chia vật chất thành phân tử, phân tử lại được chia thành hạt nguyên tử, điện tử, lạp tử, cứ chia mãi như vậy, đến nay đã chia thành lượng tử. Lượng tử lớn cỡ nào? Các nhà khoa học đã cho chúng ta biết, dùng điện tử để làm ví dụ, mắt thường chúng ta không thể thấy điện tử, điện quay xung quanh hạt nguyên tử, nhỏ bằng một phần một trăm ức nguyên tử. Nói cách khác, một trăm ức hạt lượng tử mới hợp thành một hạt điện tử, quá sức nhỏ! Tốc độ của nó thì chúng ta không thể tưởng tượng được. Nhưng trong kinh Phật đã qui nó thành số, nhà khoa học không làm được. Bồ tát Di lặc nói: Một tiểu quang tử, khoa học gọi là tiểu quang tử, thời gian tồn tại của nó bằng, ba trăm mười hai ức một trăm ngàn niệm trong một cái khảy móng tay, một niệm bằng một lần khảy móng tay, một phần của ba mươi hai ức trăm nghìn niệm. Hiện tại chúng ta dùng đơn vị giây để tính, một giây, khảy móng tay nhanh, tôi tin chắc chắn sẽ có đơn vị đo được tốc độ của việc khảy móng tay, tôi khảy được bốn lần, tôi tin có người sẽ khảy được năm lần. Gấp năm lần trong một giây, trong một giây có bao nhiêu lần sinh diệt, tức ý niệm? Một ngàn sáu trăm triệu. Tốc độ như thế đức Phật nói được nhưng nhà khoa học không thể nói được, nhà khoa học chỉ nói tốc độ nó cực nhanh thôi. Rất nhanh nhưng Phật vẫn thấy được, một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm.

Tất cả hiện tượng vật chất đều là ba động. Định luật ba động này, các nhà khoa học đã phát hiện ba mươi năm trước, rằng sự chuyển động của vũ trụ là hiện tượng ba động. Hình dáng của sự vật khác nhau là do tần suất của nó không giống nhau, tần suất chậm thì biến thành vật chất dạng cứng, tần suất nhanh thì biến thành vật chất dạng lỏng, mềm giống như da chúng ta đây, là tốc độ đã nhanh hơn một tí, nhanh hơn nữa sẽ biến thành sóng điện, sóng ánh sáng, sóng điện từ. Tất cả hiện đều được sinh ra do tần suất không giống nhau.

Phát hiện này, thấy những báo cáo này chúng ta vui mừng, chúng ta hoàn toàn hiểu được, vốn chúng ta học Phật là học được những vấn đề như thế này, là những vấn đề rất khó lí giải. Vì quí vị không tưởng tượng được nên khó hiểu, nhưng những gì Phật nói thì không thể phản bác. Với Phật, người Phật tử lúc nào cũng tôn trọng, cần phải có niềm tin, hoài nghi là hỏng. Nhà khoa học cho phép hoài nghi nhưng Phật pháp thì không chấp nhận. Quí vị nhất định phải tin, nhất định phải chứng đắc. Chứng đắc trong Phật pháp là phải tu thiền định, tâm càng lắng đọng thì quí vị càng hiểu rõ. hiện tượng này là của các nhà khoa học ngày nay đang nghiên cứu, nó thuộc A lại da, tam tế tướng của A lại da. Vì thế nhà khoa học thật là phi thường, đáng để chúng ta khen ngơi, khâm phục.

Giới khoa học nói rằng: Cả vũ trụ chỉ tồn tại dưới ba dạng, thứ nhất là năng lượng, thứ hai là tin tức, và thứ ba là vật chất. Vũ trụ được cấu thành bởi ba yếu tố này, ba yếu tố này chính là tam tế tướng của A lại da. Tự chứng phần của A lại da là năng lượng, kiến phần là tin tức, tướng phần là vật chất. Hoặc dùng danh từ của A lại da để nói, tam tế tướng của A lại da: Thứ nhất là nghiệp tướng, nghiệp tướng là năng lượng. Thứ hai là chuyển tướng, chuyển tướng tức tin tức, là hiện tượng tinh thần. Thứ ba là cảnh giới tướng, tức là vật chất. Đầu tiên là năng lượng, từ năng lượng biến thành chuyển tướng, tức biến thành tin tức, từ tin tức lại biến thành vật chất, thực sự là nó có trứớc có sau. Nhưng việc trước sau đó chỉ chuyển biến trong một giây, một phần một ngàn sáu trăm triệu, quí vị làm sao kịp chia nó thành trước sau? Ở đây chúng ta đang nói đến chân tướng của thế giới vật chất.

Câu hỏi ta từ đâu đến? Vũ trụ từ đâu mà có? Trong cuốn Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói rất cụ thể, quốc sư Hiền Thủ, người sống đầu đời Đường, vị này quen biết với Đường Thái Tông, ở thời đại của ngài, Hiền Thủ là tổ sư đời thứ ba của tông Hoa nghiêm, tổ sư đời thứ tư là ngài Thanh Lương. Các vị này đã đưa ra nhận định về chân tướng sự thật, đây là vấn đề rất quan trọng, hiểu được nó chúng ta mới biết Phật đã dạy tác dụng của năm loại phiền não căn bản là như thế nào. Vừa rồi tôi đã nói, không có lòng tin tức hoài nghi, với bản thân mình, nếu không có lòng tin thì sức miễn dịch của quí vị cũng không có, quí vị rất dễ nhiễm bệnh, nếu niềm tin của mình lớn mạnh thì quí vị có một sức khoẻ dẻo dai. Nếu đánh mất lòng tin thì sơn hà đại địa cũng không bền vững. Quí vị đã đọc kinh Địa Tạng, “Kiên lao địa thần”, đất rất vững chắc, nếu đức tin đầy đủ thì địa cầu này sẽ bền vững, không xảy ra sự cố. Nếu niềm tin bị lay chuyển, thì địa cầu không thể vững bền, núi sông sẽ sụp đổ, địa cầu sẽ chìm trong biển cả, điều này có nghĩa là gì? Niềm tin đã không còn. Vì thế niềm tin là thứ rất quan trọng! Hôm nay Phật pháp nói về vấn đề này, chỉ có nhà khoa học lượng tử mới có thể biết được, nhưng họ không hiểu được ảnh hưởng bên ngoài của nó lớn như thế. Vì thế chúng ta muốn hoá giải thiên tai trên quả địa cầu này này, liệu có phương pháp không? Có! Nếu mọi người ai cũng có niềm tin kiên cố thì sẽ không có chuyện gì xảy ra.

Điều đầu tiên trong đức tin đó là tin rằng mình là một vị Phật, vấn đề này rất quan trọng. Người xưa tin mình là Thánh nhân, vì thế câu đầu tiên trong Tam tự kinh đã xây dựng một niềm tin. Liệu có thể thực hiện được niềm tin này hay không? “Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”, thiện ở đây không phải thiện ác, nếu giải thích nó là đối lập với ác là sai, thiện ở đây là ca ngợi, đó là năm câu nói của đại sư Huệ Năng, người xưa dùng chữ này để thay. Đại sư Huệ Năng khi minh tâm kiến tánh, tánh có hình dạng như thế nào? Thứ nhất là thanh tịnh, “đâu chờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”. Thứ hai là không sinh không diệt, đó là chân ngã, là bản thể của vạn sự vạn vật trong vũ trụ mà nhà triết học đã nói đến. Ngã là cái tự tánh biến hiện ra, sơn hà đại địa đều do tự tánh biến ra, vì vậy nó là sanh mạng thể cộng đồng. Vì nó là sanh mạng thể cộng đồng, nên khi ta khởi tâm động niệm sơn hà đại địa đều biết. Nếu ta không có niềm tin thì sơn hà đại địa đều lơi ra, và sụp xuống, điều đó rất đáng sợ! Khi chúng ta giận dữ bực tức nổi lên, chiêu cảm ra núi lửa phun trào. Khi ngu si nổi lên sẽ kéo theo tai nạn về gió, quí vị xem những cơn gió ngày nay, sao lại xuất hiện nhiều lốc xoáy như vậy? Ngu si đấy. Đây không phải là mê tín. Vấn đề này những nhà khoa học lượng tử hiểu rất rõ, nhưng nói với người khác thì họ không hiểu. Ngạo mạn sẽ kéo theo động đất, ngạo mạn bất bình, hoài nghi, sẽ kéo theo tất cả vỡ tan. Sức miễn dịch của cơ thể cũng không còn, sức miễn dịch của địa cầu cũng cạn kiệt, vì thế núi sẽ đổ, địa cầu sẽ chìm trong đại dương. Tham, sân, si, mạn, nghi, đức Phật nói tuyệt quá, chỉ gói gọn trong mấy chữ này. Nếu chúng ta cắt đứt năm trạng thái này thì thân tâm chúng ta được mạnh mẽ, thân kim cang bất hoại. Nơi chúng ta cư trú, hoàn toàn giống với thế giới Cực lạc, bảo địa, không hề xảy ra bất cứ một thiên tai nào. Một bài học quí giá như thế, nhưng thời đại này không có ai học tập, quí vị thấy có đáng tiếc không. Chúng ta gặp những tình trạng như vậy cũng là chuyện ngẫu nhiên, không ngờ tới.

Vì lúc tuổi trẻ, khi đang ngồi trên ghế nhà trường, tiếp thu lời dạy của thầy cô giáo, cho rằng Phật giáo là mê tín, là tôn giáo, bởi thế chúng tôi chưa bao giờ có một ý niệm muốn tiếp xúc với nó. Nói thật, đã tiếp xúc cũng không có khả năng, cho dù có đọc kinh cũng chưa chắc đã hiểu và cũng không ai dạy. Đó là một sự thật phủ phàng, ai có thể giảng nói kinh điển đến nơi đến chốn?

Khi tôi học triết học với thầy Phương Đông Mĩ, không ngờ ông cũng là một nhà Phật học. Tôi thỉnh giáo với ông, hỏi ông đã học Phật học ở đâu? Ông bảo trong thời kháng chiến, ông đang là giáo sư ở đại học Trung ương, có một thời gian ông lâm bệnh, và đến dưỡng bệnh tại núi Nga mi. Lúc bấy giờ trên núi Nga mi không có một loại sách vở hay tạp chí gì, ngoại trừ kinh Phật. Rỗi quá ông đành đọc kinh Phật, càng đọc càng thấy thú vị, rồi ông đâm nghiện từ đó, suốt cuộc đời mình, ông chưa bao giờ rời khỏi cuốn kinh Phật. Câu chuyện khơi cho tôi một nguồn cảm hứng, vì thế khi giảng khái luận triết học cho tôi, tiết cuối cùng là triết học kinh Phật, và cũng phá đi những hiểu nhầm trước đây của chúng tôi. Chúng tôi hiểu được rằng Phật pháp là một nền học vấn lớn như thế, ông đã giới thiệu rất nhiều vấn đề cho tôi, bắt đầu từ ba câu: Câu thứ nhất, Phật Thích Ca Mâu Ni là một nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới. Câu thứ hai, triết học kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trên thế giới. Thứ ba, khuyên tôi: “Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời”. Tôi bắt đầu học như vậy đó. Lúc mới bắt đầu học, ông có một câu hướng dẫn quan trọng, bây giờ chúng ta thử suy nghĩ, ông ta là một người thực sự có trí tuệ, có từ bi. Ông nói: Anh muốn học Phật, bây giờ Phật học không còn trong chùa chiền nữa, mà ở đâu? Trong kinh điển. Ông bảo ngày trước cao tăng đại đức trong chùa chiền là những vị có học vấn vì vậy họ được tôn là quốc sư. Những vấn đề vua chúa không giải quyết được, họ phải lên núi thỉnh giáo, các vị sẽ giúp họ giải quyết. Những vị bây giờ, họ không nghiên cứu, không chịu học hỏi. Họ chỉ tụng kinh bái sám, trở thành biến chất rồi, anh sẽ không hiểu được. Trong kinh điển phuong hướng chỉ đạo rất tốt, nếu không tôi đã đánh mất niềm tin với ông rồi. Tôi đến chùa chiền để học hỏi, không phải như thế, thì những lời nói của thầy Phương không tin tưởng được. Những lời dạy đầu tiên cho tôi ông đã nói: Trong kinh điển, không phải nơi chùa chiền.

Tôi là người gặp may, khi tiếp xúc với Phật pháp không lâu thì gặp đại sư Chương Gia, bậc thiện tri thức. Gặp được ngài và ngài đã hướng dẫn cho tôi: Ông muốn học Phật, người đầu tiên phải làm quen là Phật Thích Ca Mâu Ni, nếu không quen biết, không hiểu rõ Phật Thích Ca Mâu Ni thì ông sẽ đi dai đường. Những người bây giờ hay nói cần phải đi đường tắt, đại sư đã bảo tôi, bước đầu tiên là đọc sách, những cuốn như Thích Ca Phổ, Thích Ca Phương Chí, đó là những câu chuyện chép về cuộc đời Phật Thích ca do tác giả đời nhà Đường biên soạn, trong Đại tạng kinh. Phải làm cho sáng tỏ, minh bạch mới có thể hiểu được, Phật giáo không phải là một tôn giáo, không liên quan đến tôn giáo. Phật Thích Ca Mâu Ni là một thầy giáo, cuộc đời ngài gần giống Khổng tử, suốt đời dạy học, dạy đến bốn mươi chín năm. Khổng tử là một người bất đắc dĩ phải chu du qua các nước để cầu làm một chức quan, nhưng không được trọng dụng, đến lúc lớn tuổi, không thể không trở về, năm sáu mươi tám tuổi quay trở về, mất năm bảy mươi ba tuổi, về dạy học chỉ được năm năm. Phật Thích Ca Mâu Ni vốn xuất thân là thái tử, sau khi chứng ngộ, ba mươi tuổi chứng ngộ, không lên ngôi vua, không cần quốc gia, xuất gia dạy học, suốt đời dạy học. Không chùa chiền, cư trú ở đâu? Sống rày đây mai đó, ngủ lại dưới những gốc cây, trong rừng, dưới cây, suốt đời sống như vậy. Một ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới cây, nhưng niềm vui thì không bờ bến. Nhập Niết bàn năm bảy mươi chín tuổi. Vì vậy sau khi đã hiểu được, ngài đúng là một học giả, chuyên gia, là người mẫu mực đạo đức của nhân loại, là nhân vật điển hình của học vấn, quí vị không học với ngài thì học với ai?

Vì thế tôi cảm ơn thầy Phương, không có thầy Phương tôi không thể biết Phật pháp, tôn giáo. Không có đại sư Chương Gia, chúng tôi không biết bắt đầu tu học Phật pháp từ đâu. Tôi biết thầy Phương, năm đó thầy đã hơn bốn mươi tuổi, chưa đến năm mươi tuổi, ông mất năm bảy mươi chín tuổi. Từ rất trẻ, ông bắt đầu thâm nhập bằng con đường học thuật, đúng ra là thâm nhập bằng con đường triết học, vì thế ông mang đậm chất tư tưởng triết học. Nhưng sau khi chúng tôi đi sâu nghiên cứu kinh tạng thì phát hiện kinh Phật còn siêu việt hơn triết học, những vấn đề ngày nay triết học không giải quyết được, những vấn đề khoa học không giả quyết được thì Phật pháp đều làm được. Không những đứng trên tầm cao triết học mà còn là đỉnh cao của khoa học. Ngày nay chúng ta xem những báo cáo khoa học, bất luận là về hồng quan vũ trụ, hay vi quan thế giới thế giới, những báo cáo như thế chúng ta đều có thể hiểu được. Nhưng nếu so với Phật pháp thì họ vẫn chưa giải quyết được vấn đề. Ví dụ như báo cáo về vũ trụ, các nhà khoa học phát hiện, nếu dùng những máy móc tinh xảo để quan sát chỉ có thể thấy được 10% vũ trụ, còn lại 90% không thấy, nghe chúng ta hiểu ngay. Không thấy được phần còn lại của vũ trụ, chúng ta biết họ không thể biết được, 90% vũ trụ sẽ đi đâu, chúng thấy rất rõ. Về vi quan thế giới, họ thấy rất rõ hiện tượng vật chất là do tinh thần biến đổi nên. Vậy hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Năng lượng. Vậy năng lượng từ đâu mà có? Họ không thể biết. Họ nói từ không sanh ra có, cũng nói rất hay, từ không sanh ra có. Vì thật sự tự tánh, tự tánh không phải là hiện tượng tinh thần, không phải hiện tượng vật chất, cũng không phải là hiện tượng tự nhiên, nên quí vị không thể tìm thấy nó. Mặc dù nó có mặt khắp nơi, không hạn chế về thời gian, nhưng quí vị không cách nào thấy nó. Hiện tượng vật chất, tiền ngũ thức của chúng ta, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có thể tiếp xúc được. Hiện tượng tinh thần, tư tưởng chúng ta có thể tiếp xúc được, tức là thức thứ sáu có thể duyên đến được. Còn nó thì không phải, ngay cả hiện tượng tự nhiên cũng không phải, nên quí vị không có cách nào. Phật dạy chúng ta, quí vị làm sao tìm được nó? Buông bỏ. Buông bỏ khởi tâm động niệm, buông bỏ phân biệt chấp trước thì sẽ tìm thấy nó, nó sẽ nằm ngay trước mắt. Giới khoa học không buông bỏ nên họ không bao giờ tìm thấy nó. Nếu họ buông bỏ, nói như Phật pháp là họ đã thành Phật, họ đã tìm thấy, kiến tánh thành Phật. Thành Phật là minh tâm kiến tánh, kiến tánh là thành Phật, tức là đã thấy được căn nguyên của vũ trụ, đấy gọi là thành Phật. Vì nhà khoa học cách xa một đoạn, đoạn đó là không có cách phá vỡ, vì sao vậy? Vì họ dùng suy nghĩ. Không thể dùng suy nghĩ, suy nghĩ là vọng niệm, vọng chỉ duyên đến vọng, vọng không thể duyên đến chân. Nếu là chân, bắt buộc phải buông bỏ khởi tâm động niệm, lúc đó chân tâm mới hiển lộ, quí vị sẽ thấy nó ngay. Đây là đạo lí căn bản trong Phật pháp, quí vị phải hiểu rõ, hiểu đúng, thì không vấn đề nào của vũ trụ không thể giải quyết, không có nguyên nhân của việc nào mà quí vị không hiểu rõ, nhân trước quả sau bạn đều nắm vững. Vì vậy gọi là tin tức là nói sự thật.

“Thật” là tự tánh, chân tánh, nó là chân thật, tất cả những hiện tượng khác đều biến đổi, hiện tượng vật chất biến đổi, hiện tượng tinh thần cũng biến đổi, hiện tượng tự nhiên cũng đang biến đổi, tất cả những gì biến động đều không phải là chân, chân phải là không biến đổi. Đại sư Huệ Năng đã nói rất cụ thể: “đâu ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”, thanh tịnh bất động, nó vốn không sinh diệt, vốn đã đầy đủ, vốn không dao động, cuối cùng là năng sanh vạn pháp, cả vũ trụ này đều do nó biến hiện ra. Biến hiện như thế nào? Phật pháp nói là do một niệm bất giác. Ý nghĩa của một niệm bất giác rất sâu sắc. Sao lại có một niệm này? Không có nguyên nhân, sau một niệm này mới có nguyên nhân, niệm thứ nhất là không có nguyên nhân. Niệm thứ nhất có từ khi nào? Không có thời gian, nó không có thời gian, không có không gian, rất khó hiểu. Cho nên đức Phật dạy chúng ta rằng: Ngay đây. Nghĩa là một giây có một phần một ngàn sáu trăm triệu, một niệm là như vậy. Vì thế không thể nói một niệm là có ý niệm nhưng cũng không thể nói nó không phải là niệm. Quí vị nói nó không phải niệm, nó có đấy. Nếu quí vị nói nó có niệm thì đã không thấy nó rồi. Vì vậy có niệm và không niệm là một, muốn đi vào cảnh giới này, quí vị phải chứng quả vị Bồ tát.

Ở quả vị của Bồ tát, quả vị nào mới có thể nhìn thấy? Nghĩa là tâm thanh tịnh, thì có thể cảm nhận được, đây là điều có thực, không phải giả dối. Phật nói Bồ tát bát địa, bát địa tức bất động địa. Bồ tát có năm mươi hai cấp bậc, đây là năm cấp cao nhất, quí vị xem, bát địa, cửu địa, thập địa, đẳng giác, diệu giác, năm địa vị này có thể nhìn thấy. Những địa vị dưới đó thì không thể thấy được. Những địa vị dưới đó chỉ nghe Phật nói mà thôi, giống như chúng đang nghe đây, cũng nghe Phật nói. Sở dĩ như thế này là vì chúng ta chưa chứng đắc. Vì thế Phật pháp là khoa học, chưa chứng được thì không tính đến, cần phải tự mình chứng đắc, những gì Phật nói với quí vị, quí vị phải chứng minh điều đó là chân thật lúc đó mới ứng dụng nó. Nếu chưa chứng đắc, chỉ nghe thôi là không được. Nghe nói gọi là giải ngộ, giải ngộ thì không thể giải quyết vấn đề, phải chứng ngộ thì vấn đề mới được giải quyết.

Giống như những vấn đề phát sinh trên địa cầu chúng ta đang sống ngày nay, những vấn đề phát sinh trong thân thể, trong cuộc sống của chúng ta là chuyện nhỏ, những vấn đề này giải ngộ có thể giải quyết được. Nhưng chuyện của cả vũ trụ là chuyện lớn thì cần phải chứng ngộ mới giải quyết được.

“Thật’, đó là tự tánh, cần phải tin tưởng, vì vậy câu đầu tiên trong sách giáo khoa của người xưa là “nhân chi sơ, tánh bổn thiện”, câu nói này rất sâu sắc!

Quí vị xem Đại học, cuốn sách đầu tiên trong bộ tứ thư, câu đầu tiên là “đại học chi đạo, tại minh minh đức”, minh đức đó là thật đức ở đây nói. Ở đây gọi là thực đức.

Tiếp theo là “thân dân”, “dừng nơi chỗ chí thiện”, đó là “năng” , thực đức năng. Phải tin tưởng vào những vấn đề như vậy, tin bằng cách nào? “Thâm nhẫn”, nhẫn ở đây là gánh vác, quí vị thừa nhận nó, tin tưởng nó, mà lại thừa nhận một cách sâu sắc, tin tưởng nó một cách sâu sắc. Vấn đề này ngày nay chúng ta đã hiểu, phản ứng của nó làm sức khoẻ thêm dẻo dai, những mầm bệnh không thể nào xâm nhập được, vì quí vị có năng lực. Ngôn ngữ bây giờ gọi là sức miễn dịch, sức miễn dịch là lòng tin. Nếu một người đã đánh mất niềm tin, dù một bác sĩ giỏi cỡ nào cũng không thể chữa khỏi bệnh cho anh ta được. Vì thế chúng ta phải thật tinh tường.

Hơn hai mươi mấy năm trước, ở Mĩ, có lần tôi bị cảm cúm bèn tìm đến một bác sĩ, tôi với ông nói chuyện rất ăn ý, tôi nói: Thực sự bác sĩ không thể trị bệnh. Nghe thế ông kinh ngạc, tôi tiếp: Làm sao để trị lành bệnh được? Lòng tin. Nếu người bệnh có niềm tin với thầy thuốc, thầy thuốc có lòng tin với bệnh nhân thì nhất định bệnh sẽ được chữa lành. Nếu bệnh nhân không tin tưởng thầy thuốc thì thầy thuốc không thể chữa lành cho bệnh nhân được. Khi tôi nói với ông ta điều đó ông cảm thấy có lí, ông ta đồng ý với cách nghĩ của tôi. Lòng tin, lòng tin mạnh mẽ nhất đó là tin bản thân mình, mầm bệnh là giả, không phải thật, nó từ đâu mà có? Từ tham, sân, si, mạn, nghi. Nếu trừ được tham, sân, si, mạn, nghi thì quí vị sẽ mạnh khoẻ, không bệnh tật. Nếu con người ta không tự tư tự lợi, mỗi ý nghĩ đều từ bi, giúp đỡ mọi người, thì quí vị là Bồ tát tái thế, quí vị với Bồ tát là một, đó là không tự tư tự lợi.

“Lạc”, lạc ở đây là yêu quí, “dục” là hi vọng, trong đó phải có nhiều điều kiện, chữ “thâm” bao gồm “thâm nhẫn”, “thâm lạc”, “thâm dục”. Lòng ham muốn ở đây là gì? Ham muốn kiến tánh, không phải là những ham muốn khác, tôi muốn được minh tâm kiến tánh, tôi muốn thấy rõ chân tướng các pháp, tức là chân tướng của vũ trụ nhân sinh, tôi muốn hiểu tường tận tất cả những vấn đề đó. Sau khi đã hiểu tường tận, quí vị sẽ phát hiện một vấn đề lớn, đó là vũ trụ này với ta cùng một thể, không phải một nhà mà là một cơ thể! Bởi thế vì sao Phật lại yêu quí chúng sanh như vậy, là vì lí do này. Phật với chúng sanh phải nói là vô duyên đại từ, cách yêu thương này “vô duyên”, có nghĩa là không kèm theo điều kiện. Đồng thể đại bi. Vì sao phải thương yêu chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, khi chúng sanh hoạn nạn liền đến cứu, vì sao? Vì chúng sanh cùng một thể với các ngài. Sau đó quí vị mới hiểu được, tâm chúng ta là đồng nhất, vì thế khi chúng ta khởi tâm động niệm thì chư Phật Bồ tát biết ngay, không những chư Phật Bồ tát biết mà, cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa cũng biết, điều này là có thật. Động vật chưa chắc đã biết, vì sao vậy? Vì động vật cũng phiền não, tâm nó không thanh tịnh.

Cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa làm sao biết được? Tiến sĩ Giang Bổn đã làm thí nghiệm về nước, tâm của nó vốn định, không có phiền não, không có tham, sân, si, mạn, nghi, vì thế nó hiểu, nước cũng hiểu. Tôi nói với tiến sĩ Giang Bổn, khi ông đang ở phòng thí nghiệm tôi có ghé hai lần, tôi nói: Không những nước hiểu được mà tất cả những hiện tượng vật chất đều có thể hiểu được. Việc này, lần này tôi đến Đài loan để khám răng, một số bạn học đang làm thí nghiệm, họ cũng dùng mô hình của tiến sĩ Giang Bổn. Họ thí nghiệm với một số vật khác như cát, hạt cát, một số kim loại, đất, để làm thí nghiệm. Kết quả cho thấy những vật đó có thể thấy, nghe được, hiểu được ý người. Họ còn thí nghiệm mùi vị, họ lấy ớt, giấm, để thử vị giác, để xem nước có thể biết được vị cay, vị chua hay không và phản ứng của nó ra sao. Lần thử nghiệm này tôi cho là đúng, có thể thí nghiệm cho thấy sắc thanh hương vị xúc. Như thế so với tiến sĩ Giang Bổn sẽ cao kiến hơn. Tôi đến thăm phòng thí nghiệm của họ, thấy họ tiến bộ hơn tiến sĩ Giang Bổn rất nhiều, phương pháp của tiến sĩ Giang Bổn hơi cũ kĩ, một số máy móc cũ, kính hiển vi chỉ phóng to gấp 200 lần, còn kính hiển vi kia phóng to gấp 500 lần, qui mô phòng thí nghiệm cũng bề thế hơn, đến năm sáu người làm công tác chuyên môn, làm thí nghiệm. Nhưng quan trọng nhất là dùng khoa học để chứng minh, việc chúng ta khởi tâm động niệm thì sơn hà địa địa đều biết. Vì vậy khi lòng tin của chúng ta bị đánh mất thì sơn hà đại địa sẽ lỏng ra. Vấn đề này rất quan trọng, nơi địa cầu chúng ta đang sống đây, muốn nó vững bền, muốn nó bình thường, nhưng quí vị không có lòng tin vững chắc là không được. Nếu quí vị thực sự “thâm nhẫn lạc dục, thì vẻ đẹp của địa cầu không thua kém gì thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc hoàn toàn giống với chúng ta, tại sao nó tốt đẹp đến thế còn chúng ta xấu xí thế này? Con người ở đó toàn là người thiện, không có kẻ xấu, “đều là những người thiện cùng ở một chỗ”, những cư dân của chúng ta ở đây toàn tự tư tự lợi, chạy theo danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn, những thứ mà những người bên kia không có. Những cư dân trên địa cầu của ta, nếu cố gắng tiếp thu lời dạy của Phật, gạt bỏ những tâm lí xấu xa, thì địa cầu của chúng ta không khác gì thế giới Cực lạc, dứt khoát là không khác. Lúc ấy cơ thể của chúng ta sẽ không còn thể xác máu thịt này nữa mà hoàn toàn giống với thế giới Cực lạc thân kim cương bất hoại, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, tuy lớn tuổi nhưng hình dáng không thay đổi, mãi trẻ đẹp, không có biến đổi. Việc này ta có thể làm được, đạo lý là ở điểm này, nếu quí vị hiểu rõ được điều đó, thì quí vị mới có thể tin tưởng, quí vị biết chuyện này là thật, vì có sự chứng minh của các nhà khoa học. Vì vậy những khởi tâm động niệm của chúng ta, có liên quan rất mật thiết với cả địa cầu.

Quí vị xem thế giới ngày nay, dân số đông như thế, nếu người phương đông không tin vào đạo đức luân lí, người phương tây không tin vào tôn giáo, thánh thần. Địa cầu có tình trạng như ngày nay, nguyên nhân xảy ra nhiều tai nạn, chúng ta đã quá rõ. Nên ứng dụng phương pháp nào để hoá giải, để đối trị, chúng ta cũng đã biết, vấn đề là quí vị tin hay không. Nếu quí vị cho tôn giáo của chúng tôi là mê tín thì không nói gì, nhưng nếu quí vị tin tưởng, thực tâm muốn nghiên cứu thì đạo lí đã có ngay trong đó. Vì vậy nói không thể giúp đỡ người khác, thì người học Phật trước hết phải giúp đỡ chính mình, thân tâm của mình mạnh khoẻ, phải làm cho thiên tai nơi mình đang sinh sống giảm bớt, điều này ai cũng có thể làm được! Đây là đại học vấn đấy. Chúng ta đã học tập môn này đến sáu mươi năm. Giảng kinh dạy học đã năm mươi ba năm rồi, càng nghiên cứu càng hiểu sâu thì càng an lạc, tất cả các môn học của thế gian không thể bì kịp, trong này đã nói hết rồi. Với vấn đề này, quí vị phải hiểu, bất luận là nước trong hay nước ngoài, ngày xưa hay hiện tại, một khi tiếp cận không có gì là quí vị không hiểu, vì thế chúng ta nói đến “tịnh tín”.

“Tâm tịnh vi tánh”, thể tánh của nó là tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh mới có thâm nhẫn, thâm lạc, thâm dục. Muốn hiểu lòng ham muốn, ta dùng một câu trong kinh Vô lượng thọ để chứng minh: “tất cả đều thành Phật”, đó là ước muốn của Phật A Di Đà, muốn tất cả chúng sinh đều thành Phật, giống như ngài không khác.

“Cần gì nói tâm tịnh, vì tâm đã là điều kì diệu”, vì sao không dùng nhẫn, lạc, dục mà dùng tịnh làm tánh? Vì tâm là điều kì diệu nhất. Tâm ở đây là chân tâm, là tự tánh, chân như, trong tất cả pháp nó năng sanh, năng hiện. “Như viên ngọc làm nước lắng xuống, có thể làm nước trong trở lại”. Vì thế người có tâm thanh tịnh thì tất cả những cáu bẩn đều không còn. Cáu bẩn là giả, không phải thật. “Lại các pháp không sạch, mỗi mỗi đều có tướng, chỉ có người không tin, thân họ mới vẩn đục”. Câu nói thật tuyệt!

Thế nào là pháp không sạch? Mười pháp giới đều không sạch, pháp giới tứ thánh, trên sáu đường, đó là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật, gọi là pháp giới tứ thánh. Trong pháp giới tứ thánh có nhiễm tịnh nhưng không có thiện ác, bởi tứ thánh là tịnh, so với sáu đường thì sáu đường là nhiễm, pháp giới tứ thánh là tịnh. Nói theo cách của Phật Thích Ca Mâu Ni ở cõi Ta bà thì pháp giới tứ thánh là tịnh độ của cõi Ta bà, sáu đường là uế độ của cõi Ta bà. Trong cõi nhiễm độ có thiện ác, thiện, đó là cõi người và cõi trời. Ác, đó là ba đường ác: ngạ quỷ, địa ngục, súc sinh. Vì thế tứ thánh là tịnh độ. Nếu nói theo thuật ngữ thế giới Cực lạc, tứ tháng là cõi phương tiện, sáu đường là cõi đồng cư, cõi phàm thánh đồng cư. Song cõi nhiễm tịnh của thế giới Cực lạc không giống những thế giới khác, trong những thế giới khác có thiện ác, thế giới Cực lạc không có. Tuy là cõi phàm đồng cư, tức là có người, trời, nhưng không có ba đường ác địa ngục, quỉ đói, súc sanh, không có Tu la, La sát. Nhưng họ được nguyện lực của Phật A di đà giúp đỡ, khiến cho trời và người ở đó có trí tuệ, năng lực, phước báo như Bồ tát, đó là do Phật A di đà gia trì cho họ. Vì vậy thế giới Tây phương biến thành thế giới bình đẳng. Gia trì như thế nào? Gia trì đến lúc giống với Phật A di đà mới thôi, đây là một việc rất tuyệt vời. Đúng như chúng ta nói, không một chút thiên vị. Có thể ví như ông vua trong đời này, đối với rất nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, vua đều muốn đãi ngộ họ giống như đối với mình, mặc một thứ y phục giống nhau, ăn những thức ăn giống nhau, cư trú trong những cung điện giống nhau, điều này chưa hề có! Cho dù vua có đối xử tốt với quí vị bao nhiêu nữa, cũng phải có đẳng cấp, nhưng thế giới Cực lạc không có đẳng cấp, tất cả đều bình đẳng. Vì vậy khi sanh qua thế giới Cực lạc, hình dáng của quí vị khi lớn lên sẽ thế nào? Giống đức Phật A di đà. Điều này đã được nói trong bốn mươi tám đại nguyện của ngài. Trong năm kiếp tu hành, ngài đều thực hiện nó, thực hiện những điều ngài đã phát nguyện. Bộ kinh này đã giới thiệu thế giới Cực lạc có lí, có sự, có nhân, có quả. Vì thế nên nói mười pháp giới mỗi mỗi đều có tướng của nó, tuy mỗi cõi đều có hình dáng riêng, nhưng nếu tin tưởng thì mỗi cõi đều không vẩn đục. Vì sao vậy? Có trật tự.

Khi Phật giáo chưa truyền đến Trung quốc, tổ tiên của chúng ta, tôi tin rằng văn hoá truyền thống xưa không dừng lại ở năm ngàn năm. Đạo Bà la môn của Ấn độ đã có sự giao thoa với chúng ta. Những năm gần đây làm việc đoàn kết giữa các tôn giáo, bây giờ gọi là đạo Hindu, trong kinh nói là đạo Bà la môn, một trưởng lão của đạo này nói với tôi: Lịch sử của họ ít nhất là mười ba ngàn năm, tôi nghĩ văn hoá truyền thống của chúng ta không thể ít hơn họ, ít nhất cũng được mười ba ngàn năm. Nhưng người Ấn độ không coi trọng lịch sử nên họ không ghi chép theo kiểu biên niên để truyền lại. Từ thời Hoàng Đế Trung quốc mới phát minh chữ viết, cần biết rằng, những ghi chép của Trung quốc có được bắt đầu từ thời Hoàng Đế, đến nay đã bốn ngàn năm trăm năm, trước giai đoạn bốn nghìn năm trăm năm đó không có ghi chép. Từ Hoàng Đế đến Thần Nông là năm trăm năm, từ Thần Nông đến Phục Hi là năm trăm năm, Bát quái là do Phục Hi vẽ, vì thế Phục Hi có trước Hoàng Đế một ngàn năm. Vậy trước năm ngàn năm có hay không? Chắc chắn là có. Khổng Lão phu tử là những người cục kì nhân hậu, thật thà, không bao giờ nói dối. Quí vị xem ông nói về thái độ tu học của mình, nói rất hay, chúng ta nên học tập, họ nói rằng cả đời mình “thuật nhi bất tác”, chứng minh sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền của ông, không phải của ông mà là của cổ nhân, tổ tiên từ ngàn xưa truyền lại, ông chỉ biết tiếp thu. “Tín nhi hiếu cổ”, ông rất tin tưởng, không một chút hoài nghi bậc cổ đức. “Hiếu” là vui vẻ, là ưa muốn. Hoàn toàn học cổ nhân, các bậc cổ thánh tiên hiền. Vì vậy Khổng tử được các người đời sau tôn xưng “tập đại thành”, bản thân ông không hề sáng tạo, không có phát minh. Trong cuốn Luận ngữ có rất nhiều câu nói như “Tử viết”, tức Khổng tử nói. Tôi tin rằng rất nhiều câu nói là do người xưa truyền lại, chúng ta có thể tin tưởng được. Ông tin những lời người xưa là những lời của ông, ông tin là ông làm được, ông chứng minh đó không phải là những sai lầm, nhất định có những điểm hay. Ông tự mình làm một người chứng minh để mọi người thấy.

Không giống ngày nay, từ nhỏ đã được dạy sáng tạo, phát minh, những việc sáng tạo quá nhiều, quí vị nghĩ sáng tạo khoa học kĩ thuật tốt hay không? Nếu nghĩ kĩ thì nó là điều tốt, mang lại tiện nghi sinh hoạt cho chúng ta hai trăm năm nay, nhưng điểm yếu của nó là gì? Huỷ diệt địa cầu. Kiểu hưởng thụ hai trăm năm nay làm tăng lên mức độ huỷ diệt địa cầu, lợi bất cập hại. Điều này chứng minh người xưa có hay không tư tưởng khoa học? Có. Nhưng làm sao người ta không phát triển nó? Họ biết được nhược điểm của nó nên không muốn đi tiếp. Rõ ràng nhất, trong những thư tịch cổ, ta thấy thời Vương Bôn đã có người học học bay lượn, tạo những máy móc để bay giống máy bay ngày nay, cách vận chuyển bằng trâu ngựa được cơ giới hoá của Gia Cát Lượng. Tại sao sau khi đã làm ra, chưa sử dụng bao lâu đã phá bỏ? Sau khi Gia Cát Lượng mất thì những thứ đó cũng bị phá huỷ, không để lại cho người đời sau, đấy có phải là muốn giữ riêng cho mình? Không. Biết rằng phát triển những thứ đó sẽ gây rất nhiều phiền toái, họ rất hiểu, điều này chứng tỏ người xưa như thế nào? Họ có quan niệm đạo đức, họ có lòng thương, không nỡ tạo những nhiễu nhương cho xã hội, không nỡ phá huỷ địa cầu. Người nươc khác không có đức hạnh như thế, thích phô trương nên muốn đột phá và cái giá phải trả cũng quá đắt, giới khoa học cũng hiểu vấn đề này.

Chúng ta cũng đọc một số báo cáo, năm sáu vạn năm về trước, khoa học kĩ thuật trên quả địa cầu này cũng đã phát triển đến đỉnh cao. Atlantis, một người ngoại quốc đã ghi chép rất cụ thể, nguồn năng lượng khoa học kĩ thuật của Atlantis được lấy từ không gian, nên không hề ô nhiễm, giống như ô tô, máy bay không có âm thanh, nhưng quốc gia này tự nhiên chìm xuống Đại tây dương, lúc bấy giờ là nước Đại Tây, nên bây giờ mới có tên Đại Tây Dương, đã chìm xuống đáy biển. Nhà khoa học cũng dự báo, khi tôi ở Mĩ, tôi vẫn mua được rất nhiều những tấm bản đồ do họ vẽ, có lẽ một số người cũng đã nhìn thấy. Quả đất bây giờ rất nhiều lục địa đều đã chìm xuống biển. Hiện nay chúng ta biết tại sao nó lại chìm xuống biển, họ thấy được nhưng họ không hiểu lí do tại sao. Là bởi lòng tin đối với đạo đức luân lí, với bổn tánh thiện của mình đã bị đánh mất, tin tưởng quá vào khoa học kĩ thuật là một sai lầm, tin tưởng tánh đức tự tánh, tin tưởng đạo đức luân lí là sự tin tưởng đúng đắn, như thế địa cầu mới vững vàng. Đặt hết niềm tin vào khoa họ kĩ thuật thì địa cầu sẽ bị lung lay, tự dưng lung lay, sẽ bị chìm nghỉm. Hiện nay chúng ta thường nghe ở đâu đó có một cái hố tử thần, không lâu sau lại mở toác ra, tôi chưa từng thấy nhưng nghe rất nhiều. Lão cư sĩ họ Tề từng nói với tôi, nó thụt xuống sâu đến mấy mét, ở Tế nam có không? Rất nhiều nơi ở Trung quốc có hiện tượng này, nước ngoài cũng có, cả thế giới đều có. Tất cả những hiện tượng này là do đâu? Hiện tượng đánh mất niềm tin, quí vị không học Phật nên không hiểu, cho là chuyện lạ. Chúng ta đã học Phật rồi, biết đó là chuyện bình thường do nó có nguyên nhân. Không những không tin mình có thể làm được, gọi là “tự mình làm vẩn đục”, tức là tư tưởng của chúng ta hỗn loạn thì xã hội này cũng hỗn loạn, những xung đột trong xã hội gây nên sự hỗn loạn xã hội.

“Lại làm nhơ bẩn những tâm khác, như làm ô uế vật, tự mình ô uế, làm ô uế người khác”. Nếu tâm này đã nhơ bẩn rồi thì nó sẽ ảnh hưởng tám thức và năm mươi mốt tâm sở, làm cho tất cả đều hư hỏng, điều này gây phiền phức rất lớn. Chúng ta hiểu ngày nay có rất nhiều hiện tượng phát sinh từ nơi này, “Tin chánh lật lại vấn đề, nên lấy tịnh làm tướng”. Chúng ta xây dựng tín tâm thì lập tức lật lại vấn đề, làm cho đúng đắn trở lại, vì thế không thể không có tín tâm. Giới khoa học cung cấp cho chúng ta một số chứng cứ, thấy thế chúng ta vui vẻ lắm, chúng ta bảo mọi người có thể khôi phục lại lòng tin, nhưng không thể làm được. Giới khoa học cung cấp chứng cứ cho chúng ta, đó là dân số trên địa cầu, độ khoảng sáu mươi lăm ức đến bảy mươi ức người, đó là tổng số người trên quả đất, lấy tỉ lệ 1% để tính, căn bình phương của 1%, độ trên dưới tám ngàn người. Nói cách khác, nếu trên địa cầu này xuất hiện độ tám ngàn người, làm theo những gì trong kinh Phật nói, thì có thể cứu được địa cầu này. Nếu tám ngàn người đều là những người giác ngộ. Sáu, bảy mươi ức con người mê hoặc điên đảo, tạo tội nghiệp thì không thể tạo thành tỉ lệ, làm sao có phương pháp? Chuyện này khiến tôi nhớ người xưa có câu: Tà không thể thắng chánh. Dù bao nhiêu người tà đi nữa, chỉ cần một người chánh là có thể đánh bại. Vì vậy, giới khoa học nên đưa ra một thí dụ cụ thể. Giống như một thành phố có vài trăm ngàn dân, tất cả người dân đó đều tạo nghiệp, trong số đó có độ trăm người thực sự có đức hạnh, thì cho dù có những người tạo nghiệp nhưng thiên tai sẽ không ghê gớm, không thể huỷ diệt được, đó là nhờ một trăm người kia có tâm chân chánh. Những việc như thế mới khiến chúng ta lòng tin, nếu không có như thế thì lòng tin chúng ta không tồn tại. Nhu cầu đầu tiên bây giờ của chúng ta là, chúng ta là những học sinh của học hội Tịnh tông, học hội Tịnh tông trên toàn thế giới, nếu có thể tìm được tám ngàn người, số người này có thể quên mình vì người, nếu vẫn còn tự tư tự lợi thì không thể thực hiện được. Kinh Vô lượng thọ đã nói thông đạt sáng tỏ, tự mình thực sự phát tâm, hành đạo Bồ tát, quên mình vì người, cứu xã hội, cứu quốc gia, cứu thế giới, chỉ cần tám nghìn người. Không cần họ tập trung lại một chỗ, rải ra các nơi nhưng vẫn tạo ra được sức mạnh, đây là một tin tốt lành, căn bình phương của 1%. Phát tâm như thế thì quí vị có thể làm được những việc có ích rất lớn. Một lượng chúng sanh tạo ác nghiệp như thế, dù họ tạo nghiệp thế nào đi nữa thì cũng nên tha thứ cho họ, không cần truy cứu họ, vì sao vậy? Họ với ta là một thể, không cần phải hỏi nguyên nhân, cứu giúp là quan trọng, so với thứ gì nó cũng quan trọng.

Lần này đến Austraylia, tôi gặp một số bạn bè hỏi tôi về vấn đề làm thế nào để khôi phục xã hội hiện tại trở nên an ổn, hài hoà? Vì họ là người nước ngoài nên tôi đã nhắc lại câu nói của Thacher: Những thập niên 70 Thacher đã từng nói, muốn giải quyết vấn đề của xã hội của thế kỉ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật giáo Đại thừa. Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Bây giờ chỉ dùng phương pháp đơn giản nhất, bốn chữ: Nhân, nghĩa, trung, thứ. “Khổng tử nói thành nhân, Khổng tử nói giữ nghĩa” Hai chữ nhân nghĩa biểu trưng cho Khổng Mạnh. “Đạo của Phu tử chỉ có trung và thứ”, giữ trung thứ. Nhân là thương người, đầu tiên phải học thương người, vì sao vậy? Vì người với ta là một, không hai, thương người chính là yêu thương bản thân mình, không yêu người thì cũng không thể yêu mình được. Thứ hai là nói chữ nghĩa, nghĩa là gì? Tất cả khởi tâm động niệm, lời nói hành động đều phải hợp tình, hợp lí, hợp pháp, đó gọi là nghĩa, nghĩa là thuận lí, tôn trọng đạo lí, tức là làm việc gì cũng để tâm đến tình, lí, pháp. Cứu rỗi thế giới hiện tại, trung là tâm, là tâm ngay thẳng, không thiên vị đó gọi là trung, ta dùng ý này để nói. Quí vị phải dùng tâm chân thành, không thiên vị, không có tâm tà để đối xử với mọi người, ứng xử công việc, ứng xử với mọi vật. Cuối cùng, thứ. Bất luận người khác tạo những tội ác gì cũng nên tha thứ cho họ. Khổng tử nói “việc đã qua không nhắc nữa”, việc đã rồi không nhắc lại, bất luận họ thiện hay ác cũng không nhắc đến. “Việc xong không can ngăn nữa”, thấy người khác làm việc gì, mình nghĩ nó sẽ thành công, không cần phải khuyên nhủ nữa. “Việc đã qua không trách cứ nữa”, bất luận họ làm sai việc gì cũng không truy cứu, cần phải thay đổi trong một hoàn cảnh đã an ổn, thì xã hội sẽ không loạn động. Khi đang hỗn loạn thì không thể thành tựu, nhất định phải an ổn. Nó sẽ là một cộng đồng cùng lợi ích khi muốn hợp sức để chống lại, thì xã hội sẽ loạn. Không thể loạn, khi cho dù tạo những tội ác gì đi nữa, những chuyện đã qua không nhắc đến, không truy cứu. Mọi người cùng nhau học văn hoá truyền thống, học Phật, hãy để cho mọi người lần lượt giác ngộ, những việc như thế chỉ thực hiện được khi xã hội ổn định. Ứng dụng tất cả những yếu tố đó của nhà Nho, cộng thêm yếu tố chân thành, từ bi của Đại thừa, nó giống như đạo lí của Khổng Mạnh. Dụng tâm chân thành để tu tập từ bi.

Vì sao họ làm nhiều tội ác như thế vẫn tha thứ được? Vì không ai dạy dỗ họ, không ai dạy họ để họ tạo tội ác mà ta lại trừng phạt họ như thế là không công bằng, không nỡ, không thể hành động như thế được. Họ đã được giáo dục thì ta trừng phạt mới hợp lí, đằng này họ chưa từng được dạy dỗ. Trong kinh Vô lượng thọ Phật dạy: “Tiên nhân không tốt, không hiểu đạo đức, đừng nên trách họ, đừng mắng mỏ họ”. Đừng trách mắng họ, bố mẹ họ không hay biết, ông bà nội họ cũng không biết, ông bà cố nội họ cũng không biết. Quí vị xem nước trong với nước ngoài, đánh mất truyền thống ít nhất hai trăm năm nay, quí vị có thể trách cứ họ được không?

Hôm qua ông Diệp nói với tôi: Có một lưu học sinh, anh ta bảo anh ta thấy trên tờ báo kia, một người vừa đáp máy bay xuống, mẹ anh ta đến đón anh ta, đoán chắc cần tiền, cha mẹ đưa cho ít quá, không có nhiều để đưa, anh ta liền đánh luôn bà bị thương. Nhìn thấy cảnh tượng như thế, liệu có thể trách anh con trai kia không? Không thể. Vì sao? Vì anh này chưa được dạy dỗ, không hiểu đạo làm con, nếu từ bé mà anh ta đã được dạy đạo đức luân lí lúc đó mới phân xử anh ta được, đằng này anh ta không được dạy dỗ. Bởi thế nên đời này mới loạn, loạn đến thế này đây. Ai làm xấu đi nữa cũng không nên truy cứu họ, nên quay lại tìm cách bảo ban họ, dạy hơn một năm mà anh ta vẫn phạm sai lầm, giống như dạy nửa năm mà anh ta phạm sai lầm thì nên nhắc nhở, lúc đó dạy một năm mà anh ta cứ phạm thì mới xử phạt, lúc đó anh ta mới khâm phục. Nếu quí vị không dạy dỗ, anh ta làm sai quí vị lại trừng phạt, điều này không phù họp với đạo nghĩa. Vì vậy dùng phương pháp này để đối xử đó là rộng lượng khoan dung, coi tất cả chúng sanh như chính mình. Như mình đã làm một việc sai, liệu mình có hi vọng người khác tha thứ cho mình không? Vậy thì người khác làm sai ta cũng nên tha thứ cho họ đi. Họ chưa được dạy dỗ, ta đã được học, đã hiểu, ta nên tìm cách dạy dỗ họ. Tất cả những cảnh tượng hỗn loạn như ngày nay, cũng như cảnh tượng hỗn loạn của địa cầu là từ đâu? Đó là việc không giữ gìn văn hoá truyền thống, nhất định phải tìm về với cội nguồn ông bà tổ tiên thì vấn đề mới có thể giải quyết được. Họ sẽ nghe và đáp lại lời thỉnh cầu của chúng ta, thấy phương pháp này khả dĩ, có tính khả thi.

Ngoài ra còn có những cá nhân đề xuất một vấn đề rất sắc sảo, lần đầu tôi được nghe, đối với chế độ dân chủ, người phương Tây đã bắt đầu có sự hoài nghi, liệu chế độ dân chủ có phải là chế độ tối ưu? Họ đã đặt vấn đề này với tôi. Tôi trả lời chế độ dân chủ là một chế độ quá độ, không phải là một chế độ tối ưu vì thế ngày nay nó chỉ thứ yếu, không phải quan trọng nhất, là bởi lòng người đã hỏng. Nếu lòng người tốt thì dù chế độ tồi đến mức nào họ vẫn kiến tạo được một xã hội tốt đẹp. Tâm tốt! Nếu lòng người đã không tốt thì chế độ tốt bao nhiêu đi nữa, con người vẫn cứ sai lầm. Vì vậy thế giới ngày nay, chế độ chưa phải là vấn đề mà vấn đề ở chỗ lòng người. Quí vị muốn cứu quốc gia, muốn cứu một vùng đất, muốn cứu thế giới này, nếu quí vị không tìm về với những lời giáo huấn của thánh hiền, thì không có phương pháp nào khác, lời dạy của Thánh hiền là trí tuệ chân thật. Kinh Vô lượng thọ nhắc đến ba thứ chân thật, phạm vi chân thật, trí tuệ chân thật và lợi ích chân thật. Đáng tiếc bây giờ rất ít người đề cập đến vấn đề này. Tuy rất ít nhưng bây giờ vẫn tồn tại, đó là công cụ khoa học kĩ thuật bậc cao, chúng ta sử dụng mạng, vệ tinh để kết nối với những người bạn cùng học có duyên, mỗi ngày cùng nhau chia sẻ. Nếu có thêm mười mấy người thầy giáo, chúng ta có thể xây một ngôi trường không trung, suốt hai mươi bốn giờ đều phát tin để giáo dục, điều này rất có lợi cho một xã hội hiện đại. Mười mấy con người ấy chắc chắn sẽ làm việc và tu học rất chăm chỉ, không thể đưa kinh điển thành môn học thuật chỉ thuần tuý nghiên cứu, không thể được, mà phải theo lời kinh dạy để tu tập. Tất cả các bước tin, lí giải, thực hành, chứng đắc đều phải bắt tay vào làm. Khi đã thực hiện được rồi sẽ thấy niềm vui trong tự thân. Khổng tử đã nói: “Học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Kinh Phật dạy “thường sinh hoan hỷ tâm”, “pháp hỷ sung mãn”, đó là những lời phản ánh đúng đắn nhất.

Tôi cũng đã thực hành sáu mươi năm và đã cảm nhận niềm vui vô biên trong đó, càng tìm hiểu càng thấy hứng thú, càng làm việc tinh thần càng sảng khoái. Nếu ba ngày bảo tôi không đọc kinh, ba ngày không giảng pháp, tôi cảm thấy như trong người có bệnh, điều này là có thật. Vì thế bây giờ tôi hiểu được rằng, cái gì là dinh dưỡng quí nhất, dinh dưỡng quí nhất đó là hoan hỉ. Hoan hỉ từ đâu mà có? Hoan hỉ có từ trí tuệ. Không phải có từ tri thức, mà có từ trí tuệ. Phật pháp là trí tuệ, có trí tuệ thì vấn đề gì cũng giải quyết được nhưng tri thức thì không giải quyết được vấn đề. Nếu đem tri thức để giải quyết vấn đề thì di chứng sau này của nó là rất nghiêm trọng, chúng ta không thể không biết vấn đề này.

“Người tu Tịnh độ, quan trọng là giữ tâm thanh tịnh”. Người tu Tịnh độ nhất định phải hiểu tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Điều kiện cốt yếu để sanh về thế giới Cực lạc, không cứ là niệm Phật nhiều ít mà tâm phải thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì mới tiếp cận được thế giới Cực lạc. Tại sao tâm tịnh thì nước Phật tịnh? Vì cảnh tùy tâm chuyển. Chúng ta học pháp môn tịnh độ không phải ở môi trường, mà ở tâm. Khi tâm đã thanh tịnh thì môi trường xung quanh sẽ lắng trong, không còn ô nhiễm nữa.

Bảo vệ môi trường, từ lâu tôi đã nghe danh từ này, và tôi đã nói với mọi người không bao giờ thực hiện được việc bảo vệ môi trường, họ hỏi tại sao? Tôi trả lời là bởi tâm không thanh tịnh. Nếu tâm đã tịnh rồi thì môi trường xung quanh tự nhiên thanh tịnh. Tâm đã không tịnh, dùng phương pháp gì để mong môi trường xung quanh thanh tịnh, thì vẫn không thể làm nổi. Vấn đề này chỉ có Phật nói mới hết ý, văn hoá truyền thống xưa mới nói cụ thể và xem trọng công việc này. Con người hiện nay chỉ chú trọng khoa học, không để tâm đến đời sống tinh thần, không coi trọng tinh thần mà đặt nặng vật chất, bởi thế mới nảy sinh nhiều phiền toái mà bản thân mình không có phương pháp giải quyết. Tâm lí có khả năng giải quyết vấn đề vật chất nhưng vật lí không thể giải quyết vấn đề tâm lí, vì sao? Vật là do tâm sinh, vì vậy so với thứ gì tâm cũng là thứ quan trọng.

“Lòng tin là việc làm cấp thiết, minh cũng như thế”. Cấp thiết nhất là gì? Niềm tin. Không tin là rắc rối. Bây giờ thì điều rắc rối này đã thực sự lộ rõ, vì vậy những thiên tai mới liên tiếp xảy ra trên địa cầu. Nguyên nhân đầu tiên của những thiên tai này là gì? Lòng tin đã biến mất, nguy cơ của niềm tin không những gây xáo trộn xã hội mà còn gây những biến động trên địa cầu, đây mới là rắc rối. Ngày nay chúng ta nói tin Phật, người tin Phật rất nhiều nhưng được bao nhiêu người tin chắc chắn, mấy người hiểu tường tận? Họ không phải tin chắc chắn, không hề hiểu tường tận, như thế là không ổn, không thể giải quyết được vấn đề. Cần phải chánh tín, muốn chánh tín thì không thể không nghiên cứu kinh Phật, vì thế Phật Thích Ca Mâu Ni chịu khó giảng bốn mươi chín năm, vì sao? Tất cả những gì đã làm trong bốn mươi chín năm không gì hơn là giúp chúng ta bỏ nghi sinh tín! Chỉ vì mỗi việc đó thôi, phá bỏ tất cả những nghi hoặc và giải thích tường tận cho ta rõ. Khi lòng tin trở lại thì vấn đề đã được giải quyết.

Vì vậy kinh A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni nói: Tất cả Phật pháp và các loại thần thông hiện hoá ở Thế giới An lạc, tức thế giới Cực lạc là không thể nghĩ bàn. Nếu có người tin những chuyện như thế, nên biết người đó cũng không thể nghĩ bàn, những nghiệp báo họ nhận được cũng không thể nghĩ bàn.

Ý nghĩa của những câu trên thật sâu sắc, những chuyện không thể nghĩ bàn ở thế giới Cực lạc nhiều lắm, không bao giờ có thể nói hết, ai tin? Nhất là giới trí thức ngày nay. Khi còn thanh niên tôi cũng là một trong những thành phần tri thức, tôi không tin. Tôi ở cùng với thầy Lí mười năm, thầy lí đã dùng mọi cách để dẫn dắt nhưng tôi không chịu tiếp thu, tôi thường nói: Đó là pháp quá khó để tin! Nguyên nhân ở đâu? Vì chân tướng sự thật chưa được sáng tỏ với những vấn đề như thế, nên chúng tôi hoài nghi. Đến lúc nào tôi mới tiếp thu giáo lí Tịnh độ? Khi tôi giảng kinh Hoa nghiêm được một nữa, lần đầu tiên giảng kinh Hoa nghiêm, mất đến mười năm. Bỗng một hôm hứng khởi thế nào bèn nghĩ đến Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn gì mà được thành tựu? Đây là hai vị Bồ tát lớn trong pháp hội Hoa nghiêm. Thiện tài đồng tử tu pháp môn gì? Thật ra trong kinh đã nói hết những thứ đại ý trong lòng tôi nghĩ. Tôi bất chấp kinh sách, cứ theo cách nói pháp của người xưa để nói cho mọi người, phần sau kinh dài quá không giảng hết được vì phải mất hai ba mươi năm mới nói hết bộ kinh này. Vả lại lúc bấy giờ tôi hay ra nước ngoài nên công việc càng bị gián đoạn, không cách nào giảng liên tục được, vì thế cũng không thể nói thấu đáo những gì đã nói, tôi bèn lật phần cuối ra xem, đến quyển thứ ba mươi chín, phần “Tứ thập Hoa nghiêm”, thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sinh Tịnh độ, tuyệt vời quá! Nếu Tịnh độ không đặc biệt thì làm sao Văn Thù và Phổ hiền phát nguyện cầu sang đó được? Xem tiếp lại thấy Thiện tài đồng tử, xem tiếp những phần mà mình đã giảng. Xem lại tất cả một lượt mới phát hiện những thứ khi mình giảng không phát hiện ra, như chuyện đến thăm Tỉ kheo Tường Vân, là một. Người xưa nói: Ai vào trước làm chủ. Việc ai là chủ rất quan trọng, ai giới thiệu? Bồ tát Văn Thù. Giới thiệu Cát Tường Vân, đến thăm và học tập với ông ta. Ông này tu pháp môn niệm Phật, chuyên niệm Phật A di đà, tu Ban Châu Tam Muội. Ông này giảng cho Thiện tài đồng tử hai mươi mốt pháp môn niệm Phật. Chúng ta hiểu được đây là việc triển khai hai mươi mốt phương pháp kia, đó là tám vạn bốn nghìn pháp môn, là vô lượng pháp môn. Nói cách khác, vô lượng pháp môn đều là pháp môn niệm Phật, điều này chúng tôi có thể hiểu được nhưng vẫn có sự nghi hoặc trong đó, vì sao? Vì không thấu triệt. Đến lúc chúng tôi đọc Hoàn Nguyên Quán mới tỏ ngộ. Người cuối cùng Thiện tài đến thăm, một bắt đầu, một kết thúc. Kết thúc là việc mười đại nguyện của Bồ tát Phổ Hiền dẫn dắt mọi người đến Cực lạc, từ đấy tôi bắt đầu qui y với pháp môn Tịnh độ. Đa tạ thầy Lí đã mất mười năm dùng tất cả những phương tiện quyền xảo, nhưng đáng tiếc là tôi không tiếp thu. Sau khi đã rõ ràng, cụ thể, tôi mới rời khỏi Hoa nghiêm chuyên tu Tịnh độ, chuyên tu kinh Vô lượng thọ, vì kinh Vô lượng thọ là tiểu bổn kinh Hoa Nghiêm. Người xưa nói: Kinh Vô lượng thọ là trung bổn Hoa nghiêm, Kinh Di Đà là tiểu bổn Hoa nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm là đại bổn kinh Vô Lượng Thọ. Cách phân loại lớn nhỏ không giống nhau, nhưng nội dung thì hoàn toàn giống. Vì vậy lần thứ hai giảng kinh Hoa nghiêm là do yêu cầu đặc biệt trước khi Phật tử họ Hàn vãng sanh hai ngày, bà mong tôi giảng kinh Hoa nghiêm. Nguyên nhân gì vậy? Vì có thể sau này không có ai giảng lần nữa. Bà mong tôi để lại một bộ, lúc bấy giờ vẫn còn dùng băng ghi hình, để lại một bộ băng ghi hình để người sau học tập tham khảo, tôi liền đồng ý.

Lần này là từ tiết Thanh minh năm ngoái đến nay đúng một năm, tôi đã ngưng giảng kinh Hoa nghiêm. Giảng thật kĩ kinh Vô Lượng Thọ, vì sao vậy? Vì thiên tai nhiều quá, có thể không kịp nữa, mà việc cấp cứu là rất quan trọng, trước hết là giảng xong bộ kinh này đã, tính đi tính lại, một ngày bốn tiếng, quyết không để gián đoạn, ước tính mười tháng là có thể giảng xong, tổng cộng là hơn một ngàn hai trăm giờ. Lần này tôi nói rất tỉ mỉ, nếu sau khi giảng xong bộ kinh này mà tôi vẫn còn sống, tôi sẽ giảng tiếp kinh Hoa Nghiêm, đây là một bộ kinh rất quan trọng! Chín ngàn năm sau thời mạt pháp, những người học Phật được độ, có sự thành công, ngoài pháp môn này không có cách nào khác. Bộ kinh này đã giới thiệu rất tỉ mỉ về thế giới Cực lạc. Một khi quí vị đã đọc xong không thể không tin tưởng, thực sự khởi được lòng tin, tin những chuyện lí và sự như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói, lúc đó quí vịđã trở thành một người không thể nghĩ bàn, nghiệp báo của quí vị không thể nghĩ bàn, vì sao? Vì quí vị quyết định sẽ niệm Phật vãng sanh, sau khi vãng sanh chắc chắn sẽ thành Phật, quá giỏi phải không? Chắc chắn đấy!

Sách Yếu Giải viết, đây là những lời của đại sư Ngẫu Ích, giảng rất cụ thể. “Chỉ có người đại trí mới có thể tin một cách chắc chắn”. Người tin một cách chắc chắn là người có trí tuệ lớn, nếu không phải là người đại trí tuệ thì rất khó. Từ đó có thể biết, khi mới bắt đầu tiếp xúc, giống như thầy Lí đem hết lòng để dạy dỗ, nhưng rất tiếc tôi không phải là bậc đại trí tuệ nên không chịu tiếp thu. Từ đâu mà có trí tuệ? Từ nơi kinh Hoa Nghiêm. Tôi giảng kinh Lăng nghiêm, giảng Pháp hoa, giảng Hoa nghiêm, có được chút trí tuệ từ đó. Ngoảnh lại nhìn mới bắt đầu có niềm tin, mới bắt tay vào làm. Hai câu của đại sư Ngẫu Ích nói thật chí lí.

Tập An lạc theo Luận chú lập tam tâm. Luận chú là cuốn sách chú giải Vãng Sanh Luận. Cuốn chú giải này là lời chú của pháp sư Đàm Loan thời Nam Bắc Triều. Pháp sư Đàm Loan là một đại đức kiệt xuất của tông Tịnh độ, người xưa tôn xưng ngài là Thần Loan, coi ngài như một vị Thần. Tập An lạc nương Luân chú để giảng, lập ba tâm. Thứ nhất: Thuần tâm. Như cách nói ngày nay của chúng ta là chân thật, hai chữ chân thật rất quan trọng, xưa nay, trong ngoài, bất luận pháp thế gian hay xuất thế, muốn thành công rực rỡ, quí vị phải để tâm quan sát, điều đầu tiên là chân thật. Lưu Tố Vân, mười năm đã thành tựu, mọi người hỏi bà bí quyết là gì? Câu đầu tiên bà trả lời là chân thật, thứ hai là nghe lời, thứ ba là thật tu. Bà đã nắm rất chắc. Thực ra, tất cả những người xưa nay thành công đều không thiếu sáu chữ. Ai thành tựu mà không nghe lời không chân thật, không thật tu? Tất cả đều phải như thế.

Nghe lời là gì? Nghe những lời trong kinh dạy, kinh dạy thế nào ta làm theo thế ấy, vì kinh là do Phật, Bồ tát nói ra, văn hoá truyền thống là do Thánh nhân nói, Không tử, Mạnh tử và những bậc trên đó nữa, như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu công, đều là những bậc đại Thánh, nếu tin tưởng, nghe lời, theo lời dạy để thực hiện thì quí vị có thể thành công.

Đường Thái Tông lên ngôi hoàng đế, tự bản thân ông biết mình chưa đọc một cuốn sách nào. Chúng ta thấy lịch sử có ghi lại, năm ông mười tám tuổi triều Tuỳ loạn, ông khuyên cha ông khởi nghĩa, ông cũng cầm quân dẹp giặc. Trong sử sách có ghi, đây là một con người võ nghệ cao cường, ông ta vốn là một quan võ chứ không phải quan văn. Năm hai mươi tám tuổi lên ngôi hoàng đế, lúc bấy giờ, thời gian để bình định đất nước mất tất cả mười năm, còn đâu thời gian để học tập? Sau khi đăng quang, ông ta muốn có kiến thức, có phương pháp, có kinh nghiệm, để trị quốc, bình thiên hạ, tất cả những thứ đó tìm ở đâu? Bèn hạ lệnh cho Nguỵ Trưng tìm những bậc cổ đức, bắt đầu từ tam hoàng ngũ đế đến thời đại trước đó là triều Tấn, giai đoạn này ước hơn hai ngàn năm. Trong sách cổ, chúng ta xem tư liệu lịch sử của giai đoạn này, trải hơn một vạn tám ngàn các loại, có giai đoạn nào nhiều thư tịch như thế không, trong một núi sách như thế mà tìm độ vài ngàn loại, rồi trong số vài ngàn loại đó lại chọn tiếp, tìm ra những cuốn tinh hoa nhất, cuối cùng chọn được sáu mươi lăm loại, trong số này gồm kinh, sử, tử. Ba loại đầu tiên trong tứ khố đã đầy đủ, nhóm lại thành văn học, ông không thích. Điều ông ta muốn là những lời dạy về tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Bảo Nguỵ Trưng thành lập một nhóm, tìm tất cả những ý có liên quan đến nhu cầu kể trên trong sáu mươi lăm loại đó mang ông xem. Công việc này mất độ ba bốn năm mới hoàn thành, tổng cộng năm mươi vạn chữ. Suốt ngày trên tay là những cuốn sách, không bao giờ rời mắt, vừa nghiên cứu vừa bắt chước làm theo, đây là hành động nghe lời, chân thật, nghe lời cổ đức, thật làm. Vì vậy mới có một quốc gia Đại Đường, một triều đại thịnh trị nhất trong lịch sử. Ở nước ngoài chúng ta thấy những con phố đời Đường, tầm ảnh hưởng rộng đến nhường nào, tất cả đều nhờ những bộ sách đã nói, đây là bảo bối trị quốc. Tất cả những sao chép toàn là nguyên văn, không có sửa đổi, mỗi bộ sách được sao ra toàn nguyên văn. Nhưng bộ sách này, sau khi triều Đường diệt vong, nó đã thất truyền. Vì vậy “Đường thư” tức cuốn lịch sử đời Đường do người nhà Tống biên soạn, lịch sử được người đời sau viết, không phải chính thời đại đó, người thời đó không ai dám viết mà người đời sau viết ra. Cuối cùng người đời Tống viết sử nhà Đường. “Nghệ văn chí” chính là những thư tịch, điển tịch đời nhà Đường, không có điểm này, mục lục không nói đến nó. Bởi thế có thể nói lịch sử Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, coi như không có, mãi đến năm Gia khánh, vua Càn Long nhường ngôi cho con trai, còn mình làm Thái thượng hoàng. Khi vua Gia Khánh lên ngôi, nước Nhật triều cống hoàng đế Trung quốc, trong số lễ vật triều cống mới có cuốn sách, lúc đó người Trung quốc mới biết. Từ Nhật bản truyền sang Trung quốc, bộ sách còn lại chưa đến mười cuốn, số lượng quá ít. Không những người xem không nhiều mà những người có tên tuổi cũng không bao nhiêu.

Hồi còn trẻ, ở tiệm sách Thế giới, tôi thấy một tập san, gọi là “Chư tử trị yếu”, tôi đã đọc. Chư tử trị yếu từ đâu mà có? Đó là một phần sau của các cuốn sách trị quốc, bởi thế mà tôi biết có cuốn sách này, nhưng chưa thấy, hỏi những người khác cũng không ai biết, thậm chí hỏi một số tiệm sách người ta còn chưa hiểu. Sau này mới phát hiện, khi tôi giảng kinh có đề cập đến, một số bạn học tốt bụng tìm khắp nơi giúp tôi, lại tìm được ấn bản đầu năm Dân quốc của nhà xuất bản Thương vụ, khoảng bảy, tám năm trước. Trải những biến động của xã hội, cuộc chiến tranh Trung - Nhật, văn hoá Đại cách mạng, như vậy thì biết đâu mà tìm, chịu thôi, đành cắt đứt. Nhưng nào ngờ tìm lại được, vì thế tôi cho rằng nhờ ân đức của tổ tiên nên những thư tịch này được tìm lại hai loại, hơn nữa lại hãy còn nguyên vẹn, tựa như chưa ai đọc qua. Mặc dù một cuốn sách đã tám chín năm về trước, tôi gấp rút nhờ tiệm sách Thế giới in mười ngàn cuốn, với dụng ý lưu giữ không để mất mát một lần nữa, dụng ý của chúng tôi là gìn giữ bộ sách này, thật đáng quí! Song bộ sách được viết theo thể cổ văn, đó đúng là cổ văn, nên cần phải chú giải, chú âm, dịch thành văn bạch thoại, sau đó mới dịch ra tiếng nước ngoài để có thể lưu hành ra thế giới, để cho các nhà lãnh đạo mỗi quốc gia trên toàn thế giới làm tốt công tác chính trị. Đây là một tư liệu tham khảo cực kì quí giá. Ta đem lí do sự hưng thịnh của triều đại nhà Đường để họ tham khảo, đây là những cống hiến sau cùng của những người đang ở nước ngoài như chúng ta. Chúng ta tạm kết và không bao giờ đề cập đến việc này nữa, cũng không để ý đến những việc này, chỉ chân thật niệm Phật A di đà để cầu sanh tịnh độ. Buông bỏ mọi ràng buộc, tuổi tác cũng tám mươi lăm rồi, không thể thêm được nữa. Đây cũng được xem là đồng thể đại bi, vô duyên đại từ, mang lại một nguồn tư liệu tham khảo quí giá cho tất cả chúng sinh trên thế giới, và có thể đây cũng là câu người đời hay nói: Thế kỉ 21 là thế kỉ của người xưa. Chúng ta có thể nói đó là thế kỉ “Quần thư trị yếu” của Đường Thái Tông. Vấn đề này mọi người an tâm.

Thacher đã nói, những cách giải thích của chúng tôi, đó là thế kỉ của nhân, nghĩa, trung và thứ. Đại thừa là thế kỉ chân thành và từ bi, mới có thể giải quyết được vấn đề. Vì vậy tâm chân thật, trung hậu, lòng tin sâu sắc.

Thứ hai: Nhất tâm, lòng tin thuần nhất. Nếu lòng tin của ta sâu sắc, lòng tin thuần nhất thì những biến động của xã hội sẽ không còn, những biến động trên địa cầu cũng không có. Bởi chúng ta không thực hiện được sự thù thắng đặc biệt như thế giới Cực lạc, nếu chúng xây dựng được một xã hội thịnh trị như Đại Đường, khiến cho cả thế giới có thể hưởng được niềm vui thịnh trị như nước Đại Đường, để cuộc sống được hạnh phúc Mỹ mãn.Tôi tin tưởng việc này có thể thực hiện được, nếu tìm trong văn hoá truyền thống của chúng ta, tìm trong thư tịch tôn giáo trên toàn thế giới, giống như phương cách trích yếu những tinh hoa trong kinh điển của Đường Thái Tông, từng đoạn, từng đoạn, từng câu liên quan đến việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, thì có thể đoàn kết các tôn giáo, hoá giải được tất cả những hiểu nhầm, sự xung đột, thế giới thực sự có thể trở lại hài hoà, ổn định, phồn vinh. Khi đã ổn định thì nhất định sẽ kéo theo phồn vinh, đem đến cuộc sống hạnh phúc Mỹ mãn.

Thứ ba: Tâm liên tục, lòng tin liên tục không xen lẩn những ý niệm khác. Mấy năm gần đề chúng ta hay nhắc đến từ thuần tịnh, thuần thiện. Thuần tịnh, thuần thiện có tác dụng rất lớn với bản thân chúng ta. Khi quí vị thực hiện được thì quí vị không còn chịu những tác động xấu từ bên ngoài, chắc chắn sẽ có năng lực này, có trí tuệ này, Những người bình thường không thể chấp nhận, nhưng chúng ta có thể làm được mà lại rất vui vẻ. Ví như có người mạt sát quí vị, làm nhục, làm hại quí vị, quí vị có bực tức hay không? Bực tức có lẽ một trạng thái rất bình thường, nhưng khi chúng ta học Phật thì mọi chuyện sẽ khác, không những không tức giận mà còn cảm ơn, vì sao phải cảm ơn? Họ làm là cho nghiệp chướng của ta được tiêu trừ. Nghiệp chướng ở đây là nghiệp chướng trong quá khứ đang hiện ra, nó sẽ mất như thế nào? Theo cách đó. Ta còn làm một bài vị để ngày đêm lạy họ nữa, vì họ đã thay thế mình làm cho nghiệp chướng mình được tiêu trừ, nâng đức hạnh của mình lên, nuôi lớn trí tuệ của mình, làm sao mình không cảm ơn được! Làm sao ta lại trách cứ họ được!

Quí vị xem Phật đã làm gương cho chúng ta, khi chưa thành Phật, đang thực hành Bồ tát đạo, Phật Thích Ca Mâu Ni tu hạnh nhẫn nhục ba la mật, ngài bị vua Ca Lợi cắt hết thân thể, đó là một việc sỉ nhục, oan khuất, rất oan ức, xẻo thịt để ngài chết, nhưng Ngài không hề bực tức mà còn cảm ơn ông ấy, nói với vua Ca Lợi: Sau này khi thành Phật, người tôi độ đầu tiên là ông. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, người được độ đầu tiên là Kiều Trần Như, Kiều Trần Nhu chính là vua Ca Lợi ngày đó. Nói là làm, lượng lớn phước lớn, cần bao dung, không thể bao dung, người có tâm địa hẹp hòi lấy đâu ra phước báo? Vì vậy chúng ta phải hiểu được đạo lí này, việc tu thân của chúng ta cũng nên học theo như vậy, nhờ thế mà trí tuệ tăng trưởng, đức hạnh càng lớn, chúng ta được rất nhiều lợi ích. Lúc đó chúng ta mới hiểu được, mới chắt lọc bốn chữ nhân, nghĩa, trung, thứ của Khổng Mạnh, lúc đó vấn đề mới được giải quyết! Đừng quá phức tạp, người phức tạp thì không thể tiếp thu, nên giản đơn. Vì vậy tôi nói với mọi người: Trên thực tế, nền văn hoá truyền thống phải có mười hai chữ, chúng ta có thể thực hành được mười hai chữ này, thực hành được chín mươi phần thì quí vị đã là Thánh nhân, thực hiện được bảy mươi phần quí vị là Hiền nhân, thực hiện được năm mươi phần quí vị là người quân tử. Mười hai chữ đó là: Hiếu, để, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hoà, bình. Đấy là tinh tuý của tổ tiên ngàn đời truyền lại, từ đời này sang đời khác, không để thất truyền. Vấn đề này không cần nói, nó không nhiều, nếu nhiều thì sẽ không nhớ hết rồi làm sai, cần rút gọn, mỗi chữ đều tinh tuý. Tổ tiên chúng ta truyền lại ngũ luân. Ngũ luân độ hai mươi chữ, liệu có truyền sai không? “Phu tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”. Tôi nghĩ đã truyền lại hàng mười mười mấy ngàn năm, hay mười mấy vạn năm cũng không thể sai được, nó có hai mươi chữ đấy. Ngũ thường có năm chữ: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Tứ duy có bốn chữ: Lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Bát đức có tám chữ: Hiếu, để, trung, tín, nhân, ái, hoà, bình. Làm sao truyền sai được? Không thể. Vì vậy hôm nay chúng ta hợp chung tất cả chỗ đó lại, tinh giản còn lại mười hai chữ: Hiếu, để, trung, tín, nhân, ái, hoà, bình. Nếu chúng ta thực hiện được mười hai chữ đó thì chúng ta sẽ là một quốc gia điển hình trên toàn thế giới. Cả thế giới làm được, thế giới trở thành đại đồng. Mười hai chữ này, bất luận tôn giáo nào, chủng tộc nào, quí vị nói với họ, họ đều cần đến, họ đều hoan hỉ, họ không bác bỏ bất cứ một chữ nào. Vì vậy chúng ta phải có niềm tin rằng mười hai chữ này sẽ đưa được cả thế giới trở lại hài hoà, ổn định. Đây là sự thật, không phải viển vông.

Chúng ta đọc câu cuối cùng, “và nói, nếu có thể liên tục mới nhất tâm được”. Mỗi niệm nối tiếp nhau liên tục đó mới là tín tâm, cần phải có lòng tin, người xưa đặc biệt cần lòng tin, tổ tiên chúng ta có bốn khoa mục: Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Đây chính là bảo vật, tôi tin rằng nó có ít nhất là một vạn ba ngàn năm, đây là một bảo vật mà tổ tiên chúng ta đã để lại cho đời sau, nên chúng ta nhất định không làm trái, nếu làm trái thì sẽ loạn. Nếu quí vị tuân thủ thì chắc chắn thiên hạ sẽ thái bình, tất cả vinh hoa phú quí đều nằm trong mấy chữ đó, chỉ cần quí vị cố gắng thực hiện thì mọi việc sẽ có kết quả. Nhà Phật, những người con Phật, có cầu sẽ có linh ứng, mỗi câu đều là sự thật. “Chỉ cần có lòng tin, thì tâm đó được chân thật”, câu này giải thích rất hay, lòng tin đó là lòng chân thật. Nhất tâm đó là tâm chân thật, nhất tâm là tâm thuần hậu. “Đầy đủ cả ba tâm”, ba tâm đã nói ở phần trước, đó là thuần tâm, nhất tâm và tương tục tâm. Nếu quí vị có đầy đủ cả ba tâm, thì “mà không được vãng sinh, thì không có chỗ nào khác”. Khi quí vị đã đầy đủ ba tâm như thế, muốn sanh về thế giới Cực lạc thì chắc chắn sẽ được. “Không có chỗ nào khác”, nói theo ngôn ngữ hiện nay, không có chuyện đó. Nếu có đầy đủ cả ba tâm, muốn cầu sanh sang thế giới Cực lạc, nếu quí vị không sanh qua đó thì đó là chuyện không thể xảy ra. Thuần tâm là chân thật, nhất tâm là nghe lời, tâm liên tục là thật tu. Quí vị thử nghĩ xem có đúng không? Nếu hàng ngày chúng ta ứng dụng ba tâm như thế, thì mỗi ngày trôi qua của quí vị là một ngày tốt lành, hạnh phúc, Mỹ mãn. Với bản thân quí vị, với mọi người, với bà con bạn bè, xóm giềng lân cận, quí vị nên dùng tâm này. Dùng tâm như thế để niệm Phật thì nhất định sẽ cảm ứng đến Phật. Nhà Phật có câu nói: “Mỗi niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, cảm ứng đạo giao đấy. Tất cả mọi việc như đối đãi mọi người, ứng xử với hoàn cảnh, đều dùng tâm này, ba tâm này hợp với nhau thì gọi là chân tâm, không còn chút gì giả dối. Cho dù người khác giả dối với ta nhưng ta vẫn đối xử chân thành với họ, cần ghi nhớ điều này, vì sao vậy? Vì nơi chúng ta cần đến đó là thế giới Cực lạc, đời này chúng ta muốn làm Phật, họ không muốn đến thế giới Cực lạc, họ muốn dong ruổi trong sáu đường, đó là việc của họ, không phải trách nhiệm của ta. Với người, ta nên đối xử thật chân thành, cho dù họ muốn hãm hại ta thì ta vẫn đối xử với họ bằng chân tâm, ta tuyệt nhiên không có một chút ác ý với họ, đây mới gọi là có chút công phu. Nếu ta vẫn giữ lòng ác, vẫn còn phiền não, vẫn muốn trả thù thì quí vị đã nhầm rồi, quí vị đã đi tìm luân hồi trong sáu đường rồi. Mỗi ngày trong sáu đường là một ngày đau khổ vì oan oan tương báo, không bao giờ ngưng. Vì thế tất cả mọi ân oán đều một lúc mà sạch hết, không làm nữa, không thể mãi rong ruổi nữa, tôi phải sang thế giới Cực lạc, không còn rong ruổi nữa. Nếu vẫn còn khởi tâm động niệm, vẫn còn vui với việc này, ghét với việc kia đó thì rắc rối to, đừng nên như thế. Nên đưa tâm về với câu A di đà Phật, mỗi niệm đều hướng về Phật A di đà, dùng tâm chân thành mà niệm, dùng nhất tâm để niệm, dùng tâm liên tục để niệm, thì chúng ta sẽ đạt đến thế giới Cực lạc. Bây giờ nói visa, quí vị đã được cấp visa rồi, muốn đi lúc nào thì đi.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 387

# Tập 388

Chuyển ngữ: Minh Tuệ  
Biên tập:Minh Tâm  
Thời gian: 01 tháng 05 năm 2011  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quí vị xem Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 479, bắt đầu xem từ hàng thứ sáu.

“Tổng quan chư kinh luận, Sớ sao nói: Tín tức tâm tịnh. Kinh Cổ Âm nói: Người có thể tin những chuyện như thế là không thể nghĩ bàn. Yếu giải nói: Tín là đại trí. An lạc tập nói: Đầy đủ ba tâm, ba tâm bao gồm tín tâm, không được vãng sanh là chuyện không có, đều nói rõ việc tịnh tín là điều đáng quí.

Trước đây, Hoàng Niệm Lão đã đưa ra nhiều thí dụ trong các kinh luận, tổng hợp từ các kinh luận, ta thấy giống như câu đại sư Liên Trì nói, tin là tâm địa thanh tịnh. Nói cách khác, khi hoài nghi thì tâm tán loạn ngay, phần trước chúng ta đã nói rất nhiều. Lòng tin mang đến cho chúng ta nhiều điều hay, tức là những lợi ích cho bản thân, đó là thân tâm được thanh tịnh, mạnh khoẻ sống lâu, thông minh trí tuệ, đó là những lợi ích từ niềm tin mang lại. Người có tín tâm thanh tịnh, hiện tại chúng ta đã thấy rõ, trong kinh, đức Phật dạy chúng ta “cảnh do tâm hiện”, môi trường xung quanh có liên quan mật thiết với tâm của chúng ta. Bởi thế, đức Phật chỉ dùng một câu để nói tịnh độ: Tâm tịnh thì nước Phật tịnh.

Tại sai lại đặt niềm tin lên hàng đầu trong ba điều kiện vãng sanh thế giới Cực lạc? Ba điều kiện để vãng sanh: Tín, nguyện, hạnh. Hạnh tức niệm Phật, tín nguyện là phát tâm Bồ đề. Kinh này đã nói cho chúng ta: Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm. Phát tâm Bồ đề tức tín nguyện, nhất hướng chuyên niệm tức chân thành niệm Phật, không ai là không vãng sanh. Những người vãng sanh thế giới Cực lạc đều đầy đủ lòng tin sâu sắc, bởi thế môi trường cư trú của thế giới Cực lạc cực kì đẹp đẽ, thanh tịnh trang nghiêm. Nhìn lại quả địa cầu chúng ta đang sống ở đây, thiên tai lạ thường, lịch sử chưa bao giờ chứng kiến những việc như thế này, ở đâu cũng có thiên tai, nguyên nhân từ đâu? Là do lòng tin đã không còn. Không có niềm tin, chúng ta đã biết, sơn hà đại địa đều bị lung lay không kiên cố, cho nên núi sẽ đổ, quả đất sẽ bị biển nước nhấn chìm. Nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng này do đâu? Nguyên nhân chủ yếu là hoài nghi. Hoài nghi tự tánh, hoài nghi tánh đức. Nói cụ thể là hoài nghi tánh con người vốn thiện, hoài nghi lời dạy tất cả chúng sinh vốn là Phật mà trong kinh đức Phật đã nói, hoài nghi luân lí, đạo đức, nhân quả, hoài nghi kinh điển tôn giáo, tạo thành sự lung lay của quả địa cầu ngày nay.

Phật dạy, năm thứ độc: Tham, sân, si, mạn, nghi là nguồn gốc địa ngục, phạm một trong những điều đó là rơi vào dịa ngục. Nếu phạm cả năm điều thì không cần nói cũng biết. Chúng ta muốn cứu thân tâm của mình, cứu môi trường sống, nhất định phải tin tưởng sâu sắc lời dạy này của Phật Thích Ca Mâu Ni, dứt khoát phải buông bỏ năm thứ phiền não căn bản này. Buông bỏ 100%, thì địa cầu nơi chúng ta đang cư trú ở đây không thua kém gì thế giới Cực lạc. Tất cả đạo lí và chân tướng sự thật đều phơi bày trước mắt chúng ta. Tin là tâm địa thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh từ lòng tin mà có được, nếu không có niềm tin thì tâm địa lung lay. Ngày nay chúng ta nói đến những người xốc nổi không có lòng tin.

Kinh Cổ âm nói: Người có thể tin những chuyện như thế là không thể nghĩ bàn. Phật Bồ tát đã dạy chúng ta, những bậc cổ Thánh tiên Hiền đã dạy chúng ta, quí vị có thể hoàn toàn tin tưởng được. Thật không thể nghĩ bàn, Phật dạy những lời này cách đây ba ngàn năm, nói những lời như thế, mọi người có thể tin. Nhưng trong thời đại chúng ta, mọi người có thể tin được những lời dạy của chư Phật, Bồ tát, thì đó là điều kì diệu, vì sao vậy? Vì chúng ta chắc chắn biết rằng thiện căn phước đức của người đó rất sâu dày, nếu không có thiện căn phước đức sâu dày thì họ làm sao tin được? Bởi thế chúng ta dâng một nỗi cảm xúc đặc biệt khi nghe câu kinh này.

Trong Di đà kinh yếu giải, đại sư Ngẫu Ích nói: Tin là đại trí. Đúng, hoàn toàn chính xác, nếu không có trí tuệ lớn, nghe rồi quí vị sẽ không tin. Người có nghiệp chướng nặng nghe rồi hoài nghi, vì vậy nghe rồi tin được đó là người đại trí, nghe rôi tin đó là người có thiện căn lớn.

An lạc tập nói: Đủ cả ba tâm. Ba tâm: thuần tâm, nhất tâm và tương tục tâm, trong Luận chú đã nói đến. Đầy đủ cả ba tâm này, “nếu không vãng sanh, quyết không có chuyện đó”. Quí vị chắc chắn sẽ thành tựu khi muốn vãng sanh đến thế giới Cực lạc, không một mảy may hoài nghi, chắc chắn quí vị sẽ được vãng sanh.

Trong cuộc sống của chúng ta ngày nay, đặc biệt những người lớn tuổi, đã kinh qua vài chục năm, chúng ta mới nhận ra một điều, có nhân duyên thù thắng mới gặp được tịnh độ, mới gặp được bộ chú giải kinh Vô Lượng Thọ này, có nhân duyên với Phật, có duyên với Hạ Lão, Hoàng Niệm Lão. Đây là hai nhân vật sống gần đây, cuộc đời họ đã tạo nên một sự nghiệp vĩ đại, hội tập Kinh Vô lượng thọ, chú giải chi tiết kinh Vô lượng thọ, họ đã dẫn dắt tất cả những người có nhân duyên cùng về tịnh độ. Sanh về tịnh độ tức đã thành Phật, chưa sanh tịnh độ, có lẽ đang tìm đến ba đường ác. Chúng ta cần phải có sự tỉnh giác cao độ, buông bỏ tất cả, một lòng một dạ cầu sanh tịnh độ, chỉ nhớ nghĩ một chỗ đó thôi, không được sơ sài, không được quên mất, tốt nhất là ngay bây giờ liền được vãng sanh, ngày mai liền được vãng sanh, không nên chờ đến ngày sau. Luôn luôn suy nghĩ như vậy thì ích lợi không thể kể hết, vì sao vậy? Đừng nên lưu luyến thế giới Ta bà này nữa, buông bỏ hết, ngoài tín nguyện niệm Phật của bản thân, nếu gặp những người có nhân duyên với Tịnh tông nên giúp đỡ họ, khuyên họ tinh tấn, dẫn dắt họ đến ngày thành công, đó là việc lợi tha, sau khi tự lợi mới đến lợi tha, bản thân mình không đạt đến lợi ích chân thực, cho dù có muốn làm lợi ích cho người khác thì hiệu quả cũng không cao. Với những người chưa có lòng tin, phải dùng mọi phương pháp để giúp họ xây dựng niềm tin, nếu gặp những người đã có niềm tin, ta nên giúp họ thêm lớn niềm tin, khuyến khích họ phát nguyện cầu sinh. Sự nghiệp ngài Di đà, chúng ta phải tận tâm tận lực, tận tâm tận lực là công đức viên mãn. Bởi vậy, việc tịnh tín trong thời đại ngày nay cực kì đáng quí.

“Kinh này cũng bao quát nhất niệm, mà lại nhất niệm tịnh tín, nên biết tín tâm này là bước một bước trên cây cọc vài thước, không thể suy lường hay tính đếm mà biết được”. Trên tịnh tín lại thêm nhất niệm, nhất niệm tịnh tín. Trong Tín tâm minh, tam tổ thiền tông, đại sư Tăng Xán nói: “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm, ngôn ngữ đạo đoạn, phi khứ lai kim”. Thật hợp với những lời trước đó, trong này có hai câu quan trọng “tín tâm bất nhị”, nói cách khác, hai lòng tức không phải tín tâm, tín tâm phải là nhất tâm, nhất tâm tức không hai.

Không hai tức nhất tâm, tức là tín tâm, đối tượng được nói là ai? Là Phật A di đà. Chỉ tin Phật A di đà, tạm thời buông bỏ những thứ khác, chuyên một hướng niệm, một lòng chuyên niệm, tín nguyện chuyên niệm. Không được hoài nghi, không được xen tạp, không có một niệm thứ hai. Trong cuộc đời này phải chắc chắn vãng sanh, phải hoàn thành Bồ đề vô thượng.

Câu sau trong Tín tâm minh nói: “ngôn ngữ đạo đoạn, phi khứ lai kim”, đây đúng là nhất niệm tịnh tín, lời nói hay suy nghĩ không thể duyên tới được, không phải quá khứ, không phải hiện tại, không phải tương lai, vậy đây là cái gì? Xưa nay vốn như vậy. Nói cách khác, nhất niệm tịnh tín tức là tự tánh của quí vị, tông môn gọi là minh tâm kiến tánh, nhất niệm thanh tịnh là tự tánh của quí vị, quí vị đã thấy rõ rồi, tự tánh tâm thanh tịnh nó vốn đã có, nó không lệ thuộc thời gian, quá khứ, hiện tại, vị lai là thời gian, gọi là ba đời. Không những không lệ thuộc thời gian mà còn không lệ thuộc vào không gian, không gian là cự li, xa gần. Thời gian là quá khứ, hiện tại, vị lai. Nó không thuộc về không gian mà cũng không thuộc về thời gian, xưa nay nó vốn như vậy.

Hội Sớ gọi đó là điều kiện chủ yếu để được vãng sanh. Cũng như nói, đây là điều kiện chủ yếu để phàm phu trong sáu đường cầu sanh thế giới Cực lạc. Nhân duyên thì có rất nhiều, nhưng đây là điều kiện đầu tiên. Giáo, hạnh, tín, chứng, là câu nói của một bậc tổ sư người Nhật, và được tôn xưng là “Nguyên nhân chính để sanh đến cõi thật báo thanh tịnh”. Những vị tổ sư người Nhật này đều là những vị lưu học sinh thời nhà Tuỳ Đường ở Trung Quốc. Phần nhiều họ là đệ tử của ngài Thiện Đạo, và của đại sư Trí Giả, họ là những người chân truyền của các bậc tổ sư. Khi về nước họ mang theo giáo lí Đại thừa truyền vào Nhật bản.

“Và nói nhất niệm tức nhất tâm”, trong tông Tịnh độ gọi là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm ở đây là gì? Trong nhất tâm không có hoài nghi, là thanh tịnh, không có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Buông bỏ tất cả nên nó là nhất tâm. “Trong nhất tâm không có hai niệm, trong nhất niệm không có hai tâm”.

Chỉ quán ngũ, tức quyển thứ năm luận Ma ha chỉ quán nói: Nhất tâm có đủ mười pháp giới. Mười pháp giới từ đâu mà có? Khi khai ngộ, câu sau cùng đại sư Huệ Năng nói: Đâu chờ tự tánh năng sanh vạn pháp. Vạn pháp tức mười pháp giới, mười pháp giới từ đâu mà có? Từ nhất niệm mà có. Được sanh ra từ nhất tâm, nhất tâm có đủ mười pháp giới, nhất niệm có thể sanh vạn pháp.

“Nên biết nhất tâm là thực thể của vạn hữu, cũng là chân như”, câu “thực thể của vạn hữu”, nói theo cách nói của triết học hiện đại là “bản thể của vạn hữu”, cũng có thể hiểu là cả vũ trụ, tất cả vạn pháp từ đó mà sanh ra, không có nó thì không có tất cả pháp, có tất cả pháp cho thấy nó có mặt. Vấn đề này chúng ta đã học rất nhiều ở phần trước, nhất là cuốn Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, nói rất cụ thể, rõ ràng, thậm chí còn cụ thể hơn những nhà khoa học ngày nay. Đọc những báo cáo khoa học, chúng ta vẫn còn nghi ngờ, nhưng đọc giáo lí Đại thừa thì chúng ta không con nghi ngờ nữa. Vì vậy nhất tâm là bản thể của vạn pháp, trong Phật pháp gọi là chân như, nó là có thực, thực sự có hình thể. Hiện ra tất cả hình tướng nên gọi là như, giống như tánh của nó, sự giống lí của nó. Tánh tướng không hai, lí sự như nhất.

“Lại được gọi kim cương chân tâm”, kim cương là ví, ví như không sanh không diệt, ví cho sự vĩnh hằng không thay đổi, chân tâm. Vọng tâm là trong nháy mắt sẽ trôi qua, nó không thật. “Có thể khai mở mắt tâm cho người, ở đây không nói nhiều để khỏi bị cho vẽ rắn thêm chân”. Phần trước đã nói rất nhiều, không nói thêm nữa. Nếu dùng chân tâm thì rất dễ khai ngộ, sao mọi người lại chấp mê không ngộ? Thực tế mà nói, câu trả lời đã có trong đó rồi. Sao lại không ngộ, là do chấp mê. Quí vị cứ ôm chặt tình cảm mê mờ, vì thế mà không khai ngộ. Nếu quí vị buông bỏ mê tình thì sẽ khai ngộ ngay. Trong tình cảm mê mờ, quan trọng nhất là thân thể, quí vị cho thân thể này là của ta, không gì quan trọng hơn thân thể này, sai rồi. Thân này không phải là của ta! Vậy cái gì là của ta? Chân như mới là của ta, tự tánh mới là của ta, nhất tâm là của ta, nhất niệm là của ta, hai niệm là không phải. Chân tướng sự thật này được bao nhiêu người hiểu? Người đã kiến tánh hiểu, người đã giác ngộ hiểu, nhưng người giác ngộ, kiến tánh lại quá ít. Ngày nay nghe đến chúng ta cũng hiểu nhưng không thể nhận thức một cách chân thực, vì sao vậy? Vì sự hiểu biết của chúng ta là giải ngộ, trường thời huân tu trong kinh điển Đại thừa, chúng ta có thể hiểu được, có thể cảm nhận được, nhưng đó không phải là cảnh giới cả chính ta, vì sao vậy? Vì ta chưa thể buông bỏ khởi tâm động niệm, thậm chí chúng ta còn phân biệt chấp trước, tất cả những thứ này làm trở ngại tự tánh. Nghiệp chướng, sở tri chướng, nếu ta buông bỏ được hai thứ chướng ngại này, thì ta sẽ kiến tánh, thực sự đại ngộ, ngộ cái gì? Y chánh xưa nay không phải là ta, không còn chấp trước thân này là của ta, cũng không chấp trước pháp giới hư không này là của ta, tất cả đều buông bỏ hết, xin chúc mừng quí vị, quí vị đã thành Phật, quí vị đã chứng ngộ quả vị rốt ráo viên mãn. Bởi thế nên gọi nó đã là chân tâm kim cương. Dùng chân tâm như thế thì có thể giúp ta khai ngộ. Ai dùng thì người đó khai ngộ, khai mở mắt tâm để thấy được chân tâm, thấy được chân tướng. Mở mắt tâm là quí vị thấy được thực tướng của các pháp, vấn đề mở mắt tâm là nói về phương diện trí tuệ, khai mở mắt là nói về tướng.

Chúng ta xem dòng cuối: Chí tâm hồi hướng, nguyện sanh sang đó. Phần trước đã nói về đức năng trí tuệ. Việc thành công trong tu tập, bất luận thành công lớn hay nhỏ, bất luận công đức tu hành được bao nhiêu, tất cả đều hồi hướng, chí tâm hồi hướng, hồi hướng về thế giới Cực lạc, hồi hướng đến Phật A di đà, hồi hướng đến hải chúng thanh tịnh. Tôi chỉ có một mục tiêu đó là cầu sanh tịnh độ để được gần gũi Phật A di đà, đúng như thế.

“Chí tâm” được nói ở đây tức là tâm chí thành theo cách nói của Quán kinh.

Tứ Thiếp Sớ là cuốn sách chú giải Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, nói: Chí tức chân, thành là thật. Bây giờ chúng ta so sánh một chút về chí tâm, phần lớn chúng ta nói về chân thành, chân thành có nghĩa như chí tâm, “Muốn làm rõ tu giải hạnh nghiệp thân miệng ý của tất cả chúng sanh, cần phải bắt đầu từ tâm chân thật, không được bên ngoài thể hiện dáng vẻ tinh tấn hiền thiện, mà bên trong lại ôm tâm hư dối, tham sân si tà nguỵ, gian trá trăm điều. Tánh ác khó xâm nhập, chỉ tánh ác kiên cố, việc ấy giống như rắn rết, tuy khởi ba nghiệp gọi là cái thiện có lẩn độc tạp, còn gọi là hạnh hư dối, không phải nghiệp chân thật”.

Mấy câu nói trong Tứ Thiếp Sớ có ý nghĩa rất lớn, chúng ta phải luôn cảnh tỉnh, xem chúng ta có thường phạm vào những tội lỗi này không? Trước hết, chúng ta có dùng tâm chân thành không? Thế nào là chân? Chân tức là không giả dối. Cần dùng tâm chân thành để sống, cần dùng tâm chân thành trong công việc, cần dùng tâm chân thành trong việc đối nhân xử thế tiếp vật. Với xã hội hiện tại, chắc chắn có rất nhiều người nghi ngờ, thế giới này là thế giới giả tạm. Người khác khởi tâm, động niệm đều lừa dối ta, dùng tâm chân thành để đối xử với họ, há không phải quá thiệt thòi ư? Đúng, quá thiệt thòi. Nhưng thiệt thòi là chuyện nhỏ, quí vị được hưởng lợi ích sau này mới là chuyện lớn, sau này được lợi ích gì? Vãng sanh về nước Phật, gần gũi Di đà, lợi ích này của quí vị quá lớn! Thiệt thòi một chút đáng là bao, cần gì phải tính toán! Người không chịu thiệt thòi thì không thể hưởng được phúc báo lớn lao được. Người xưa có câu: Thiệt thòi là phước. Phước đến mà quí vị không đón nhận, đó không phải là người có trí. Phước báo lớn đang đến như thế mà quí vị từ chối, đúng là ngu si, bây giờ cầu mà không được. Tự nhiên khi không mà phải chịu người khác đổ tiếng oan, nhưng đó là phước báo lớn nhất. Mình có lỗi, người khác chê trách chúng ta, phỉ báng chúng ta, làm nhục chúng ta, là có nguyên nhân, thực sự có lỗi. Nhưng nếu ta không có lỗi, thì phước đức lại càng lớn hơn. Không có lỗi, sao ta lại gặp sự sỉ nhục này? Nếu đời này không có thì kiếp trước có, nhiều đời nhiều kiếp. Phật pháp dạy chúng ta, con người không phải chỉ có một đời, trong vô lượng kiếp quá khứ, trong tương lai cũng có vô lượng kiếp, khi quí vị chưa ra khỏi vòng luân hồi trong sáu đường, trong vô lượng kiếp đã lưu chuyển trong sáu đường, đó là khoảng thời gian rất dài, nếu kiếp này ta không tạo nghiệp thì kiếp trước hay trước đó nữa, đã tạo nghiệp. Cứ theo đó thì ai là người không tạo nghiệp? Không thể có chuyện đó, ai không kết oán với chúng sanh? Kiếp này ta được làm người, có cơ hội được nghe Phật pháp, nhận thức rõ những vấn đề này. Điều tốt nhất là gì? Những điều trái ý, ta đều đón nhận. Trong môi trường không thuận lợi, ta cũng vui vẻ cam tâm đón nhận để cho nghiệp chướng của ta được tiêu trừ, đức hạnh của ta được thành tựu, trí tuệ chúng ta được khai mở, đó là chuyện tốt. Không những không oán hận mà lại cảm ơn, trong giáo lí Đại thừa gọi đó là “tăng thượng duyên”, tức là nghịch cảnh cũng có thể giúp nâng cao đức hạnh mình, có thể giúp tăng trưởng trí tuệ của ta, giúp nghiệp chướng của ta được tiêu trừ và giúp chúng ta viên thành Phật đạo. Bởi vậy, người thực sự tu tập giáo lí Đại thừa, người thực sự tu tập pháp môn niệm Phật, tâm của họ như thế nào? Là lòng cảm ơn, lòng từ bi. Đây là điều có thực, không phải giả dối. Vì thực nên họ mới có thành công thật sự. Nếu là giả, thì đã sai lầm, họ đã đoạ lạc, họ sẽ gây thù kết oán không bao giờ ngưng với tất cả chúng sanh, đó là nỗi khổ không thể kể hết. Người thông minh, người có chút trí tuệ, họ liền nắm bắt cơ hội ngay trong đời sống này, và nhất định phải siêu việt mười pháp giới. Có khả năng, có thể nắm vững để siêu việt, nói thật, đó là pháp môn tịnh độ, nương tựa vào Phật A di đà. Ngày nay chúng ta không một chút nghi ngờ pháp môn tịnh độ, được những thứ đó không phải đơn giản. Sáu mươi năm không rời tay, hết lòng tham cứu, càng thâm nhập càng thấy vui, càng thâm nhập càng thấy sáng tỏ. Phải thực sự thông đạt sáng tỏ, mới có thể buông bỏ tất cả. Thế nào là buông bỏ tất cả? Trong khi giảng bài luôn luôn nhắc nhở bản thân, và dẫn dắt những người cùng học, đó là chân thật, không phải giả, không phải giả thiết, đó là chân tướng sự thật. Tôi đã sống được đến ngày nay, ngay mai chưa chắc đã còn, không dám nghĩ đến ngày mai. Hôm nay là ngày cuối cung của tôi, tôi cần phải làm những công việc này, không phải rõ ràng đó sao? Ngày cuối cùng thì cái gì quí vị cũng không thể mang theo được, kể cả thân thể. Vì vậy tôi thường nói, ngày nào còn sống thì thân thể là của mình, tôi sở hữu, áo quần mặc trên người là của tôi, không mặc trên người là không phải của tôi, đừng nghĩ đến nó, không liên quan gì đến tôi. Trong túi quí vị có bao nhiêu tiền, đang trong túi thì đó là của quí vị, không còn trong túi thì không còn là của quí vị nữa. Quí vị đang ngồi trong phòng này, căn phòng quí vị đang ngồi hôm nay là của quí vị, khi ra khỏi phòng rồi thì không còn là của quí vị nữa. Lòng của quí vị tự tại biết bao, quí vị sanh trí tuệ, chứ không sanh phiền não. Tồn tại trong lòng quí vị là sự cảm ơn, từ bi, không tạo nghiệp chướng, không sinh tự tư tự lợi, không còn tự tư tự lợi, cả pháp giới hư không cùng một thể với ta. Trên thì cùng một thể với chư Phật Như lai, dưới thì cùng với các loại côn trùng sâu kiến, hoa lá cây cỏ, sơn hà đại địa, làm sao không tự tại được? Quí vị còn vọng niệm nào nữa? Hiển nhiên tâm thanh tịnh lộ ra, nhất tâm, nhất niệm lộ ra. Nếu còn một chút gì không buông bỏ được, nó liền trở ngại nhất tâm, nhất niệm, không thể hiện tiền.

Tứ Thiếp Sớ nói rất cụ thể: “Tất cả nghiệp thân, miệng, ý của chúng sanh”, thân là những gì anh ta đã làm, miệng là những gì anh ta đã nói, ý là những gì anh ta suy nghĩ, giải và hành những gì anh ta tu tập. Giải là hiểu rõ lời dạy của chư Phật Bồ tát. Hành là gì? Theo đó để làm, thật tu.

“Cần dùng tâm chân thành để làm”, câu này rất cấp bách, thật tâm để làm. Thế nào là chân? Đưa ra một phương hướng ngược lại, quí vị đã hiểu rõ quí vị sẽ biết thế nào là chân. “Không được bên ngoài thì giả dạng hiền thiện tinh tấn”. Giả vờ, bên ngoài thì làm rất tốt, mạnh mẽ tinh tấn, nhưng bên trong thì thế nào? Không buông bỏ tự tư tự lợi, thị phi nhân ngã, tham, sân, si, mạn, nghi, tất cả những thứ này là giả. Bởi vậy nên giác ngộ, đừng mê lầm. Con người nên tự biết bản thân, những thứ như tham, sân, tà nguỵ, gian trá là những tánh ác, liệu đã buông bỏ được những tập tánh bất thiện chưa? Nếu chưa buông bỏ thì phải biết rằng, những tâm niệm như vậy đang chế tạo luân hồi trong sáu đường, luân hồi sáu đường vì thế mà hiện ra. Hư giả, tham sân tà nguỵ, gian trá trăm chiều là nguyên nhân để đưa đến luân hồi sáu đường. Nếu có những thứ này thì có sáu đường. Nếu không có niệm này thì quí vị đã vượt qua nó, quí vị đang dùng chân tâm, đó là vọng tâm, đó không phải là chân tâm. Những gì vọng tâm tạo ra đó là sáu đường, mười pháp giới. Chân tâm biến hiện ra, là cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật, Bồ tát, thế giới Cực lạc, thế giới Hoa tạng là chân tâm. Đại sư Huệ Năng minh tâm kiến tánh, vắt tắt chỉ bày nó ra. Hình dáng của chân tâm thế nào? Thanh tịnh. Đâu ngờ tự tánh vốn thanh tịnh, quí vị đã hiểu rồi, không thanh tịnh là vọng tâm. Thanh tịnh là chân tâm, chân tâm là không sanh không diệt. Niệm hiện tại của chúng ta, niệm trước vừa diệt, niệm sau liền sanh khởi, tâm sanh diệt như thế là giả, không phải chân, chân tâm là không sanh không diệt, chân tâm vốn không dao động. Dao động là gì? Chuyển động theo ngoại cảnh. Môi trường bên ngoài, nếu thuận theo ý mình thì nổi tâm tham, tham đắm. Nếu trái với ý muốn của mình thì ghét bỏ nó. Sáu căn của quí vị chạy theo môi trường bên ngoài sanh tham sân si mạn nghi, sanh ra thất tình ngũ dục, đây gọi là gì? Tâm chuyển theo cảnh, tâm như thế là vọng tâm. Chân tâm không chạy theo ngoại cảnh, chân tâm là biết được “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Bất luận là cảnh giới nào hiện ra, thì tâm ấy vẫn như như bất động, đó mới là chân tâm. Bởi thế chân tâm không phải tâm luân hồi, vọng tâm là tâm luân hồi. Khi vọng tâm làm chủ thì ba nghiệp thân khẩu ý đều là nghiệp luân hồi, quí vị không vượt ra khỏi luân hồi. Nếu quí vị thật sự chuyển được nó, tôi không còn chạy theo ngoại cảnh nữa, dùng tâm chân thành để làm việc. Chân thành với bản thân, chân thành với cuộc sống, công việc cũng phải chân thành, đối nhân tiếp vật chẳng điểu gì là không chân thành. Dùng tâm chân thành để niệm Phật cầu sanh tịnh độ, xin chúc mừng quí vị, quí vị đã thành công viên mãn trong đời sống này rồi, quí vị đã thành Phật rồi. Nếu ngoại hình quí vị làm ra vẻ không tệ, giống như một người Phật tử, nhưng tập khí phiền não bên trong không một chút thay đổi, đó là giả dối. Nói theo cách của Tứ Thiếp Sớ là “tánh ác khó đổi”. Hay nói theo Quát Hồ là “tánh ác kiên cố”. Nói trắng ra, anh ta đã sai lầm, anh ta cho đó là cách nhìn đúng đắn, làm rối loạn, làm sai lệch đi. Xã hội ngày nay, ai không giả dối? Nhưng quí vị nên dùng tâm chân thành đối đãi với họ, quí vị có thiệt thòi, có bị mắc lừa, kém cỏi, người xưa có câu: Người ngốc có phước của người ngốc. Bị thiệt thòi là có phước. Ý của câu nói này rất sâu sắc, có học vấn cao, có nhiều lí thuyết. Nói thẳng là họ không bị thiệt thòi, quả là họ không bị mắc lừa, anh ta có nhiều điều kiện, vì thế kiểu ngộ nhận này, tất cả đều chạy theo tập khí phiền não, đó là sự sai lầm. “Làm như rắn rết”, đây là những loại rắn độc thú dữ, toàn làm hại, không có một chút lợi ích. “Tuy khởi ba nghiệp, nhưng đều là cái thiện độc hại”. Bên ngoài tựa như toàn làm những việc tốt như bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, nhưng bên trong thì thế nào? Bên trong không dứt trừ được tham, sân, si, mạn, nghi, đây gọi là cái thiện dính độc, hay còn gọi là việc làm giả dối. Ai biết được? Phật, Bồ tát, quỉ thần. Bởi thế nó không được gọi là nghiệp chân thật, nó không phải chân thật, nó thực sự không phải là nghiệp thiện, đích thực nó là giả. Những hành động như thế người thế gian không thể biết được, họ chỉ đánh lừa được người thế gian, nhưng Phật, Bồ tát biết rất rõ, trời cao sẽ bắt những người này. Đây là những phương tiện chỉ cho chúng ta thấy tâm chân thành là thứ đáng quí, mỗi niệm không được quên nó, nếu quên nó thì vấn đề trở nên nghiêm trọng. Dứt khoát không sợ thiệt thòi, không sợ mắc lừa, không sợ bị hãm hại.

Khi chưa thành Phật, Thích Ca Mâu Ni tu hạnh Bồ tát, gặp vua Ca lợi. Vua Ca lợi, Ca lợi là tiếng Phạn, dịch sang chữ Hán là bạo chúa, đây là một ông vua hôn dung vô đạo, nên có tên là Ca lợi. Ngài bị vua Ca lợi xử tử lăng trì, cắt hết thân thể, rất oan ức, nhưng ngài không hề oán hận mà lại cảm ơn vua. Vì sao vậy? Vì việc đó khiến cho ngài nhanh chóng thành Phật. Mỗi khi chúng ta gặp tai nạn, gặp ai hãm hại, ta nên cảm ơn họ, họ sẽ giúp ta vãng sanh, ta vãng sanh sớm hơn, thành Phật nhanh hơn, điều này đúng, không sai chút nào. Không giữ lòng ác với người làm hại mình, cho dù họ có hãm hại mình đi nữa cũng không ôm lòng oán hận, vì sao vậy? Vì ta biết rằng họ với với ta là một thể. Như răng cắn nhầm lưỡi, đầu lưỡi bị chảy máu, liệu có giận răng không? Tất nhiên không. Vì sao? Vì chúng cùng một cơ thể. Đời này được mấy người nhận ra điều này, biến pháp giới hư không giới cùng một thể với ta, chỉ có Phật, Bồ tát mới nhận ra. Khoa học và triết học vẫn chưa đạt đến cảnh giới này, chư Phật Bồ tát đã ở trong đó rồi. Chúng ta nên học theo để có thể thực sự nhập vào cảnh giới đó. Thật sự khế nhập được rồi, thì quí vị sẽ được lợi ích, biểu hiện ra bên ngoài là pháp hỷ sung mãn, thường sanh hoan hỷ tâm. Người thường cũng có thể nhận ra, nhận ra điều gì? Quí vị hoan hỉ, không còn phiền não, quí vị từ bi, không còn ý niệm hãm hại người khác. Tâm trạng này giống như trong kinh đã nói: “ban bố lợi ích chân thật”, quí vị đã ban bố lợi ích chân thật, trí tuệ chân thật cho mình, cho tất cả chúng sanh.

Dưới đây chúng ta sẽ nói về hồi hướng. “Hồi hướng tức là dùng tất cả những thiện căn mình tu tập được, hướng về chúng sanh, hướng về Phật đạo”. Hồi là chuyển lại, hồi chuyển. Hướng là hướng về một mục tiêu. Tôi dùng tất cả những công đức, thiện căn mà tôi tu tập được, không dành riêng cho mình, cũng như nói, bản thân tôi không hưởng thụ một mình mà dành cho ai? Dành cho tất cả chúng sanh, hướng về tất cả chúng sanh, hướng về đạo Phật. Hướng về Phật đạo là kì vọng chánh pháp được dài lâu, hướng về chúng sanh là hi vọng chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Đệ tử của nhà Phật, nên học được công đức trí tuệ trong ngôi nhà Phật pháp, khẳng định phải làm được như vậy. Họ không không hưởng thụ, học đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Năm ba mươi tuổi, Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, nhưng ngài không đến thế giới Hoa tạng, ngài không đến thế giới Cực lạc, ngài ở lại đây với chúng ta tám mươi năm. Người xưa nói ngài nhập Niết bàn năm tám mươi tuổi, những người ở các quốc gia khác nói ngài diệt độ năm bảy mươi chín. Thành đạo năm ba mươi tuổi, bắt đầu dạy dỗ, sống đời sống của nhà sư khổ hạnh, để làm tấm gương cho hậu thế chúng ta. Ngài có thể hưởng vinh hoa phú quí không? Ngài có điều kiện để thực hiện việc này. Quí vị xem kinh Đại thừa ghi: Lúc bấy giờ mười sáu vị vua các nước lớn ở Ấn độ đều lạy ngài làm thầy, giống những vị quốc sư hiện tại, ngài không phải quốc sư cho một nước mà là quốc sư đến mười sáu nước, đây là nước lớn, chưa kể nước nhỏ. Những vị đại thần, quốc vương, trưởng giả giàu có này đều đến cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni, thì còn thiếu thứ gì nữa! Quí vị xem Phật ứng xử thế nào? Phật không tiếp nhận, cung điện lầu các được dựng lên, ngài không nhận, ngài chỉ sống cuộc sống rày đây mai đó, đêm ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa, ngài sống như thế, không có nơi cư trú nhất định. Tăng đoàn khá đông, theo cách tính của tôi, ít nhất cũng hơn ba ngàn vị, một tập thể khá đông. Sau khi thời khoá buổi sáng xong, Phật dẫn đại chúng đi khất thực, buổi trưa sau khi ngọ trai xong đi kinh hành, sau khi kinh hành xong là lúc giảng kinh dạy học, bốn mươi chín năm như một ngày, chỉ dạy học mà thôi, ngoài ra không có hoạt động nào khác, không cùng nhau tu Phật thất, cũng không tu thiền thất. Ngày nay những hoạt động Phật sự như thế này hoàn toàn vắng mặt trong thời đại Phật Thích Ca Mâu Ni. Khi Phật còn tại thế, ngài chỉ giảng kinh và dạy học, mỗi ngày đều lên lớp cùng đại chúng, nghiên cứu, thảo luận, giải đáp những thắc mắc, họ là một đoàn thể như thế, chúng ta phải nhận thức về vấn đề này. Nói một cách nghiêm túc, họ không có những hoạt động tôn giáo, họ giáo dục xã hội, họ không phải một tổ chức tôn giáo. Mục tiêu của giáo dục tôn giáo là giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Muốn thoát khổ được vui nên dùng phương pháp giáo dục để giải quyết. Phật biết được nỗi khổ của chúng sanh từ đâu mà có, từ mê hoặc mà có. Ngài cũng biết rất rõ chân tướng của nhân sinh vũ trụ.

Trong bốn mươi chín năm đức Thế Tôn giang kinh thuyết pháp, ngài đã dạy điều gì?

Năm xưa, độ hơn ba mươi năm trước, ở Đài loan, tôi nhớ lúc bấy giờ là tết Âm lịch, có cặp vợ chồng trẻ, họ là những giáo sư đại học, đến thăm tôi ngày tết, họ nói với tôi: Chúng con đang giảng dạy ở đại học Phụ Nhân, những giờ ngoại khóa chúng con mở một lớp học, gọi là Phổ Hiền Bồ tát Hạnh Nguyện Phẩm, ở lớp học Đại Thiên Phật. Tốt! Tôi nói. Tôi đưa ra một vấn đề hỏi vợ chồng anh này: Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh dạy học suốt bốn mươi chín năm, cuối cùng ngài dạy những gì? Anh dùng một câu để trả lời tôi, không dài dòng, một câu thôi. Trong bốn mươi chín năm Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng những gì? Suy nghĩ năm sáu phút vẫn không đưa ra được câu trả lời. Vì tôi giới hạn cho anh ấy chỉ một câu. Thật sự không nghĩ ra, cuối cùng anh ta hỏi tôi, tôi trả lời: Kinh Bát Nhã có một câu gồm bốn chữ, đó là “Thật tướng các pháp”, tôi nói dùng câu này trả lời đã được chưa? Ý của câu này là chân tướng các pháp của vũ trụ và nhân sinh, đó là điều Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt cuộc đời mình. Vợ chồng anh ta đồng ý. Khi quí vị hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng của tất cả pháp, thì lúc đó quí vị mới khai ngộ, quí vị mới lìa khổ được vui. Vì vậy Phật giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui bằng phương pháp giáo dục. Vì giáo dục có thể giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, giáo dục cũng có thể giúp đỡ xã hội thoát khổ được vui, cũng có thể giúp một đất nước thoát khổ được vui, cũng có thể giúp đỡ cả thế giới thoát khổ được vui, nó rất kì diệu.

Các bậc cổ Thánh tiên Hiền rất thông minh, khi Phật giáo chưa truyền đến đất nước này, chắc chắn là chưa đến, câu nói này không phải được nghe từ nhà Phật. Người xưa nói: “Xây dựng đất nước, lấy học làm đầu”, câu này trong Lễ ký , Học ký . Giới học thuật ngày nay đã chỉ ra thời gian bộ Lễ ký hình thành khoảng trước đời nhà Hán, thời đại Xuân thu chiến quốc, lúc bấy giờ Phật giáo chưa được truyền vào, người xưa rất coi trọng giáo dục, vì giáo dục có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề. Phật đã rõ nên ngài dùng phương pháp giáo dục để giải quyết tất cả những vấn đề về thế gian và xuất thế, có thể đạt đến lợi ích công đức rốt ráo viên mãn, chúng ta không thể không biết vấn đề này. Bởi thế ý nghĩa của chữ hồi hướng cực kì sâu rộng, không vì bản thân, vì người khác. Những gì tôi tu tập được, học tập được, dạy dỗ được, truyền bá được, tất cả đều vì người khác, không có cái gì dành cho tôi cả. Thực hiện triệt để vô ngã, quên cái tôi. Vì sao phải vì mọi người? Vì mọi người tức là thực sự vì mình, là bởi ta và người không hai. Biết rằng biến pháp giới hư không với mình là một thể, nhất thể. Bởi thế, giáo lí Đại thừa nói: “vô duyên đại từ”, từ bi là thương yêu, vô duyên là không kèm theo điều kiện, yêu thương không điều kiện, như tình cảm cha con, cha mẹ yêu thương con cái, con cái yêu thương cha mẹ, đó là thiên bẩm, không kèm theo điều kiện nào nữa. “Đồng thể đại bi”, đại bi là thương xót chúng sanh đang chịu khổ, giúp họ giải quyết khổ nạn vì chúng sanh với ta là một thể, giúp đỡ chúng sanh là tự giúp đỡ mình. Chỉ có người hiểu tường tận thật tướng các pháp mới có thể thực hiện được việc này, mới có thể vui vẻ làm, không thấy mỏi mệt. Bởi vậy Phật Thích Ca không làm quốc vương, ngài buông bỏ hết mọi sự nghiệp của thế gian để làm một người giáo sư, làm nghề giáo, suốt đời dạy học. Xuất hiện tại thế gian với một thân phận như vậy chứ không phải tôn giáo.

Cuối đoạn hồi hướng nói: “Người nguyện sang nước kia nên quay về tín hạnh của tự thân để hướng đến chỗ vãng sanh”. Việc hồi hướng này đã nói cụ thể cho chúng ta. Hướng đến nơi nào? Dùng lòng tin bền chắc của mình, tất cả hạnh của bản thân. Hạnh ở đây là bỏ ác tu thiện, tự hành hóa tha, đem tất cả những thành tựu, nhà Phật gọi là công đức, tức là thành tựu, hướng đến chỗ vãng sanh, không có chỗ nào khác, chỉ có một phương hướng, mong được vãng sanh đến tịnh độ của Phật A di đà, hi vọng thân cận Phật A di đà. Việc tu tập của ta chưa được viên mãn, sanh đến thế giới Cực lạc để thân cận Phật A di đà. Thế giới Cực lạc là một trường học, vườn của ngôi trường này rất rộng, rộng gấp mấy lần cõi Ta bà của chúng ta, Phật A di đà chủ trì việc dạy học ở đây. Khi quí vị đến thế giới Cực lạc là thấy ngay Phật A di đà, Phật A di đà hiện vô lượng vô biên thân. Ở thế giới Cực lạc không chỉ có một Phật A di đà, một Phật A di đà được thấy ở chỗ này, nhưng không thấy ở chỗ kia. Nhưng ở thế giới Cực lạc, chỗ nào cũng có thể thấy Phật A di đà, chỗ nào cũng có giảng đường, đến đó quí vị sẽ thấy Phật A di đà đang giảng kinh ở giảng đường, quí vị có thể tham dự vào một trong những giảng đường đó. Đến thế giới Cực lạc quí vị cũng có thần thông, cũng có thể biến hoá, nếu dùng thần thông của quí vị để biến hoá, mỗi giảng đường ở thế giới Cực lạc đều có quí vị trong đó, mỗi giảng đường đều có Phật A di đà đang giảng pháp, mỗi giảng đường đều có quí vị đang nghe kinh, làm được hết, không phải không làm được. Không những có quí vị đang nghe kinh, mà đồng thời quí vị có thể biến thành vô lượng vô biên thân đi đến các tịnh độ của chư Phật trong mười phương, đi hỏi thăm, đi cúng dường Phật, đi nghe Phật thuyết pháp, quí vị có những năng lực lớn lao như thế. Phần lớn những năng lực đó đều do bốn mươi tám lời nguyện Phật A di đà gia trì cho quí vị, nếu không có Phật gia trì thì quí vị không thể có năng lực như thế, nhờ Phật gia trì quí vị mới có năng lực như thế.

Tham học mười phương tức là tu cả phước và tuệ, quí vị đi lạy Phật, đi cúng dường Phật, đó là tu phước. Nghe Phật giảng kinh thuyết pháp, là để mở trí tuệ, phước tuệ song tu. Mãi mãi xa rời luân hồi, mãi mãi thoát li khỏi mười pháp giới. Bởi vậy muốn bước vào cảnh giới tịnh độ, không thể không phát tâm này. Vì thế người tu tịnh độ hoàn toàn hiểu rõ, họ nhất tâm nhất ý muốn về thế giới Cực lạc, nhất tâm nhất ý là muốn thân cận Phật A di đà.

Phần tiếp theo, “Quán kinh cũng nói đến tâm phát nguyện hồi hướng trong tam tâm. Một là tâm chí thành, hai là thâm tâm, ba là tâm phát nguyện hồi hướng. Đủ cả ba tâm này có thể sanh sang nước đó”. Không thể thiếu được ba thứ tâm này. Thứ nhất là chí thành, chân thành đến cực độ gọi là chí thành. Thứ hai là thâm tâm, thâm tâm hơi khó hiểu, những vị đại đức ngày trước chú giải rất rõ ràng, nhưng người đời nay đọc vẫn không hiểu. Chú giải ngày xưa gọi là “hiếu thiện hiếu đức”, hiếu thiện hiếu đức gọi là thâm tâm.

Khoảng hơn hai mươi mấy năm trở lại đây, tôi giảng về thâm tâm trong ba tâm, tôi không dùng lời chú giải của người xưa, mà nói đề kinh trong kinh Vô Lượng Thọ. Thế nào là thâm tâm? Thanh tịnh, bình đẳng, giác là thâm tâm, tự thọ dụng đấy. Tâm chí thành là chân tâm, chân tâm đối với chính mình là thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó là thâm tâm. Đôi với người khác đại từ đại bi, tâm phát nguyện hồi hướng là đại từ đại bi, với mọi người. Hồi hướng cho tất cả chúng sanh, hồi hướng thế giới Cực lạc, hồi hướng cầu vãng sanh tịnh độ, cầu thân cận Phật Di đà. Bởi thế người đầy đủ ba tâm này chắc chắn sẽ sanh sang nước đó, nước đó chính là thế giới Cực lạc.

“Hội sớ viết: Phàm hồi hướng, có tự lực hồi hướng, có tha lực hồi hướng. Nếu tự mình làm, hướng đến quả báo sau này, đó là tự lực”. Hồi hướng có hai loại, tự lực và tha lực. Tha lực là nhờ Phật A di đà gia trì. “Chuyển những việc làm của mình”, nghĩa là công đức tu tập của mình như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã, tất cả những việc này đều tự mình làm, làm cho mình. Tu hạnh Bồ tát, hi vọng tương lai sẽ thành đạo Bồ tát, chứng thành quả vị Phật, tất cả những thứ này thuộc tự lực, quan trọng của việc này là không cầu phước báo của nhân gian, điều này rất quan trọng.

Đem tất cả những gì mình tu tập được để cầu phước báo nhân thiên là sai lầm, liệu đạt được không? Được. Tất cả những công đức tu hoc của quí vị sẽ đến ngay. Không cầu phước báo trời người là loại thứ nhất.

Loại thứ hai là chuyên nhờ vào nguyện của Phật, không tự khích lệ bản thân đó là tha lực. Đó không phải là hồi hướng của phàm tình nên còn gọi không hồi hướng. Ý của từ không hồi hướng là không dựa vào chính mình, chỉ nhờ năng lực người khác, cách hồi hướng như thế người phàm tình không thể biết được, nên gọi là không hồi hướng”. Đây là một pháp môn tịnh độ, nếu quí vị nghe pháp môn này gọi là pháp môn không hồi hướng thì đừng nên hiểu lầm về ý nghĩa của chữ này. Rất khó nói cụ thể đoạn này, tịnh tông gọi là pháp môn không hồi hướng, có người tu hay không? Có, là người nhất tâm niệm Phật, họ không hồi hướng theo nghi thức, vì sao? Mỗi câu niệm Phật đều cầu sanh tịnh độ, mỗi câu danh hiệu Phật đều mong muốn được thân cận Phật A di đà, vì thế việc hồi hướng của họ đã tan vào trong câu niệm Phật. Tôi niệm Phật không mong cầu gì khác, mỗi câu danh hiệu Phật đều để cầu sanh tịnh độ, thân cận Phật Di đà, nên không cần hình thức nữa, đây gọi là không hồi hướng. Nhất tâm chuyên niệm, không phân tâm, hồi hướng cũng buông bỏ luôn vì sợ lẩn tạp niệm, sợ gián đoạn, đó mới là sự hồi hướng đúng đắn.

Đại phẩm Bát nhã, tức là kinh Bát nhã nói: “Bồ tát hồi hướng như vậy thì không còn nghĩ lung tung, không còn thấy lung tung, không còn tâm loạn động”. Đây đang nói đến không hồi hướng, pháp môn không hồi hướng của Bồ tát tu tập, hồi hướng không hồi hướng, họ không còn rơi vào suy nghĩ lung tung, nghĩ về sự hồi hướng, nghĩ về một mục tiêu, một phương hướng, nghĩ như vậy, chỉ cần có nghĩ đã gọi là vọng tưởng. Thấy điên đảo, kiến ở đây là kiến giải, tưởng là suy nghĩ, vẫn còn những kiến giải sai lầm. Tâm điên đảo, tâm vẫn còn ý niệm, vẫn khởi tâm động niệm. Tôi nghĩ về tương lai sẽ đi về một nơi, một mục đích. “Vì sao vậy? Vì Bồ tát không còn tham đắm việc hồi hướng”. Bồ tát không còn tham muốn sanh về thế giới Cực lạc, không còn tham muốn thân cận Phật A di đà, nhưng vẫn quyết định đến thế giới Cực lạc, quyết định đến học tập với Phật A di đà. Tuy đến thế giới Cực lạc, nhưng không tham đắm thế giới Cực lạc. Tuy thấy Phật A di dà nhưng không quyến luyến Phật A di đà. Loại hồi hướng không hồi hướng này lại được tôn xưng “vô thượng hồi hướng”. Quát Hồ có cách lí giải: “Trong mắt phàm tình cho rằng đó là không hồi hướng”. Người phàm phu như chúng ta thấy họ như không hồi hướng, nhưng thực tế thì sao? Trên thực tế họ đã thực hiện vô thượng hồi hướng, vì sao vậy? Vì nó đã tương ứng với sự viên mãn của tánh đức, giống như trong tự tánh không có phân biệt, không có chấp trước, không có khởi tâm, không có động niệm. Tuy hàng ngày vẫn niệm Phật, nghe kinh, tụng đọc, nhưng niệm Phật mỗi ngày với tâm thanh tịnh, không vướng một hạt bụi trần, trong tâm họ có sự cầu nguyện không? Có. Nhưng không cần hình thức, có cầu nguyện nhưng chẳng khác không cầu nguyện, có niệm nhưng chẳng khác không niệm, con người này đã nhập vào cảnh giới tam muội, những người phàm phu không thể tưởng tượng được. Chẳng những phàm phu trong sáu đường không thể hiểu con người này, mà pháp giới tứ thánh cũng như vậy. Trong mười pháp giới có Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật. Kiểu niệm Phật này gọi là thực tướng niệm Phật, một trong bốn loại niệm Phật, công đức chân thật.

Chúng ta xem tiếp phần dưới: “Nói chung Tịnh độ là pháp môn tha lực”. Là pháp môn cần nhờ oai thần bổn nguyện Phật A di đà gia trì. Sáu chữ danh hiệu Di đà và nguyện hải nhất thừa đều là tha lực, là Phật A di đà gia trì. Sáu chữ Nam mô A di đà Phật. Phật A di đà đã dùng phương pháp này, phương pháp chấp trì danh hiệu, tiếp dẫn mười phương chúng sanh. Những người có tín có nguyện muốn niệm một câu danh hiệu Phật là đã có duyên với Phật A di đà, vì Phật cứu độ người có duyên.

Nguyện hải nhất thừa là thế giới Cực lạc, thế giới Cực lạc là Phật A di đà làm nên thành công của nguyện hải Nhất thừa. Làm sao để thế giới Cực lạc được thành tựu? Là nhờ bốn mươi tám lời nguyện, là cảnh giới được biến hiện bởi bốn mươi tám lời nguyện, tất cả đó là tha lực. “Nay nương theo nguyện của Phật”, hoàn toàn nương nhờ vào Phật A di đà. Phật A di đà phát bốn mươi tám lời nguyện, bản thân chúng ta cũng phát bốn mươi tám lời nguyện, lời nguyện của chúng ta hoàn toàn tương ứng với lời nguyện Phật A di đà. Hồi hướng để vãng sanh, đó là vô thượng hồi hướng. Giống như tâm, nguyện, đức, hạnh của Phật A di đà, tất cả những hình thức hoàn toàn có thể buông bỏ, đây là những điều được nói trong Phật pháp. Phật pháp trọng thực chất, xem nhẹ hình thức, có thể hoàn toàn không cần đến hình thức. “Vì thế có thể có niệm tịnh tín, đem tất cả thiện căn chí thành hồi hướng thì tuỳ nguyện mà được vãng sanh”. Tất cả những điều này do Thế tôn nói trong kinh điển. Điều quan trọng để sanh một niệm tịnh tín, then chốt là trong hai chữ “nhất niệm”, một niệm thanh tịnh một niệm Phật, niệm niệm thanh tịnh niệm niệm Phật. Đem tất cả những thiện căn đó, trong pháp thế gian thì thiện căn có ba loại, đó là không tham, không sân và không si. Đối lập với ba độc phiền não là ba thiện căn. Hiện tại chúng ta nói năm độc, đối lập với năm độc là năm thiện căn, không tham, không sân, không si, không mạn và không nghi. Vì sao? Vì ngày nay chúng ta có thể thấy được sự nghiêm trọng của thiên tai về nghi và mạn. Ngạo mạn kéo theo động đất, hệ quả của hoài nghi là sự lung lay của địa cầu, địa cầu lung lay thì đấy đai sẽ lún xuống đại dương, núi cao đổ xuống. Nguyên nhân của những hiện tượng đó là gì? Niềm tin của chúng ta bị đánh mất thì sẽ kéo theo những hiện tượng đó. Nếu niềm tin của chúng ta kiên định thì sông núi đất đai cũng kiên cố, không xảy ra những hiện tượng như vậy. Bởi vậy chúng ta phải thêm hai thứ thiện căn nữa vào ba thứ thiện căn đã có. Một người tu hành chân chánh, không ai là không tuỳ nguyện được vãng sanh. Như trong lời khai thị trong Hội Sớ: “Chỉ tại tin một niệm, không cần niệm nhiều ít”. Niệm Phật được bao nhiêu không quan trọng, cốt là tin ở một niệm, một niệm tịnh tín mới quan trọng! Tiếc là lòng tin của chúng ta không vững vàng, niệm đầu thì tin nhưng niệm thứ hai thì hết tin, giờ phải làm sao? Niệm bao nhiêu chi bằng phương pháp niệm tốt một thứ, chỉ tin ở một niệm, không cần niệm nhiều ít, điều này là dùng lí để nói.

Nếu nói về sự, chúng ta xem cư sĩ Hoàng Niệm Lão đã làm tấm gương cho chúng ta, trước khi vãng sanh độ sáu tháng, ông bỏ tất cả những ràng buộc, nhất tâm niệm Phật, mỗi ngày ông còn đếm được đã niệm mười bốn vạn tiếng, niệm nửa năm như thế ông mới mất. Ông đã để lại cho chúng ta một bài học, những người hiện đại chúng ta, hiện đại là thời gian nào? Trước kiếp nạn, chúng ta dùng cách nào để cứu chính mình? Chỉ có niệm Phật, ngoài niệm Phật ra, những pháp môn khác không cứu kịp, chỉ có niệm Phật mới cứu gấp được, chỉ có cầu sanh tịnh độ, thân cận Phật A di đà, chỉ một biện pháp duy nhất đó thôi, chỉ có biện pháp duy nhất rốt ráo viên mãn đó thôi, chính xác là người có niềm tin sẽ được độ. Nếu quí vị không tin tưởng, chắc chắn quí vị sẽ bị trôi lăn theo nghiệp. Chúng ta đã biết, trôi lăn theo nghiệp thì chịu khổ không thể tả! Chúng ta cần có trí tuệ, cần có niềm tin, chúng ta đã học Phật bao nhiêu năm nay, không thể bõ công. Nếu thiên tai xảy đến, chúng ta luống cuống, thì mọi việc đã quá muộn, những công lao từ trước đến nay đều đổ xuống sông. Chúng ta cần có niềm tin kiên định, chúng ta hiểu rõ thực tướng vạn pháp trong vũ trụ, chúng ta nắm rõ qui luật nhân quả. Kinh Hoa nghiêm đã nói cho chúng ta mười thứ như vậy: Nhân như vậy, quả như vậy, duyên như vậy, báo như vậy, nghiệp nhân quả báo đã quá rõ ràng. Nói về sự, gây nhân lành thì được quả ngọt, gây nhân ác thì nhận quả đắng. Chúng ta thử đối chiếu với sáu đường trong mười pháp giới, hoàn toàn rõ ràng. Hoá giải thiên, Bố Lai Đăng người Mỹ đã nói rất cụ thể và hoàn toàn tương đồng với giáo lí Đại thừa, chỉ có bỏ ác làm lành, nhà Phật gọi là đoạn ác tu thiện, cải tà qui chánh, tâm niệm ngay thẳng. Khởi tâm động niệm, chúng ta nghĩ đến những lời giáo huấn của các bậc thánh hiền trong truyền thống xưa, gồm mười hai chữ: Hiếu, để, trung, tín, lễ, nghi, liêm, sỉ, nhân, ái, hoà, bình, khởi tâm động niệm không trái ngược với mười hai chữ này, lúc nào cũng canh cánh mười hai chữ này trong lòng, tâm niện ngay thẳng. Quí vị thuộc tâm nào? Tôi giữ tâm hiếu, để, trung, tín, lễ, nghi, liêm, sỉ, nhân, ái, hoà, bình thì thiên tai liền được hoá giải. Bố Lai Đăng nói nếu toàn thế giới có thể làm được thì không những có thể hoá giải thiên tai trên địa cầu mà còn hướng địa cầu sang một hướng tốt đẹp hơn, ta có thể hiểu được những lời này của ông ấy, giống như những lời dạy của chư Phật, Bồ tát trong giáo lí Đại thừa. Tôi không biết Bố Lai Đăng đã có lần nào nghiên cứu Phật giáo chưa, đã có lần nào đọc kinh Đại thừa chưa, nhưng ba câu nói của ông ấy vẫn thường được nghe trong kinh điển Đại thừa do chư Phật, Bồ tát nói. Chúng ta có thể hiểu, hiểu rất rõ và chúng ta đang nỗ lực để thực hiện, để học tập, để tịnh tông ngày càng kì diệu, càng thù thắng, đưa tất cả những pháp thuần tịnh thuần thiện của thế gian, xuất thế dung nạp vào một câu danh hiệu A di đà Phật, để khi quí vị niệm một câu A di đà Phật thì tất cả đều được nhớ đến, tròn đầy như nhau, cực kì tuyệt diệu! Bởi thế xưng một danh hiệu Phật, những bậc đại đức xưa nay, mười phương chư Phật đều khen ngợi, vạn đức hồng danh đều có mặt trong một danh hiệu, bao gồm tất cả pháp thuần tịnh, thuần thiện của thế gian, xuất thế, đều gói gọn trong một danh hiệu Phật. Niệm một câu danh hiệu Phật tức là niệm vạn đức, vạn đức thuần tịnh, thuần thiện của thế gian, xuất thế. Bởi thế nên tại sao có rất nhiều người nói khi thiên tai đến thì nên niệm Phật, chỉ có niệm Phật, ngoài niệm Phật ra không có phương pháp nào tốt hơn.

Chúng ta đã trải một thời gian khá lâu học Tịnh tông học kinh Vô lượng thọ mới có thể hiểu được, khi đã hiểu được rồi bắt đầu tự thực hiện, nỗ lực để làm. Quí vị vẫn còn hoài nghi vì không thấu suốt, nhưng tôi đã không còn hoài nghi, tôi nỗ lực làm, sáu thời chỉ một câu danh hiệu Phật, niệm ở đâu biết đến đó, không được gián đoạn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 388

# Tập 389

Chuyển ngữ: Minh Tuệ  
Biên tập:Minh tâm  
Thời gian: 01 tháng 05 năm 2011  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quí vị xem Đại thừa vô lượng thọ kinh giải, trang 480, hàng thứ hai từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ chữ thứ ba.

“Như Hội sớ đã khai thị, chỉ tin vào nhất niệm, không cần niệm bao nhiêu. Yếu giải lại nói: Nếu tín nguyện kiên cố, mười niệm, nhất niệm khi gần mất, cũng chắc chắn vãng sinh. Nếu không có tín nguyện, cho dù trì danh hiệu đến mức gió thổi không lọt, mưa rơi không thấm, như tường sắt vách đồng, cũng không thể nào vãng sinh”.

Những câu này đều giải thích tín nguyện niệm Phật cho chúng ta. Phần trước chúng ta đã đọc rất nhiều và cũng nói rất chi tiết về “nhất niệm tịnh tín, chí tâm nguyện sanh”. Đến đây ta đã thấy phương pháp quan trọng nhất của việc tu hành. Tịnh tông đưa ra ba chữ: Tín, hạnh và nguyện. Xây dựng được niềm tin rất khó, vì thế chư Phật, Bồ tát đều nói pháp môn này là “pháp rất khó tin”. Sống trong xã hội hiện tại, ta có cảm xúc rất sâu sắc với ba chữ này. Ta thường được nghe những vị tổ sư trước đây giảng kinh, dạy học, nhưng không nghe quí vị đó nói thấu triệt về những vấn đề này, cũng có thể lúc bấy giờ khác với thời đại chúng ta ngày nay, xã hội chúng ta đang sống ngày nay có nhiều biến động, thiên tai trên quả địa cầu ngày càng nhiều mà lịch sử trong quá khứ chưa từng được ghi lại.

Chúng ta hãy xem những tin tức báo chí gần đây nhất, nước Mĩ, ngày trước tôi đã sống ở đó một thời gian khá dài, mỗi năm xảy ra hai, ba đợt lốc xoáy, nghe nói bây giờ lại một tháng xảy ra hai, ba trăm đợt, rốt cuộc đã xảy ra những chuyện gì? Điều đó khiến chúng ta nghĩ đến ba ý nghĩa sâu sắc không bờ bến của ba chữ tín, nguyện và hạnh.

Trong kinh Hoa nghiêm đức Phật dạy, khởi tâm động niệm của chúng ta sẽ ảnh hưởng đến sơn hà đại địa. Khi chúng ta đã đọc kinh Lăng nghiêm, khi chúng ta đọc tác phẩm Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, mới hiểu được việc khởi tâm động niệm của chúng ta sẽ ảnh hưởng đến cả vũ trụ. Vì sao vậy? Vì vũ trụ giống như một tấm lưới, chỉ cần bứt một sợi tóc thì cả cơ thể đều biết, đây là nói đến khởi nguyên vũ trụ, đó là một sanh mạng thể cộng đồng. Lão Tử đã nói, thời đại Lão Tử Phật giáo chưa truyền đến, Lão Tử nói rằng: Trời đất cùng nguồn gốc với ta, vạn vật cùng một thể với ta. Vấn đề này xuất phát từ cảm xúc hay chân tướng sự thực là như vậy? Tất cả chúng ta đều không cho rằng đó là chân tướng sự thực, mà được nói ra do cảm xúc của Lão Tử. Nhưng sau khi xem trong kinh Phật, ta biết nó là sự thực, nó không phải nói do cảm xúc mà chân tướng sự thực là như thế. Chúng ta hoài nghi, chúng ta không hiểu rõ là bởi chân Lý đó quá cao siêu, sự việc quá xa lạ, mãi đến ngày nay, ba mươi năm gần đây, những nhà khoa học Lượng tử đã đưa ra kết quả nghiên cứu, chúng ta hiểu khi đọc nó, vì sao vậy? Từ xưa kinh Phật đã nói rồi, ba ngàn năm trước Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói rồi, nên chuyện đó chỉ phụ thêm để nói rõ cho mọi người mà thôi. Hiện nay thế giới thừa nhận Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài diệt độ đến nay đã hơn hai ngàn năm trăm năm.

Năm 2006, chúng tôi tham gia những hoạt động kỉ niệm tròn hai ngàn năm trăm năm mươi năm tại Paris. Những ghi chép của lịch sử Trung quốc chúng ta không phải như thế, thời cổ đại, ngay cả trong cuốn nhật tụng ngày nay cũng có. Phật Thích Ca Mâu Ni Phật đản sanh vào năm nào? Năm Giáp dần, vua Chiêu Vương nhà Chu thứ hai mươi bốn. Nhập Niết bàn đời vua Mục Vương nhà Chu. Theo lịch sử Trung quốc ghi lại, đời xưa của Trung quốc đều tính niên đại theo cách như thế. Phật Thích Ca diệt độ đến nay đã 3318 năm. Cũng không cần nghiên cứu những sự việc như thế này vì nó không liên quan, không quan trọng. Rốt cuộc thì năm nào mới đúng, chỉ có đến hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni mới có câu trả lời chính xác nhất. Mỗi người đều có Lý lẽ của mình, đều có căn cứ của mình, vì vậy chúng ta cứ yên tâm với những việc như vậy, bởi vì kiểu khảo chứng đó thực sự không có ý nghĩa gì.

Trước đây ba ngàn năm Thế tôn đã nói, các nhà khoa học ngày nay chỉ làm sáng tỏ thêm, nhưng đây không phải là chuyện đơn giản! Với chúng ta đó là một sự kiện có ý nghĩa rất lớn, là bởi từ trước đến nay chúng ta hoàn toàn nghi ngờ về vấn đề này, đến khi giới khoa học công bố, chứng minh những lời Phật đã nói là chân thật, không giả dối. Ngày nay khoa học là môn học mũi nhọn, phát triển theo hai hướng chính, một là hướng về hồng quan vũ trụ, thăm dò không gian, phát hiện ra tất cả những hành tinh, có vẻ cách chúng ta càng ngày càng xa, như một loại vật liệu nổ. Sau khi tiến sát bên cạnh thì không còn thấy nữa. Nghiên cứu của các nhà khoa học cho rằng, chúng ta có thể thăm dò được độ 10% vũ trụ, 90% còn lại không thể thấy được, tìm đâu cũng không thấy. Nghe những tin tức đó, chúng ta hiểu được Lý do của sự biến mất này. Nghiên cứu về vi quan thế giới là khoa học lượng tử, một bên là cực đại, một bên là cực tiểu, rất khó nắm bắt, không hề dễ dàng.

Quang tử, hay còn gọi là lượng tử được phát hiện ra độ ba mươi năm trở lại đây. Trong chú giải này, Hoàng Niệm Lão đã cho chúng ta biết, một hạt bụi, một cọng lông, cọng lông hay hạt bụi là đơn vị nhỏ nhất, trên thực tế là chỉ lượng tử. Lượng tử lớn cỡ nào? Giới khoa học đã đưa ra một khái niệm, nguyên tử, hiện tại ai trong chúng ta cũng biết khái niệm này. Nguyên tử là do điện tử ngoài hạt nguyên tử cấu thành, nó giống như một vũ trụ thu nhỏ, điện tử quay xung quanh hạt nguyên tử. Lượng tử lớn cỡ nào? Bằng một phần một trăm ức điện tử, nghĩa là một trăm ức lượng tử mới tạo ra được một hạt điện tử, một đơn vị cực nhỏ, nhưng tần suất khá cao, tốc độ di chuyển rất nhanh.

Tiến sĩ Max Planck người Đức, là thầy của Einstein, ông này dành cả cuộc đời mình để nghiên cứu thuyết lượng tử, ông rất giỏi phân tích hiện tượng vật chất. Ông cho rằng bản chất của vật chất là ý niệm. Vậy ý niệm có từ đâu? Ông không trả lời được, ông chỉ nói vấn đề này là từ không sinh ra tất cả, nói rất đúng, từ không sinh ra tất cả, có thể nói được. Từ nghiên cứu này, nói theo kinh Phật, khoa học kĩ thuật của họ đạt đến một mức nhất định. Nói cách khác, tiếp tục đột phá thêm là không dễ dàng. Trong kinh Phật nói về vi quan vũ trụ, người ta đã tìm ra A lại da. Giáo Lý Đại thừa cho rằng A lại da là khởi nguyên của vũ trụ. Nghiên cứu về hồng quan vũ trụ, họ tìm thấy biên tế, tất cả những vấn đề này đã được nói trong kinh Phật. Chúng ta dùng thức thứ sáu, tức là dùng suy nghĩ, tư tưởng, dùng quan sát để đạt đến giới hạn cuối cùng. Muốn nâng cao nữa thì sao? Nâng cao lên nữa thì có pháp tánh. Họ không thể duyên tới được, vì sao vậy? Vì pháp tánh không có hiện tượng, giới khoa học quan sát phải có đối tượng. Ba loại lớn của đối tượng là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Đến lúc nói pháp tánh, bản tánh và Phật tánh thì nhà Phật nói nó không có hình dáng, nó không thuộc hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần cũng không phải là hiện tượng tự nhiên. Nói cách khác, anh dùng biện pháp nào đi nữa cũng không thể khám phá được. Vậy làm sao để khám phá nó? Phải buông bỏ mới được. Trong kinh Đại thừa, Phật đã dạy chúng ta, buông bỏ chấp trước, ai không chấp trước tất cả pháp của thế gian cũng như xuất thế, người đó được xem là A la hán, đây là học vị đầu tiên trong Phật học, quí vị sẽ được học vị A la hán, khi được học vị A la hán, nói cho quí vị biết, không còn trôi lăn trong sáu đường nữa, thế giới của ta đây không còn nữa, tất cả là giả, như trong một giấc mộng, khi tỉnh dậy, những gì quí vị đã mơ không còn nữa. Khi A la hán tỉnh dậy thì sáu đường chúng sanh không còn nữa, khi sáu đường không còn nữa thì hiện ra một cảnh tượng khác, đó là pháp giới tứ thánh: Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật. Khi cảnh tượng này xuất hiện thì mộng đã tỉnh, nhưng thực ra nó vẫn là mộng. Sáu đường là mộng trong mộng.

Giai đoạn thứ hai, với pháp thế gian và xuất thế, chúng ta không những không chấp trước mà phân biệt cũng không còn, không còn phân biệt, đó là Bồ tát, cao hơn A la hán. Nhưng họ vẫn khởi tâm, vẫn động niệm, khi buông bỏ khởi tâm động niệm, không còn khởi tâm động niệm nữa, họ mới kiến tánh. Giới khoa học không thể làm được việc này, vì họ còn khởi tâm, còn động niệm, còn phân biệt, chấp trước, vì thế họ phải bị giới hạn. Với bên trong có thể thấy được A lại da, bên ngoài có thể thấy được hồng quan vũ trụ, nhưng không thể kiến tánh. Muốn kiến tánh, không gì hơn là buông bỏ tất cả những thứ đó, vì sao vậy? Vì tất cả đều là giả. Hiện tượng tự nhiên mà nhà khoa học nói đến, Phật pháp gọi là nghiệp tướng trong A lại da, họ gọi là tin tức hoặc hiện tượng tinh thần, là chuyển tướng trong A lại da, họ nói vật chất thì đó là cảnh giới tướng trong A lại da. Tất cả những vấn đề này không dễ dàng. Chúng ta không thể không khâm phục những thành tựu của khoa học, nhưng họ không thể thấy được tánh, tức là họ không thể trả lời từ đâu mà có ý niệm, cho nên nói được từ không sanh ra tất cả, cũng là khá lắm rồi, thật hiếm có, thật hiếm có. Phật pháp nói rất thấu triệt, ngày nay chúng ta đã nhận thức được Phật pháp không những là một nền triết học tối cao mà càn là khoa học tối cao nữa. Có thể nói những vấn đề khoa học và triết học không giải quyết được, thì Phật giáo Đại thừa đã phân tích một cách rõ ràng, cụ thể, mang lại trí tuệ đích thực, lợi ích đích thực. Những trở ngại bày ra trước mắt chúng ta, là gì? Đầu tiên, ngã, cái này mới rắc rối! Cái ngã này là giả, không phải thật, thân này không phải là tôi, kinh Kim Cang đã nói rất rõ ràng: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Đây mới bước đầu để vào Phật pháp, địa vị chưa cao lắm. Đẳng cấp nào? Tu đà hoàn của Tiểu thừa, tương đơng với Đại thừa là Bồ tát Sơ tín trong Thập tín Bồ tát. Sơ tín là Tiểu học, Tiểu học của Phật giáo, lớp một Tiểu học. Tiểu học có mười lớp, từ lớp một đến lớp mười, mới lớp một Tiểu học. Lớp một Tiểu học mà đã không coi thân này là của tôi. Thân là gì? Thân này do tôi sở hữu, giống như quần áo, quần áo không phải là tôi, mà nó do tôi sở hữu, bởi thế thân thể không phải của tôi, mà tôi chỉ sở hữu thôi, vậy cuối cùng cái gì mới là của tôi? Những nhà triết học nước ngoài cũng thừa nhận linh hồn mới là của ta. Suy nghĩ có phải là của ta không, vấn đề này hơi khó đối với những người bình thường, họ không chấp thân này là của ta, linh hồn liệu có phải là của ta không? Vẫn không phải. Không thể nói nó hoàn toàn không phải, nó là một cái ngã mê hoặc điên đảo, đó là cái ngã chưa giác ngộ, linh hồn. Nói trắng ra gọi nó là linh hồn là có vấn đề, hồn không linh. Nếu nó linh nó có đi đầu thai vào ba đường ác không? Không thể. Đầu thai vào ba đường ác là mê hoặc điên đảo.

Khổng tử không gọi nó là linh hồn, trong Dịch Hệ Từ, Khổng tử có Lý khi gọi nó là du hồn: Tinh khí tạo nên hình hài, du hồn biến chuyển. Gọi là du hồn, rất chuẩn. Tốc độ của nó rất lớn, không có gì ngăn cản nó được.

Phật pháp gọi nó là linh tánh, bản tánh, Phật tánh, tự tánh, đó mới là cái ngã chân thật. Nó mới là thế giới thân tâm bây giờ của chúng ta, nó là căn nguyên, tất cả từ nó mà biến ra. Trong Phật pháp gọi là vũ trụ chính là thân thể chúng ta, tinh thần, thân thể con người, duy tâm sở hiện, tâm ở đây là chân tâm chứ không phải là vọng tâm, là tánh, chân tánh.

Người xưa cho rằng bổn tánh bổn thiện, bổn tánh mà người xưa nói đến ngang bằng với Phật tánh nhà Phật đề cập. Bổn thiện ở đây không phải thiện trong thiện ác mà thiện ở đây là một đức tính, tức là viên mãn. Giống như minh tâm kiến tánh của đại sư Huệ Năng đã trình lên cho hoà thượng Ngũ tổ Hoằng Nhẫn. Gồm hai mươi chữ, nói rõ những gì ngài đã chứng ngộ. Thế nào là chân như, tự tánh? Câu đầu tiên là “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, tự tánh không mong cầu, nói theo ngôn ngữ ngày nay: không ngờ tự tánh, xưa nay nó đã thanh tịnh. Hiện tại đã ô nhiễm hay chưa? Chưa, chắc chắn là chưa. Tự tánh là chân tâm, là cái ngã chân chánh. Minh tâm kiến tánh tức là tìm ra cái ngã của mình. Câu thứ hai là “vốn không sanh diệt”, nó không có hiện tượng sanh diệt, không sanh không diệt. Câu thứ ba là “vốn tự đầy đủ”, tuy nó không nằm trong hình thức nào, nhưng như vừa nói, nó không có hình dáng, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, không có hiện tượng tự nhiên, nhưng quí vị không thể nói là nó không có, hình dáng nào nó cũng có, vì nó biết biến. Câu cuối “năng sanh vạn pháp”, tất cả các pháp đều do nó biến ra. Còn một câu “vốn không dao động”. Bởi thế chân tâm là định, điều này quí vị cần ghi nhớ. Động là vọng tâm, không phải chân tâm, nghiệp được tạo nên từ vọng tâm là luân hồi sáu đường, chân tâm không tạo nghiệp.

Chúng ta đã nghe những kết quả nghiên cứu khoa học, đối chiếu những nghiên cứu này với những gì Phật đã nói càng ngày càng rõ ràng, càng ngày càng minh bạch. Vũ trụ từ đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Vũ trụ có quan hệ gì với chúng ta? Sau khi đã làm sáng tỏ ta biết rằng vũ trụ với ta vốn cùng một thể, vì thế bất luận hiện tượng ba động của vật chất, vật chất đang chuyển động, nếu nó đứng yên vật chất sẽ biến mất, đó là hiện tượng ba động. Ý niệm cũng là một dạng ba động, tức hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên cũng là hiện tượng ba động. Cái này chuyển động, vừa động là chu biến pháp giới. Tốc độ của nó nhanh gấp mấy lần tốc độ ánh sáng. Ánh sáng mặt trời muốn chiếu đến địa cầu phải mất hơn tám phút. Ba động của vật chất và ba động của tinh thần, vừa động là chu biến pháp giới, cả pháp giới hư không đều nhận được. Thân thể của chúng ta, tâm niệm của chúng ta là một đài phát sóng, nhưng cũng là một đài thu sóng. Khi phát đi ta không hề hay biết, nhưng người khác nhận được. Đài thu của chúng ta, có thể thu tất cả những tín hiệu của vũ trụ, chúng ta vẫn thu được nhưng chúng ta không biết mình đang thu, là bởi cái máy của mình bị sự cố, không nhạy, có nhận được nhưng nhận rồi không đó sự đáp trả. Đến lúc nào ta mới có sự phản ứng? Lúc tâm đã thanh tịnh. Chúng ta hãy xem kinh nói “Thanh tịnh, bình đẳng, giác”, thanh tịnh là A la hán, bình đẳng là Bồ tát, giác là Phật. Khi quí vị đạt đến cảnh giới này thì có thể tiếp thu được. Chúng ta đã nắm được những vấn đề nầy nhưng vẫn chưa chứng được, việc hiểu của ta gọi là giải ngộ, do đọc trong kinh điển mà hiểu, ta nghe giảng sư nói mà hiểu, đấy là giải ngộ, không phải chứng ngộ, chứng ngộ là có hiệu quả ngay. Cũng như nói chúng ta đã hiểu rõ nhưng chúng ta không buông bỏ, vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chưa thể buông bỏ được. Nhưng sau khi đã hiểu rồi, quyết tâm tu hành để biết được rằng, nên buông bỏ. Vì ngay từ đầu không hiểu nên vẫn giữ khư khư không chịu buông bỏ, bây giờ đã biết, nên buông bỏ, buông bỏ là đúng. Buông bỏ là gì? Quay về tự tánh, vì bổn tánh vốn đã đầy đủ, đây là lời của đại sư Huệ Năng.

Trong kinh Hoa nghiêm Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói rất cụ thể, Phật nói đầy đủ cái gì? Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như lai, đó chính là bổn tánh đầy đủ. Trong tự tánh của quí vị đã có vô lượng trí tuệ, vô lượng tài năng, vô lượng tướng hảo, không thiếu thứ gì. Bởi hiện tại quí vị đang có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên không chứng được, vấn đề là ở chỗ đó. Chỉ cần một câu mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói tất cả. Nói cách khác, chúng ta có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, là thành Phật ngay. Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm tấm gương cho chúng ta, buông bỏ hết khi ngồi dưới cội Bồ đề, đại triệt đại ngộ. Ngài Huệ Năng cũng làm một tấm gương cho chúng ta, nửa đêm ngài đến phương trượng Ngũ tổ Hoằng Nhẫn buông bỏ tất cả, buông bỏ như thế là thành Phật, nên Ngũ tổ liền truyền y bát cho ngài.

Môn học Phật pháp là một môn nghe dễ nhưng khó làm. Đây là vấn đề ngày trước đại sư Chương Gia đã dạy tôi. Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh dạy học suốt bốn mươi chín năm, nghe khó nhưng rất dễ thực hiện. Quí vị xem đại sư Huệ Năng khi ở phương trượng, tôi nghĩ ngài ở đó độ hơn hai giờ, hai giờ đồng hồ mà một người phàm phu thành Phật, không gặp một trở ngại nào. Cái khó của chúng ta bây giờ là gì? Đó là không chịu buông bỏ, cho rằng thân này là của tôi, cho rằng thế giới đó là có thật, không biết rằng mình đang nằm mơ. Nếu buông bỏ được là tỉnh mộng ngay, hiểu rõ tất cả. Muốn buông bỏ, việc đầu tiên là lòng tin, ở đây chúng ta đang nói đến tín, hạnh và nguyện. Ngày nay chúng ta liệu đã tin lời dạy của chư Phật, Bồ tát chưa? Chưa. Chúng ta chỉ xem nó là một môn triết học để nghiên cứu, một môn khoa học để nghiên cứu, làm như vậy quí vị chỉ có thể nắm được một phần rất nhỏ thôi, phần rất nhỏ trong đó, còn phần lớn chưa thể nắm được. Mấy người thật sự tin tưởng?

Chúng ta đọc kinh Địa Tạng, rất nhiều người đã tụng kinh này, trong kinh Địa tạng, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã khen ngợi Kiên Lao địa thần, vị thần này tượng trưng cho cái gì? Biểu trưng cho sự vững chải của địa cầu. Thế giới Cực lạc vững chắc, chưa ai nghe thế giới Cực lạc có thiên tai. Địa cầu của chúng ta thiên tai nhiều thế này là do đâu? Bây giờ chúng ta mới hiểu ra. Thế tôn đã nói cho chúng ba độc tham, sân, si, trên thực tế nó là sáu phiền não căn bản, sáu độc chứ không chỉ ba. Sau tham, sân, si còn ngạo mạn, hoài nghi, tất cả chúng ta ai cũng biết tham, sân, si, mạn, nghi. Đến bây giờ chúng ta mới thấy mạn và nghi đáng sợ đến thế nào. Ngạo mạn mang đến cho thân tâm chúng ta phiền não, ngày nay chúng ta nói đến sự bồng bột, đó là do ngạo mạn mang lại. Hoài nghi, nghĩa là không tin rằng chính ta là Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, nhưng chúng ta không tin, không tin mình cũng là Thánh, đây là những lời dạy của người xưa. Câu đầu tiên trong cuốn Đại học khai tông minh nghĩa: Đạo của đại học là làm sáng đức sáng, là thân dân, dừng nơi chí đạo. “Minh đức” là thể, triết học gọi là bản thể. “Thân dân” là hiện tượng, thân dân là gì? Thân ái, yêu người, nhân ái. “Dừng ở chí thiện” là tác dụng, những vấn đề này tương thông với Phật giáo Đại thừa. Thời nay thế nào? Bây giờ minh đức của chúng ta không sáng nữa, bởi thế quí vị thấy sự thông minh của tổ tiên mình, trong chữ minh đức còn thêm chữ “minh”, phải khôi phục lại đức sáng. Minh đức là tự tánh, minh đức là vốn thiện, vì thế nên trong bản thiện bao gồm: Minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện. Bao gồm tất cả, chỉ một chữ làm tượng trưng. Bổn thiện, chúng ta cần thừa nhận. Nói cách khác, phải thừa nhận chúng ta vốn là người tốt, nhưng tại sao lại ngày càng tệ đi? Vì không ai dạy dỗ, không ai bày vẻ cho chúng ta, chúng ta tiêm nhiễm những tập tục xấu. Cổ nhân dạy: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Nếu chúng ở gần Hiền Thánh, tự nhiên chúng ta thành Thánh nhân, ở gần Phật Bồ tát thì chúng ta hiển nhiên thành Phật Bồ tát, nếu ở gần những người xấu ác thì ta sẽ trở thành người ác, đây chính là “tánh tương cận, tập tương viễn”.

Xã hội loạn lạc như ngày nay là do đâu? Cuộc sống biến chất đã làm cho mọi người xấu xa thêm, chúng ta toàn học những điều xấu, ai dạy dỗ chúng ta? Thầy Phương Đông Mĩ có lần nói với tôi: hàng ngày vô tuyến, internet cũng dạy cho ông. Quí vị xem con người ngày nay, ai không xem vô tuyến? Mỗi ngày phải xem mấy giờ, tiếp thu sự giáo dục này, nội dung các kênh truyền hình có gì? Bạo lực, sắc tình, sát đạo dâm vọng, nó chỉ dạy quí vị chừng đó. Nếu những tiết mục trên vô tuyến đều giảng kinh thuyết pháp, hoặc những lời dạy của cổ thánh tiên hiền thì tất cả quí vị sẽ trở thành thánh nhân hết! Trên quả địa cầu này toàn là Phật, Bồ tát, Thánh hiền, rất có ý nghĩa! Vì thế Đại thánh, đại triết, đại hiền xưa nay, họ làm gì? Toàn dạy học. Vì sao? Vì họ biết rằng chỉ có dạy học mới cứu đời được, chỉ có dạy học mới giúp mọi con người trở về bổn tánh, có thể giúp đỡ tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Khổ từ đâu mà có? Khổ là do mê hoặc điên đảo, vì quí vị mê nên suy nghĩ lệch lạc, ăn nói sai lầm, làm việc không đúng, cuối cùng là khổ báo tìm đến. Vui từ đâu mà có? Niềm vui có từ sự giác ngộ, quí vị hiểu rõ, giác ngộ, suy nghĩ đúng đắn, lời nói từ ái, việc làm chuẩn xác, và cuối cùng nhận được kết quả tốt đẹp.

Chúng ta thử nhìn những vị sáng lập tôn giáo trên thế giới, đều là những bậc có trí tuệ lớn, là những vị toàn năng, toàn đức, suốt đời họ phụng sự, nói như ngôn ngữ ngày nay là làm công tác giáo dục xã hội, thực sự quên mình vì người. Không những giáo dục mà cuộc đời họ còn làm tấm gương cho mọi người noi theo.

Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thân từ một vương tử, ngài theo đuổi việc giáo dục xã hội, không mong người khác giúp đỡ ngài, chỉ cần gia đình giúp đỡ đã thừa rồi. Gia thế của ngài là quốc vương, có thể xây cho ngài một đạo tràng, một ngôi trường lớn, đó không phải là một làm đơn giản như trở bàn tay sao? Nhưng ngài không màng, ngài muốn sống đời của một vị sư khổ hạnh, sống tự do tự tại, sống đời rày đây mai đó, suốt đời không có trường lớp, không đạo tràng, không thể nói không có trường lớp nhưng trường của ngài không có cở sở vật chất, vậy lên lớp ở đâu? Dưới gốc cây, bên dòng sông, đến đâu ngồi xuống là có thể lên lớp, quá thoải mái! Mỗi ngày ăn một bữa, ăn xong cất bát, ba y một bát. Nơi ngài cư trú là vùng nhiệt đới, ba y một bát là đủ, đó là vật chất sinh hoạt tối thiểu, chỉ cần mặc đủ ấm, ăn đủ no, thế là đủ, những thứ khác không để mắt đến. Được đại tự tại, thân tâm khoẻ mạnh. Bởi thế chúng ta phải để tâm học hỏi, quan sát tăng đoàn ngày đó, đó là một điển hình cho những người đi sau như chúng ta. Tham đắm vật chất chỉ làm hại người, nhất định phải buông bỏ tất cả những thứ đó. Dạy chúng ta buông bỏ, trước hết ngài đã buông bỏ, chúng ta không thể không tin tưởng. Quí vị xem trong tăng đoàn, trên dưới, lớn bé, không ai là không vui vẻ, khoái lạc không gì sánh được! Niềm vui đó từ đâu? Khổng tử có thể hiểu “học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”. Hỷ duyệt là gì? Mỗi ngày được tỏ ngộ, mỗi ngày được hiểu hơn, nên mới có niềm vui nhiều như thế. Sau này tìm hiểu rõ, thông đạt nhân quả, sự Lý , tánh tướng của cả vũ trụ, rồi lại được sự an lạc lớn lao, đó gọi là thành Phật, thành Bồ tát. Sau khi đã hiểu rõ rồi sẽ làm gì? Dạy học, giúp đỡ mọi người. Ai cũng thành Phật, chỉ hiềm họ mê mờ không giác ngộ, chỉ cần họ quay đầu là có thể giác ngộ, không khác ta, không khác những vị Phật trước đó, hoàn toàn bình đẳng, không hai không khác. Đã là một thể nên hi vọng tất cả chúng sanh, mỗi mỗi đều quay đầu, mỗi mỗi giác ngộ, vì thế Tịnh độ Thường tịch quang là có thật. Kiến tánh là thấy cái gì? Đó là thấy Thường tịch quang, 90% vũ trụ đi đâu? Về Thường tịch quang, bởi thế giới khoa học tìm không được. Vũ trụ bất luận lớn nhỏ, quí vị thấy các hiện tượng của nó, đó là hiện tượng tuần hoàn, quay về về Thường tịch quang là vòng tuần hoàn lớn nhất. Quí vị xem từ lúc nó bắt đầu chưa giác ngộ, bắt đầu từ Thường tịch quang, khi chưa giác ngộ biến thành A lại da, rồi sau đó biến thành cõi Thật báo, rồi biến thành mười pháp giới, biến thành sáu đường, cuối cùng nhờ tu tập rồi từ từ nâng lên, nâng lên đến cuối cùng quay về Thường tịch quang. Đó một vòng lớn nhất nhưng chắc chắn sẽ quay về điểm xuất phát. Chúng ta hiểu được hiện tượng này, phát hiện ra nó.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn dạy: Tham dục, hệ luỵ của lòng tham là thiên tai về nước, hiện nay địa cầu đã xuất hiện hiện tượng nước biển dâng, những vùng đất sẽ bị nhấn chìm trong đại dương, nguyên nhân do đâu? Do yếu tố nào tạo nên? Những người bình thường vẫn nghĩ đó là hiện tượng vật Lý , nhưng hiện tượng vật Lý có giới hạn nhất định, không phải là tất cả. Sau lưng hiện tượng vật Lý là hiện tượng tâm Lý , điều này cao hơn một mức, do lòng tham tác động. Hiện tượng vật Lý không thể nghiên cứu đến mức đó được. Lòng tham tác động, núi lửa tuôn trào, nhiệt độ địa cầu tăng cao, giới khoa học cũng dùng phương pháp vật Lý để nghiên cứu, và cho rằng đó là chất sillic dioxite, họ nghiên cứu vấn đề này. Phật pháp không làm như vậy, Phật pháp cho rằng đó là do lòng sân hận, lòng giận hờn đã làm cho núi lửa tuôn trào, lòng sân hận đã tạo nên hiện tượng địa cầu nóng lên. Ngu si kéo theo những thiên tai về gió bão, chúng ta hãy xem gần đây nước Mĩ hình cũng giống một số châu lục khác, mỗi năm xuất hiện hàng trăm hiện tượng lốc xoáy, một hiện tượng từ xưa đến nay chưa từng xảy ra, đó là do ngu si tạo nên. Hậu quả của ngạo mạn là động đất, hoài nghi càng đáng ngại hơn, hệ quả của hoài nghi là quả đất của chúng ta lún nứt, núi lớn lún nứt, nó sẽ đổ xuống, quả đất lún nứt, nó sẽ chìm xuống đại dương. Liệu có phương án để chữa chạy không? Có. Chữa chạy thế nào? Không tham, không sân, không si, không mạn, không nghi, thì vấn đề sẽ được giải quyết. Chúng ta đừng hoài nghi bản thân mình, đừng hoài nghi tất cả chúng sanh, cần có niềm tin. Người khác lừa ta, đó là việc của họ, ta đừng lừa họ lại. Họ lừa mình, mình vẫn tin họ. Lòng tin của tôi đã vững vàng thì thân tâm mạnh khoẻ, nếu lúc nào mình cũng hoài nghi thì hệ miễn dịch của ta bị giảm sút rất mạnh, chắc chắn quí vị không ngăn được sự xâm nhập của mầm bệnh, có nghĩa là rất dễ mắc bệnh. Là bởi cơ thể của quí vị, tinh thần của quí vị, thân thể dặt dẹo, không chắc chắn, vì thế lòng tin rất quan trọng! Với bản thân thì nó bảo vệ sức khoẻ cho quí vị, còn với môi trường xung quanh thì cả vùng đất nơi quí vị ở sẽ vững chắc, sẽ không xảy ra tai nạn.

Phật phát đi sâu hơn một mức để nói cho chúng ta về tâm Lý , vật Lý được xây dựng trên nền tảng tâm Lý , vì thế ngày nay giới khoa học chỉ nghiên cứu tầng bên trên, họ không hiểu được tầng bên dưới, vì vậy họ không giải quyết vấn đề một cách triệt để.

Ưu điểm của thế giới Cực lạc là ở đâu? Có phải là nơi tập khí phiền não của mọi người không? Không. Mỗi người khi vãng sanh đến thế giới Cực lạc đều có đức tin rất kiên cố. “Các bậc thượng thiện nhân ở chung một chỗ”, cư dân ở thế giới Cực lạc không có tà niệm, không có những hành vi không chính đáng.

Những người thế giới chúng ta đây, nếu học được những đức hạnh của những cư dân thế giới Cực lạc, thì quả đất của chúng ta sẽ trở thành thế giới Cực lạc ngay, việc này nói lên điều gì? Cảnh theo tâm chuyển! Thân thể chúng ta là chỗ chúng ta thân cận nhất, là một hiện tượng vật chất, một cảnh giới, tâm Lý quí vị vững vàng thì cơ thể mới mạnh khoẻ được. Đầu óc quí vị lúc nào cũng nghi ngờ không biết chỗ đau này của tôi đã mắc bệnh gì, chắc chắn mấy hôm sau quí vị sẽ mắc bệnh ngay, đến bác sĩ, quả thực không sai. Bệnh đâu ra? Từ nơi suy nghĩ của quí vị. Sao quí vị không nghĩ mình là người khoẻ mạnh, mà lại nghĩ mình bệnh hoạn? Bác sĩ chữa bệnh, nói thật, bác sĩ có thể chữa lành bệnh cho quí vị không? Không bao giờ. Làm sao để chữa lành được? Chỉ có lòng tin mới chữa lành được. Người bệnh này đặt niềm tin vào ông bác sĩ này, mua thuốc ông đó uống thì bệnh liền khỏi. Người bác sĩ kia tay nghề giỏi hơn ông này, nhưng người bệnh không có lòng tin, xin thuốc không đúng, lại xin thuốc bên này. Thuốc linh hay không quan trọng ở chỗ nào? Lòng tin. Phải nắm được vấn đề. Chúng ta đặt niềm tin vào Phật, Bồ tát. Phật Bồ tát mỗi ngày ăn một bữa, ta mỗi ngày cũng ăn một bữa, thì bữa ăn đó mới thoải mái, hoan hỉ. Ăn ít một bữa, dư ra rất nhiều thời gian. Cần đặt niềm tin nơi mình, trong này có một chân Lý , thân thể là một cỗ máy, cỗ máy cần tiêu hao năng lượng, giống như chiếc ô tô, nếu không bơm xăng nó không thể chạy được. Cỗ máy con người này, ăn uống chính là bơm xăng cho nó. Năng lượng bị tiêu hao nhưng tiêu hao như thế nào? Lao tâm, lao lực thì năng lượng tiêu hao không nhiều, nhưng tiêu hao năng lượng lớn nhất đó là vọng niệm, suy nghĩ lung tung. Thầy giáo của tôi, lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, tôi theo học với ông, năm đó tôi 31 tuổi, ông đã hơn 70, hơn tôi 39 tuổi. Mỗi ngày ông làm việc bằng khối lượng công việc năm người làm gộp lại, một khối lượng công việc rất lớn, lại còn dạy một lượng học sinh rất đông, mỗi ngày ăn một bữa. Khi tôi theo học Phật, tôi bỏ luôn bữa tối, mỗi ngày ăn hai bữa. Tôi nghĩ thầy giáo là người lớn tuổi, làm việc nặng nhọc mà mỗi ngày ăn một bữa vẫn đủ sống thì tôi ăn hai bữa là quá ổn, tôi học theo thầy. Khi tôi học được tám tháng mới nói chuyện với thầy: Thưa thầy, bây giờ con cũng ăn ngày một bữa, ông bảo: Lâu chưa? Thưa tám tháng rồi ạ. Thấy cơ thể đã có sự thay đổi nào chưa? Dạ chưa, vẫn bình thường ạ. Nghe thế, ông vỗ bàn đánh bốp: Tiếp tục thực hiện đi, suốt đời đừng mong người khác. Tôi sống khá đơn giản, không cầu cạnh ai, vì thế tôi cùng ông thảo luận vấn đề này. Tôi thưa, năng lượng tiêu hao độ 95% vào vấn đề vọng niệm. Thầy đã ấn chứng cho tôi là đúng. Vì thế năng lượng dùng cho lao động tay chân và lao động trí óc rất ít, đây được gọi là dùng chính thức, suốt ngày suy nghĩ lung tung, nhất là nghi ngờ, năng lượng bị tiêu hao trong việc nghi ngờ là cực lớn, không nên như vậy. Người khác lừa ta, ta nên tin họ, họ chống lại ta, ta vẫn cứ tin họ, họ làm hại ta, ta vẫn cứ tin họ, không vấn đề gì! Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, cần gì phải lao đao vì nó? Đừng tự mình mang hoạ vào thân. Tâm mình chánh, người khác muốn hại cũng không hại được, danh văn lợi dưỡng là những thứ ngoài thân, ta vốn muốn bỏ nó đi, họ muốn làm chướng ngại, nhưng căn bản không liên quan gì đến ta! Chỉ cần hoan hỉ là được. Sau khi đã hiểu ra, họ càng tôn trọng mình, cảm thấy trong cuộc đời ta vẫn còn gặp được người tốt, họ sẽ tỉnh ngộ, nhưng mình cần có lòng nhẫn nại, đừng trách họ, tất cả tuỳ duyên, lúc đó quí vị mới là người tự tại.

Bởi vì, “lòng tin là mẹ của tất cả các công đức”, thế nên lòng tin của chúng ta rất quan trọng, con người phải có đức tin kiên định, tự tin. Phật pháp được kiến lập trên cơ sở tự tin bản thân.

Khi tôi sống bên Mỹ, một hôm có vị trưởng lão hội Thiên chúa giáo đến cùng tôi nghiên cứu tông giáo, ông ta bảo Thiên chúa giáo có những điểm rất gần với Tịnh tông của tôi, nếu tiếp cận về phương diện đức tin. Thiên chúa giáo dạy phải tin Thượng đế, các vị bảo tin Phật A di đà. Tôi trả lời có sự khác nhau, khác nhau thế nào? Điều đầu tiên trong niềm tin của Phật giáo là tin bản thân mình, sau đó mới tin Phật. Trong tác phẩm Di đà Kinh Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã nói về tín, hạnh, nguyện. Riêng về đức tin, ngài nói có sáu điều: Thứ nhất, tin bản thân, nếu không tin mình thì tin Phật cũng không giải quyết được vấn đề gì, Phật không thể cứu giúp ta được. Trước hết phải tin ta là Phật, ta vốn là Phật, lúc đó Phật mới giúp ta quay về tự tánh, giúp ta thành Phật. Nếu không tin thì đành chịu.

Đức tin của quí vị không giống đức tin bên chúng tôi, niềm tin đầu tiên của quí vị là tin Thượng đế. Bên chúng tôi đầu tiên là tin bản thân, sau đó mới tin Phật Bồ tát, tin người khác. Cuối cùng mới tin sự, tin Lý , tin nhân, tin quả, sáu điều. Đức tin đầu tiên rất quan trọng, nếu mất niềm tin đầu tiên, tất cả đều mất hết. Ngày nay được mấy người tin bản thân mình? Bởi thế Phật pháp mới lu mờ, ngày nay rất nhiều người muốn ra sức nhưng không thể, không thành công trong việc tu học là do? Không có lòng tin chính mình.

Gần đây nhắc đến vùng Đông bắc, có người bạn đồng tu đó là cư sĩ Lưu Tố Vân, bà thực sự thành công sau mười năm. Bí quyết thành công của bà là gì? Lòng tin bản thân. Mọi người hỏi bà bí quyết thành công của bà là gì? Bà trả lời, trong sáu chữ: Chân thành, nghe lời và thật tu. Những bậc Thánh hiền xưa nay, có ai thành công mà không nhờ vào sáu chữ này! Mười năm trước bà nghe đĩa giảng của tôi, nghe những gì? Bà chỉ hiểu một câu rồi nỗ lực thực hiện, câu nói tôi thường nói cũng là câu nói của chư Tổ sư, không phải chính tôi, “nhất môn thâm nhập trường thời huân tu”, bà đã nghe câu này. Vì thế cả cuộc đời của bà gắn với bộ kinh Vô lượng thọ, câu A di đà Phật,“nhất môn thâm nhập”! Mười năm đọc một bộ kinh và chỉ niệm một câu A di đà Phật. Cuối cùng bà đã đắc niệm Phật tam muội, bà đã khai ngộ. Quí vị nên biết tam muội là được định, nghĩa là chúng ta tập trung ý chí, tinh thần, thời gian lại một chỗ, rất khó thực hiện! Một người bình thường, tâm cần ba, bốn năm mới định, không còn vọng niệm nữa, năm sáu năm mới chắc chắn có sự khai ngộ, có chỗ tỏ ngộ, không thể so với việc đại triệt đại ngộ của đại sư Huệ Năng, nhưng cũng là đại ngộ, trí tuệ hiển bày. Phương pháp dạy học của người xưa, chúng ta thời này không thể so sánh được. Bây giờ chúng ta đang làm trái, học theo phương Tây, học khoa học và bị nó đánh lừa. Phương pháp cổ xưa của người xưa là dạy học, quí vị xem, mỗi thời đại trong lịch sử đều có, tuy không nói có Thánh nhân xuất thế nhưng hiền nhân quân tử thì rất nhiều, đời nào cũng có hiền nhân, quân tử.

Cắt từ phút 58:54 đến phút 59:51 *Phật giáo được truyền đến đây độ hai ngàn năm nay nhưng người Trung quốc tu tập đạt đến cảnh giới của Phật Thích ca mâu ni, tính sơ cũng có đến trên ba nghìn vị, thành tựu này có thể có không? Trong tác phẩm Ngũ đăng hội nguyên của thiền tông đã ghi nhận 1700 vị khai ngộ. Giáo môn những người niệm Phật Lý nhất tâm bất loạn đại khai viên giải, lại còn Tam mật tương ưng, tổng cộng tất cả không thể dưới ba nghìn người. Nếu hợp cả Nho giáo và Phật giáo lại thì Thánh hiền quân tử ở Trung quốc đời nào cũng xuất hiện.*

Phương pháp dạy học tư thục truyền thống rất hay, cả đời đi học của tôi từng chút một, đó là nhờ phương pháp dạy tư thục mà ra. Tôi học triết học với thầy Phương, nói thật với quí vị, là bằng cách dạy tư thục, tôi nằm mơ cũng không dám nghĩ, thầy là người có địa vị cao như thế, tôi nghèo rớt mùng tơi, nhưng tôi đã viết một bức thư thỉnh giáo nơi thầy, mong thầy chấp nhận cho chúng tôi đến trường bằng cách dự thính các lớp của thầy. Không ngờ sau khi thưa chuyện, thầy cho chúng tôi biết: trường học hiện nay, thầy không ra thầy, trò không ra trò, nếu anh muốn đến dự thính thì sẽ thất vọng rất lớn. Nghe thầy từ chối thẳng thừng, buồn lắm, nhưng vẫn cố giữ bình tĩnh, không ngờ thầy rất thương yêu, ủng hộ hết mình những người trẻ tuổi. Độ năm, sáu phút sau, thầy bảo: Thôi thế này, mỗi chủ nhật anh đến chỗ tôi, tôi sẽ dạy cho anh độ hai giờ. Từ đó chúng tôi bắt đầu học, một thầy một trò trên một chiếc bàn tròn, đúng là dạy tư thục.

Tôi đến học ba năm với đại sư Chương Gia cũng bằng cách học tư thục, học sanh chỉ mỗi một mình tôi, mỗi tuần cũng hai giờ, tiếp thu những lời dạy của người, cũng không phải cùng nhau.

Chỉ có học mười năm với thầy Lý , vì thầy Lý chính thức mở trường dạy, nhận hơn hai mươi mấy học sinh, thầy dạy chúng tôi giảng kinh, chỉ trong lớp này tôi mới học cùng mọi người. Không hướng dẫn riêng, nhưng thầy rất quan tâm, thầy thuộc như lòng bàn tay về cách học tập của chúng tôi, rất quan tâm săn sóc, chúng tôi luôn ghi ơn thầy. Vì sao vậy? Vì phương pháp dạy học tư thục xưa hoàn toàn tiếp nối phương pháp dạy học cổ xưa. Tôi cho rằng phương pháp dạy học này không thể ngắn hơn mười ngàn năm. Văn tự xưa có mặt bắt đầu từ thời Hoàng Đế, nhưng ghi chép bằng văn tự chỉ có bốn ngàn năm trăm năm, trước đó văn tự chưa có, chỉ truyền miệng từ đời này sang đời khác, vậy liệu có thất truyền không? Tôi tin không thất truyền, tại sao? Những gì được truyền tụng là thứ tinh tuý, là nguyên tắc, nguyên Lý , không dài dòng. Tinh tuý văn hoá xưa gồm bốn khoa mục, có thể tính chính thức từ đời vua Nghiêu, nhà nước đã phái một vị quan coi việc giáo dục, lúc bấy giờ được gọi là quan Tư đồ, được xây dựng chính thức từ thời vua Nghiêu, họ dạy những gì? Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, như vậy thì làm sao truyền sai được? Tôi tin những luân Lý này không phải do những người lúc bấy giờ phát minh ra, mà được truyền nhau từ đời này sang đời khác, mười ngàn năm nên dứt khoát không thể có chuyện tam sao thất bổn. Vì ngũ luân chỉ có hai mươi chữ: Phu tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín. Quí vị xem liệu có truyền sai sao? Dù truyền lại mười ngàn năm vẫn không truyền sai, rất đơn giản mà! Ngũ thường lại càng ngắn gọn hơn, chỉ mỗi năm chữ: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, liệu có truyền sai không? Tú duy chỉ có bốn chữ: Lễ, nghĩa, liêm và sỉ. Bát đức: Hiếu, để, trung, tín, nhân, ái, hoà, bình, chắc chắn là không truyền sai, dù truyền lại mười ngàn năm cũng không sai. Bởi thế Khổng tử biên tập lại những lời giáo huấn của cổ Thánh tiên hiền rồi truyền cho những người đời sau. Khổng tử là người biên tập lại, bởi thế Khổng tử được xưng là tập đại thành. Bản thân ông không sáng tạo, không phát minh, ông rất chân thật, quí vị xem trong tác phẩm Luận ngữ, ông tự gởi thiệu cho chúng ta: Thuật nhi bất tác. Ý nói ông ta là người thuật lại lời của cổ thánh tiên hiền, suốt đời ông chưa từng sáng tác, chưa phát minh. Cũng có nghĩa là những gì ông học được, tu được, những lời dạy, những gì truyền lại đều là sản phẩm của các bậc Thánh hiền xưa, không có gì là của ông cả. “Tín nhi hiếu cổ”, quan trọng chữ tín! Ông tin những lời của các bậc Thánh hiền xưa, “tín nhi hiếu cổ”, thích thú với những gì tiền nhân để lại, Chu Công là thần tượng trong lòng ông, Văn Vũ, Chu Công đều là những thần tượng của ông, ông đặc biệt sùng bái Chu Công. Chu Công là một bậc Thánh. Chúng ta thử quan sát, sự phát triển liên tục qua các thời đại của văn hoá Trung quốc, đến triều Thanh được biên tập lại thành “tứ khố toàn thư”. Nếu mở Tứ khố toàn thư ra, quí vị thử xem có chương nào đi ngược lại Tứ khoa không? Tứ khoa là cương lĩnh chung, bất cứ giai đoạn nào, nghiên cứu lĩnh vực nào, sáng tạo gì, phát minh những gì, đều không thể vượt ra khỏi Tứ khoa. Bởi thế mà quốc gia này được an ổn trong một thời gian dài như thế. Những người nước ngoài khi nghiên cứu lịch sử này, không ai không khâm phục người xưa, thậm chí Thacher, trong một lần nói chuyện với Trì Điền Đại Tác, người Nhật, những ghi chép trong cuộc hội thoại này tôi đã được đọc, lần đó họ bàn về Lý tưởng, họ hi vọng sau này thế giới sẽ trở thành một ngôi nhà chung, lúc đó chiến tranh sẽ chấm dứt, một quốc gia cho cả thế giới, nhưng ai là người có tư thống nhất toàn thế giới? Thacher nói rất đúng, ông ta không thiên vị. Từ lúc nhà Tần thống nhất Trung quốc cho đến nay vẫn thống nhất, vì họ thống nhất được trí tuệ, thống nhất về phương pháp, thống nhất kinh nghiệm, nên đạt hiệu quả thống nhất, ông ta nêu ra rất nhiều điều kiện. Ở châu Âu, La mã thống nhất Âu châu một ngàn năm, sau khi bị tiêu diệt thì không thống nhất lại được nữa, biến mất luôn. Đây là quan điểm của người Anh, không phải chúng ta nói đâu, nếu chúng ta nói sẽ không ai tin. Giai đoạn này chúng ta đang hướng tầm nhìn ra thế giới, học tập những gì bên ngoài, sai lầm, chúng ta bị thiệt, đang bị lừa. Ta vứt bỏ những gì mình có được, mà những gì mình có là bảo bối. Trung quốc nổi lên phải khiến những quốc gia khác phải e sợ, những quốc gia khác phản đối Trung quốc đang uy hiếp họ. Kì thực Trung quốc không uy hiếp người khác mà đang nói đạo đức luân Lý , nếu có người Trung quốc trong xã hội, trên trường quốc tế, thì họ sẽ tuyên bố với tất cả mọi người và ngộ nhận này sẽ được hoá giải. Thế kỉ 21 là thế kỉ của người xưa, đây là nhận định của người nước ngoài, tôi tin đây là thế kỉ văn hoá của người xưa vì người xưa đã dùng văn hoá chú không phải bằng chính trị hay quân sự, không phải khoa học kĩ thuật hay buôn bán kinh doanh để thống nhất thế giới, đó là văn hoá, đó chính là ngũ luân, tứ duy, ngũ thường, bát đức. Nếu nói đơn giản hơn, chúng ta gộp lại trong mười hai chữ, hợp tác với bất cứ một người nào trên thế giới họ cũng đều vui vẻ, mười hai chữ đó là: Hiếu, để, trung, tín, nhân, ái, hoà, bình, lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Không cứ quí vị là người dân tộc nào, thuộc hệ thống văn hoá nào, tín ngưỡng ra sao, chỉ cần nói là họ chấp nhận, không một ai phản đối. Cần hiếu hảo không? Hiếu hảo, không ai không muốn. Cần để không? Để có nghĩa tôn kính người trưởng thượng, ai cũng bằng lòng. Không ai phản đối bất cứ một yếu tố nào cả. Vì thế chúng ta phải có lòng tin rằng, văn hoá xưa được phổ biến khắp thế giới. Cả xã hội loài người ổn định thì tai nạn trên quả đất cũng được hoá giải, nhân loại đối đãi với nhau hài hoà, tôn trọng lẫn nhau, yêu thương lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, làm sao không tốt được? Cái gì cũng ồn ào, đánh nhau giết nhau sao? Sai lầm.

Mười năm gần đây tôi di dân đến Australia, quốc gia này đã mang đến cho tôi một cơ hội đó là làm đại biểu tham gia hội nghị Hoà bình của Liên hợp quốc, nằm mơ chúng tôi cũng không dám nghĩ một sự kiện như thế sẽ đến với chúng tôi. Sau khi tham gia mười mấy kì hội nghị như thế, chúng tôi mới nhận ra một điều và cũng nhân cơ hội này mà chúng tôi được tiếp xúc với rất nhiều nguyên thủ các quốc gia, chúng tôi đã đưa ra kinh nghiệm của người xưa bằng cách dùng thương hiệu tiến sĩ Thacher, đó là học thuyết Khổng Mạnh và Phật giáo Đại thừa, tất cả đều đồng tình, không một ai phản đối. Đạo Islam, Ấn độ giáo, đều đồng tình. Gần đây, khi chúng tôi ở Australia, giáo thọ đạo Baha’s trở thành những người bạn thân của chúng tôi. Thiên chúa giáo, tôi đã hai lần đến thăm Vatican và cũng đã kết thâm với họ. Chúng ta có thể cùng dắt tay nhau để giúp đỡ thế giới trở lại ổn định, khôi phục hoà bình, bản thân chúng tôi muốn mang hết sức mọn của mình để đóng góp, hi vọng những bạn bè đồng học trẻ tuổi cần nỗ lực học tập văn hoá truyền thống xưa, học tập Khổng Mạnh, học tập Đại thừa, quí vị sẽ nhận được sự hỉ lạc rất lớn. Sinh hoạt tinh thần nhất định sẽ vượt qua cuộc sống vật chất. Đời sống vật chất là chuyện nhỏ, chỉ cần ăn đủ no, mặc đủ ấm, có căn phòng nhỏ che mưa tránh nắng là đủ, như thế thì niềm vui sẽ vô biên! Sống ngày nào cố gắng làm những việc có ích, tin lời dạy của tổ tiên là đúng, tổ tiên lúc nào cũng thương yêu con cháu, yêu thương những người đi sau, nghĩ thay tất cả những điều con cháu mình nghĩ, không một quốc gia dân tộc nào trên thế giới có được. Ân huệ lớn nhất, nói thực, là văn tự xưa, dạng cổ văn, không thể tìm ra một loại văn tự thứ hai như thế, đưa tất cả những trí tuệ, kinh nghiệm, phương pháp của họ trực tiếp truyền lại cho những người đi sau, sử dụng công cụ này. Họ biết ngôn ngữ sẽ thay đổi, nên mới chia tách ngôn và ngữ thành hai thứ riêng biệt, vì văn miên viễn không thay đổi nên mới gọi là văn ngôn, mãi mãi bất biến. Ngôn ngữ biến hoá đến đâu nhưng văn ngôn vẫn được giữ nguyên, chỉ cần hiểu được văn ngôn, đọc được văn ngôn, đồng nghĩa với những người sau hai ngàn năm trăm năm chúng ta đang đọc những gì những người trước đó hai ngàn năm trăm năm đã viết, giống như viết một bức thư trước người đối diện vậy, quí vị không hề hiểu sai về họ. Phát minh này, trên thế giới không thể có một nhà thứ hai, chỉ một mà thôi. Những quốc gia khác như văn tự cổ, phải nhờ chuyên gia, khảo cổ đến kết luận mà vẫn chưa làm sáng tỏ, nhưng quí vị thấy tầm nhìn của tổ tiên chúng ta chưa? Thật là trí tuệ vô song, phát minh một thứ, có thể lưu truyền qua hàng ngàn năm vẫn giữ nguyên.

Học cổ văn có khó không? Không khó. Ngày trước thầy giáo dạy chúng tôi, phải học thuộc 50 thiên cổ văn mới có thể đọc hiểu, phải học thuộc 100 thiên cổ văn mới viết được, viết được cổ văn. Mỗi tuần chúng ta học thuộc một thiên, hai năm được 100 thiên, hai năm là chúng ta có thể nắm được chìa khoá của cổ văn, lúc đó Tứ khố toàn thư trở thành kho báu của quí vị. Không khó! Hai năm học ngoại ngữ quí vị vẫn chưa thành thạo, hai năm học cổ văn là ổn. Từ đây quí vị có thể thấy, bậc Thánh hiền ngày xưa đã thương yêu con cháu như thế nào, đã nghĩ ra phương pháp tối ưu. Văn tự xưa là kí hiệu của trí tuệ, quí vị không biết đọc, chỉ cần nhìn vào hình dáng là có thể hiểu được nghĩa của nó, hiểu nó tượng trưng cho thứ gì, đó là dùng kí hiệu, kí hiệu của trí tuệ, điều này không có trong văn tự của các quốc gia khác. Đòi hỏi phải thực sự thông đạt mới cảm nhận được, vinh hạnh biết bao, khó khăn biết bao khi được làm một công dân nước này! Đông đủ những Thánh hiền, tổ tiên hay như thế, nếu bây giờ chúng ta không nỗ lực học tập thì chúng ta không xứng đáng với tổ tiên.

Đọc gia phổ, tôi tâm đắc một điều, phần lớn dân tộc Hán là con cháu của Hoàng Đế, nếu tìm về tổ tiên chắc chắn quí vị sẽ tìm thấy, ông là người đầu tiên. Gia phổ của tôi vẫn còn, khi cuộc cách mạng văn hoá bùng nổ chúng tôi đang ở hải ngoại, điều lo lắng nhất của tôi là gia phổ, còn những thứ khác tôi không để ý, vì sao? Nếu mất gia phổ, chúng ta sẽ mất gốc, không bao giờ tìm lại được. May là đức độ ông bà vẫn còn nên vẫn bảo lưu đầy đủ, chúng tôi đã có được. Từ Hoàng Đế đến đời chúng tôi trải 136 đời, chúng tôi đã chia thứ tự các đời, đến đời chúng tôi, chúng tôi thuộc họ Từ, là con thứ hai của Hoàng Đế, tên Xương Ý, chúng tôi là đời sau của Xương Ý, họ Từ đến thứ sáu mới có. Đời thứ sáu là Vương Khởi, con trai của Hạ Vũ, khi làm quốc vương được phong Nhược mộc, tổ tiên chúng tôi thuộc đời thứ sáu, được phong quốc vương của nước Từ, bây giờ là vùng Từ Châu, ngày xưa là nước Từ. Về sau quốc gia này không còn nữa nên dùng tên đó làm họ, họ này từ đó mà ra. Cuốn gia phổ này ghi chép rất rõ ràng, làm sao không yên quí gia đình mình được? Ngày nay liệu được mấy gia đình tìm được tổ tông, tìm về trước 4500 năm? Không có, cả thế giới cũng không tìm được. Người xưa rất coi trọng vấn đề này, bởi thế quí vị sẽ trân quí gia đình mình, yêu quí quê hương mình, yêu nước, yêu quê, gốc gác là ở đây. Tất cả những thứ này không có, con người không thể yêu nước, cũng không thể yêu quê hương được, thế mới gọi là bi thảm!

Công đức tế tự Xuân Thu ở đâu? Là nơi “Cẩn thận khi mất, làm sáng đức nhân hậu”, lòng hiền lành, thuần hậu của người dân được nuôi dưỡng từ những chất liệu như thế. Ai ai cũng tôn kính tổ tiên của mình, mỗi người đều tôn trọng nơi thờ tự, đó chính là văn hoá truyền thống xưa. Nền văn hoá này nên được truyền bá ra cả thế giới, ngày xưa cha ông họ chưa nhận thức được điều này thì bây giờ nên xây dựng, như người xưa đã sáng tạo ra gia phổ, lúc đó quí vị mới nghĩ về cha mẹ, ông bà nội, ông bà cố của mình, như thế mới có thể ghi nhớ được. Quí vị hãy thường viết ra sự truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác, đây là một bài học rất quan trọng, chúng ta nhất định không được xem nhẹ.

Hoàng gia có Thái miếu, dân gian có tự đường để ghi nhớ tổ tiên, nhớ ơn tiên tổ mới có thể hiếu kính cha mẹ, nhớ ơn tiên tổ mới có thể ghi ơn cha mẹ. Ngày nay chúng ta rất coi nhẹ việc này, nên nhanh chóng tìm lại, may ra còn kịp.

Ngày trước chúng tôi làm thí nghiệm ở Thang Trì, tôi vô cùng kinh ngạc, là bởi nó nhanh quá, chúng tôi cho rằng phải dạy học ba, bốn năm mới nhận được kết quả, nào ngờ chỉ ba tháng, chưa đến bốn tháng, nhân dân làm sao dễ tiếp thu thế này! Điều này càng khẳng định “tánh người vốn thiện”, con người rất dễ dạy bảo, con người vốn lành, họ chỉ mê lầm một lúc, sai lầm một lúc, một khi đã tỉnh ngộ, họ liền quay đầu, lập tức sám hối. Bởi thế qua thí nghiệm đó, đã khiến lòng tin chúng tôi càng kiên định hơn về văn hoá truyền thống xưa, giáo Lý Đại thừa. Trước khi chưa làm thí nghiệm, khi có những người chất vấn, đẩy chúng tôi đến độ gần như hoài nghi những gì mình làm, qua đợt thí nghiệm này, chúng tôi khẳng định là đúng, không phải giả dối. Vì thế mọi người phải coi trọng lòng tin. Người xưa có câu: “không giao thiệp với người không có lòng tin”, ý nghĩa của chữ “tin” ở đây rất sâu sắc, trong Phật pháp nói công đức của niềm tin là vô lượng vô biên. Quí vị xem vừa rồi tôi đã nói, đối với mình, thân tâm sẽ khoẻ mạnh; với môi trường, môi trường xung quanh chúng ta cư trú, thiên tai được giảm thiểu. Nó có tác dụng lớn như vậy, nên con người không thể thiếu niềm tin, nếu thiếu nó sẽ không thành công trong lĩnh vực nào. Quí vị xem, “giả sử trì danh hiệu đến mức gió thổi không lọt, mưa tuôn không ướt, như tường sắt vách đồng, vẫn không vãng sanh được”, đấy là nói nếu không có niềm tin thì cho dù niệm Phật nhiều đến đâu cũng không có tác dụng, không được vãng sanh. Việc đầu tiên là phải xây dựng lòng tin, chư vị cổ đức của cả hai nước Trung-Nhật, tuy cách xa về địa Lý nhưng vẫn tương đồng quan điểm, tất cả đều cho rằng tín nguyện là nhân tố chủ chốt trong việc vãng sanh. Họ là những bậc tai mắt của trời người nhưng đều đồng ý, tán thán với chư vị tổ sư của hai nước này. Nhiều vị cao tăng Nhật bản, đều sang học tập dưới thời Tuỳ-Đường. Phần lớn họ được thân cận đại sư Thiện Đạo, tổ sư đời thứ hai của Tịnh tông, không ít người thân cận đại sư Trí Giả núi Thiên Thai. Bởi thế ngày nay ở Nhật bản, tượng đại sư Thiện Đạo rất nhiều, có thể bất kì ngôi chùa nào cũng có tượng đại sư Thiện Đạo, họ sùng bái đại sư còn hơn cả sùng bái Phật, là bởi đại sư đã trực tiếp trao truyền cho họ, là người thầy thân cận của họ. Tất cả những vị này đều nói đến chữ tín, tin một cách chắc chắn và mong cầu chí thiết, cho rằng đây chính là nhân tố chủ yếu đầu tiên để được vãng sanh thế giới Cực lạc. Nếu không có tín nguyện thì niệm Phật cũng vô dụng. Bởi thế mới tôn xưng họ là tai mắt của trời người.

Lại Di Đà Sớ Sao nói- tác phẩm Sớ Sao là của đại sư Liên Trì, năm Vạn Lịch đời nhà Thanh, ngài nói: Chỉ cần có nguyện, không ai không sanh. Nên biết nguyện lực rộng lớn như vậy, sao lại không tin, sao lại không nguyện. Có nguyện nhất định có hạnh, nếu không có lòng tin thì nguyện vãng sanh không có được. Bởi thế trong ba điều kiện, lòng tin đứng đầu, thứ hai là nguyện, thứ ba là niệm Phật. Cần phải xác định được mục đích của việc niệm Phật, đấy là niệm vứt bỏ tất cả những vọng niệm của mình, niệm tâm thanh tịnh của mình, niệm bình đẳng giác, được như thế mới đúng. Nếu không đạt được ba điều ấy mà muốn cầu sanh Tịnh độ, có thể vẫn được vãng sanh, đây là công đức không thể nghĩ bàn của việc niệm Phật. Nếu quí vị niệm đến mức được tâm thanh tịnh, thì việc vãng sanh Tịnh độ là điều chắc chắn, vì sao? Vì con đường đã thông rồi, đường dây nóng nối được với Phật A Di Đà rồi, muốn đi lúc nào cũng được. Nhưng phẩm vị không cao khi đến thế giới Cực lạc, sanh vào cõi phàm thánh đồng cư. Nếu tâm bình đẳng hiển lộ thì được sanh vào cõi phương tiện hữu dư. Nếu quí vị đã khai ngộ, đại triệt đại ngộ, tức là giác, khi giác ngộ rồi quí vị sẽ sanh vào cõi Thật báo trang nghiêm. Mỗi mỗi đều khác nhau! Nên nhớ rằng, nếu muốn có được tâm thanh tịnh bình đẳng, dứt khoát quí vị phải buông bỏ. Tôi thường dạy mọi người, độ hai ba mươi năm trở lại đây, phải buông bỏ tự tư tự lợi, phải buông bỏ danh văn lợi dưỡng, phải buông ngũ dục lục trần, phải buông bỏ tham sân si mạn. Tôi chỉ nói đến mười sáu chữ, mười sáu chữ này cản trở chúng ta, buông bỏ thì không còn trở ngại nữa, việc tu Tịnh độ chắc chắn thành công. Tu những pháp môn khác có thể không buông bỏ với mười sáu chữ này. Mười sáu chữ này có thể đưa ta đến cổng trường, nhưng chưa bước vào cổng, muốn vào cổng, tiêu chuẩn này có thể không phù hợp, phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Tiêu chuẩn của Phật là gì? Kiến tư phiền não, tiêu chuẩn này cao hơn tiêu chuẩn tôi đưa ra, đầu tiên là phá kiến hoặc. Thế nào là kiến hoặc? Tất cả những cách nhìn sai lầm của ta, phải buông bỏ nó. Đầu tiên taphải buông bỏ thân kiến, tức là buông bỏ suy nghĩ thân này là của ta, phải hiểu một cách triệt để, rõ ràng thân này không phải là ta, gọi là phá thân kiến. Lúc đó quí vị mới chính thức đi vào của nhà Phật, lớp một cấp Tiểu học. Tiêu chuẩn của tôi là dẫn quí vị đến cửa, buông bỏ tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, đó là dắt quí vị đến cửa, chưa vào trong. Điều kiện đầu tiên để vào trong là buông bỏ thân kiến.

Thứ hai là buông bỏ biên kiến, biên kiến là gì? Đối lập, tương đối. Trong sinh hoạt đời thường, ta không đối lập với người khác, họ đối lập với mình thì được, nhưng ta không thể đối lập với họ. Không đối lập với mọi việc, không đối lập với tất cả vạn vật. Nghĩa là quí vị phải mở rộng lòng mình ra, xem tất vả mọi người, tất cả mọi việc, tất cả vạn vất là bình đẳng, là mở rộng tấm lòng. Người xưa có câu lòng rộng thì phước nhiều. Trong lòng quí vị xem cái này không vừa mắt, không hứng thú với cái kia, cái này không tốt, đây là sự sai lầm quá nghiêm trọng. Người có lòng dạ hẹp hòi thì không học Phật được, người học Phật cần có tâm lượng rộng mở, đây là điều kiện thứ hai.

Điều kiện thứ ba gọi là kiến thủ kiến, thứ tư là giới thủ kiến, hợp cả hai thứ này lại, người xưa gọi là thành kiến. Người nào đó có thành kiến sâu sắc, giới thủ kiến thuộc về thành kiến của nguyên nhân, kiến thủ kiến là thành kiến của kết quả, đầu tiên ở đây là nhân quả. Không được có thành kiến, mang thành kiến thì không thể tuỳ duyên, qúi vị mong người này hợp với mình, tôi không thể cùng với người khác được. Không có thành kiến, chúng ta mới có thể tuỳ thuận tất cả chúng sanh. Chúng ta cần tuỳ thuận người khác, đừng mong người khác tuỳ thuận mình, điều này rất khó. Điều kiện cuốn cùng là tà kiến, tức là sự kiến giải sai lầm của tất cả chúng sanh. Phải buông bỏ tất cả cách nhìn sai lạc, đây là gì? Lúc này mới có thể vào cửa. Đây là lời Phật dạy, chúng ta phải dùng tiêu chuẩn của ngài mới chứng được quả Tu đà hoàn của Tiểu thừa. Trong Đại thừa quí vị mới có thể vào cửa, nhập vào địa vị sơ tín trong Thập tín. Thập tín có thể ví với cấp Tiểu học, thập trú là cấp Trung học, thập hồi hướng là Trung học phổ thông, thập địa là đại học, Đẳng giác là nghiên cứu sở, đó là 52 cấp của Bồ tát. Giống việc đi học, lớp một, lớp hai, lớp ba... đến lớp 52, khi tốt nghiệp lớp 52 là thành Phật, vì thế chúng ta phải hiểu, Phật, Bồ tát, A la hán, là danh xưng học vị trong Phật giáo, vấn đề này cần phải biết, không được hiểu sai. Đó không phải Thần tiên mà là học vị, giống nhà trường chúng ta ngày nay, có tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân. A la hán là cử nhân, Bồ tát là thạc sĩ, Phật là tiến sĩ, vì thế tất cả chúng sanh vốn sẽ thành Phật, tức là mỗi mỗi chúng sanh đều đạt đến học vị tiến sĩ, đều tốt nghiệp. Quí vị vốn đã có học vị này rồi, quí vị phải đạt tới, chúng ta nên hiểu vấn đề, trong Phật giáo không có thần tiên, nhưng Phật giáo tôn trọng, tôn kính thần tiên, tại sao? Họ là một chúng sanh trong sáu đường. Sáu đường có cõi trời, Phật hiểu rất rõ điều này. Địa vị vĩnh viễn của Phật là người Thầy, ngài làm người Thầy dạy.

Mấy năm trở lại đây, trên thế giới đã có phong trào đoàn kết tôn giáo, chúng tôi được tiếp xúc với rất nhiều tôn giáo khác nhau, cũng thật thú vị. Tôi đã từng gặp một người đạo Do thái, đạo Cơ đốc, đạo Islam, họ hỏi tôi: trong Phật giáo không có đấng sáng thế, Phật giáo không có đấng sáng thế, không có vị thần để sùng bái. Tôi trả lời họ: Phật giáo thừa nhận có Thần, tôn kính Thần, lễ bái Thần, nghe thế họ rất phấn khởi. Họ nói: Vậy Phật Thích Ca trong Phật giáo của bạn được coi là gì? Tôi bảo Phật Thích Ca Mâu Ni là một vị Thầy, dạy học, ngài làm trong ngành giáo dục. Họ bảo: Tôn giáo của tôi nói, người tạo tội lỗi, trong phán quyết cuối cùng, phán quyết là bổn phận của Thượng đế. Thầy giáo chúng tôi không quản Lý việc đó, thầy giáo chỉ coi việc dạy học, không phán quyết. Nghe thế họ khoái chí lắm, quyền phán quyết thuộc về họ, chúng tôi chỉ dạy, dạy bạn đừng làm việc xấu thì bạn đã không cần thẩm phán rồi. Tôi nói đạo Phật là đạo làm Thầy, giống như trong một tổ chức chính phủ, Phật giáo đảm trách việc giáo dục chứ không phải ngành tư pháp, cũng không tham gia hành chính, vì thế không xảy ra mâu thuẫn, không thể nói thần của anh lớn hơn thần tôi, thần tôi lớn hơn thần anh, như thế là xảy ra mâu thuẫn, xung đột, lớn bằng nhau hết, mọi người đều bình đẳng. Vả lại Phật giáo không tham gia chính trị, nên họ càng yên tâm hơn. Phật giáo dạy học, ai cũng có thể đến học, các bạn đều có thể đến học Phật pháp, vì sao? Phật dạy trí tuệ, bạn muốn có trí tuệ không? Bởi thế tôi khuyên rất nhiều tôn giáo, ngày chủ nhật quí vị cứ tổ chức hành lễ ở giáo đường quí vị, thứ bảy Tịnh tông chúng tôi giảng kinh, mọi người có thể đến học Phật mà không có sự va chạm nào. Tôi nói Thượng đế, quí vị là con cái của Thượng đế, khi bạn đến chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật Thích Ca Mâu Ni là thầy giáo, giữa chúng ta là mối quan hệ thầy trò, bên các bạn là tình cảm cha con. Việc đi học của quí vị không phải là mối quan hệ thầy trò sao? Trong nhà có cha mẹ, cha mẹ của các bạn không phải đưa bạn đến trường để học sao? Thượng đế của quí vị chắc sẽ rất vui lòng vì con cái của Người ai cũng có trí tuệ. Thượng đế cũng rất vui mừng khi con cái của Người được làm học trò Phật Thích Ca Mâu Ni! Họ chắc không phản đối khi nghe chuyện đó. Ai làm cha mẹ mà không mong con cái có đức hạnh, có trí tuệ, có học thức? Trong lúc đó Phật Thích Ca Mâu Ni là là một thầy giáo giỏi nhất. Bởi thế mấy năm gần đây, ban đầu chúng tôi cho rằng đoàn kết tôn giáo cần thêm nhiều bàn luận, nhưng chưa được một lần thực hiện, mười mấy năm một lần vẫn chưa thực hiện được chỉ vì một việc cực kì khó khăn đó là Thiên chúa giáo. Chúng tôi đã chủ động giao tiếp với Thiên chúa giáo trong ba năm, họ thực sự đem lòng chân thành để hợp tác với chúng tôi, còn những tôn giáo khác thì không, đại khái những tôn giáo khác độ nửa năm đến một năm là chúng tôi có thể trở thành bạn bè, chỉ có mất ba năm với Thiên chúa giáo, nhưng trong ba năm đó sau những chuyển biến đã có những kết quả rất đáng khích lệ, hai bên rất có thành ý! Họ đã thực sự có những hiểu biết. Tôi tuyên bố với họ: Tất cả tôn giáo trên thế giới này đều là con một nhà, tất cả các đấng giáo chủ các tôn giáo đều hoá thân từ một vị Thần, tôi đã giải thích với họ như vậy, tôi hỏi họ có thừa nhận hay không, giáo chủ của quí vị có trí tuệ không? Tất cả đều thừa nhận là có. Quí vị có thừa nhận Thần của quí vị có thần thông, giỏi biến hoá không? Có. Tôi nói: Vậy thì tốt rồi. Chân thần này trong đạo Thiên chúa biến thành Gesu, trong Phật giáo biến thành Thích Ca Mâu Ni, tại Trung quốc biến thành Khổng tử, họ là những hoá thân, thân chính của họ vẫn là một. Tất cả đều đồng ý với tôi về cách kiến giải này, một vị Thần chính hoá thân, vậy thì một vị thần tại sao lại tổ chức nhiều tôn giáo như vậy? Bởi hệ thống giao thông ngày trước chưa thuận tiện, không có các phương tiện liên lạc, khi người khác mất không thể đến thăm nhau, bởi thế ở mỗi khu vực đều có những vị Thần khác nhau để dạy dỗ chúng sanh, họ cần hoá thân thành con người ở vùng đất đó, làm hình tượng người ở quốc gia đó, ứng dụng văn hoá ở vùng đất đó để giáo hoá mọi người. Quí vị hãy để tâm đọc kinh, nghiên cứu, không nên chỉ đọc kinh sách của tôn giáo mình mà không đọc kinh sách các tôn giáo bạn, tất cả các kinh sách bạn đều nên mang về để đọc, phát hiện ra những gì trong kinh điển, cho chúng ta biết, chỉ một mục tiêu, một phương hướng, chính xác 80% là tương đồng, chỉ còn lại 20% không đồng ý với nhau. 20% đó là gì? Là tập quán sinh hoạt, mỗi vùng đất đều có những tập tục, lễ nghi, phong tục, tập quán khác nhau. Phương hướng là nhất trí, không có vị giáo chủ nào không dạy người yêu thương người, nếu dung hợp tất cả lại với nhau để thành một từ thôi thì từ đó chính là yêu thương. Thần yêu thương người thế gian, nhà Phật nói từ bi, đạo Islam gọi là nhân từ. Thượng đế là gì? Yêu thương là Thượng đế, yêu thương nằm ở đâu? Ngự trị trong tim, Thượng đế trong tim bạn. Nếu bạn không yêu thương người chính là hại người, đó là ma quỉ, trong tâm bạn là ma quỉ. Nếu bạn thực sự yêu thương con người thì trong tim bạn là Thượng đế.

Mười mấy năm trở lại đây chưa bao giờ gặp vấn nạn, chưa bao giờ xảy ra tranh cãi, rất hài hoà, rất dung hợp, những biểu hiện của chúng tôi cũng khiến họ cảm động. Đến giáo đường, chúng tôi lạy những vị thần của họ, họ cảm thấy rất kinh ngạc. Có người Phật tử đến hỏi tôi: Thầy sao lại lạy chúa Ki tô? Sao lại lạy Phạn thiên của Ấn độ giáo? Đạo Hinduism, đạo Hinduism không có tượng Thần nhưng họ vẫn có kinh điển, lạy kinh của họ. Tôi đã nói với những ngừoi đồng học của tôi: Tất cả những đấng giáo chủ của các tôn giáo đều là hoá thân của Phật, tôi lạy Phật, đó là hoá thân của Phật.

Khi đến Nhật bản dự hội nghị, mỗi lần đến Nhật bản tôi đều đến thăm một vị hoà thượng, vị hoà thượng này rất thích tôi, đó là hoà thượng Trung Thôn Khang Long, đã viên tịch năm ngoái, thọ 103 tuổi. Ngài rất hiền, lần đầu được diện kiến, ngài nói với tôi: Mỗi vị giáo chủ các tôn giáo trên thế giới đều là hoá thân của Bồ tát Quan Thế Âm, Bồ tát Quan Thế Âm có 32 ứng thân, cần hiện thân nào thì ngài hiện ra thân đó, cần hiện thân Cơ đốc để độ, ngài liền hiện thân Cơ đốc để độ họ; cần hiện thân Phật để độ, ngài liền hiện thân Phật để độ họ. Cần hiện thân gì để độ, ngài liền hiện ngay thân đó để độ họ. Ngài nói tất cả những vị Thần, những vị giáo chủ các tôn giáo đều là hoá thân của Bồ tát Quan Thế Âm. Khi cáo biệt, đệ tử ngài là thầy Kiều Bổn, hiện đang chủ trì đạo tràng Kiều Bổn, khi tiễn tôi, thầy Kiều Bổn nói: Từ trước đến nay Hoà thượng tôi chưa từng nói chuyện đó, sao thầy lại được Hoà thượng tôi nói chuyện đó? Tôi nói Hoà thượng không phải người phàm. Vì thế ngoài người bạn già Nhật bản đã viên tịch, còn có lão nhân Hoàn Không, thương quí tôi lắm, ngài đã hơn 90 tuổi, cũng vừa viên tịch năm ngoái, những người già đã khô héo cả, thực sự thiếu những bậc anh tài kế nghiệp, đây cũng là một điều khiến chúng tôi lo lắng. Bởi thế những người đệ tử Phật hãy còn trẻ, bất luận tại gia hay xuất gia cần phát tâm Bồ đề, nối tiếp tuệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh, trong đó quan trọng nhất là buông bỏ tự tư tự lợi, vì nếu có nó thì mọi việc đã hỏng, quí vị không thể học tập được gì. Dứt khoát phải dùng tâm chân thành, không dành cái gì cho mình cả, tất cả chỉ vì chúng sanh, đừng nhẫn tâm nhìn chúng sanh đang đau khổ, dốc toàn tâm lực thay Phật, Bồ tát, giúp đỡ chúng sanh trong công việc trọng đại này. Giúp đỡ thế nào? Giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, nhất định phải biết. Ngày trước Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế đã dạy dỗ chúng sanh, chưa từng một ngày ngưng nghỉ, 49 năm như thế, chưa nghe ngài nghỉ dạy ngày nào. Những tôn giáo nước ngoài vẫn còn ngày chủ nhật, nhưng Phật giáo thì không. Vì thế Phật Thích Ca Mâu Ni thực sự là người chân thành, dạy suốt 49 năm, từ lúc bắt đầu cho đến lúc bệnh và nhập Niết bàn chưa nghỉ ngơi ngày nào. Là một người thầy giáo điển hình nhất, ưu tú nhất trên thế giới, là người thầy mô phạm, dạy không lương, hoàn toàn tình nguyện. Ngài không phân biệt quốc tịch, tín ngưỡng, chủng tộc, không từ chối kẻ đến, không giữ người muốn đi, chỉ cần quí vị muốn học với ngài, ngài đều tận tâm dạy dỗ, đem hết lòng hướng dẫn quí vị.

Tất cả những điều này chúng ta đã được chứng kiến trong kinh điển, rất nhiều giáo sĩ truyền giáo của các tông giáo khác, những người chủ trì cộng đoàn tôn giáo đã đến học tập với Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta cần nhận thức rõ điều này, nó không phải là tôn giáo, mà là giáo dục, bởi vậy bất luận theo tín ngưỡng nào cũng có thể đến học tập, như một viện Đại học, tất cả đều nhận Phật làm thầy, bởi thế Phật pháp là đạo dạy học, chỉ cần tôn sư trọng đạo là quí vị đã thành tựu đạo nghiệp.

Chúng ta nhắc lại, đọc lại câu trên một lần nữa, “những người có lòng mong, không ai không được vãng sanh, mới hay tầm sâu rộng của sức mong cầu, sao lại không tin, sao lại không nguyện”. Đây là những lời dạy của đại sư Liên Trì dành cho chúng ta. “Người tu pháp môn Tịnh độ, theo trong kinh này dạy rồi phát tâm Bồ đề, một hướng chuyên niệm, theo “tiểu bổn” rồi tín nguyện trì danh, thực sự khắc cốt ghi tâm, đừng lơ là”.

Mấy câu trên đây rất quan trọng, tuyệt đối không nên coi nhẹ và bỏ qua, rất ít người thực sự nhận biết lợi ích công đức của danh hiệu. Chúng ta hãy nói sơ về danh hiệu Phật A di đà, có lẽ không thể nói trong mười mấy giờ, trước đây chúng tôi đã giới thiệu, rồi sau đó vẫn tiếp tục nói. Công đức danh hiệu thực sự không thể nghĩ bàn.

Thời nhà Tuỳ-Đường, một số cao tăng của các nước như Trung quốc, Nhật bản, Hàn quốc, sau này đều trở thành những vị tổ sư trên quốc gia của họ, những vị này đã từng thảo luận xung quanh vấn đề, họ đưa ra đề nghị thế này: Lúc còn tại thế, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng kinh, dạy học suốt 49 năm, vậy thì bộ kinh nào là quan trọng nhất, có thể đại diện cho toàn bộ giáo pháp? Vấn đề này xin mọi người suy nghĩ kĩ, xem xét. Cuối cùng mọi người đồng ý đưa ra bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, rất nhiều người tán đồng, là bởi kinh Hoa Nghiêm quá đặc thù. Lúc bắt đầu học Phật, tôi được thầy giáo giới thiệu bộ kinh Hoa nghiêm, cách nhìn của thầy về bộ kinh này ra sao? Đó là khái luận về triết học Phật giáo, thầy đã nhận xét bộ kinh này dưới góc độ đó, quả không sai, đích xác là khái luận triết học Phật giáo. Tất cả các hệ phái Phật giáo đều xuất phát từ kinh Hoa nghiêm, giáo nghĩa kinh Hoa nghiêm bao quát tất cả giáo Lý đạo Phật, giáo nghĩa của các tông phái đều nằm trong đó, nhưng cuối cùng nơi qui hướng của kinh Hoa nghiêm là chỗ nào? Cuối cùng vẫn quay về Tịnh độ. Đây là kết luận cuối cùng của những đại đức cao tăng thời Tuỳ-Đường. Chương cuối cùng, khi đồng tử Thiện Tài đi tham vấn năm mươi ba chỗ, nơi tham vấn cuối cùng, đã được mười đại nguyện Bồ tát Phổ Hiền đưa về Cực lạc, điều này đã chứng minh, Hoa nghiêm hướng dẫn mọi người về thế giới Cực lạc, có nghĩa là quay về với kinh Vô lượng thọ, từ đó địa vị của kinh Vô lượng thọ được đánh giá rất cao, ngang với kinh Hoa nghiêm. Không những ngang bằng thậm chí còn cao hơn kinh Hoa nghiêm. Bộ kinh Vô lượng thọ, tổng cộng 48 chương, hay còn gọi 48 phẩm, vậy chương nào là quan trọng nhất? Chương thứ 06, nội dung chương này nói về 48 lời nguyện của Phật A di đà, chương này là tự thân Phật A di đà nói, những chương khác do Phật Thích Ca Mâu Ni nói. Nguyện nào quan trọng nhất trong số 48 lời nguyện? Tiếp tục truy, cuối cùng ta tìm được lời nguyện thứ 18, nội dung lời nguyện này là gì? Mười niệm sẽ được sanh, đây chính là công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Vì thế tất cả đều quay về điểm cuối, đó là câu A di đà Phật, câu A di đà Phật đã tiêu biểu cho lời giáo huấn của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời, kết luận cuối cùng là một câu, ý nghĩa của câu này là gì? Cách phiên dịch của chúng ta hiện nay là phiên âm, dịch âm chữ A di đà. Bốn chữ A di đà Phật là tiếng Phạn, có thể dịch nghĩa chữ này bằng chữ hán, sao không dịch? Vì tôn trọng. A dịch là “vô”, có nghĩa “vô” trong chữ hán, Di đà dịch “lượng”, Phật có nghĩa “giác ngộ”, gộp tất cả là “vô lượng giác”. Quí vị thử nghĩ Vô lượng giác có thể đại diện tất cả chư Phật trong ba đời mười phương không? Hoàn toàn được, vô lượng giác! Vị Phật nào không giác? Mỗi vị Phật đều là đại giác viên mãn, vì thế cuối cùng quay về vô lượng giác. Trong kinh Di đà, vô lượng giác được Phật Thích Ca Mâu Ni dùng bằng hai danh từ: Vô lượng thọ và Vô lượng quang. Thọ tượng trưng cho thời gian, Quang tượng trưng cho không gian, có nghĩa là trong không gian và thời gian không thể tính kể, nó đã ôm trọn tất cả tánh, tướng, Lý , sự, nhân, quả, tổng hợp tất cả là một câu danh hiệu. Bởi vậy, niệm A di đà Phật là niệm cái gì, chúng ta cần phải hiểu! Niệm tất cả biến pháp giới hư không giới, không chỗ nào lọt ra ngoài cả, tất cả những thứ đó đều có mối quan hệ chặt chẽ với bản thân ta. Vì sao? Tất cả đều cùng một sinh mạng, cùng một pháp tánh. Không thể nói hết câu danh hiệu Phật! Cả bộ kinh này chỉ nói về câu danh hiệu Phật, chúng ta giảng bộ kinh này đã suýt soát nửa năm, khi giảng xong bộ kinh này, tôi tính mất độ 1200 đến 1400 giờ cho môn học này.

Lần đến Australia, hiệu trưởng đại học Queensland và hiệu phó trường đại học Griffisch đã hỏi tôi hiện nay thầy đang làm gì? Là lần tôi đang khai giảng khoá này, khi nói đến số giờ dạy, họ ngớ người, có trường đại học nào lại có học phần dài như thế? Tôi thưa: Một bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, quí vị biết tôi giảng một lần mất bao nhiêu giờ? 20000 giờ, có trường đại nào có khoá học dài như vậy không? trong nhà Phật có đấy.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 389

# Tập 390

Chuyển ngữ: Minh Tuệ  
Biên tập:Bình Minh  
Thời gian: 02 tháng 05 năm 2011  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, quí vị đồng học, mời ngồi. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh giải, từ trang 481, hàng thứ hai.

“Lại Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận cũng nói rõ, nhất niệm và chí tâm hồi hướng”. Đoạn này là chú giải cuốn Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận của cư sĩ Bành Tế Thanh thời Càn Long. Đoạn văn này rất hay, nói thông suốt pháp môn, nói về nhất niệm cho đến việc chí tâm hồi hướng. Luận nói: Nhất niệm chí tâm hồi hướng, liền được vãng sanh. Nếu hành giả chí thành đi vào bằng nhất niệm, cần gì bàn luận các thứ công đức. Tất cả chúng sanh trôi lăn trong sinh tử, chỉ nhất niệm này, không có hai niệm, cho đến phát chân quay về tự tánh, thành đẳng chánh giác, cũng chỉ một niệm này, không có hai niệm. Những câu sau đó cũng của cư sĩ này, ông đã dẫn chứng luận Đại Trí Độ để nói. Nhất niệm này là không thể nghĩ bàn, nhất niệm chí tâm, chí tâm ở đây là chân tâm, hồi hướng. Rất khó nắm được khái niệm nhất niệm. Ở đây mấu chốt là nhất niệm, nhất niệm giác rồi, Bồ tát Di lặc đã nói cho chúng ta biết, một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, một niệm này trong số nhất niệm đó. Bởi thế, với nhất niệm, chúng ta thực sự không thể hiểu được, chúng ta đang khởi tâm động niệm, là một niệm rồi, niệm trong khi chúng ta khởi tâm, động niệm là rất thô. Một khảy móng tay là khoảng thời gian rất ngắn, khoa học ngày nay lấy giây lầm đơn vị, một giây ta có thể búng được mấy lần ngón tay? Tôi nghĩ nếu nhanh, ít nhất tôi búng được năm lần, nếu một giây búng được năm lần thì mỗi giây có bao nhiêu niệm? Độ một ngàn sáu trăm triệu, đơn vị là triệu, một ngàn sáu trăm triệu. Vậy ai có thể hiểu được nhất niệm này? Niệm của chúng ta rất thô, trong kinh đức Phật nói rất cụ thể, Bồ tát bát địa có thể hiểu được nhất niệm, có nghĩa là trong một giây xảy ra một ngàn sáu trăm triệu niệm, Bồ tát bát địa nhìn thấy được. Trên bát địa, cửu địa, thập địa, đẳng giác, diệu giác, đó là 52 địa vị trong giáo lý Đại thừa, những vị trong năm địa vị cao nhất họ có thể thấy rất rõ ràng. Vì tâm niệm chúng ta tạp và loạn, nên khiến cho đầu óc mê mờ. Một số quỉ thần sáng suốt hơn chúng ta, chuyện gì họ cũng biết, sáng suốt hơn chúng ta, ta không thể bì được họ. Có nghĩa là, con người ngày nay không thể sánh ngang ma quỉ, đầu óc con người bây giờ không linh hoạt bằng đầu óc ma quỉ, đầu óc ma quỉ thông minh hơn đầu óc con người. Con người như thế thì không còn gì để nói, làm sao lại ra nông nỗi này? Ngày xưa con người mạnh hơn quỉ, bây giờ thì không sánh bằng, điều đó chứng tỏ quỉ biết tu tập hơn con người, quỉ tu tập nhiều hơn con người, nên nó thành công hơn. Số quỉ tu tập rồi được vãng sanh thế giới Cực lạc không ít, ta vẫn được nghe rất nhiều. Vậy nên chúng ta phải cảnh tỉnh, con người đã làm gì, làm sao không thể sánh được với quỉ? Những vị Bồ tát đã chứng bát địa trở lên, có thể nói tâm họ bất động, giống như dòng nước đã ngưng nghỉ, không chảy nữa, họ có thể thấy được tất cả, lúc đó họ mới thực sự thấy được chân tướng sự thật. Nhất niệm ở đây, nhất niệm vừa động, bên trong tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước đã không còn, nhưng nhất niệm ở đây nếu là hồi hướng để cầu sanh Tịnh độ, làm gì có chuyện không được vãng sanh! Vả lại chắc chắn được sanh vào cõi Thật báo trang nghiêm, không phải Đồng cư, càng không phải cõi Phương tiện hữu dư.

Tác giả nói hành giả, hành giả là người tu hành, ở đây chỉ người tu niệm Phật, “thành năng nhất niệm tín nhập” có nghĩa là nhất niệm không có nghi tình, không có hoài nghi, chúng ta cần nuôi lớn lòng tin của nhất niệm này. Đây cũng là một niềm tin, tin tánh đức của mình, quyết định không hoài nghi. Người đời thường nói đến lòng tin của bản thân, điều đầu tiên trong giáo lý Đại thừa là xây dựng lòng tin chính bản thân mình.

Trong cuốn Di Đà Kinh Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã nói với chúng ta về chữ tín. Ngài dùng tín nguyện và hạnh là nội dung xuyên suốt toàn bộ tác phẩm này. Kinh A di đà không dài lắm, được chia làm ba phần: Tựa, chánh tông và lưu thông. Trong phần tựa chia làm ba đoạn: Tín, nguyện và hạnh. Phần chánh tông cũng chia ba đoạn là tín, nguyện và hạnh. Phần lưu thông vẫn chia ba đoạn tín, nguyện và hạnh. Nội dung rất phong phú! Riêng phần tín, ngài nói có sáu loại:

Loại thứ nhất là tin bản thân. Loại thứ hai là tin Phật, ở đây là Phật Thích ca mâu ni và Phật A di đà. Loại thứ ba là tin lí, lí ở đây là đạo lí. Loại thứ tư là tin sự. Loại thứ năm là tin nhân. Loại thứ sáu là tin quả. Ngài đã bao quát, tự, tha, lí, sự, nhân, quả. Giáo lý Đại thừa và văn hoá xưa rất đề cao tự tánh. Người xưa cho rằng bổn tánh vốn thiện, câu đầu tiên của Tam tự kinh đã nói: Nhân chi sơ, tánh bổn thiện. Chúng ta nên tin tưởng bổn tánh vốn thiện. Trong giáo lý Đại thừa, Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy mọi người, câu quan trọng nhất là: Tất cả chúng sinh xưa nay vốn là Phật. Quí vị có tin không? Nếu không tin, quí vị không thể thành Phật, quí vị không tin mình là một vị Phật. Bởi thế vấn đề đầu tiên là phải tin mình, bản thân tôi có tánh Phật, người có Phật tánh là có thể làm Phật.

Phật tánh là gì? Phật tánh là giác tánh, sáu căn của quí vị tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, liệu có giác tánh không? Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, có giác không? Giác đó chính là Phật tánh, giác tánh là có thật, không sinh không diệt. Cơ thể có sinh diệt nhưng giác tánh thì không. Bởi thế giác tánh là chân, thân thể là giả. Học Phật, học Thánh, học Hiền, mà không thể thành Phật là bởi anh ta hoài nghi với tất cả những thứ đó. Phật có giác tánh, bọn phàm phu chay chúng ta làm sao có được? Tất cả là do nghi ngờ. Những người như thế, Phật cũng không thể dạy được. Phật có rất nhiều phương tiện hay để vun bồi từ giác tánh của ta, tức là vun trồng lòng tin vào chính mình của ta, khiến cho lòng tin vào chính mình của ta được nảy mầm, sau đó việc tin Phật của ta mới có tác dụng. Quí vị tin Phật A di đà, tin Phật Thích ca mâu ni, vì khi các ngài đã nói ra những sự thực đó ta nghe. Những đạo lí các ngài nói ra, chúng ta có thể áp dụng vào đời sống hàng ngày, đó là có hiệu quả, có thể dụng được. Vì thế nêu không tin bản thân thì không thể áp dụng trong việc gì. Suốt ngày nghe kinh cũng thế, vì thế chỉ cần một niệm thâm nhập, thực sự đi vào cảnh giới này, thì “cần gì nói đến tất cả công đức”, ý nghĩa từ công trợ và công đức giống nhau. Nói cách khác, không cần học thêm gì khác, không cần tìm đến những rắc rối khác nữa, nhất niệm tin đi vào là đủ. Đoạn này nói về việc cầu sanh thế giới Cực lạc, thân cận Phật A di đà, thành tựu ngay vô thượng Bồ đề trong đời này.

Phần tiếp theo nói về việc hiện tại chúng ta đang ở trong sáu đường chúng sanh. “Tất cả chúng sanh trôi lăn trong vòng sinh tử, chỉ một niệm này”, nhất niệm ở đây là gì? Đó là hoài nghi, nhất niệm có sự đắn đo, ngần ngại, nhất niệm đó là sai lầm. Nhất niệm trước đó là tin tưởng là đúng đắn, đó là nhất niệm chánh, nghĩa là thành Phật. Nhất niệm không chánh, không chánh là tà, tức là trôi lăn vào ba đường ác, tìm đến luân hồi trong sáu đường, tất cả cũng là nhất niệm. Nhất niệm có tà có chánh, có giác có mê. Chánh là giác, mê là tà. Tất cả đều là nhất niệm. Phật dạy chúng ta: Nhất niệm chánh là đúng, nhất niệm mê tà là sai lầm, chánh và tà cùng nổi lên cùng một lúc, đều là nhất niệm. Tà chánh, mê ngộ đều nằm trong nhất niệm. Đúng là gặp duyên không giống nhau, nếu ta gặp được Phật, Bồ tát, Thánh hiền, nhất định nhất niệm của ta là chánh, duyên tốt! Đó được gọi là gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Quí vị được nhiều người dạy dỗ, được học tập với nhiều người như thế. Nếu duyên của quí vị đều là tà ác, đều không chánh, chắc chắn quí vị sẽ đoạ lạc, mười pháp giới do thế mà có mặt. Nhất niệm tà ác thì đi vào luân hồi sáu đường, nhất niệm thanh tịnh là Phật, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác. Tất cả trong nhất niệm, không có hai niệm.

Phần tiếp theo, “cho đến phát tâm quay về tự tánh, thành đẳng chánh giác, chỉ trong nhất niệm, không có hai niệm”. Phát ở đây là phát tâm, cũng có thể nói là phát khởi, hay ta nói phát tâm là ổn. Chân là gì? Chân là chân tâm, chân là tâm Bồ đề, vấn đề này trong kinh đã dạy: Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm. Nhất hướng chuyên niệm là qui nguyên, trở về tâm ban đầu, quay về tự tánh. Khi đã quay về tự tánh tức là công đức viên mãn, đẳng giác còn hướng lên trên để nhập vào địa vị diệu giác, diệu giác là qui nguyên, đẳng giác còn thêm một bước nữa mới đến diệu giác qui nguyên. Quay về tự tánh, thành đẳng chánh giác. Đẳng chánh giác ở đây là vô thượng chánh đẳng chánh giác, đây là quả vị diệu giác cũng là nhất niệm. Thành Phật cũng nơi nhất niệm, tín nhập cũng nơi nhất niệm. Phạm vi của tín nhập rất rộng, cả pháp thế gian và Phật pháp, chánh pháp và tà pháp. Đại sư Thiện Đạo có câu: Đều do gặp duyên không giống nhau. Duyên rất quan trọng!

Tiếp theo đại sư dẫn một đoạn trong luận Đại trí độ: “Người thực hành Bát nhã ba la mật”. Ở đây đang nói tu Bát nhã ba la mật, phần lớn Bát nhã ba la mật đều chỉ sáu ba la mật của Bồ tát Đại thừa, đây là khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm trong sinh hoạt hàng ngày, như bố thí, cần phải hiểu rõ, khởi tâm, động niệm của chúng ta đều có bố thí. Khởi tâm động niệm không vì bản thân mình, khởi tâm động niệm đều vì người khác, đây không phải là tu bố thí sao? Tâm đang tu bố thí ba la mật. Lời nói, nói những lời lợi ích cho người, giúp họ khai ngộ, giúp họ chừa bỏ lỗi lầm để làm mới bản thân, đây là những lời nói hay đẹp làm cho người ta vui vẻ, đó là bố thí. Trong tứ đức, có tuỳ duyên diệu dụng, quí vị có nghĩ đó là bố thí không? Nhu hoà chất trực, có phải bố thí không? Uy nghi hữu tắc, tức làm gương cho người khác, không phải tất cả là bố thí sao? Bố thí không giới hạn trong việc cho tiền tài, vật chất, không phải thế. Chúng ta tiếp người khác với một vẻ mặt vui vẻ niềm nở cũng là bố thí, làm ngược lại hành động trên cũng là bố thí nhưng bố thí bất thiện. Mặt mày nhăn nhó khiến mọi người nhìn thấy phát khiếp, cũng là bố thí. Thế nên trong bố thí có nhiễm có tịnh, có thiện có ác, không giống nhau. Ngày nào chúng ta cũng thực hiện những việc này nhưng ta không biết, thế nên quả báo cũng khác nhau! Nhân lành thì quả ngọt, nhân ác thì trái đắng. Hàng ngày ta đang tạo những nghiệp tội, đối với xã hội, đối với tất cả mọi người đều là bố thí. Vì thế, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã, đều trong cuộc sống hàng ngày, trong đời sống, không tách rời cuộc sống, không tách rời công việc, không tách rời các hoạt động đối nhân xử thế tiếp vật. Tu học Đại thừa, từ từ giác ngộ. Trên đường đi, gặp cỏ cây hoa lá, ta nên đối xử với chúng bằng lòng tôn trọng, bằng lòng cảm ơn, đó không phải là bố thí sao? Bố thí cho cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, kiểu bố thí tốt lành như thế thì cây cỏ hoa lá sẽ không xảy ra những thói xấu, tai nạn vì đó mà vắng mặt. Nếu chỗ nào chúng ta cũng dùng tham, sân, si, mạn, nghi để đối xử với cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa, thì chúng sẽ rối loạn, tai nạn sẽ xảy ra. Mười ba la mật của Bồ tát là như thế, mười đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền, bốn mươi tám lời nguyện của Phật A di đà, có điều nào là không như vậy! Toàn trong cuộc sống hàng ngày, nếu quí vị nhận thức rõ ràng thì đây chính là hành đạo Bồ tát. Như thế mới phù hợp với những lời dạy trong kinh điển Đại thừa.

Tên gọi của bốn loại bố thí rộng khắp là tứ tất đàn. Tất đàn là tiếng Phạn, dịch ý qua chữ hán, tất là rộng khắp, bình đẳng, đàn là bố thí. Chúng ta biết rằng vạn vật trong vũ trụ với ta là một thể, không phân biệt, không chấp trước, phát xuất từ trong tự tánh, “đồng thể đại bi, vô duyên đại từ”, tâm tình như vậy cư trú nơi địa phương này không khác với việc cư trú nơi thế giới Cực lạc. Bởi thế trong tác phẩm Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong nói: Tâm tôi chính là Phật A di đà, Phật A di đà là tâm tôi. Tâm là tâm Phật. Đây là Tịnh độ, Tịnh độ là đây. Làm gì có sự sai biệt! Tất cả các cảnh giới đều do tâm hiện ra, do thức biến ra.

Thức là gì? Là phân biệt, chấp trước, khi có phân biệt chấp trước nó liền biến hoá, nếu không phân biệt chấp trước thì nó không biến hoá. Lúc chúng ta không phân biệt chấp trước, thì sơn hà đại địa nơi cõi chúng ta không khác thế giới Cực lạc. Cư dân ở thế giới Cực lạc không có vọng tưởng phân biệt, chấp trước, họ hoàn toàn không có, bởi thế nơi thế giới đó, quí vị không thấy một thứ gì biến hoá, ngoại trừ những hoa sen trong ao thất bảo, không giống nhau về mức lớn nhỏ, màu sắc, chỉ thấy những thấy những thứ đó biến hoá, những thứ khác thì không. Vì sao có chuyện biến hoá của những hoa sen trong ao thất bảo? Là do những người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ trong mười phương thế giới. Khi họ phát một tâm niệm thì trong ao thất bảo nở ra một đoá hoa, trong hoa lại có tên tuổi của người đó. Nếu người đó siêng năng niệm Phật thì hoa tuỳ theo mức độ niệm nhiều ít mà nở to hay nhỏ. Khi họ vãng sanh, Phật A di đà liền đem hoa đó đến tiếp dẫn họ, vì thế màu sắc, độ lớn nhỏ bông hoa của người đó đều biến hoá từng ngày. Hôm nào anh ta không niệm Phật, tin theo thứ khác, hoa liền héo và chết, không còn nữa. Những thứ khác ta không thấy sự biến hoá, vì thế chúng ta phải biết, hoa sen trong ao thất bảo đang nhìn thấy sự biến hoá của tất cả chúng sanh trong mười pháp giới, sáu đường. Nước tám công đức trong ao báu là của thế giới Cực lạc, những thứ đó không biến hoá.

Đây chính là những người siêng tu bát nhã ba la mật. “Nhất niệm có thể biến khắp mười phương, tất cả đều nhiều như số cát sông Hằng, như số hạt bụi được nghiền ra từ các quả núi cõi tam thiên đại thiên”. Như thế có đáng nể không? Tất cả các nước của chư Phật mười phương là bao nhiêu? Như số cát trên sông Hằng. Mỗi khu vực giáo hoá của các đức Phật đều là thế giới tam thiên đại thiên, ít nhất có một thế giới tam thiên đại thiên, nhiều hơn nữa có thể có mấy thế giới, mấy mươi thế giới, thậm chí mấy trăm. Số hạt bụi trong các thế giới đại thiên đó, ai đếm được? Chỉ Bồ tát tu hạnh bát nhã ba la mật, một niệm là họ đếm hết được. Những thứ này, nếu dùng máy tính hiện nay, tất nhiên máy tính cũng không so sánh được, từ máy tính chúng ta nhận ra một điểm, một điểm nhắc nhở. Quí vị thấy thẻ nhớ trong máy tính rất nhỏ, bây giờ nó được ứng dụng trong điện thoại, nó được đặt trong máy tính, nó lớn chưa đến ngón tay út, trong đó nó chứa bao nhiêu tin tức, có thể tất cả tin tức trên thế giới đều nằm trong đó, đó được xem là thành công của khoa học, nhưng thua xa so với Phật pháp. Nhất niệm trong Phật pháp, nhất niệm rất nhỏ, khoa học kĩ thuật hiện nay không thể tạo ra nhất niệm được vì nó nhỏ quá , không thể sản xuất được. Quí vị thử quan sát, trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu, trong khoảng thời gian ngắn, mà tần suất xuất hiện nhanh đến như vậy. Mỗi tần suất của nó đều có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Trong mỗi niệm đều dung chứa cả biến pháp giới hư không giới. Ba thứ hiện tượng này đều có đủ: Vật chất, tin tức, năng lượng, không thiếu một thứ gì. Họ làm sao không biết được! Đây là điều trong kinh Hoa nghiêm đã nói: Một tức là nhiều, nhiều tức là một.

Tất cả thế giới hư không có thể nằm lọt trong một niệm, một niệm là pháp giới, tức là tất cả pháp giới, cả pháp giới đều nằm trong một niệm. Bởi vậy một niệm chánh thì chẳng có pháp nào không chánh. Nếu một niệm là tà, thì cũng không có pháp nào không tà, điều này rất quan trọng, đây chính là công đức của nhất niệm. Nó có công năng rất lớn. “Năng sổ” tức là nó có thể biết đến cả mười phương tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát trong sông Hằng, hay số hạt bụi được nghiền ra bởi các quả núi trên quả đất. Kiểu thí dụ này là của Phật Thích Ca Mâu Ni đưa ra, những người khác không thể nghĩ ra kiểu thí dụ này.

“Sức của nhất niệm là không thể nghĩ bàn”, nhất niệm là một pháp giới, “Niệm Phật như vậy, tức niệm vị Phật đó”, niệm này là Phật, niệm bổn tánh của quí vị, niệm bổn tánh của quí vị là gì? Là giác tánh, mà giác tánh là Phật, tự tánh Phật. “Chẳng phải trong chẳng phải ngoài”, tìm không được cái gì là trong là ngoài. Bên trong là nói về những cái nhỏ, bên ngoài là nói những cái to. Người xưa có câu bàn về cái lớn, lớn đến mức nào? Không có bên ngoài. Nhỏ, nhở đến cỡ nào? Không thấy bên trong. Vũ trụ quan trong giáo lý Đại thừa, quả thật “lớn đến độ không thấy bên ngoài, nhỏ đến mức không thấy bên trong”. Như chúng ta đã nói, đây là điều nhà khoa học lượng tử phát hiện ra, điểm nhỏ nhất, như ánh sáng, hoặc có thể gọi nó là lượng tử. Đơn vị nhỏ như vậy, nhưng trong đó đầy đủ năng lượng, tin tức, vật chất. Hình dáng của nó ra sao? Giống như hình dáng bên ngoài không khác. Cũng có nghĩa là giống như tất cả cát sông Hằng, của tam thiên đại thiên trong mười phương không khác. Giống như số cát tất cả sông Hằng trong mười phương, thế giới tam thiên đại thiên là ở đâu? Tất cả đều nằm trong một chấm nhỏ. Phần trước chúng ta đã nói, Bồ tát Phổ Hiền có thể vào bên trong chấm nhỏ đó, đến đó để lạy Phật, nghe pháp. Chúng ta cũng biết, trong chấm nhỏ đó là thế giới tam thiên đại thiên, nhưng trong đó lại có một chấm nhỏ nữa, trong chấm nhỏ lại có thế giới, trong thế giới lại cá chấm nhỏ, trùng trùng vô tận, nên được gọi là nhỏ đến mức không thấy bên trong. Giới khoa học không thể phát hiện ra điều này, họ chỉ khám phá đến chấm nhỏ, họ không thể khám phá điều kì diệu trong chấm nhỏ đó. Trong kinh Phật có khoa học, có khoa học cực kì lạ lùng trong đó.

Niệm đó chính là Phật, Phật ở đây là tâm, tâm ở đây là chân tâm, là bổn tánh của chính mình, là bổn thiện của chính mình, vì vậy nó không có bên trong cũng như bên ngoài, nó không có sự trói hay mở. Trói mở là nói về phương diện phiền não, không trói buộc nghĩa là không có phiền não, không có phiền não tất nhiên không cần giải thoát. Giải thoát là thoát khỏi phiền não, nếu không có phiền não thì ta thoát cái gì? “Tất cả sơn hà đại địa, hư không mười phương, không một hạt cải, không một chỗ nào không phải là đạo tràng để Phật Vô Lượng Thọ hiện thân đến thuyết pháp”. Đoạn văn này muốn gửi gắm điều gì cho chúng ta? Thế giới Cực lạc ở đâu, chắc quí vị đã xác định được!

Thế giới Cực lạc là biến pháp giới hư không giới, bởi thế nó rất rộng lớn. Thiền sư Trung Phong cho rằng đây là thế giới Cực lạc, ngài nói không sai. Chúng ta có cảm ứng đạo giao với Phật A di đà, chúng ta muốn thấy Phật, chúng ta siêng niệm Phật thì Phật sẽ xuất hiện. Phật có đi lại không? Không, Ngài vốn đã ở đây. Nếu chúng ta không nhớ nghĩ thì không có duyên, ngài sẽ không xuất hiện, khi chúng ta có duyên niệm Phật, ngài lập tức đến ngay. Vì thế kinh Đại thừa nói: “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”. Ngay chỗ này không có trước sau. Không có trước sau là không có thời gian, không có xa gận, xuất hiện ngay trước mắt. Không cần phải từ thế giới Cực lạc cách đây mười vạn ức cõi nước để đến chỗ này, không phải, ngay tại chỗ này, không có không gian, thời gian và không gian đều không có.

“Phật như vậy”, nhắc lại quí vị một lần nữa, chúng ta cũng như vậy, vì chúng ta không khác với Phật. Thân hình của chúng ta từ đâu mà có? Đương xứ xuất sanh, do nhất niệm sanh ra. Phật không có thời gian, chúng ta có không thời gian chăng? Không có. Phật không có không gian, chúng ta cũng không. Sở dĩ nói chúng ta có thời gian, không gian là do vọng tưởng tạo nên, toàn là do vọng tưởng. Nếu quí vị buông vọng tưởng thì không gian không còn, quí vị được tự tại. Con người ở thế giới này sẽ già yếu, tại sao già yếu? Vì có vọng tưởng. Vọng tưởng ở đây là thời gian trói buộc quí vị, quí vị bị hình thức giả đó lừa, lầm có thời gian, mỗi năm già đi một tuổi, lầm có thời gian. Vì sao thế giới Cực lạc không có? Vì thế giới Cực lạc chưa từng có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Họ không có quan niệm về già trẻ, sống chết, khi không có khái niệm thì hiện tượng không có. Hiện tượng từ đâu mà ra? Do ý niệm biến hiện ra. Vấn đề đó đã cho chúng ta một bài học, khi chúng ta đã hiểu vấn đề, chúng ta sẽ suy ngẫm bài học đó, vì vậy mà ta có thể giống như chư Phật Bồ tát, có vô lượng vô biên đạo lực thần thông để thay đổi chính ta, thực sự như thế, mãi mãi không thay đổi, vì đó là tánh đức, bổn tánh vốn thiện mãi mãi không thay đổi. Nếu có thay đổi thì đó chính là tu đức trước khi quí vị chưa thấy tánh, sửa đổi lại những suy nghĩ lầm lạc quan trọng nhất của chúng ta. Đối với nhiều vấn đề chúng ta đã nghĩ sai, nhìn không đúng, rắc rối xuất hiện là ở chỗ này. Làm sao mới có thể buông bỏ những kiến giải, tư tưởng sai lầm, vọng niệm này đi? Cần phải biết cái gọi là “thiên hạ vốn không có gì quan trọng, do người kém tự buộc vào”.

Sáu đường là gì? Là một giấc mơ, mười pháp giới cũng thế, sáu đường là mộng trong mộng, quí vị so đo với nó làm chi? Sống ở thế gian này muốn sánh ngang với Phật Bồ tát. Được, quá tốt rồi. Nếu không được cũng tốt, tất cả đều tốt, tuyệt nhiên không khởi tâm, động niệm, nghĩa là không xao lòng. Không xao lòng, tâm vững vàng thì tâm ấy mạnh khoẻ. Khi tâm đang xao động thì nó sẽ có vấn đề, nó sẽ hỏng. Càng xao động thì tâm càng nhanh hỏng. Đường Thái Tông nói, bây giờ tâm người chóng hư, hư ra sao? Tâm họ dao động nhiều quá, từ sáng đến tối, thậm chí trong giấc ngủ cũng ngủ không ngon vì tâm dao động. Nó làm cho thế giới này càng dao động càng loạn, càng hỗn loạn. Người xưa, quí vị xem những bậc Thánh hiền xưa kia, quản lí bằng vô vi, họ không lao tâm mà thiên hạ vẫn an bình, không xảy ra chuyện xấu. Nếu nghĩ cái này, nghĩ cái kia, tất cả những thứ đó đều làm cho quí vị hư hỏng thêm. Nếu quí vị không nghĩ đến một thứ gì cả thì tất cả trở lại bình thường, bình thường là mạnh khoẻ nhất. Ý nghĩa trong này rất sâu sắc, mang tính học thuật rất lớn.

“Chỉ có nhất niệm tín nhập”, anh ta biết, nhất niệm tức nhập, nghĩa là anh ta tin tự tánh của mình, anh ta tin niệm này là Phật, anh ta tin Phật chính là tâm, anh ta tin trong biến pháp giới hư giới không có thứ đối lập, tất cả đều hài hoà, mãi mãi nhất thể. Cả vũ trụ giống như tâm này, tâm niệm đã đan kết nó thành nhất thể, giống như tấm lưới. Quí vị không thể thấy những hiện tượng này vì nó không thuộc vật chất, cũng không phải tinh thần và không phải hiện tượng thiên nhiên, rõ ràng nó giống như một tấm lưới tập hợp tất cả. Kéo một sợi lông là động cả thân, bất cứ ai, bất cứ thời gian nào động nhất niệm thì cả vũ trụ đều biết, tin tức lập tức lan truyền khắp nơi, đây là điều Hoàn Nguyên Quán nói: Ba thứ chu biến, thứ nhất là chu biến pháp giới. Hai là xuất sanh vô tận, xuất sanh là biến hoá, biến pháp giới hư không giới đều theo tâm niệm để biến hoá. Ba là hàm dung không hữu, tâm lượng rộng lớn, thật sự thực hiện được việc tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, là bởi chúng ta vốn là như vậy, sao bây giờ lại trở thành nhỏ nhen như thế này. Một con người, một vật cũng không thể dung nạp được, quí vị nghĩ xem có đáng thương không? Lòng càng hẹp, hẹp đến độ không thể hẹp hơn, lúc này cảnh giới địa ngục liền hiện ra, ngay mình cũng không thể chấp nhận, đó là địa ngục.

Phẩm “Thập phương Phật tán”, chúng ta học đến đây. Xin xem tiếp phẩm sau, phẩm hai mươi bốn, hai mươi lăm, đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của người tu trong bộ kinh này, rất quan trọng. “Phẩm thứ hai mươi bốn Tam bối vãng sanh”. Mời xem kinh văn:

Đức Phật dạy A Nan: Tất cả những người, trời trong mười phương thế giới, ai có thể chí tâm nguyện sanh nước kia, phàm có tam bối.

Đầu tiên “giới thiệu chung về tam bối”. Tam bối, tức là tứ độ của thế giới Cực lạc, không kể cõi Thường tịch quang. Dưới đây chỉ nói ba cảnh giới: Cõi Thật báo trang nghiêm, thượng bối vãng sanh; cõi Phương tiện hữu dư, trung bối vãng sanh; cõi Phàm thánh đồng cư, hạ bối vãng sanh. Vì vậy mới có tam bối, trong tam bối lại có thượng, trung và hạ, gộp tất cả vào thành chín phẩm, ba bối cửu phẩm.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão: “Tiền phẩm thập phương Phật tán, nãi chư Phật xưng thán nguyện chi thành tựu”. Đây là nguyện chư Phật khen ngợi trong bốn mươi tám lời nguyện. Khi Phật A Di Đà thành Phật thì thế giới Cực lạc cũng thành tựu, chư Phật cả mười phương không ai không khen ngợi. “Ý muốn mười phương chúng sanh nghe tên liền phát tâm, ghi nhớ thọ trì, rồi tuỳ nguyện vãng sanh”. Dụng ý, mục đích Phật A di đà xây dựng thế giới Cực lạc là gì? Giúp đỡ biến pháp giới hư không giới, tất cả sáu đường chúng sanh trong các cõi nước chư Phật. Chúng sanh trong sáu đường rất khó hoá độ, đây là một sự thật, đặc biệt là giúp chúng sinh trong sáu đường, xây dựng một đạo tràng tu học, thế giới Cực lạc là một đạo tràng tu học lớn. Bằng bi nguyện của Ngài, bốn mươi tám đại nguyện để gia trì cho những chúng sanh có phiền não nghiệp chướng sâu nặng, giúp họ thành tựu ngay trong kiếp này thì công đức đó lớn lao lắm. Đây chính là chư Phật trong mười phương đã mong chờ bấy lâu, không nghĩ ra, không phải là không có năng lực, cần hiểu trí tuệ, đức năng, tướng hảo của chư Phật Như lai hoàn toàn giống nhau, nhưng không nghĩ ra. Phật A di đà đã nghĩ đến chuyện này và ngài đã xây dựng công trình này. Sau khi xây dựng xong, mỗi chư Phật không ai là không hoan hỉ, ngài đã giải quyết được nỗi lo của tôi rồi. Bởi thế những chúng sanh khó hoá độ, chư Phật Như lai đều khen ngợi Phật A di đà, khuyên mọi người nên niệm Phật để cầu vãng sanh thế giới Cực lạc, đưa tất cả những công việc cần hoá độ giao cho Phật A di đà, giới thiệu cho Phật A di đà, đều đến Thế giới Cực lạc của Phật A di đà. Thế giới Cực lạc là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, khi đến đó, tiếp thu những lời dạy của Phật A di đà, thì sẽ thành Phật ngay trong kiếp này. Tất cả đại nguyện của chư Phật Như lai đều có chung một việc đó là mong tất cả chúng sanh sớm thành Phật, tất cả chúng sanh là Phật, đó là nhân tố chính.

Tại sao bây giờ chúng ta ra nông nỗi này? Trong kinh Hoa nghiêm, Phật dạy: Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước nên không thể chứng đắc. Rắc rối hiện nay của chúng ta là mắc bệnh, mắc bệnh gì? Mắc bệnh ba loại độc, đó là: Mầm vọng tưởng, mầm phân biệt và mầm chấp trước. Ba độc. Đây là một vấn đề khá phiền toái. Nếu buông bỏ triệt để phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thì vấn đề liền được giải quyết. Có thể chia ra để buông bỏ.

Quí vị xem tam bối vãng sanh, hạ bối toàn phàm phu, chưa thể buông bỏ, đới nghiệp vãng sanh. Rất hay! Đới nghiệp thì không thể thành công, nhưng ta thấy Phật A di đà đã từ bi đến cùng cực, chưa cắt hết phiền não kiến tư mà vẫn được vãng sanh và cũng tiếp nhận được lời dạy dỗ của ngài, đây là một việc làm quá khó, khó được. Nhưng ở các cói trên thì không phải hiếm, cõi thật báo cũng không hiếm, cõi Phương tiện cũng thế, nhưng hiếm gặp nhất là cói phàm thánh đồng cư. Ngài có cách để những người hãy còn chấp trước nặng trong cõi phàm thánh đồng cư buông bỏ tập khí chấp trước, giống như những người tham lam ở thế giới chúng ta đây, nhưng khi sang thế giới Cực lạc thì họ không còn tham lam nữa, vì sao vậy? Vì của cải bên đó quá nhiều, lấy không hết mà dùng cũng chẳng thiếu.

Thực ra thế giới của chúng ta đây, cái gì là quan trọng đối với ta? Không phải của cải, nó có hay không không thành vấn đề, quan trọng nhất là không khí, không có nó trong vòng mười phút ta sẽ chết, nhưng có ai tham lam không khí? Chưa nghe ai cất giữ không khí, vì sao? Vì nhiều quá. Của cải ở thế giới Cực lạc rất dồi dào, quí vị muốn vàng bạc ngọc ngà, vàng bạc người để đầy trên đường, không ai ra đường để gỡ nó mang về cất giữ cả. Mang trên người? Không có, vàng bạc chỉ để lát đường, đá quí, liệu thật sự quí không, người ta làm vật liệu xây dựng đấy, dùng châu báu làm vật liệu xây dựng. Nó nhiều qua nên không ai ham muốn làm gì, người ta sẽ cười chê những kẻ tham lam, chiêu này của Phật A di đà thật lợi hại, ngài để cho lòng tham của ta sẽ không còn dấu vết khi sang bên đó. Những chuyện ăn uống, nam nữ bên này. Phật biết, yêu thương nam nữ sẽ trở thành sợi dây vô hình trói buộc, rất phiền phức, nên vãng sanh về thế giới Cực lạc toàn là người nam, không có người nữ. Tất cả đều giống hình dáng Phật A di đà, không phải chỉ có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, mà thân có vô lượng tướng, tướng có nhiều vẻ đẹp. Việc ăn mặc, muốn mặc áo quần có ngay trên thân, không cần mua cũng không đi may, tất cả đều biến hoá tự nhiên, nên quí vị không nổi lòng tham. Trong nhà cũng không dùng thùng bảo hiểm, cũng không có tủ đựng quần áo, vì sao? Rườm rà. Muốn mặc, áo đã có trên thân, không muốn nữa nó tự biến mất, không thấy nữa. Ăn uống cũng thế, không cần nhà bếp, muốn ăn món gì, trăm thứ thức ăn bày trên bàn, không muốn ăn nữa, không thấy, khỏi cần rửa bát đũa, không cần thiết, bởi thế lòng tham không có đất dụng võ. Phòng ở của bạn sạch sẽ ngăn nắp, rộng rãi, khi khách đến chơi muốn ngồi, nghĩ một cái đã có bàn ghế bày ra tề chỉnh, khách về, bàn ghế cũng không còn, không cần dọn dẹp. Ở đâu có được môi trường như thế, chỉ có thế giới Cực lạc, chư Phật Như lai mới thực hiện được, quí ngài nghĩ thay cho chúng sanh trong sáu đường. Tất cả những vấn đề này, trong sáu đường chúng sanh cũng có, trời Hoá lạc ở tầng thứ năm cõi Dục, tất cả những thứ họ cần đến đều do biến hoá mà có, không cần nữa, những thứ đó bèn biến mất, hoàn toàn giống thế giới Cực lạc. Trời trong cõi Dục còn làm được, thì chỗ Phật A di đà có trở ngại gì đâu! Trời Tha hoá tự tại ở tầng thứ sáu, muốn có gì thì không phải bản thân họ biến hoá, chư thiên cõi trời Hoá lạc đọc được suy nghĩ của họ, bèn biến hoá những thứ đó đem đến cúng dường, tầng trời thứ năm đến cúng dường, khi những người ở cõi trời đó bảo không cần nữa thì tự nhiên những thứ đó không còn nữa, tất cả những việc này hai tầng trời bên trên cõi Dục có thể thực hiện được. So với chư thiên cõi dục thì oai thần bổn nguyện của Phật A di đà ở thế giới Cực lạc thù thắng gấp bội phần. Chư thiên cõi Dục làm sao sánh được với Phật? Vậy nên mới dùng phương pháp tuyệt diệu này khiến cho chúng ta buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, không cần khuyên bảo nhưng tự ta bỏ, buông bỏ ở đây là kiến tánh, kiến tánh là thành Phật, tuyệt diệu cực kì. Vì thế chư Phật khen ngợi có nghĩa là mong chư Phật thay ngài chiêu sinh, còn ngài mở lớp để dạy học. Mười phương chư Phật giúp ngài chiêu sinh, giống như Phật Thích Ca Mâu Ni giảng giải Tịnh độ tam kinh cho chúng ta vậy, Tam kinh toàn giới thiệu thế giới Cực lạc, khuyên chúng ta buông bỏ vạn duyên để cầu sanh Tịnh độ. Thế tôn như thế, Như lai trong mười phương cũng như thế, không một vị Phật nào không khuyên chúng sanh trong sáu đường vãng sanh thế giới Cực lạc. Vì vậy người được vãng sanh đến thế giới Cực lạc cực kì đông, không thể tính hết số người mỗi một ngày vãng sanh đến đó. Nghe xong chúng ta không khỏi nghi ngờ, tại sao? Số người đông đúc ở thế giới Cực lạc chắc ồn ào lắm, thôi, không đi nữa đâu, ta cứ tìm ngọn núi nào đó để tu tập cũng được. Vậy là quí vị đã sai rồi, hoàn toàn sai lầm. Tuy rộng lớn thế, nhưng lí tưởng của thế giới Cực lạc đều đáp ứng tất cả mọi ý nguyện, khi đến thế giới Cực lạc, nếu không muốn nhìn một lượng người đông như vậy, muốn ngồi một mình trên một đỉnh núi hoặc bên cạnh một hồ nước yên tĩnh, đi đến đâu quí vị có thể cũng thấy được cảnh tượng như thế, không một bóng người. Quí vị nghĩ đến Phật A di đà, ngài liền có mặt, quí vị không muốn thấy ngài nữa, liền không thấy ngài. Ở thế giới đó mọi thứ đều đáp ứng được lòng mong của mọi người, quả thực là một thế giới hiếm thấy và khó được.

“Phẩm này bàn về thứ bậc nhân hạnh của những người được vãng sanh” phẩm đó là phẩm hai mươi tư, “Tam bối vãng sanh”, muốn nói về nhân hạnh vãng sanh. Vãng sanh là quả đức, muốn đạt được quả báo này, nhất định chúng ta phải tạo nhân, nhân có thù thắng thì quả mới vi diệu.

Thứ tự, chủng loại của nhân hạnh, “phàm phu sau khi nghe tên”, đoạn này chúng ta phải chú ý, vì đoạn này đang tập trung nói về người phàm phu, chúng ta có phần trong đó, chúng ta phải lắng nghe. “Có độ nông sâu trong tín nguyện, vì phát tâm có lớn nhỏ, không giống nhau”. Chúng ta đã nghe rồi đó, có người tin rất chắc chắn, có người tin hời hợt, mức độ nông sâu rất lớn bởi thế phẩm vị khi vãng sanh thế giới Cực lạc cũng khác nhau. Tứ độ, tam bối, cửu phầm hoàn toàn khác nhau. Lại còn trì tụng nhiều ít, trì tụng là thực hành, có sự khác nhau giữa thọ trì và đọc tụng, công phu mỗi người không giống nhau. Việc tu tập có siêng, nhác, có người siêng năng, có kẻ biếng nhác, khác nhau thấy rõ. Đến thế giới Cực lạc cũng như vậy, nhưng thế giới cực lạc có sự đặc biệt, tất nhiên cũng có những hiện tượng đó, nhưng khi được oai thần bổn nguyện của Phật A di đà gia trì, tất cả những hiện tượng đó đều bị xoá mờ, có hay không? Có, song không thấy rõ. Tựa hồ mỗi người đều có trí tuệ mức cao, mỗi người đều có phước báo viên mãn, mỗi người đều có đại đức đại năng, đó là gì? Đó là nhờ Di đà gia trì, không phải bản thân họ tự có.

Giống như thế giới của chúng ta đây, khi linh hồn đến thế gian đầu thai, nếu họ sanh vào nhà vua chúa thì khi ra đời được hưởng vinh hoa phú quí, đó không phải là anh ta, đó là do cha mẹ anh ta mang đến, không phải nhờ năng lực tự thân. Khi ta đến thế giới Cực lạc cũng gần giống như thế, khi sanh vào trong nhà Phật A di đà, tất nhiên chúng ta là con cái của ngài, Phật A di đà là người giàu có nhất thế gian, được hưởng phước của cha. Ta hãy tưởng tượng như thế, không những hưởng phước của ngài mà còn hưởng được trí tuệ của ngài nữa. Đến lúc nào ta mới thôi hưởng phước của ngài? Khi nào ta giống ngài mới thôi, đến cõi Thật báo trang nghiêm. Cõi phàm thánh đồng cư, phương tiện hữu dư thì vẫn còn nhờ ngài gia trì, bản thân chúng ta không thể tự chuyển thức thành trí. Nói cách khác, bản thân ta là phàm phu chay, chưa thể thành Thánh, khi buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mới đến được cõi Thật báo trang nghiêm. Cõi Thật báo trang nghiêm mới thật sự là tánh đức chân chính của mình, nó mới hiển lộ, lúc đó là không còn nương Phật nữa, tự tánh ta đã hiển lộ. Những gì trong tự tánh ta hiển lộ hoàn toàn giống Phật A di đà, không hai không khác. Thoạt nhiên vẫn nhờ Phật gia trì, sau đó giống Phật không khác, đây là sự thù thắng không đâu sánh được của thế giới cực lạc. Trong tất cả cõi nước của chư Phật không có trường hợp như vậy. Trong các kinh đức Phật nói trong bốn mươi chín năm, chưa nghe ngài giảng chuyện nào như vậy, chỉ có thế giới Cực lạc mới có. Bởi thế đức Thế tôn giảng kinh, trong những kinh sách nói đến thế giới Cực lạc, độ hơn hai trăm cuốn thường xuyên đề cập. Tịnh độ tam kinh là chuyên giảng, đặc biệt giới thiệu, cụ thể nhất trong việc giới thiệu là kinh Vô lượng thọ. Kinh Vô lượng thọ lại được tuyên giảng nhiều lần, không thể nghĩ bàn. Cả đời giảng kinh của Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi bộ kinh chỉ giảng một lần, không có lần thứ hai, nhưng kinh Vô lượng thọ lại được tuyên giảng nhiều lần. Không những chỉ giảng một lần.

Căn cứ năm bộ kinh nguyên bản dịch của cổ nhân để lại đến ngày nay, ít nhất là ba lần, vì ta phát hiện ra những khác biệt rất lớn khi đọc những bản kinh này. Nếu chỉ giảng một lần thì khi phiên dịch không thể có sự khác biệt lớn như thế. Cho thấy Thế tôn đã giảng rất nhiều lần, lại còn có bảy bản bị thất truyền. Nếu bảy bản thất truyền kia được tìm lại thì có thể sai biệt còn lớn hơn. Vì thế những vị đại đức xưa khẳng định, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng bộ kinh này ít nhất ba lần.

Chúng ta xem phần tiếp theo. “Túc căn chúng sanh có vô lượng khác biệt”. Có sự khác nhau về thiện căn được tu tập từ kiếp trước. Kinh Di đà cho chúng ta biết: “không thể có ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh sang đó”. Thiện căn mỏng quá, không được, phước đức mỏng quá cũng không được, nhân duyên không đầy đủ cũng không được. Muốn cả ba điều kiện này hợp lại một chỗ là chuyện không dễ dàng, thân người khó được, Phật pháp khó được nghe, nghe được Tịnh độ phải đủ ba điều kiện đó, trong kiếp này quí vị mới thành tựu, ba điều kiện không đầy đủ thì kiếp này quí vị không có phần. Không có phần ở đây được hiểu là quí vị đang ở trong sáu đường, như thế là rắc rối, chúng ta phải muốn vượt thoát luân hồi ngay trong kiếp này, nhưng nếu một trong ba điều kiện trên không đủ, thì phải thêm vào! Ngay trong kiếp này chúng ta có thể bổ sung vào, nên bổ sung bằng phương pháp nào? Tín nguyện trì danh là có thể bổ sung vào được, chúng ta cố gắng làm, buộc mình phải nghe kinh thính pháp, niệm Phật, nếu nghe kinh mà bổ sung thiện căn chưa đủ, niệm Phật chưa đủ để bổ sung phước đức, khi đủ duyên, duyên trong hiện tại chúng ta đang gặp, khi gặp được nó sẽ hội tụ. Ta gặp những lời chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, duyên của ta đã đầy đủ, gặp được, nhưng có tin hay không? Liệu có hiểu nổi không? Đấy là thiện căn. Tôi không thể tin, vẫn cứ đọc, đọc mãi rồi phải tin, tại sao? Đã hiểu lí lẽ. Mục đích giảng kinh của đức Phật trong bốn mươi chín năm cũng ở chỗ này, nghĩa là giúp tất cả mọi người đoạn nghi sinh tín, đây là mục đích, mục tiêu hàng đầu của kinh điển, mục đích của việc dạy học, giảng kinh trong bốn mươi chín năm là ở đây. Ngày nay chúng ta đọc nhiều, nghe nhiều, từ từ sẽ có niềm tin, thiện căn được bổ sung thêm. Phước đức là gì? Một hướng chuyên niệm, một hướng chuyên niệm sẽ thực sự có phước, phước đức lớn. Phần trước chúng ta đã nói rất cụ thể, không cần phải tu công đức nào nữa, công đức này đã tròn đầy rồi, chỉ cần siêng năng niệm Phật thì công đức nào cũng tròn đầy. Quí vị muốn nó làm gì nữa? Những thứ khác đâu có tác dụng gì. Siêng năng tụng niệm kinh Vô Lượng Thọ, siêng năng niệm danh hiệu Phật A di đà, như thế là mỗi ngày quí đều tu công đức viên mãn rồi, nghiệp chướng đã tiêu trừ.

Chí tâm, phần trước đã nói là nhất tâm niệm Phật, trong nhất tâm không có vọng niệm, không có tạp niệm, không có hoài nghi, niệm một danh hiệu Phật được như vậy thì tiêu trừ được tội nặng tám mươi ức kiếp sanh tử. Phật không bao giờ nói dối. Mỗi ngày quí vị đều niệm, niệm đến mấy năm thì tất cả những tội chướng trong vô lượng kiếp đều tiêu tan hết, nghiệp chướng tiêu tan rất rõ. Tại sao vậy? Thân thể rất nhẹ nhàng, tướng mạo đổi khác, tinh thần phấn chấn, tất cả những thứ đó là tướng tốt, tướng tốt ngay hiện tại.

Tôi đã chứng kiến những cụ già tóc bạc, nghe tôi giảng kinh họ tin ngay rồi siêng năng niệm Phật, niệm được hai ba năm tóc lại đen, họ vui lắm, mặt mày hớn hở đến tìm tôi: Đầu con đã đen lại rồi đây. Liệu có chuyện đó không? Có, tại sao vậy? Cảnh do tâm hiện. Ngày trước tâm không thiện, bây giờ tâm đã thuần tịnh thuần thiện, quí vị còn sống lâu, trường thọ, bởi vậy sức khoẻ hoàn toàn bình phục mà không cần thuốc. Tất cả thuốc trị bệnh bây giờ đều có tác dụng phụ, giả nhiều, thật ít, sợ mắc lừa. Nỗ lực không dùng thuốc, ta tự sức mình để khôi phục sức khoẻ. Việc đầu tiên là tin bản thân, rằng ta cùng với Phật A di đà không khác, đưa đức Phật A di đà vào trong tâm ta, đổi chỗ tâm ta thành Phật A di đà, như thế là mạnh khoẻ nhất, không có gì có thể sánh bằng.

Phật A di đà ở đâu? Kinh Vô lượng thọ là Phật A di đà, bốn mươi tám lời nguyện là Phật A di đà, tam bối vãng sanh là Phật A di đà. Tuỳ chọn một pháp môn, rồi thâm nhập từ đó, được lợi ích công đức thù thắng không gì sánh bằng, quí vị sẽ nhận được.

Chúng ta xem đoạn này nói rất cụ thể. “Túc căn của chúng sanh có vô lượng sai biệt, phước đức nhân duyên mỗi người một khác”. Quí vị xem ba điều kiện: Túc căn, phước đức, nhân duyên, mỗi mỗi bất đồng, mỗi người một khác, mỗi mỗi dị biệt. “Nêu biết vô lượng chúng sanh vãng sanh trong mười phương, thì phẩm loại của họ cũng không thể tính hết”. Tam bối, cửu phẩm là đại loại, nếu chia nhỏ ra nữa thì còn nhiều lắm, không thể kể hết, điều này là có thật, không phải giả. Sao không thể kể hết? Mỗi niệm là một cảnh giới, Bồ tát Di lặc cho chúng ta biết, một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm, mỗi niệm không giống nhau, thiện niệm là thiên đường, ác niệm là địa ngục. Khi chúng ta niệm Phật, niệm thế giới Cực lạc cũng thế. Nên biết nhân chính của thế giới Cực lạc, là tự tánh của chúng ta. Đại sư Huệ Năng đã nói: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, thế giới Cực lạc tự nó đã đầy đủ trong đó. Từ đâu mà có? Thế giới Cực lạc trong tự tánh của chúng ta có quan hệ rất chắt chẽ với ta. Đây là nhân chính, Phật A di dà phát bốn mươi tám lời nguyện để xây dựng thế giới là duyên, ngày nay chúng ta niệm Phật cầu sanh tịnh độ cũng là duyên. Nhân duyên quả báo đều không tách rời tự tánh, đây là điều có thực, không phải giả. Khi ta đã thấy rõ mối quan hệ này rồi thì những nghi ngờ của chúng ta biến mất, không còn một chút hoài nghi nào. Chúng ta chắn chắn đến nơi đó, tại sao? Nơi đó ổn định, nhanh chóng, không có sự trở ngại nào, tu hành nơi đó chắc chắn sẽ chứng quả. Sau khi thành Phật ta nương thuyền từ trở lại độ chúng sanh, vì lúc đó ta đã đầy đủ trí tuệ, đầy đủ thần thông, đầy đủ đạo lực, ta đã có bản lĩnh để giúp đỡ tất cả chúng sanh đang bị khổ nạn. Đến thế giới Cực lạc thành công rất nhanh, vì sao vậy? Vì không bị gián đoạn trong quá trình học tập. Quí vị sẽ hiểu, ở thế giới Cực lạc, Phật A di đà không bao giờ gián đoạn trong suốt quá trình giảng kinh. Ở thế giới này ta còn phải ăn uống, nghỉ ngơi, nên phải tốn thời gian. Ở thế giới Cực lạc họ không ăn uống, lại không ngủ nghỉ, bởi thế thời gian của họ, một giây cũng không lãng phí, tất cả đều dành thời gian cho học tập. Học vô lượng kiếp thì quả là rất nhiều?

Đức Thế Tôn, trong vô số những pháp môn khác nhau, đã nêu ra một số mục tiêu biểu, ví dụ như Tam bối. Trong cuốn kinh này, ngài đã chia thành thượng, trung và hạ bối, đây được coi là tối giản. Mỗi bối lại có ba, cộng lại thành chín, đó là chín phẩm được nói đến trong Quán kinh. Trong chín phẩm lại có chín, cộng lại thành tám mươi mốt, cứ quay vòng như thế, kì thật không thể kể hết. Nếu nói một cách rõ ràng, thì phẩm vị nơi thế giới Cực lạc là vô lượng vô biên. Bây giờ tôi đơn cử để các bạn thấy, một ví dụ tiêu biểu: Tam bối, cửu phẩm. Trong mỗi phẩm của chín phẩm lại có chín phẩm, tổng cộng tám mươi mốt phẩm. Trong mỗi một phẩm của tám mươi mốt phẩm lại có tám mươi mốt vô lượng vô biên, chúng ta không thể không tìm hiểu. Quí vị biết tình trạng này, lật lại vấn đề, thử nghĩ một chút về địa ngục, địa ngục cũng được mô tả gồm mười tám tầng, mười tám tầng là nói chung, trong mỗi tầng của mười tám tầng đó lại có mười tám tầng, chia tiếp, trong mỗi tầng lại có mười tám tầng, tiếp tục chia nữa, thành ra vô lượng vô biên, bây giờ chúng ta đã hiểu. Mỗi niệm thiện có một thiên đường, một niệm tịnh tương ứng với một tịnh độ, một niệm ác tương ứng với một cửa địa ngục. Trong một giây, chúng ta có một ngàn sáu trăm triệu niệm ác, vậy chẳng phải có một ngàn sáu trăm triệu địa ngục đó sao!

Trong mỗi giây, mỗi niệm chúng ta đều nghĩ đến Phật A di đà, vậy có thể không có một ngàn sáu trăm triệu Phật A di đà được sao! Vấn đề này chúng ta phải hiểu cho rõ ràng minh bạch, như thế chúng ta mới hoan hỉ buông bỏ niệm ác, mỗi niệm đều nghĩ đến Phật A di đà. Bởi vì Phật A di đà là bậc thánh thiện trong các điều thiện, trong sạch nhất trong tất cả sự trong sạch, không có một niệm nào có thể vượt qua được Phật A di đà, vậy tại sao ta không niệm Phật? Niệm Phật không gián đoạn, hiện tại, bây giờ, bất kể lúc nào, nơi nào, miễn nghĩ đến là niệm. Khi quên niệm ta cứ cho qua, mất thì thôi, nghĩ đến lại niệm, khi đã thành thói quen, mỗi ngày quí vị sẽ niệm nhiều hơn. Không cần tính toán mà nên nhớ phương pháp của đại sư Ấn Quang, mỗi câu đều phải rõ ràng, nhớ rõ ràng, nghe tỏ tường, đếm từ một đến mười, dùng tâm trí để ghi nhớ, phải nhớ câu danh hiệu của ta là câu thứ mấy, vì sao vậy? Kiểu này rất dễ nhiếp tâm, tạp niệm, vọng niệm không xen vào được. Nếu không thực hiện cách này, khi quí vị niệm Phật thì tạp niệm vẫn len lỏi vào. Phương pháp nói trên là tốt nhất, tạp niệm sẽ không vào được. Một khi nó đã xen vào, thì quí vị sẽ không thể nhớ rõ, có tạp loạn thì sẽ không đếm được, ta bắt đầu đếm lại từ đầu, thử xem mình duy trì được bao lâu, khi duy trì được thời gian đủ lâu, quí vị tạm quên, đừng nghĩ đến nó, có nghĩa là để quí vị khỏi phân tâm, đừng vì những việc như thế mà phân tâm. Cố gắng niệm, nhớ nghĩ đến tâm thanh tịnh của mình.

“Nay trong vô lượng bối đó, tổng quát thành tam bối, tuy phẩm vị sau khi được vãng sanh khác nhau, nhưng nếu nói về nhân chính để có thể vãng sanh, nhân tố chính để được vãng sanh, không gì hơn phát tâm Bồ đề, một hướng chuyên niệm A di đà Phật”. Chừng đó chữ, nhưng nó đã khái quát được bí quyết để được vãng sanh. Tâm Bồ đề sẽ nói ở phần sau.

“Đó là những nét chính của cuốn kinh này”, là cương lĩnh, cương yếu, “then chốt để được vãng sanh”, chỉ trong mấy chữ đó thôi. Tam bối vãng sanh là nhắm vào phàm phu mà nói. Chúng sanh trong sáu đường được sanh về Tịnh độ, sự khác nhau giữa họ, nghĩa là sự khác biệt giữa phàm phu được sanh về Tịnh độ, công đức nguyện hạnh sẽ quyết định việc sanh về Tịnh độ của chúng ta. Chúng ta là những phàm phu trong sáu đường, chúng ta muốn được vãng sanh, đây là mục đích của chúng ta, là quĩ đạo của chúng ta. Đối với người thực sự muốn cầu vãng sanh thì câu này có ý nghĩa rất đặc biệt, đây là sự thực, không phải giả dối. Nếu thực sự đúng thì quí vị phải nhận thức đúng đắn về hai thế giới, lúc đó quí vị mới có thể tạm thời buông bỏ thế giới Ta bà, tôi nhất định phải đến thế giới Cực lạc, nếu vẫn còn lưu luyến thế giới Ta bà, nếu vẫn không buông được thì quí vị có đi cũng không đến, niềm tin hiện tại của chúng ta đang bị nó huỷ hoại, nguyện cũng thế, không thể chuyên nhất để niệm Phật. Cũng có nghĩa là đang có rất nhiều tạp niệm và vọng tưởng xen vào, công phu mất hết. Vì thế cần nhận thức, làm rõ thế giới ta đang cư trú ở đây, với thế giới Cực lạc cũng phải nhận thức rõ ràng. Muốn nhận thức rõ ràng thế giới Cực lạc, thì bản kinh này là một lời giới thiệu, chuyên giới thiệu thế giới Cực lạc, cần học tập, nghĩa là cần nhận thức, cần ra tay. Một số từ mới trong này có vẽ như của cư sĩ Hồ Tiểu Lâm, mỗi chữ đều được tra tự điển rồi chú âm, tất cả những từ trong này đều được tra trong cuốn Phật học từ điển, mỗi chữ đều được tra cứu kĩ lưỡng, rất công phu, chi tiết, hạ được quyết tâm để làm, không qua loa. Vì sao vậy? Nếu có sự nghi ngờ, nghi ngờ là nguồn gốc ngăn cản sự vãng sanh, không được lưu giữ một chút nghi hoặc, mới buông bỏ được thế giới này.

Có người nói với tôi: Tiền bạc của con bị người khác lừa mất rồi. Thôi, cho qua, không nghĩ đến nữa, vì sao? Đó là vật ngoài thân, là giả, quí vị vẫn cứ nghĩ đến, đó là một sai lầm. Không có việc đó thì tâm ta mới thanh tịnh, ta niệm Phật mới yên. Bạn làm hại tôi thế nào, tôi vẫn không để ý, bạn muốn, tôi tặng hết. Trong cuộc sống, chúng tôi gặp rất nhiều sự việc tương tự như thế. Đạo tràng, bạn muốn, tôi biếu, ra khỏi cổng. Nếu chúng ta không gặp những chuyện như thế, vui cùng cực, quyết không để những chuyện như vậy trong lòng.

Năm nọ, tôi rời Đài loan, không để ý đến đạo tràng nữa, rời Mĩ, không ngó ngàng gì đến đạo tràng, đến nơi khác, dựng một đạo tràng nho nhỏ, khi dời gót, buông hết. Trong lòng không một chút ràng buộc. Nếu lúc nào cũng nghĩ đến, không phải ta đã tự tìm đến sự rắc rối sao? Nghĩ gì, đó là cái nghĩ của luân hồi sáu đường, nghĩ về địa ngục, đừng nghĩ đến nó nữa. Khi đã chuyển niệm, ta nghĩ ngay đến thế giới Cực lạc, nghĩ đức Phật A di đà, ngoài ra không nghĩ gì khác, bỏ sạch hết. Cho dù trước mặt là vàng bạc ngọc ngà, danh văn lợi dưỡng, nếu có, cứ nghĩ là không có, đừng nghĩ đến nó, nếu có, ta vứt nó sang một bên, ai dùng tuỳ ý, đừng chấp đó là của ta, không có ta, ai đem đi đâu cứ việc, quí vị đã tự tại! Quí vị không còn bị ràng buộc, không lo nghĩ nữa, thực sự buông bỏ, buông bỏ tất cả. Đời này ta chỉ nghĩ đến thế giới Cực lạc, như thế mới có hi vọng. Đừng có một chút lưu luyến, một chút ràng buộc cũng không có, tất cả đều tuỳ duyên. Có cũng tốt, không cũng chẳng sao, như thế chúng ta mới tự tại.

“Nếu chú tâm vào việc cầu vãng sanh, phải nương tựa vào nó như tấm gương sáng, lúc nào cũng soi, xem ta đến ngang đâu”. Nương tựa vào đâu? Lấy bộ kinh này làm điểm tựa, coi bộ kinh này như một tấm gương, đọc lần nào ta đối chiếu lần đó, xem ta đã thực hiện đến đâu? Liệu ta đã giống Tỉ kheo Pháp Tạng được bao nhiêu phần? Có giống Bồ tát Pháp Tạng? Có giống Phật A di đà? Thế giới ta đang sống đã giống thế giới Cực lạc chưa? Có người nói, không thể nào giống được thế giới Cực lạc. Tôi nghĩ, không khác thế giới Cực lạc, sao lại nói không khác? Rõ ràng là khác mà. Đối với môi trường thế giới Cực lạc, cơ bản con người ở thế giới Cực lạc không khởi tâm, không động niệm, không có phân biệt, chấp trước. Thế giới này, ta cũng không chấp trước nơi cảnh giới hiện tiền, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, vậy đã giống thế giới Cực lạc chưa? Hoàn toàn không khác! Khi quí vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì không giống, xa rời vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì tất cả đều giống nhau. Ở thế giới Cực lạc ngày nào cũng được thấy Phật A di đà. Ở đây, trong tâm tưởng của ta ngày nào cũng có Phật A di đà, bất cứ giây phút nào cũng niệm Phật A di đà, không rời Phật A di đà nửa bước, ngày nào cũng đọc kinh Vô lượng thọ, ngày nào cũng được thấy thế giới Cực lạc. Thực sự làm được ức Phật niệm Phật, hiện tại tương lai sẽ được thấy Phật, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn.

“Ta thực hiện đến đâu”, câu này rất thâm thuý, chúng ta cần suy nghĩ, Muốn có nghĩa hi vọng, chúng ta mong được giống như Phật A di đà, giống như thế giới Cực lạc. Giống ở đây, không có nghĩa là bên đó có vàng ngọc làm đất, vàng ngọc là giả, bùn đất cũng không thật, tất cả đều giả, vàng ngọc cũng bằng không, đất cát cũng như vậy, tất cả đều giống nhau, không khác. Tất cả đều do những hạt lạp tử cơ bản kết thành, nhưng khác nhau về cách sắp xếp, ngoài yếu tố này ra, không có gì khác nhau cả. Tất cả pháp đều do tâm tưởng sanh ra, thế giới Cực lạc cũng thế. Với tâm tưởng, chúng ta đừng khởi tâm, đừng động niệm, đừng phân biệt, đừng chấp trước, cứ bình đẳng, bình đẳng là chân pháp giới. Cho nên thế Cực lạc với Ta bà là một, không phải hai. Hiện tại chúng ta đang chuyển biến, công phu chưa đầy đủ, một khi đã đầy đủ thì thế giới chúng ta đây là thế giới Cực lạc. Chúng ta đã hiểu rõ sự thực, phương pháp cũng đã nắm được, bây giờ chỉ nỗ lực làm cho đến nơi đến chốn mà thôi. Yếu tố đầu tiên để công việc được thành công đó là buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, là những cái đó. Chúng ta nghe những lời dạy của Phật, chúng ta không phải là những người thượng căn lợi trí nên không thể cùng một lúc mà buông bỏ tất cả, mà phải thực hiện từng bước. Trước hết là buông bỏ chấp trước, không chấp trước nữa, thực sự không ôm giữ tất cả pháp thế gian hay xuất thế, lúc đó tâm thanh tịnh liền hiện ra, điều này trong kinh đã mô tả “thanh tịnh bình đẳng giác”, đạt được bước đầu thì tâm thanh tịnh liền được, mà đạt được tâm thanh tịnh thì chắc chắn sẽ vãng sanh. Vì sao? Vì “tâm tịnh thì cõi Phật cũng tịnh”, ta chắc chắn sẽ được vãng sanh.

Bước tiếp theo là tâm bình đẳng hiền tiền, không phân biệt, Phật cùng chúng sanh bình đẳng, giữa oan gia đối đầu với những người thương yêu nhất đều bình đẳng, oán thân bình đẳng, bắt đầu buông bỏ từ đấy. Khi tâm bình đẳng hiển lộ thì sẽ sanh sang cõi Phương tiện hữu dư. Khi đã giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh sẽ sanh sang cõi Thật báo trang nghiêm. Ngày nay chúng ta đang tu tập giai đoạn này, bắt đầu thực tập ở đâu? Trong môi trường sinh hoạt hàng ngày, học theo bốn đức trong tác phẩm Hoàn Nguyên Quán, tuỳ duyên diệu dụng. Tuỳ duyên là hằng thuận chúng sanh, không bảo chúng sanh tuỳ thuận ta mà ta tuỳ thuận chúng sanh, cái gì cũng tốt, không có thứ gì xấu, ta học được gì ở đó? Không chấp trước, việc này gọi là công phu chân chính, bản lĩnh, không còn những thành kiến, không còn phân biệt tốt xấu, nó được sản sanh từ tự tánh. Đó là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, vạn pháp nhất như, vạn cảnh nhất như. Nên biết Tịnh tông được gọi là đạo dễ thực hiện. Điều này những vị tổ sư ngày xưa thường dạy, được nói khi so sánh với tám vạn ba ngàn chín trăm chín mươi chín pháp môn còn lại. Cổ nhân có cách nói như thế này, trong tám vạn bốn nghìn pháp môn, tịnh độ là pháp môn đặc thù, nằm ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn đó, pháp môn đặc thù, môn đó được gọi là dư đại đạo. Trong cuốn này, Niệm Lão cũng liệt Tịnh tông vào một trong những tám vạn bốn ngàn pháp môn, bởi thế ngài nói còn lại tám vạn ba ngàn chín trăm chín mươi chín pháp môn, chúng ta thấy điều thú vị khi những đại đức cổ xưa nói, ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn này được gọi là dư đại đạo, thực là một việc hiếm gặp!

“Vì nó là điều dễ duy nhất nên gọi là dễ thực hiện”. Có nghĩa là tất cả tám vạn bốn ngàn pháp môn đều không dễ, sao lại nói không dễ? Nó đòi hỏi phải cắt đứt phiền não, đó là điểm khó, chúng ta không cắt được. Trong lúc đó pháp môn Tịnh độ không đòi hỏi cắt đứt phiền não, mà chỉ cần điều phục phiền não, bắt phiền não lắng dịu xuống, giống lấy đá đè cỏ, chỉ cần đè nó xuống là được. Cắt là gì? Nhổ bật cả gốc rễ lên gọi là cắt, vậy mới khó, quá khó! Đá đè cỏ, đá là gì? Nam mô A di đà Phật, đó là đá, dùng nó để chặn cỏ lại. Cũng có nghĩa là, chúng ta khởi tâm động niệm, khi niệm đó bắt đầu nổi lên, ta lập tức tìm đến Phật A di đà, chuyển nó thành Phật A di đà, không để cho niệm đó phát triển, phình to ra. Bất luận thiện niệm hay ác niệm, chỉ cần nổi lên, liền dùng câu A di dà Phật ấn nó xuống, tất cả đều đưa về A di đà Phật. Bởi thế pháp môn niệm Phật là pháp môn vi diệu, thù thắng, không gì sánh bằng. Tập khí phiền não nặng nề trong con người phàm phu, làm sao có chuyện không nổi niệm? Nếu không khởi niệm thì đã trở thành Thánh nhân, người phàm không làm được. Bởi thế cổ đức hướng dẫn chúng ta: Không sợ niệm khởi mà chỉ sợ giác chậm. Giác chậm là gì? Quí vị đã tạo nghiệp, niệm đầu tiên nổi lên, niệm thứ hai là Phật A di đà, là không tạo nghiệp, như thế mới gọi là biết niệm Phật, niệm Phật như thế mới có tác dụng, không thể không hiểu. Vì thế một hành giả niệm Phật thực thụ không phải mỗi ngày niệm được bao nhiêu danh hiệu Phật, không phải cái đó mà quan trọng là tâm thanh tịnh, giữ tâm thanh tịnh. Tâm niệm nào nổi lên liền dùng danh hiệu Phật A di đà đè nó xuống. Khi niệm không nổi lên nữa thì danh hiệu Phật cũng không cần nữa, hết chuyện rồi, mọi việc đã khôi phục như cũ. Khởi niệm là niệm Phật, niệm như thế lâu ngày thì công phu mới sâu, tâm thanh tịnh hiển bày, tâm bình đẳng hiển bày, niệm cho đến đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Niệm cho đến đắc định, đây gọi là sự nhất tâm bất loạn, niệm cho đến khai ngộ, đó gọi là lí nhất tâm bất loạn. Lí nhất tâm bất loạn có cùng cảnh giới tương đương với đại triệt đại ngộ của Thiền tông, đại khai viên giải của giáo môn, tất cả đều đạt đến cõi Thật báo trang nghiêm.

Đoạn tiếp theo: Nếu bàn đến thực chất, như trong phẩm này đã nói rõ, thì nên biết chuyện vãng sanh không hề đơn giản. Đây là một sự thực, trong phẩm này, đã được đề cập trong tam bối vãng sanh, nói cho chúng ta việc vãng sanh thế giới Cực lạc, đó là sự thực. Sau khi đọc xong, quí vị mới hiểu, đấy không phải là một việc dễ thực hiện, dễ so với tám vạn bốn ngàn pháp môn, bởi vì tám vạn bốn ngàn pháp môn đòi hỏi cắt đứt phiền não, còn đây là pháp môn không đòi hỏi như thế, nên gọi là dễ. Song điều phục phiền não như thế nào? Nếu không điều phục được thì cho dù quí vị có niệm Phật cả đời cũng không thể vãng sanh. Bởi thế, đới nghiệp là đới nghiệp cũ chứ không đới thêm nghiệp mới. Ta có thể mang theo phiền não đã tạo trong kiếp trước, nhưng kiếp này, những phiền não trước lúc vãng sanh, đặc biệt là niệm cuối cùng, niệm cuối cùng trước khi lâm chung là danh hiệu Phật, quí vị phải mang theo. Nếu niệm sau cùng khi lâm chung không phải là Phật A di đà, thì quí vị không mang gì đi được. Vẫn phải tùy nghiệp mà luân chuyển, cũng có nghĩa là tiếp tục luân hồi trong sáu đường.

Sau khi mất, con người sẽ đi đâu? Nghiệp lực nào mạnh nhất sẽ kéo anh ta đi đầu thai. Vì sao sau khi con người mất lại đoạ làm súc sanh? Vì họ không phân biệt phải trái, ngu si, không có trí tuệ. Sao có người chết rồi lại đoạ vào cõi quỉ đói? Vì lòng tham họ nặng quá, tuy họ không đến nỗi không phân biệt phải trái, nhưng mỗi suy nghĩ của họ đều nghĩ đến việc chiếm đoạt. Có người sau khi chết liền rơi vào địa ngục, vì tâm sân hận, đố kị, báo thù của họ nặng quá, những người như thế sau khi chết sẽ rơi vào địa ngục. Có người sau khi chết được sanh làm người. Cõi người là gì? Lòng giữ luân thường nghiêm túc, mỗi niệm họ đều không quên luân thường đạo đức, mỗi niệm đều nghĩ đến hiếu, để, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, họ sẽ trở lại làm người. Mỗi niệm đều từ bi, mỗi niệm đều muốn làm mười điều thiện, những người như thế sau mệnh chung sẽ được sinh lên cõi trời. Tất cả đều do tâm niệm sau cùng. Chúng ta thử nghĩ xem, tâm niệm sau cùng của chúng ta là gì? Điều này rất quan trọng, nắm chắc tâm niệm sau cùng, chắc chắn sẽ được vãng sanh Tịnh độ, phải một lòng cầu sanh thế giới Cực lạc, không thể không hiểu vấn đề này, điều này có liên quan đến kiếp sau của ta, không được sai lầm dù chỉ nhỏ bằng sợi tơ. Mỗi ngày chúng ta phải rèn luyện bản thân, rèn luyện những gì? Dùng câu A di đà Phật để điều phục phiền não, nuôi nó thành thói quen. Làm sao niệm lúc cuối cùng trước khi lâm chung phải là Phật A di đà, như thế mới thành công.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây. Hết tập 390